

THÍCH BẢO LẠC
THÍCH NHƯ ĐIỂN

Hương Lúa
Chùa Quê

Hồi Niệm Tuổi Thơ



**HƯƠNG LÚA
CHÙA QUÊ**



HƯƠNG LÚA CHÙA QUÊ

THÍCH BẢO LẠC & THÍCH NHƯ ĐIỂN

Viên Giác Tùng Thư - Đức Quốc

Xuất bản lần thứ nhất: 2013

Tái bản cho ấn bản trên mạng điện tử: Tháng 5/2019

Tái bản qua United Buddhist Publisher, Hoa Kỳ: Tháng 5/2019

Trách nhiệm: Nguyên Đạo

Hiệu đính và layout: Nguyễn Minh Tiến

Bìa: Thiện Hạnh Vũ Ngọc Minh & Nguyễn Minh Tiến

ISBN-13: 978-1-0917-6267-1

ISBN-10: 1-0917-6267-8

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

THÍCH BẢO LẠC & THÍCH NHƯ ĐIỂN

*Hương lửa
chùa quê
(Hồi niệm tuổi thơ)*

*Tái bản lần thứ nhất
Có sửa chữa và bổ sung hình ảnh*



2019

NỘI DUNG

PHẦN I: Hồi ký của Hòa thượng Thích Bảo Lạc

Về thăm xứ Quảng (thơ)	11
1. Tiếng khóc mẹ hiền.....	13
Tần tảo nuôi con.....	13
Thương yêu chồng con hết lòng.....	15
Giống Phật chớm nở.....	20
Dáng đạo sĩ.....	21
Sinh hoạt Gia Đình Phật Tử.....	23
Cuộc thám du còn mang nhiều dấu ấn	24
Đánh bạo xin cha mẹ đi tu	25
Nước mắt mẹ hiền.....	27
Trốn gia đình xuất gia.....	28
Đi về hướng nào.....	31
Ba thái độ đi chùa của Phật tử xưa nay.....	33
2. Nếp tu hành	37
Một thời hành điệu	39
Huynh đệ đồng chúng	41
Bậc thầy mô phạm	43
Tu tập hành trì.....	44
Chế độ ăn uống của tăng ni sinh	47
Mộng ước tuổi thơ.....	48

3. Linh Ứng chùa tôi.....	55
Sắc tứ Linh Ứng tự	63
Danh lam cổ sát	65
Việt Nam danh lam thắng cảnh	66
Di sản văn hóa quốc gia	68
Non nước thời nay	69
4. Đời vân thủy	75
Xuôi về phương nam	77
Đời sống của một tăng sinh	78
Theo nghiệp bút nghiên	89
Dấu chân nhà giáo	91
5. Giống nhau giữa hai huynh đệ.....	93
Sự giống nhau giữa hai huynh đệ.....	95
- Tiếng nói	96
- Dáng dấp	97
- Cùng xuất gia năm 15 tuổi	98
Tôn thờ cùng lý tưởng	101
Cùng môn phái Chúc Thánh	103
Xuất ngoại du học.....	108
Sinh hoạt với Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam	110
Không xem nhẹ giờ tu tập, công phu không bỏ	115
Dịch kinh, viết sách	117
Lập 2 Trung Tâm Tu Học	120
Ở hai quốc độ	124
6. Chí hướng	127
Kiến lập đạo tràng:	128
Hoằng pháp - độ sanh	136
Độ người xuất gia:	139
Quy y cho Phật tử.....	144
Năm thứ 2000.....	146
Một kiếp mong manh	152

7. Nguyện Ước	163
Bầu trời cao rộng	173
Trưởng dưỡng đạo tâm	186
Nhập dòng pháp lạc	189
Thu sang (<i>thơ</i>)	194
Sách cùng tác giả, dịch giả	195

PHẦN II: Hồi ký của Hòa thượng Thích Như Điển

❖ Tuổi thơ.....	199
❖ Mốc thời gian.....	227
❖ Xuất gia học đạo	235
❖ Hương Lúa Chùa Quê	267
❖ An Cư, Thọ Giới	283
❖ Những ngôi chùa nổi tiếng tại Hội An.....	299
❖ Xa Hội An.....	329
❖ Tạm biệt Sài Gòn	353
❖ Đại học Nhật Bản	371
❖ Trở lại Việt Nam	385
❖ Trở lại chùa xưa	401
❖ Lời cuối.....	421
Cùng một tác giả	429
Gới thiệu sơ lược các tác giả	433

PHẦN II.

*Hồi ký
của Hòa thượng
Thích Như Điển*



Tuổi thơ

Đất nước Quảng Nam trong hiện tại có nhiều người ngoại quốc biết đến là nhờ có phố cổ Hội An và Mỹ Sơn. Đây là hai địa phương trong lúc chiến tranh ít có người nhắc đến, nhưng vào thời bình, đã có rất nhiều người vãng lai. Đứng về phương diện lịch sử thì đã có nhiều người biết, nhưng đứng về phương diện địa lý cũng như địa linh nhân kiệt thì quả là Quảng Nam có nhiều điều đáng nói, trong đó có hai địa danh này.

Từ năm 1600 đến năm 1640 của biển Hội An luôn có thuyền buôn tấp nập đến từ Nhật Bản, Trung Hoa, Ấn Độ và xa hơn nữa như: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hòa Lan, Pháp, Ý v.v... Vì lẽ Chúa Nguyễn ở Đàng Trong chủ trương tự do mậu dịch; trong khi đó vua Lê chúa Trịnh ở Đàng Ngoài sợ áp lực của Trung Quốc nên ngoại giao với chính sách bế quan tỏa cảng.

Từ đó đến nay suốt trên dưới 400 năm lịch sử đã có không biết bao nhiêu người đến và cũng có không biết bao nhiêu người đã ra đi và cũng không ít những người đã nằm xuống tại thành phố này. Có những ngôi chùa được xây lên và cũng đã có không biết bao nhiêu thành trì bị đập phá. Cũng có lắm trường học được tân trang trên những ngôi chùa cổ của Chiêm Thành còn sót lại một vài di tích cũ.

Hội An nằm bên bờ sông Thu, chảy ra cửa Đại. Vì vậy Hội An là cái đích để cho bên lở bên bồi và thành phố này cũng đã phải hứng chịu không biết bao nhiêu thiên tai, lụt lội và bão táp, mưa sa. Thế nhưng ngày nay Hội An vẫn còn đó với những mái ngói rêu phong cổ kính được lợp theo lối âm dương theo người nhà Minh bên Trung Quốc. Vì lẽ cư dân ban đầu đến đây là những người chạy tỵ nạn nhà Thanh

(1640) và mong phục hồi lại nhà Minh, nên những gì tốt đẹp của nhà Minh, người Trung Quốc tỵ nạn tại thành phố này đều giữ gìn rất cẩn mật.

Dòng sông Thu Bồn bắt đầu từ thượng nguồn của dãy Trường Sơn, mang phù sa đến bồi đắp cho các làng dọc suốt một chặng đường dài trước khi đổ ra cửa Đại. Dòng sông này ngày nay đã đi vào thi ca và lịch sử. Sông không sâu nhưng cũng đủ để cho trẻ mục đồng ngạo nghễ dắt trâu qua lại đến giữa dòng. Mùa mưa nước đổ xuống từ thượng nguồn đã khiến cho dòng sông trở nên hung dữ. Chính sông này đã nuôi sống không biết bao nhiêu con người, mà chính dòng sông này cũng đã mang theo không biết bao nhiêu sinh mạng của người và vật khi những cơn lụt tràn về.

Mỹ Sơn nằm về mạn Bắc của Cầu Chìm và Hòn Non Trục. Đây là địa danh và là kinh đô cổ nổi tiếng của người Chăm vào thế kỷ thứ 10 đến 16. Vua Trần Nhân Tông gả Huyền Trân Công Chúa cho Chế Mân vào cuối thế kỷ 13, có lẽ nàng đã về làm dâu tại cố đô này. Sau khi rước dâu về nước, Châu Ô và Châu Lý mới được sát nhập vào nước Đại Việt của chúng ta. Do vậy kinh đô này đã nổi tiếng một thời qua mối tình Chiêm Việt cách đây 700 năm ấy.

Ngày nay Mỹ Sơn cũng chỉ còn lưu lại dấu vết của những thành quách đã đổ nát, nhưng đã vang bóng một thời. Bây giờ nếu có ai đó tìm lại chốn này cũng chỉ để nhớ thương cho một thời dĩ vãng đã trôi qua trong ngậm ngùi thương tiếc. Vì người xưa bây giờ đâu còn nữa.

Tổ Tiên tộc Lê của tôi có lẽ đã từ Thanh Hóa hay Nghệ An vào đây lập nghiệp từ thuở xa xưa ấy và làng nơi tôi được sinh ra nằm tại ấp Mỹ Hạc, xã Xuyên Mỹ, quận Duy Xuyên thuộc tỉnh Quảng Nam ngày nay. Địa phương này nằm gần Quốc lộ 1 và ở vị thế trung gian giữa Mỹ Sơn và phố cổ Hội An nên vấn đề giao thông cũng rất thuận lợi.

Ngày xưa chắc nơi này còn trống vắng, chim hạc về nhảy múa, quây quần, nên những người di dân đến đây đặt cái tên nghe thật hay, vì có sự hiện hữu của loài chim quý ấy chẳng? Tên thôn đã đẹp mà tên xã cũng đẹp nữa. Vì nơi đây có con sông Thu Bồn uốn khúc; nên gọi là xã có dòng sông đẹp và xã này là 1 trong 18 xã của quận này, chung quanh bao bọc bởi sông nên gọi là Duy Xuyên. Ông bà mình ngày xưa khi đặt tên địa phương thường hay chọn những danh từ tượng trưng hay tượng thanh để đặt và ngay cả tên người cũng vậy. Đây có lẽ là cái chất phác của nhà nông đã sản sinh ra những tâm hồn thật thà như vậy.

Tôi ra đời tại nơi đây vào năm 1949. Thời điểm này mới sau khi chấm dứt Đệ nhị Thế chiến mấy năm (1945) và đây cũng là thời gian tranh giành của các Đảng Phái để đến năm 1954 quê hương tôi lại bị chia đôi vào ngày 20 tháng 7 ở vĩ tuyến 17, nơi sông Bến Hải hiền hòa kia. Quê hương tôi đã nhiều lần bị chia cắt ở sông Gianh, sông Bến Hải và cũng đã được thống nhất nhiều lần, nhưng lòng người ở hai miền bị chia cắt và mỗi lần thống nhất lại với nhau như thế lại nghi kỵ cũng như tìm cách thôn tính, sát phạt nhau. Đây là nỗi đau thương của dân tộc, mà con người phải nhận lấy hậu quả ấy.

Chung quanh nhà tôi ở có vườn và bao bọc vườn có ruộng. Vườn dùng để trồng rau cải cung cấp nuôi dưỡng cho gia đình. Nếu rau cải dư, nhỏ đem ra chợ đầu làng bán để đổi lấy mắm, muối, cá tôm. Trong vườn nhà có trồng cau, trầu, bí, bầu, mướp, đậu. Trong vườn có thêm chuồng trâu bò và heo gà nữa. Thỉnh thoảng gà vịt cũng hiện hữu trong khung cảnh của một nhà nông ở miền quê.

Nước uống được lấy từ giếng. Nước này dùng để nấu ăn, tắm giặt và chùi rửa. Thức ăn đã có gạo, bắp, cây trái quanh năm nơi vườn nhà cung cấp.

Ruộng có hai loại. Đó là ruộng cao và ruộng thấp: Ruộng

cao dùng để trồng khoai lang, sắn, bí, bầu, đậu, rau. Ruộng thấp dùng để trồng lúa và cho nước vào để nuôi sống cây lúa, chờ cho đến ngày trở dòng dòng, kết thành bông, thành trái và chờ ngày lúa chín vàng thì gặt đem về phơi khô để cho vào vựa hay vào lu. Người ta làm ruộng rất công phu. Ngày xưa không có máy móc thì dùng sức người và sức trâu bò là chính. Đây là sức lực để xới lên những luống đất đã bị bỏ hoang, cỏ mọc um tùm. Sau khi cày xới lên rồi, người ta phải làm cho đất nhuyễn lại và bón phân vào. Tiếp đến hạt giống được trãi vào đây và chờ ngày cho hạt giống ấy nảy mầm, sau đó bón phân và tỉa lá v.v...

Trong khi đất thấp phải cho nước vào để cày, rồi bừa; khiến cho đất nhuyễn ra và người ta đem mạ cấy trồng vào nơi những thửa ruộng đã chứa đầy nước và phân này. Độ một tháng sau là lúa đã bắt đầu xanh. Có nhiều loại lúa 3 tháng đã có thể gặt được; nên gọi là lúa Ba Trăng. Có nhiều loại lúa cần thời gian lâu hơn; nhưng ngày nay có những loại lúa trồng trong một thời gian rất ngắn đã có thu hoạch rồi.

Nhà tôi không nghèo mà cũng chẳng giàu. Vì trong nhà không có người giúp việc. Tất cả mọi công việc đều do cha mẹ và các anh chị tôi đảm trách. Nếu ngày mùa đến, trong làng hay làm việc theo cách vắn công với nhau; nghĩa là ngày hôm nay nhà này có cấy lúa thì mấy người chị đến cấy giùm cho họ và ngày sau nhà mình cấy lúa thì những người mà ngày trước mình đi cấy, họ đến nhà mình cấy để trả công trở lại. Đây gọi là cấy vắn công; không tính đến tiền bạc. Không biết ngày nay sau bao nhiêu biến thiên của thời đại và lịch sử công việc nông tang của những ngày xa xưa ấy có còn giữ lại chẳng hay đã vang bóng một thời?



Nhà thờ tộc Lê tại làng Mỹ Hạc, Xuyên Mỹ, Duy Xuyên

Nhà nông mỗi năm có 2 mùa mưa nắng. Mùa nắng họ lo cày bừa gặt hái. Mùa mưa họ lo ươm tằm dệt lụa, chằm nón, hái rau và làm những nghề phụ nhẹ nhàng khác, nhằm tăng thêm phần thu hoạch cho gia đình. Có một lần nào đó tôi đã viết về “chiếc nón bài thơ” đã có lần đăng trên báo Viên Giác và sau này có đăng vào trong tuyển tập truyện ngắn kỷ niệm 25 năm chùa Viên Giác. Đây là kết quả của những công việc không tên lúc tôi còn nhỏ đã phụ giúp gia đình.

Gần xã Xuyên Mỹ là xã Xuyên Châu; nơi dệt lụa và nuôi tằm rất nổi tiếng. Lụa Mã Châu là lụa có tiếng từ xưa đến nay. Nơi đây cũng đã ghi lại dấu chân của người học sĩ tài ba Lê Thanh Hải, sau này đi xuất gia có pháp hiệu là Thích Tâm Thanh. Quê tôi nghèo hơn nhiều quận lỵ khác; nhưng được cái là giàu phước và giàu đức; nên trong làng tôi có đến 50 người đi xuất gia; ngày nay đa phần là Hòa Thượng, Thượng Tọa, Sư Bà, Ni Sư. Riêng gia đình tôi đã có hai vị Hòa Thượng. Nếu kể luôn cả những xã lân cận trong quận thì con số xuất gia khó tính hết được. Vào ngày 27 tháng 10 năm 2012 vừa qua, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và tôi đã về

Chiangmai, Thái Lan để dự lễ khánh thành ba tôn tượng Tây Phương Tam Thánh tại chùa Cự Lạc Cảnh Giới do Thầy Hạnh Nguyên trụ trì; chúng tôi đã tạo ra một cơ hội thứ 2 để sum họp gia đình (lần thứ nhất vào năm 2010). Lần này chỉ 100 người và lần trước có cả 200 người đến từ Việt Nam tham dự; trong đó những thành viên 4 đời của gia đình gần 100 người và 100 người còn lại kia là quý Thầy Cô và bạn bè đến từ quê hương xứ Quảng. Lần này cháu Lê Văn Sinh phát biểu rất hay, đại ý như thế này:

“Có người nằm mơ, sáng hôm sau trở thành triệu phú; nhưng ít ai có thể nằm mơ để một sớm một chiều mà trong một gia đình đã có hai vị Hòa Thượng đang nổi tiếng một thời.”

Câu nói tuy đơn sơ mộc mạc; nhưng phải trải nghiệm qua một thời gian dài hành đạo trên dưới 50 năm mới có được ngày hôm nay như vậy. Hòa Thượng Thích Bảo Lạc xuất gia từ năm 1957 đến nay 2013 là 56 năm và tôi xuất gia từ năm 1964 đến nay là 48 năm. Gần nửa thế kỷ ấy, chúng tôi là những người xuất thân từ quê hương xứ Quảng này và chính quê hương Xuyên Mỹ thân thương ấy đã có lần Thầy Hiệu Trưởng trường Tiểu Học tại đây tên là Phan Thế Tập pháp danh Như Thế đã có bài thơ rằng:

*Xuyên Mỹ ơi! chiều nay ta nhớ lắm
Nhớ Mỹ Đình xanh biếc những hàng cau
Nhớ Mỹ Nga chạy dài bên ruộng lúa
Nhớ Mỹ Xuyên vườn tược muôn màu
Ta về đây! Ta về thăm Xuyên Mỹ
Thăm những nàng chằm nón tuổi đôi mươi
Da trắng, mắt xanh miêng mãi tươi cười
Tâm hồn đẹp trong thân hình trắng kiện...*

Chỉ ngần ấy vần thơ cũng đã diễn tả được trọn vẹn hình ảnh của quê hương tôi của những ngày tháng thanh bình rồi.



Bên trong nhà thờ tộc Lê

Thời gian từ năm 1949 đến đến năm 1958 tôi không thể mừng tượng nổi việc gì đã xảy ra với chính mình. Khi hỏi lại anh chị tôi, thì chẳng có người nào có thể kể lại mạch lạc việc gì cả. Có lẽ thời gian đã trôi qua quá lâu và việc nông tang, đồng áng chồng chất lên hai vai người nông dân xứ Quảng nên chẳng ai muốn để ý đến việc gì của tuổi thơ, dầu cho đó là của mình hay của những người thân trong gia đình mình đi nữa.

Thời gian tôi nhớ rất rõ là kể từ năm 1956 đến nay. Thuở ấy tại làng Mỹ Hạc có một ngôi trường vách bằng phen tre. Mái lợp rạ, có 3 gian dùng để dạy học. Trường này nằm ngay nơi vị trí cây Duối; nên gọi là trường Cây Duối. Cây Duối không phải là cây Đa mà cũng chẳng phải là cây quít, cây mận. Hình ảnh cây Duối không lớn như cây đa, mà cũng chẳng nhỏ như cây quít. Lá màu xanh, cành chen với lá và đến mùa cho quả vàng, lũ học trò nhỏ chúng tôi rất vui khi nhặt những quả này để cho vào miệng; nhưng ở dưới cội Duối này người ta hay đem những bình vôi sứt miệng để vào đó và nhiều người bảo rằng: Nơi ấy linh thiêng lắm; nên bọn nhỏ

chúng tôi chẳng ai dám leo trèo lên thân cây Duối, mà chỉ đứng chung quanh để hái quả mà thôi.

Cha tôi sắm cho tôi một bình mực và một cây bút rông (rond), một quyển tập và dẫn tôi đến trường. Hôm ấy là một buổi sáng mai mùa thu năm 1956. Thầy giáo dáng người thấp, tóc hớt ngắn gọn, tuổi độ 18, 20. Ông tên là Trịnh Đức Hoàng. Những ngày đầu ông ta nói gì chúng tôi không rõ, mặc dầu đều là tiếng Quảng Nam. Thầy người xã An Bình vào đây dạy học. Thuở ấy tôi chẳng biết ai trả lương cho Thầy, nhưng chúng tôi thì chỉ có bề chăm lo học tập. Đầu tiên Thầy viết lên bảng mấy chữ cái: a, b, c, d, đ rồi bắt chúng tôi lặp lại. Sau đó tập viết và tập học thuộc lòng. Những ngày đầu lũ trẻ chúng tôi chỉ thích chơi và ít ham học, cho nên Thầy cho về sớm và ngày 2 buổi chúng tôi vẫn cắp sách đến trường như vậy, bất kể là mưa nắng. Ngày trời mưa Mẹ tôi cho tôi một cái tờ chằm bằng lá núi để đi học. Cái tờ có 2 cánh tay xỏ vào và ở xa trông như một con gà con mới vừa mọc cánh; nhưng rất ấm; nếu có gió lạnh từ phương xa thổi đến. Sau này mới có áo mưa làm bằng nylon, chứ ngày ấy bọn học trò chúng tôi toàn mang những chiếc áo tờ được chằm bằng lá rừng ấy.

Từ vẫn đơn đến vẫn kép, từ vẫn xuôi đến vẫn ngược... cả năm 56 - 57 ấy chúng tôi đã học xong năm dự bị và cũng còn gọi là lớp Năm của thời ấy. Niên khóa sau 1957-1958 tôi được lên trường Mỹ Hiến để học lớp Tư cũng do Thầy Trịnh Đức Hoàng dạy. Niên học ấy tôi chẳng biết mình đã học được những gì; nhưng chỉ nhớ có mấy việc như sau:

Việc đầu tiên là con đường từ nhà đi qua mương nước, đi quanh qua nhà chị Hai; sau đó qua một bãi tha ma; đến một quán bán lẻ và cuối cùng mới đến trường. Trường bấy giờ được xây bằng gạch và có 4 bức tường ngăn mưa gió; không như trường Cây Duối của năm học vừa qua. Cái ngán của tuổi thơ là sợ ma khi đi ngang qua dãy mồ hoang vắng ấy. Nếu lúc đó có trẻ con nào nghịch ngợm làm ma để nhát, chắc

hòn vía tôi cũng sẽ chạy đi chơi nơi khác rồi. Cũng hên là chẳng có trò nào làm việc ấy.

Thấy lũ bạn uống chai xá-xi màu tím tím, xanh xanh phát thèm mà chẳng có tiền để mua. Cứ đứng đó mà nhìn. Chẳng bù lại với ngày nay, có không biết bao nhiêu là nước giải khát; nhưng đâu có uống hết được thứ nào!

Còn trò chơi thuở ấy, lũ học trò của chúng tôi bẻ những cây keo để làm que, còn trái keo dùng để ăn; nhưng rất hôi miệng. Cầm một nộm que và một hòn sỏi thả lên để đếm hơn thua. Ngoài ra trò nhảy dây và chơi đòn gánh cũng là những môn quen thuộc thuở bấy giờ. Đứa nào hay đội nào thua thì phải cống đội thắng đi một hay ba vòng. Thế là huê.

Cuối năm 1956 tất cả chúng tôi đều được lên lớp và được dời lên Trường Tiểu Học Xuyên Mỹ ở tận trên Miếu Cây Kén, cách nhà chừng một cây số đi bộ. Niên khóa năm 1958-1959 tôi học lớp Ba; năm 1959-1960 học lớp Nhì và năm 1960-1961 học lớp Nhất. Các lớp này do Cô giáo Cửu, Thầy Nhuận, Thầy Tải và Thầy Phan Thế Tập dạy.

Thông thường các Trường Tiểu Học thuở ấy chỉ học có buổi sáng và buổi chiều thì học trò giúp việc đồng áng cho gia đình. Những môn học được dạy nơi này là: Toán, tập đọc, văn, công dân giáo dục, sử, thể thao v.v... Chương trình học không khó lắm; nhưng tôi thì học dốt vô cùng. Vì lẽ về nhà không có người kèm thêm. Tất cả đều tự học; nên cuối năm tốt nghiệp Tiểu Học ấy tôi đứng hạng gần chót trong số 36 học sinh lúc bấy giờ. Tự nhiên cũng chẳng buồn, vì chẳng nghĩ đến tương lai là gì và phải cần những gì nữa; nên học xong về nhà xếp vở lại để đó.

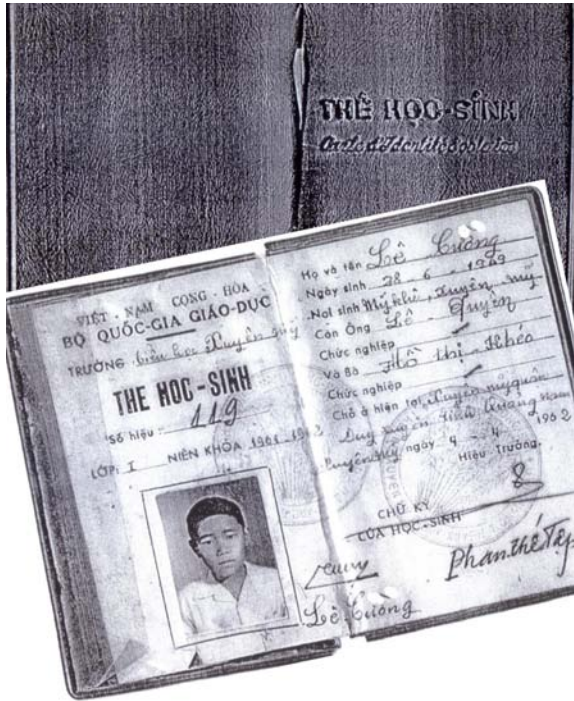
Trong những năm học tại Trường Tiểu Học Xuyên Mỹ này tôi có quen thân với hai người bạn tên là Nguyễn Thông và Phan Đức Lợi; nhưng nay thì hai người này cũng không còn trên dương thế nữa để chuyện trò. Phan Đức Lợi sau khi tốt

ngiệp Tú Tài II ở Việt Nam, sang Nhật Bản du học vào năm 1970. Năm 1972 khi tôi sang Nhật có gặp Lợi một hai lần. Sau năm 1975 chúng tôi không còn gặp nhau nữa vì chính kiến khác nhau. Bẵng đi một thời gian không liên lạc, sau đó nghe Thông cho biết là Lợi đã bị bệnh gan và đã qua đời tại Nhật cách đây độ 10 năm về trước. Đây là một người bạn thuở ấu thơ vẫn còn ghi đậm dấu ấn, ân nghĩa nghìn trùng.

Người thứ hai là Nguyễn Thông, sau khi xong Trung Học tại miền Trung, Thông vào học Đại Học Vạn Hạnh ở Sài Gòn; đến năm 1975 tốt nghiệp phân khoa báo chí, sau ra làm cho báo Saigon Times; nhưng cách đây 2 năm Thông đã quy y Tam Bảo với Pháp danh là Nguyên Minh và cũng đã ra người thiên cổ với tuổi đời chỉ mới 62 lúc ấy để lại một vợ và hai con, trong khi con đường công danh còn rạng rỡ. Quả thật duyên và nghiệp, tốt và xấu... cuộc đời này luôn có nhiều mặt khác nhau. Không ai ngờ được mà cũng chẳng ai tránh được bởi hai chữ vô thường.

Giờ này có nhắc đến hai bạn thời còn học Tiểu Học thuở xa xưa tại làng quê Xuyên Mỹ tôi chỉ nhớ đến gương mặt hiền từ của hai bạn mà thôi. Rồi đây kể trước người sau, ai rồi cũng phải bước qua chiếc cầu sanh tử ấy cả.

Dưới những tàng cây phượng vĩ trở bông vào hè nơi mái trường Tiểu Học Xuyên Mỹ ngày ấy đã để lại trong tôi không biết bao nhiêu là dấu ấn của tuổi thơ. Thuở ấy đọc và viết được chữ quốc ngữ là một hãnh diện cho gia đình và cả làng xóm nữa. Cho nên sau Tiểu Học có nhiều người đã tiến vào Trung Học, là những cánh cửa đang đợi chờ họ và mang đến cho họ một tương lai rực rỡ hơn. Còn tôi có lẽ có nhân duyên với cửa chùa; cho nên chùa chiền vốn là nơi quen thuộc để tôi lui tới.



**Thẻ học sinh Tiểu học năm 1962,
bên ngoài bìa vẫn còn dùng tiếng Pháp**

Thuở thanh bình của những ngày tháng có trăng rằm và không trăng như mông một Gia Đình Phật Tử Hà Linh thường sinh hoạt; tôi theo Dĩnh là đứa cháu lớn trong nhà để tập tễnh vào sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử này. Chùa Hà Linh nằm gần Quốc lộ 1. Từ nhà tôi, muốn đến đây phải trải qua một cánh đồng bát ngát toàn là những ruộng lúa và bí khoai. Ngày nay Chùa Hà Linh vẫn còn đứng sừng sững đó với gió sương và ghi lại không biết bao nhiêu là chứng tích của lịch sử. Nào là chiến tranh đổ nát thời chinh chiến: Nào là vị Hội Trưởng này qua đời, vị Hội Trưởng kia kế nhiệm. Chùa cũng đã cung thỉnh các vị Cao Tăng đại đức từ Tỉnh Hội về đây làm lễ quy y truyền giới cho hàng trăm, hàng ngàn Phật Tử và thuyết pháp cho họ nghe để họ trở nên những người lương thiện. Chùa cũng đã nuôi dưỡng những tâm hồn trẻ thơ và nay

có những người trở thành Hòa Thượng, Sư Bà... Nơi đây đã sản sinh ra không biết bao nhiêu con người như vậy.

Vì là chùa quê, không có bánh trái nhiều vào những ngày rằm hay mùng một; nhưng tôi nhờ theo Mẹ đi chùa từ tấm bé; nên hình ảnh của ngôi chùa, lòng từ bi của Đức Phật đã thấm nhuần trong từng hơi thở, từng giọt máu của mình. Dầu cho nhân thế có đổi thay qua bao nhiêu triều đại; nhưng chính hình ảnh ngôi chùa này là hình ảnh của dân tộc tôi đã cưu mang và che chở cho dân mình qua không biết bao nhiêu là chặng đường của lịch sử. Chùa không đứng bên này hay bên kia, mà đứng lên trên và đứng ra ngoài mọi tranh chấp của đời thường. Vì lẽ tính dân tộc không mang màu sắc này hay màu sắc khác mà hồn thiêng ấy chỉ có hun đúc từ bi, lòng vị tha, chứ không dung chứa một thói tật nào.

Nếu tôi không nhờ Cha và Mẹ hướng dẫn cho đi chùa làng từ thuở nhỏ thì mình đã không có ngày hôm nay được sống dưới sự chở che của mái nhà Phật Pháp như thế này. Chính tinh thần ấy, sự sống này đã gói trọn tình quê trong tôi, dầu đi đâu hay sống bất cứ nơi nào trên quả địa cầu này. Đi đến đâu và ở đâu, hình ảnh ngôi chùa xưa là một chất liệu dưỡng nuôi cho tâm thức mình trên vạn nẻo đường trần.

Từ khi đi Oanh Vũ của Gia Đình Phật Tử Hà Linh, rồi lên ngành Thiếu cho đến ngày đi xuất gia, tôi đã thuộc khá nhiều bài hát như: Trai Đoàn Áo Lam.

*Trai đoàn áo lam tiến bước lên đường
Nhịp nhàng theo gió sớm về ngát hương
Tâm hồn sáng tươi chứa chan niềm vui
Đem bao chí cường nguyện ca đạo thiêng ...*

Hay bài :

*Một hôm (một hôm) mùng một đến chùa
Em đi (là đi) với Mẹ mua vài hoa sen*

*Đến chùa (đến chùa) dâng cả hồn em
Lên trên (là trên) Đức Phật lòng em chí thành
Nhịp kinh (nhịp kinh) vang dậy trong lòng
Hòa theo (là theo) tiếng mõ chuông đồng vang đưa
Mối tình (mối tình) mền cảm khi xưa
Còn ghi (là ghi) trong dạ trẻ thơ tâm thành
Cầu xin (cầu xin) Phật Tổ ban lành
Từ bi (là bi) gia hộ con thành trẻ ngoan
Từ rày (từ rày) con bỏ chơi hoang
Và chuyên (là chuyên) đi học đoàn con vui vầy ...*

Hay bài : Dòng A Nô Ma

*Dòng A Nô Ma sóng nhấp nhô bờ lau xanh
Nhìn dòng nước biếc, Thích Ca Ngài lòng vững bền
Thôi con hãy về để ta vui ánh vàng
Ta đã quyết tìm đạo sáng cứu chúng sanh
A Nô Ma vẫn còn khắc ghi gương sáng ngời
Chúng ta giờ đây nguyện theo Đức Từ Bi*

*Thành Ca Tỳ La sống yên vui đời Tịnh Vương
Người người vui sướng Thích Ca Ngài vừa giáng trần
Muông chim hát mừng lá hoa hương ngát trời
Muôn hào quang ngời rạng chiếu khắp núi sông ...*

Rồi “dây thân ái”, “Chị Trưởng chúng em” v.v... có thể tôi không còn nhớ mạch lạc được nữa; nhưng những bài hát như vậy đã ăn sâu vào tâm thức của tuổi thơ tôi lúc nào chẳng biết, qua hình ảnh chiếc áo lam của Gia Đình Phật Tử, hình ảnh chiếc áo nâu của các vị Tăng Sĩ v.v... tất cả là những hình ảnh đẹp để mang tôi vào Đạo sau này.

Vào ngày mồng 8 tháng 2 âm lịch năm 1957, anh trai tôi (sau này là Hòa Thượng Bảo Lạc) trong đêm khuya đã trốn

nhà đi ra Chùa Non Nước để xuất gia. Thuở ấy tôi mới 8 tuổi Tây (9 tuổi ta); cái tuổi chưa biết gì nhiều; nhưng khi nghe cha mẹ và các anh chị khóc lóc, cố đi tìm cho ra dấu vết, sau khi đọc những bức thư của anh để lại thì mới biết rằng người anh thứ bảy ấy không còn ở lại với gia đình nữa. Năm đó anh 15 tuổi. Quả thật là một điều lạ với xóm làng. Vì thuở ấy trong làng tôi chưa có ai đi tu cả; ngoại trừ Sư Bà Diệu Tâm, nhà ở bên trên đường mương nước gần nhà. Gặp ai tôi cũng bị hỏi, nhưng thuở ấy tôi đâu biết ý nghĩa của việc đi xuất gia là gì.

Năm 1960 Thầy Hiệu Trưởng Phan Thế Tập cưới vợ tại Hà Mật. Thế là cả bọn học sinh lớp Nhất của chúng tôi do Văn Công Huấn và Thu hướng dẫn đi dự đám cưới của Thầy. Thuở ấy Thầy còn trẻ lắm. Chắc hơn 20 tuổi là cùng. Cô Nga là con gái nhà giàu, sánh vai cùng Thầy Hiệu Trưởng là một danh giá của gia đình và đám học trò chúng tôi là hình ảnh để hỗ trợ Thầy trong lễ cưới ấy.

Thời gian trôi qua chẳng biết là bao lâu; có lẽ cũng trên dưới gần 30 năm. Bỗng một hôm tôi nhận được thư Thầy gửi từ Việt Nam qua Đức và nhờ tôi giúp đỡ cho con trai của Thầy là Phan Quốc Bửu đang du học tại Tiệp sang Đức để tiếp tục con đường học vấn sau ngày bức tường Bá Linh sụp đổ (ngày 9.11.1989). Kể từ đó, Thầy trò lại có cơ duyên hàn huyên tâm sự với nhau và lúc nói chuyện điện thoại hay viết thư, chúng tôi luôn nhắc đến hình ảnh của ngôi trường Tiểu Học Xuyên Mỹ thuở nào.

Một ngày đẹp trời của 20 năm về trước, Thầy và Cô đã đến chùa Viên Giác Hannover. Cô đã tự động xin quy y với tôi và tôi cho Pháp danh là Thiện Tánh. Riêng Thầy Hiệu Trưởng Phan Thế Tập đã quy y với Thầy tôi và Sư Phụ tôi cho Pháp danh là Như Thế. Phan Quốc Bửu cũng đã quy y Tam Bảo và tôi cho Pháp danh là Thiện Kim. Sau khi được ty nạn và vào quốc tịch Đức cũng như tốt nghiệp Đại Học Hannover, Bửu



Bàn thờ phụ mẫu thờ tại nhà người anh thứ tư

đã cùng vợ con sang Hoa Kỳ để làm việc và nay đang định cư tại San Jose. Quả thật trái đất tròn. Chẳng ai ngờ được một việc gì cả. Việc ấy tôi đã chẳng đợi chờ; nhưng đã đến. Đồng thời cũng có lắm việc trông mong chờ đợi nhưng chẳng đến bao giờ.

Tôi đề nghị Thầy Phan Thế Tập nên lập một quỹ học bổng cho trường Tiểu Học Xuyên Mỹ. Bây giờ thì trường xưa đã bị chiến tranh thiêu hủy rồi. Chỉ còn lại tên gọi thôi; nhưng con em của bạn bè ngày xưa còn lại khá đông; nên giúp đỡ những em này. Thế là Thầy Bảo Lạc và tôi đã bắt đầu cho quỹ học bổng khiêm nhường mỗi năm 300 - 500 đô la cho mỗi lần phát. Lần đầu phát vào ngày 22 tháng 3 âm lịch, nhắc lại ngày qua đời của thân mẫu chúng tôi vào năm 1966. Lần thứ hai phát vào ngày 28 tháng 6 nhằm vào sinh nhật của tôi. Tính cho đến năm 2012 này là đúng 20 năm như vậy. Địa điểm phát học bổng luôn luôn thay đổi. Lúc thì ở nhà của Sửu, của Hùng, của Đàng. Lúc thì nhà từ đường họ Lê; lúc thì trường Tiểu Học mới v.v... Đây là cơ hội để cho con em của Cựu Học Sinh Xuyên Mỹ cố gắng vươn lên. Ngoài ra sau này

Thầy Tập còn đề nghị tôi phát cho học sinh trường Trần Quý Cáp tại Hội An nữa.

Mỗi năm vào ngày mồng 3 hay mồng 4 Tết âm lịch các anh chị em cựu học sinh trường Tiểu Học Xuyên Mỹ còn tổ chức buổi hội ngộ chung vui để thể hiện tinh thần “tôn sư trọng đạo” nữa. Một gói quà nhỏ gửi đến Thầy Tập, Thầy Nhuận, Thầy Tải, Thầy Hoàng... là những hình ảnh thật đơn sơ; nhưng đã gói ghém tình nghĩa Thầy trò từ những năm 1956-1961 cho đến nay... Chừng ấy thời gian trôi qua, bấm đốt tay tính nhẩm lại cũng đã trên 50 năm rồi. Cô Cửu đã ra đi; nhưng những Thầy khác vẫn còn có mặt nơi dương thế, để nhìn mặt cháu con mình thành tựu trên con đường học vấn, để kế tục mái trường xưa.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2012 vừa qua tại chùa Cực Lạc Cảnh Giới tự ở Chiangmai, Thái Lan, cũng đã diễn ra một cuộc họp mặt gia đình lần thứ 2 thật đầm ấm sau hơn 40 năm xa xứ của Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và tôi. Đặc biệt có 8 người bạn học cũ từ những năm tháng còn học Tiểu Học thuở thiếu thời cũng đã đến đây thăm viếng. Đây cũng là một chuyến đi lịch sử từ Việt Nam qua Lào, rồi từ Lào qua Thái Lan và trở lại Việt Nam cũng bằng xe Bus. Thế mà mọi người đều vui vẻ như ngày hội lớn. Bây giờ bạn bè ai cũng đã hai ba thứ tóc trên đầu; có người đã có cháu nội, cháu ngoại lớn khôn; nhưng khi nhắc lại những trò chơi thuở nhỏ như đánh bi, bắn dây thun... ai nấy cũng đều noãn miệng cười.

Không biết khi con người giàu có về tiền của, họ sống sung sướng trên những món ăn cao lương mỹ vị, vợ đẹp con ngoan như thế nào; nhưng giàu tình người, giàu lòng tri kỷ, sự giúp đỡ lúc cần thiết, tấm lòng cho quê hương... đối với tôi là quan trọng vô cùng. Mình có thể hy sinh, chịu sự thiếu thốn thiệt thòi; nhưng nếu những ai cần đến mình thì mình không thể chối từ được. Đây là niềm vui của tôi khi được giúp đỡ họ. Nếu không có họ thì mình đâu có cơ hội để làm phước

giúp đời và giúp người. Nhờ họ mà lòng từ bi của tôi mới có cơ hội phát triển thêm. Xin cảm ơn Thầy Tập và cảm ơn những người bạn của thuở thiếu thời.

Con cháu của họ sẽ là những người có trình độ học vấn cao hơn cha mẹ chúng thuở xa xưa; nhưng chắc rằng cái tình ấy càng cao hơn nữa; khi chúng nghĩ về những bậc cha ông, có được những con người đã biết hy sinh để cho chúng ăn học nên người như vậy.

Trong làng tôi có nhiều nhà thờ họ tộc như tộc Hồ, tộc Văn Công, nhưng chưa có nhà thờ tộc Lê. Giữa làng có một ngôi miếu thờ Thần và mỗi năm tại đây có hai kỳ xuân thu tế lễ. Trong làng chọn người tuổi cao và đạo đức ra đứng làm chánh bái. Thông thường cha tôi là người được mời làm việc này. Ông khăn đóng áo dài chỉnh tề và trước khi vào lễ trở lên 3 hồi chiêng trống để nghinh thần. Bên tả và hữu đều có hai người phụ lễ đứng đó sẵn và mỗi khi xướng lên như:

Hưng bái (mọi người cùng đứng lên lạy xuống)

Chước tửu (rót rượu)

Giai quỳ (đồng quỳ xuống)

Mọi người đều thể hiện sự kính trọng vị thần làng như thế; còn bọn nhỏ chúng tôi chỉ đứng chơi xớ rớ đầu đó, chờ người lớn sai vặt cái gì thì chạy để lấy công. Cuối cùng rồi cũng được những nắm xôi hay quả chuối cúng thần. Thế mà chúng tôi lấy làm đặc ý lắm. Vì ngày thường họa hoàn lắm, bọn con nít chúng tôi mới có được những ân huệ này.

Cha tôi sinh năm 1898 và mất ngày mùng 9 tháng 7 năm 1986. Ông thọ 89 tuổi, quy y với Thầy Như Vạn, trụ trì chùa Phước Lâm Hội An với Pháp danh là Thị Tế. Ông là người thuộc thế hệ cũ, giỏi cả chữ Nho lẫn chữ quốc ngữ. Tôi được sinh ra vào năm 1949; nghĩa là khi ông gần 50 tuổi, tôi là người con út trong gia đình được ra đời. Ông có dáng người



Ông LÊ QUYÊN
pháp danh THỊ TẾ
Sinh năm Mậu Tuất (1898)
Mãn kiếp Ta-bà, xả thân tứ đại
ngày 14 tháng 08 năm 1986 tại Việt Nam.
tức mùng 09 tháng 07 năm Bình Dân.
Thượng thọ 89 tuổi.

An táng tại Tổ Đình Phước Lâm, Hội An, Quảng Nam

khỏe mạnh, hình như chẳng đau ốm ngày nào. Ông hay bốc thuốc Nam để cứu giúp người bệnh, xem ngày lành tháng tốt để gả cưới hay ma chay. Khi tôi còn nhỏ, nhớ có lần có người mượn ông đi “soi môi”, ông nhận lời; thế là cầm đuốc qua sự khai khiến của người khác, chạy đến nơi khác tìm người chết đã thất lạc. Tục lệ này đã có từ ngày xưa, mà ngày nay người ta gọi là những nhà ngoại cảm. Thời gian có khác đi và hình thức cũng không giống nhau; nhưng nội dung chỉ để tìm cho ra những người bị chết mà hồn phách, mồ mả không còn trọn vẹn.

Sau khi chúng tôi đi xuất gia, trong làng cũng trọng vọng tuổi cao của ông; nên ông đã có giai đoạn được bầu làm Khuôn Hội Trưởng chùa Hà Linh trong nhiều năm khi chùa này chưa có Tăng Sĩ trụ trì.

Hình ảnh đẹp nhất của ông mà tôi nhớ rõ là ông cặp dù đi thăm nuôi tôi ở tù vào mùa hè năm 1966 khi đã xuất gia tại Hội An. Thuở ấy là thuở “bàn Phật xuống đường” và phong trào “Thanh niên quyết tử” đang bị hoạn nạn qua việc kêu gọi của Hòa Thượng Thích Trí Quang.

Ông đứng tần ngần trước trại giam mà lòng tôi quặn thắt, khi mình còn ở tuổi 17, chưa làm được gì cho Đạo, cả cho Đời. Ông rơm rớm nước mắt chào già từ và biết rằng con mình mặc dù đi tu; nhưng vẫn còn nằm trong vòng lao lý.

Đến mùa hè năm 1974 khi tôi từ Nhật về thăm quê lần cuối, cũng là lần cuối gặp ông, để năm 1986 ông đã nằm xuống mà ngay cả Thầy Bảo Lạc và tôi cũng đã chẳng hiện diện được trước quan tài.

Còn Mẹ như một vầng trăng rằm không bị một áng mây che. Mẹ là tất cả. Khi con đau ốm, khi đói ăn, khi đi học. Tất cả đều do Mẹ làm người hướng đạo. Không có Mẹ, tôi sẽ không biết đi chùa; không có Mẹ tôi sẽ không có cơ hội ăn chay và không có Mẹ, tôi đã không trở thành người xuất gia sau này. Ca dao, tục ngữ, văn học Việt Nam đã viết về Mẹ

rất nhiều rồi. Thiết tưởng tôi không cần nhắc lại nhiều ở đây nữa. Ở đây tôi chỉ muốn nhắc lại người Mẹ của mình; người Mẹ của đồng quê, nắng cháy; người Mẹ của quê tôi cày lên sỏi đá; người Mẹ mà một nắng hai sương tần tảo nuôi con, muốn cho con cái khôn lớn, đã chẳng đòi hỏi nhận lại một điều gì. Dầu cho điều ấy nhỏ nhất đi chăng nữa. Trên đời này có lắm người Mẹ như thế. Thỉnh thoảng cũng có những người Mẹ ở ngoài vòng tay với của các con; nhưng những người Mẹ như thế rất hiếm hoi trong đời này.

Trong vườn nhà tôi có nhiều khoảnh đất trồng; nơi đó là giang sơn của Mẹ. Mẹ trồng rau tần ô, ngò, cải bẹ xanh, rau diếp cá, tía tô, rau ngò gai, đậu đũa, đậu ngự v.v... quanh năm suốt tháng, lúc nào tôi cũng thấy Mẹ chăm bón mảnh vườn nho nhỏ xinh xinh ấy, giống như chăm bón đời sống tâm linh của mình. Hết nhỏ cỏ lại bỏ phân vào gốc; hết tưới nước lại bắt sâu v.v... Khi rau lên cao, Mẹ lại cắt rau đem ra chợ làng quê để bán. Thuở ấy tôi không còn nhớ rõ là chợ họp mấy ngày trong tuần; nhưng có ngày chợ đông lắm. Trong làng ai có thứ gì mang ra thứ đó để đổi chác, mua bán với nhau. Hầu như chẳng có thứ gì đắt giá, đa phần là nón lá, chuối, mít, ổi, đu đủ và rau trái vườn nhà. Thịt thà và cá mắm cũng có; nhưng đây là xa xỉ phẩm của quê tôi. Hình như chỉ những ngày lễ trọng đại trong năm, họ mới bày bán những thứ ấy tại chợ làng quê này. Bây giờ mỗi lần hình dung lại làng quê ấy, bên cây đa chợ Đình, lòng tôi lại bồi hồi xúc động, chẳng nói lên được lời.

Những ngày rằm, mồng một tôi theo Mẹ đi chùa và chính đây là cái nhân để sau này đi xuất gia học đạo. Ôn của Mẹ ngoài công sinh dưỡng ra, Mẹ đã cho con cả một bầu trời đạo pháp, rộng rãi thênh thang vô cùng tận, không có biên giới nào cản ngăn cả. Bây giờ ở tuổi 64 tôi mới thấm thía những ý nghĩa này. Cái ý nghĩa thâm sâu ấy, người ta không thể dùng lời nói để diễn tả, chỉ có thể cảm nhận mà thôi.

Mẹ tôi thuộc thế hệ cổ xưa, bà sinh năm 1908, kém cha tôi 10 tuổi. Bà mất năm 1966, lúc ấy bà mới 58 tuổi, còn tôi thì đã xuất gia được 2 năm, từ năm 1964 tại Hội An. Ngày ấy chiến tranh rất tàn khốc ở miền quê, vào ban đêm thì mặt trận về, bắt dân phải đi học tập. Còn thanh niên thì đào hầm trú ẩn. Ban ngày thì lính quốc gia đi tuần, bắt dân phải lấp hết những hầm hố ấy lại. Rõ là cảnh khổ của người dân, phải sống trong vùng xôi đậu như thế. Mỗi ngày một nắng hai sương đã đành, nay lại còn hai thể chế khác nhau sống chung trong một đất nước, khiến cho con người lại càng khổ tâm hơn nữa. Tất cả những khó khăn, người dân phải lãnh hết; còn những cấp lãnh đạo ngồi tại Sài Gòn, Hà Nội, nào ai có biết đến thân phận của người dân là gì?

Tôi nhớ rất rõ, hôm đó chuẩn bị làm tuần 49 ngày cho anh trai thứ sáu của tôi, đi Nhân dân Tự vệ bị chết. Trên đường đi về từ chùa Phước Lâm đến chợ Cẩm Hà, đối diện với tôi là xe chở thương từ trạm Nam Phước trở đến. Có người nhận diện ra tôi, nên đã báo tin rằng Mẹ tôi, Bác tôi đã qua đời vì quả đạn pháo kích tối hôm qua nả từ cầu Cầu Lâu vào nhà ông Trợ. Thế là có nhiều người bị thương và hai người chết. Trong xe chở thương này có cả chị thứ năm của tôi nữa. Ôi! Một nhà tang thương, biết nói thế nào cho hết nỗi khổ của nhân sinh đây. Tôi lặng người, sau khi đã khóc hết nước mắt để tiễn đưa Mẹ vào nơi chốn vĩnh viễn nghìn thu. Hôm đó là ngày 27 tháng 3 âm lịch năm 1966. Thầy Bảo Lạc ở Sài Gòn không về được, tôi chỉ một mình đưa tang Mẹ; mà sau này Thầy Phan Thế Tập, cựu Hiệu Trưởng trường Tiểu Học Xuyên Mỹ thuở bấy giờ đề nghị lấy ngày mất của Hiền Mẫu tôi làm ngày trao giải thưởng do Hòa Thượng Thích Bảo Lạc từ Úc gửi tặng, cho đến nay cũng đã 20 năm rồi.

Khi còn sống Cha cày bừa, Mẹ cấy lúa và làm vườn. Còn tôi tuổi nhỏ chỉ biết đi học và họa hoàn lấm khi Mẹ nhờ lúc nhỏ tóc bạc, lúc nhặt sạn trong gạo, lúc cho lúa vào cối xay

hay theo Mẹ đi chợ v.v... tất cả đều cũng được trả công xứng đáng, khi thì cây cà-rem, lúc thì một nắm xôi bắp v.v... Tất cả đều có điều kiện.

Lúa miền quê có nhiều loại, nhưng đa phần ngày xưa người ta cấy ruộng thấp, phải cho nước vào để nuôi cây lúa. Sau một hay hai tháng, người ta phải làm cỏ cho lúa; đến khi lúa trở đòng đòng người ta lại phải xịt thuốc trừ sâu. Hương thơm của mùa lúa trở rất ngọt ngào; nhất là những đêm trăng rằm khi chúng tôi có dịp đi sinh hoạt Gia Đình Phật Tử băng qua những ruộng lúa này. Chung quanh những đám ruộng ấy có bờ đê quanh co đầy cỏ mọc. Trẻ mục đồng có thể cắt cỏ này về cho trâu bò ăn trong những ngày không có cây bừa.

Chùa Hà Linh là một trong những ngôi chùa cổ của quê tôi được bao bọc bởi những ruộng lúa như thế. Tuổi thơ của tôi cũng được bao bọc quanh mình bằng tình yêu thương của cha mẹ và anh chị em trong gia đình. Vì vậy, hình ảnh ngôi chùa, làng quê, bụi chuối, lũy tre làng v.v... luôn ẩn hiện bên tôi, mặc cho tôi có thời gian sống ở thị thành nhiều hơn gấp ba hay bốn lần thời gian sống tại nơi chôn nhau cắt rốn ấy. Tôi vẫn là một đứa bé hạnh phúc; bởi vì chung quanh mình đều đầy đủ, không thiếu thốn bất cứ một loại tình thương yêu nào.

Thú vui của tuổi thơ ngoài việc bắn bi, đánh cờ gánh ra, còn có thú vui chăn trâu hay chăn bò nữa. Nằm ngửa hay nằm sấp trên lưng trâu để trâu gặm cỏ; hay trâu trở về chuồng là một niềm vui khó tả. Tôi ngửa mặt lên trời để đếm từng cụm mây bay qua. Có khi là một ông tiên râu bạc; có lúc có hình ảnh của Đức Quán Thế Âm. Đôi khi lại hiện ra một vài hình thù kỳ dị... tất cả là một trò cút bắt. Thoạt hiện ra đó rồi thoạt mất đó. Không có áng mây nào nhất định cả. Tất cả đều di động và thay đổi vô chừng. Thuở ấy tôi đâu biết rằng đường đời cũng ngang dọc, dọc ngang như những cụm mây kia, khi nổi khi chìm. Nếu ai thông dong tự tại như những cụm mây

kia thì cuộc đời của họ có muôn vàn màu sắc. Ngược lại, nếu ai đó chỉ dừng lại ở một nơi chốn nào, thì cuộc sống kia bị giới hạn; giống như những đám mây xanh trắng kia bị cơn gió lốc chặn đường, khiến chúng tan ra từng mảnh nhỏ, rồi tìm cách hợp hợp tan tan... trong khung trời vô định ấy.

Thú vui tuổi thơ của tôi thuở ấy là cỡi bò lội nước trong những con lụt lội. Con bò thường sợ nước; nên chúng bươn vội đến đồi cao; trên đồi cao ấy tụ hợp không biết bao nhiêu là đế nhủi, chuồn chuồn, châu chấu ngay cả những con bọ hung to tướng, hình thù xấu xí và khi nhìn thấy những cái cày màu đen to lớn của chúng, chúng tôi lại có ý ngại ngùng.

Bò lúc nào cũng chỉ tìm đến cỏ. Thỉnh thoảng mới quơ trộm lúa xanh dọc đường; nhưng nhiệm vụ của kẻ chăn bò là không cho bò ăn bậy, để bị những nông dân khác quở mắng. Khi lớn khôn và nhất là lúc xuất gia học đạo, tôi xem 10 cách chăn trâu, cũng giống như chăn tâm mình thôi. Vì tâm vốn không có bờ ngăn cách. Bò cũng vậy, nếu không khéo chăn bò thì không thể nào chăn tâm mình được.

Sau này vào đời, chăm lo cho thân mình hay nuôi dạy đệ tử, tôi cũng đã ứng dụng phép chăn bò của tuổi ấu thơ ấy, thế mà được việc. Tôi quan niệm rằng mỗi con ngựa, mỗi con trâu hay mỗi con bò, chỉ có một dây cương, một dây mũi. Ngựa hay trâu bò chỉ theo một người điều khiển duy nhất để nó có thể đi tới, đi lui, quẹo qua phải hay trái v.v... trong một lúc, nếu có nhiều người cùng điều khiển thì ngựa, trâu hay bò không biết hướng nào mà đi. Việc lãnh đạo quân chúng cũng giống như vậy. Tôi đồng ý thay đổi người lãnh đạo nếu cần nhưng không đồng ý trong lúc người lãnh đạo đang cầm cương lại có nhiều người khác muốn hướng dẫn, vì như vậy thì con ngựa kia chẳng biết đường nào mà đi.

Gia đình tôi có cha mẹ và 8 anh chị em gồm 5 trai, 3 gái. Người chị cả năm 2012 này đã 85 tuổi. Tôi là út mà cũng đã

64 tuổi rồi. Nghĩa là trung bình trong 3 năm, cha mẹ tôi cho một người con ra đời. Chị Hai, chị Ba và chị Năm, anh Tư, anh Sáu, anh Bảy (tức Hòa Thượng Thích Bảo Lạc), anh Tám và tôi thứ chín. Trong hiện tại tôi chỉ còn 2 chị và 2 anh. Hai anh trai và một chị gái đã qua đời do chiến tranh và bệnh tật.

Chị Hai tôi dáng người trung bình, lấy chồng lúc 20 tuổi. Nay chị đã 85, 86 tuổi rồi. Cái tuổi của quên lãng, cái tuổi của con cái, cháu chắt đầy nhà; nhưng chồng chị đã mất sớm và chị phải lo cho một đại gia đình như vậy. Chị đi lấy chồng, thỉnh thoảng ngày Tết, ngày giỗ gi bên nhà cha mẹ tôi, chị mới dẫn con cái về. Đa phần theo nghề nông, đầu tắt mặt tối với công việc một nắng hai sương. Nhớ có lần sau khi đi xuất gia rồi, trở về thăm quê, tôi tìm lên nhà để thăm chị; nhưng được biết chị đi cắt rau muống để ngày mai ra chợ bán. Tôi lặn lội tìm đến đám rau chào hỏi và thăm chị. Chị lặng lẽ lặn tay vào lưng quần lấy ra một cuộn giấy bạc cuốn tròn và đếm mấy tờ 10 đồng tặng cậu Chín. Hình ảnh ấy đã gần 50 năm rồi nhưng tôi vẫn nhớ mãi. Nhớ để ghi lại hình ảnh của một người chị nhà quê dân dã, chất phác, hiền lành, hầu như rất ít nói. Thỉnh thoảng có gì cần chị mới có ý kiến mà thôi.

Năm 2003 tôi có đón chị, anh Bốn, chị Năm và vợ anh Sáu sang Đức thăm, lần ấy gặp vào ngày 28 tháng 6, là sinh nhật của tôi. Tôi nói chị kể lại lúc nhỏ tôi như thế nào, thì chị bảo rằng: “Thầy kể đi!” Kể làm sao được khi tôi mới sinh ra? Thế là chị em cùng cười. Lúc tôi sinh ra, chị đã đi lấy chồng được một hai năm rồi. Và lại người nhà quê, ít ai muốn nhắc lại chuyện xưa, dầu cho chuyện ấy có tốt đến đâu đi nữa; cho nên gọi họ là những người sống giản dị là vậy. Giản là đơn giản, tỉnh lược, sơ sài. Dị là dễ dãi, dễ dàng. Họ sống không cầu kỳ mà rất thật thà, chất phác. Bây giờ thì lưng chị đã còng nhiều, đứng đi đều phải nhờ đến con cháu, cái bệnh, cái chết cũng đã đến gần kề. Tôi khuyên chị nên cố gắng niệm

Phật, ngày rằm tháng giêng năm Quý Ty vừa rồi chị đã ra đi vĩnh viễn ở tuổi 86.

Chị Ba thì lấy chồng xa, tận cầu Câu Lâu và chỉ sinh được một cháu gái, đến năm 1954 chồng đi tập kết; chị sống như vậy để nuôi con và sau khi đưa con gái đi lấy chồng, chị vẫn sống như vậy cho đến ngày qua đời, cách đây mấy năm về trước.

Anh chị Bốn năm nay đã 80 tuổi, nghề nghiệp chính là thợ mộc. Anh chị có nhiều con cháu và nay ở tuổi về chiều lo tu niệm cũng như chăm sóc nhà thờ tộc Lê trong những ngày giỗ quải và kỵ cúng ông bà. Mới đây vào ngày 27/10/2012 chúng tôi có tổ chức cho gia đình, con cháu qua Chiangmai, Thái Lan sum họp lần thứ hai, cả anh chị đều có mặt. Mặc dầu tuổi lớn như vậy, ngồi xe bus từ Việt Nam qua Lào, rồi qua Thái. Đi về cả 4 ngày 2 đêm; nhưng hai ông bà vẫn còn khỏe mạnh. Đó cũng là cái phước của gia đình.

Lần này, sau hơn 40 năm Hòa Thượng Bảo Lạc và tôi mới gặp lại người anh rể thứ Năm. Trông anh nhỏ thó so với ngày xưa, nhưng rắn chắc, vì là người nhà nông. Chắc tuổi anh cũng đã gần 80 rồi. Cháu nội của anh có đứa tốt nghiệp đại học. Đây cũng là niềm vui của gia đình vậy. Chị Năm bây giờ bệnh hoạn, nên lần này chị không tháp tùng cùng gia đình được.

Người anh thứ Sáu đã mất từ năm 1966 và người chị dâu, vợ của anh ở vậy nuôi con cho đến con cái trưởng thành.

Người anh thứ Bảy là Hòa Thượng Thích Bảo Lạc. Người anh thứ Tám sinh năm 1945, cũng chính năm tản cư của Đệ nhị Thế chiến. Anh đã mất khi mới một tuổi.

Người cuối cùng trong gia đình là tôi. Đúng là “giàu út ăn, khó út chịu”. Gia đình tôi không giàu cũng chẳng nghèo, nghĩa là một nhà nông thuộc hạng trung lưu của quê hương xứ Quảng. Nếu Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và tôi không nhờ được ánh sáng Phật Pháp thì cũng đã chẳng có được ngày hôm nay.

Năm 1957, sau khi Hòa Thượng Bảo Lạc đã xuất gia tại chùa Non Nước một năm, gia đình cha mẹ tôi đón xe đò đi Đà Nẵng, dừng ghé qua Non Nước để thăm Thầy. Chùa Linh Ứng là nơi Cố Hòa Thượng Thích Trí Hữu trụ trì và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc tu học ở đó cho đến năm 1960. Cũng nhờ những chuyến đi thăm ông anh tu tại đó mà tôi có ý hướng vọng về đời sống tu hành sau này. Từng điểm nhỏ như thế, những giọt nước mới tạo nên đại dương và trong đại dương kia không thể thiếu những giọt nước ban đầu này.

Tâm Bồ Đề của tuổi thơ khó khơi dậy nếu không có những thuận duyên trong cuộc sống. Do vậy, trợ duyên trong 37 phẩm trợ đạo là những điều kiện căn bản vô cùng khi ai đó muốn gửi trọn cuộc đời vào chốn thiên môn.

Nhà tôi thuở ấy ba gian một mái, lợp ngói và phía dưới là nhà bếp dùng cho sinh hoạt của gia đình như nấu nướng, ăn uống, xay lúa, giã gạo, chằm nón, sàng trấu v.v... Đây là một bức tranh rất sinh động của nhà quê trong lúc quê hương đất nước thanh bình.

Bên cạnh nhà tôi có nhà anh Cọng, là anh em chú bác ruột và xa xa kia là nhà của Bà Bác Soạn. Bác là chị dâu của cha tôi và khi Bác trai mất, Bác ở vậy nuôi anh Vĩnh và anh Cọng nên người. Bác không tái giá. Ngày 27/3/1966 Bác đã cùng với Mẹ tôi bị tử nạn và ngày nay hai bà vẫn được giữ chung trong một ngày.

Anh trai đầu Lê Văn Vĩnh, con của Bác, sau Đệ nhị Thế chiến đi vào Bồng Sơn ở Bình Định, lập nghiệp, cũng như cưới các vợ kế tại đó. Mỗi năm có giỗ quải, anh lại dẫn vợ con về thăm quê một lần để giới thiệu với bà con dòng họ. Ngày nay mặc dầu anh đã qua đời; nhưng con cháu anh vẫn về quê Mỹ Hạc để thăm viếng người thân. Trong số các cháu nội ngoại của anh, có nhiều cháu đã tốt nghiệp đại học.

Gia đình anh Cọng có 6 người con gồm 5 trai, 1 gái. Con

đầu của anh học chung Tiểu Học với tôi một lớp nhưng sinh năm 1950 và nay đã vắng sinh ở tuổi dưới 60. Những người em khác của Cọng như: Phát, Sinh, Cương, Nhị, Phụ nay đã có cháu nội ngoại và con cháu của các gia đình này đều tốt nghiệp đại học, đang sinh sống tại Bình Long, mặc dầu các con của anh chị Cọng vẫn theo nghề thợ mộc.

Trước đây chừng 15 năm, từ quê hương xứ Quảng, anh Bốn tôi có gởi thơ cho Hòa Thượng Bảo Lạc và tôi muốn xây dựng một nhà Từ Đường họ Lê ở quê hương để thờ cúng ông bà. Tôi nghĩ rằng người đi xuất gia rồi, đâu cần phải làm việc ấy nữa; nhưng Hòa Thượng Bảo Lạc và tôi sau khi bàn bạc, cân nhắc kỹ lưỡng rồi mới ra điều kiện như sau:

Xây nhà Từ Đường thì được, nhưng ở phía Tiên phải thờ Phật và Hậu thờ Tổ. Đây là cái cốt của chúng tôi, để gia đình có giỗ quải không cúng mặn mà chỉ cúng chay thôi. Cuối cùng thì mọi người đã đồng ý. Từ đó Hòa Thượng Bảo Lạc lo bảo trợ, xây dựng nhà Từ Đường họ Lê ở Mỹ Hạc, xã Xuyên Mỹ, quận Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Còn tôi lo bảo trợ giúp đỡ cho việc xây dựng nhà Từ Đường họ Lê tại Bình Long, thuộc Miền Nam Việt Nam cả hai ngôi Từ Đường này đều xây dựng lên với hình thức như một ngôi chùa.

Ngôi Từ Đường họ Lê tại miền Nam có sinh hoạt cho cả Gia Đình Phật Tử và những đêm 14 hay 30 âm lịch đều có tổ chức lễ Sám Hối cho cả đại gia đình cũng như cho những người Phật Tử đang định cư tại đó. Chúng tôi nghĩ rằng: Người dựng nước lã mà mình còn giúp đỡ được. Tại sao thân nhân, dòng họ lại không được giúp đỡ. Nghĩ cho xa hơn, nếu không có họ, thì đâu có mình ngày nay. Do vậy dòng tộc, thân quyến cũng là cái duyên trong bao đời, để ta mới có thể xuất gia học đạo được. Xa hơn nữa, khi nghĩ về Đức Phật và Chư Tổ cũng chưa có ai đi ra ngoài nguyên tắc này khi chúng ta vẫn còn hiện hữu nơi trần thế đầy pháp duyên sinh này cả.

Mốc thời gian

Tuổi trẻ thường không lo nghĩ gì nhiều về tương lai, vì nghĩ rằng mình còn nhiều thì giờ, hơi đâu mà vội. Thời kỳ sau Tiểu Học là thời kỳ cha mẹ hay định liệu cho mình là nên đi học nghề hay tiếp tục con đường đèn sách. Chính tuổi trẻ cũng là tuổi “gần trời xa đất”, ngược lại với tuổi già mà người ta thường hay nói “gần đất xa trời”. Người còn ít tuổi xem trời cao bao nhiêu cũng muốn với tới, nên ý hướng ấy đã rất gần trời rồi, trong khi đó thì hai chân không đứng vững nơi mặt đất. Đến khi tuổi già gần kề, người ta không dám lia mặt đất để đi lại, mà hay bám sát vào đất để giữ thăng bằng, vì cái chết sẽ mang ta vào lòng đất lạnh. Người già không sợ bất cứ một cái gì, chỉ sợ không nâng nổi hai bàn chân lên để đi trên tam cấp, chẳng bù với lúc còn trẻ, bay nhảy, chạy trốn mộng mơ trên con đường danh vọng vốn hão huyền này.

Về hai chữ thời gian, chữ *thời* (hay *thì* - 時) trong chữ Hán gồm hai phần. Đó là bộ *nhật* (日) bên trái và chữ *tự* (寺) bên phải. Chữ *tự* (寺) lại gồm hai phần là bộ *thổ* (土) ở trên và chữ *thốn* (寸) ở dưới. Hai phần này ghép lại thành chữ *tự* (ngôi chùa). Chùa là nơi công phu, kinh kệ, tu tập của Tăng Ni diễn ra hàng ngày đều đặn, không sai trái, không bỏ sót như ánh mặt trời ngày hai buổi lên xuống tỏa chiếu khắp thế gian. Cả 3 phần như trên hợp lại gọi là *thời* (hay *thì*).

Còn chữ *gian* (間) cũng gồm hai phần. Đó là bộ *môn* (門) bên ngoài và chữ *nhật* (日) bên trong. Bộ *môn* tức là hai cánh cửa, cửa nhà hay cửa chùa. Khi ánh sáng mặt trời rọi chiếu vào cánh cửa này, tạo nên một không gian, một khoảng cách, cho nên gọi là *gian*.

Cả hai chữ *thời* và *gian* đều có liên hệ đến cửa chùa từ nghìn năm xa xưa. Đó vốn là văn hóa Á Đông của chúng ta, không ai chối cãi được điều đó.

Giữa năm 1961 đến tháng 5 năm 1964, ấy là mốc thời gian mà tôi vẫn còn sống với hương đồng cỏ nội, với ruộng vườn quê hương, với cha mẹ, anh em bạn bè và làng xóm. Trong thời gian này tôi theo học những nghề sau đây.

Trong nhà có ông anh thứ Sáu đi lính, nhưng có nghề hót tóc. Anh thấy tôi say mê nhìn ngắm người đến hót tóc, liền hỏi tôi nếu muốn học thì anh truyền nghề cho. Anh lý luận rằng: “Đầu là người có chức vị gì gì đi nữa, khi đến hót tóc đều phải để mình cầm tóc trên đầu họ mà hót, cho nên đây là một nghề rất cao quý. Em cố gắng học đi.” Tôi nghe anh nói quá có lý, nên theo anh đi hót tóc dạo mấy ngày ở các xóm khác. Nhưng rồi thấy nghề này tuy không tệ lắm, nhưng cũng chẳng có tương lai lâu dài, nên tôi không có ý tiếp tục học.

Những lúc đi sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử, tôi có trao đổi với một vài người bạn để chọn hướng tương lai cho mình, trong đó có Thạch, em của Ni Sư Diệu Nghĩa đang đi học thợ may tại trường Phan Sào Nam. Tôi đã xin cha mẹ cho tiền mua xe đạp để đạp theo sau Thạch và lên trường Phan Sào Nam học nghề thợ may. Trường này chỉ dạy chữ cho những học trò trung học đệ nhất cấp (từ đệ thất cho đến đệ tứ), nhưng ông Thầy dạy may mượn phòng học trống lúc các trò không học để dạy cắt may. Thuở ấy độ 10 người học; tôi có lẽ là đứa học trò nhỏ nhất và vì vào sau nên chẳng hiểu số đo nách, đo ngực, đo hông là gì, nên khi cắt quần áo, chỉ bằng giấy thôi, cứ sai hoài, thế rồi tự động bỏ học. Ông Thầy cũng chẳng thèm tìm hiểu người học trò tối dạ như tôi để làm gì.

Vì là con út nên tôi được nuông chiều, ít bị la mà muốn gì cũng được cha mẹ chiều ý. Trong khi đó, anh thứ Tư của

tôi đã lập gia đình nhưng vẫn còn ở chung với cha mẹ và đi làm thợ mộc với ông anh chú bác gần nhà. Nghề này thuở ấy thịnh hành lắm. Người ta cất nhà bằng gỗ mít hay gỗ sò, gỗ lim rất nhiều. Đây là sau thời kỳ Đệ nhị Thế chiến, không còn chiến tranh nữa; cũng là thời ăn nên làm ra nên người ta đua nhau xây dựng rất nhiều. Thế là cha mẹ bảo anh Bốn nên gởi tôi đi học nghề thợ mộc. Có lẽ “*bụt chùa nhà không thiêng*” nên anh tôi đem tôi gởi cho một ông thầy làm thợ mộc, có cả một hăng kinh doanh gỗ trên Hà Mật, tên là ông Ký. Mới đầu gặp ông ta, tôi ít có cảm tình. Vì thấy mắt to và hơi lãnh đạm. Chỉ có bà vợ và cô con gái là dễ gây thiện cảm.

Ngày hai buổi, sáng đạp xe đi, chiều đạp xe về để học nghề thợ mộc, không kể cuối tuần hay rằm, mồng một. Đầu tiên là học cưa cây. Ban đầu hai người cưa tay một khúc cây nhỏ; sau đó cưa dần đến những cây lớn có đường mực được nẩy vào đó. Ông bà mình có câu tục ngữ “*thẳng mực tàu*” dùng để chỉ cho sự mực thước và cái nghề đúng đắn này. Bình mực gồm một nắm dăm bào và mực là một lô bồ hóng từ trên trần nhà bấp lấy xuống để hòa chung với nước. Tất cả đều ngâm vào trong một cái bào kể cả sợi dây dùng để nẩy mực. Đầu dây mực có một hòn chì. Lúc muốn nẩy cho thẳng, người học nghề dùng đầu dây kia gắn cho thật chặt vào thân cây mít và đầu còn lại kéo thẳng lại phía sau. Sau khi nhắm tới nhắm lui đầu đó thì nẩy mực, tức là kéo sợi dây đang căng ấy ra rồi thả cho nẩy vào thân cây để in dấu một đường mực thẳng trên đó. Danh từ “*cầm cân nẩy mực*” có lẽ cũng xuất phát từ những hình ảnh này.

Nhiều lúc phải cưa những thân cây lớn và cứng quá, hai người học nghề chúng tôi để bên trên một bình nước; cưa đến đâu, nước nhỏ đến đó cho lưỡi cưa không quá nóng và dễ cưa hơn. Có khi, suốt một ngày như vậy hai người chỉ cưa được chừng 5 hay 7 mét cây là cùng, tùy theo độ dày mỏng của tấm ván.

Học cưa xong lại học bào. Người mình gọt trái cây hay bào gỗ cũng thường hay từ trong đẩy ra; trong khi đó người Âu Châu và người Nhật họ đẩy từ ngoài đẩy vào. Chỉ riêng việc này, nếu phân tích kỹ ra cũng thấy được mỗi dân tộc có một tập quán khác nhau. Đa phần các nước trên thế giới đều như thế. Chỉ có người Việt Nam là hơi khác mà thôi. Tôi chẳng biết tại sao; nhưng người Việt Nam mình hay giải thích đơn sơ là “xưa bầy nay làm” vậy thôi.

Ví dụ như đi học thì Thầy, Cô giáo bắt buộc học trò phải viết tay phải; nếu viết tay trái thì bị khẻ tay đau lắm, khẻ cho đến bao giờ người học trò ấy bỏ tay trái để dùng tay phải mới thôi. Ngày nay những ông làm lớn như Tổng Thống Mỹ Clinton và Obama đều viết tay trái. Thế mà mấy ông này đứng trên thiên hạ cả mấy tỷ người. Trong khi đó mình viết tay mặt nhưng chữ nghĩa văn chương cũng chỉ giới hạn có ngần ấy thôi.

Người Ấn Độ không ai cầm dao, nĩa tay trái để ăn, vì họ cho rằng tay trái rất dơ bẩn. Quan niệm này do tôn giáo gây nên ấn tượng. Do vậy đưa cái gì quan trọng mà đưa tay trái thì người Ấn Độ không làm. Vì tay này chỉ để rửa trôn, không nên ưu tiên hơn tay mặt. Tôi đã đi Ấn Độ nhiều lần và để ý thấy điều này là đúng. Nghĩa là cái gì thuộc về truyền thống, nó khiến cho người ta tuân phục như vậy; nhưng chắc gì đã hay?

Ví dụ như vấn đề giáo dục của Á Châu chúng ta từ ngày xưa và mãi cho đến ngày nay cũng vậy, người học trò chỉ học những cái gì từ Thầy Cô dạy, đi thi làm trúng đề thi là đậu. Trong khi đó, cái học của Âu Mỹ là cái học sáng tạo. Nghĩa là Thầy dạy cái gì mà người học trò muốn học, chứ không phải dạy những gì mà Thầy Cô muốn dạy. Xem ra giữa Đông Tây có quá nhiều sự khác biệt về phương pháp giáo dục. Cho nên cũng có nhiều triết gia nói bi quan rằng: “Đông Tây không bao giờ gặp nhau.”

Trong khi linh mục nhà thờ đứng làm lễ đại diện cho Chúa thì xoay ra; còn các vị sư luôn xoay vô Đức Phật để tìm lại Đức Phật của chính mình. Họ gọt táo từ ngoài đưa lưỡi dao vào bên trong mình; trong khi đó người Việt mình thì ngược lại. Họ đa phần đi bên trái còn mình đi bên phải. Họ ăn nĩa và muỗng; còn mình thì ăn đũa. Họ đi giày, mình đi dép. Họ chú trọng tư tưởng cá nhân; mình cho đó là ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa v.v... Thôi thì có cả hàng trăm, hàng ngàn thứ như vậy. Ngày nay may nhờ có khoa học tiến bộ, đời sống của con người có nhiều cơ hội để tiếp xúc với nhau; nên việc ngộ nhận ít đi dần và chính từ đó đã tạo ra sự thông cảm dễ dàng hơn giữa nhiều quốc gia trên thế giới.

Bào gỗ lớn rồi bào gỗ nhỏ. Sau một thời gian như vậy, ông thầy Ký bảo những lớp đàn anh lớn hơn chỉ cho tôi lấy thước kẻ để đo và đục nên những con mộng, sau khi đã bào được một chân ghế hay một chân giường; hoặc giả một chân bàn v.v... Kể ra thì tôi chẳng sáng dạ gì, chỉ được một chút dễ thương khi sai bảo, tôi không bao giờ chống chế lại, dầu cho việc ấy đúng hay sai, nên được nhiều người mến là vậy. Có khi tôi đóng được chiếc ghế dựa rồi đem ra đánh giấy nhám và đánh verni màu nghệ, trông cũng đẹp mắt, không thua gì lớp đàn anh mấy. Thỉnh thoảng tôi đóng được cái bàn; nhưng ông Thầy nheo mắt tỏ vẻ không hài lòng và hãy để cho ở nhà dùng. Khi đóng giường thì chỉ được phép làm chung với những người học nghề lâu hơn.

Nghề thợ mộc có lẽ là nghề tôi học lâu nhất; ít ra cũng trên một năm trời. Nghĩa là từ giữa năm 1963 đến tháng 5 năm 1964. Thời gian này là thời gian tôi đi chùa đều đặn và cũng là thời gian Phật Giáo tranh đấu với chính quyền của Ngô Đình Diệm rất căng thẳng.

Một hôm đi Gia Đình Phật Tử, tôi và Văn Phú Mười rủ nhau đạp xe đạp đi chùa Non Nước và Tam Thai để ngoạn cảnh. Đến đó cảnh chùa đã làm cho tôi thật ngây ngất trong

lòng và kể từ thời gian đi chùa ấy về, lòng tôi cứ tự hỏi rằng mình có thể xin cha mẹ cho mình đi xuất gia chăng? Thế rồi kế hoạch của tôi tự thực hiện như sau:

Trong khi gia đình ăn mặn thì tôi tìm cách ăn chay và khi gia đình có tiệc vui, tôi hay lẩn tránh. Nhiều lúc mẹ tôi thấy thế không an tâm cho cậu con trai út này nên đã làm một hũ tương treo lên trên trần nhà bếp, khi nào tôi ăn cơm thì dùng đến. Trong vườn nhà tôi nào chuối, nào thơm, nào rau quả rất nhiều. Đó là nơi cung cấp cho tôi những món ăn thật thanh khiết. Ở tuổi 13, 14 là độ tuổi đang lớn và độ tuổi rụt rè. Nhiều lúc muốn thưa thật với Cha Mẹ và anh chị là con muốn đi tu, xuất gia học đạo. Tâm thì nghĩ vậy nhưng miệng thì chẳng nói thành lời. Thế là cứ ngập ngừng mãi, chờ cho đến một hôm khi ngồi nhỏ mạ chung với ông thân, tôi mới bộc bạch rằng: “Thưa cha! Con muốn đi tu.” Ông chẳng trả lời tôi mà chỉ bảo rằng: “Anh con đã đi tu rồi đó!” Tuy ông không trả lời trực tiếp câu hỏi của tôi nhưng hàm ý là trong nhà đã có người đi tu rồi thì tôi không cần đi tu nữa. Tôi đem ý này thưa cho Mẹ biết. Mẹ bảo rằng: “Cứ chờ đến lớn rồi hẳn hay.”

Tất cả đều không chống đối mà cũng chẳng thuận tình. Nhân một cơ hội khác tôi lại thưa với Cha và Cha bảo rằng: “Nếu Mẹ con đồng ý thì Cha sẽ đồng ý.” Rồi khi tôi thưa với Mẹ thì bà bảo rằng: “Nếu cha con đồng ý thì Mẹ sẽ đồng ý.” Sau khi tham khảo ý kiến của hai đấng từ thân rồi, tôi quyết đi thêm một bước nữa có ý mạnh mẽ hơn. Đó là rủ đứa cháu ban đêm cùng đi đến chùa Hà Linh ngủ, chứ không ngủ ở nhà nữa. Trong khi đó tôi chuẩn bị hành trang như xin quy y Tam Bảo với Thầy tôi năm 1963, lúc ấy là Đại Đức Thích Long Trí và tôi có pháp danh do Thầy tôi đặt là Như Điển, kể từ đó đến nay. Đồng thời tôi âm thầm chuẩn bị cho việc ra đi của mình bằng cách xin tiền của mấy bà chị để may những bộ áo vạt hò màu lam và màu nâu để sẵn đó. Chờ cho cơ hội đến thì mình sẽ xa nhà.

Vào lúc 8 tuổi tôi đã chứng kiến cảnh ra đi ban đêm của anh trai tôi (về sau là Thầy Bảo Lạc) vào ngày mồng 8 tháng 2 năm 1957, khiến cho cả nhà khóc lóc tìm kiếm. Bây giờ tôi chọn giải pháp khác. Tôi sẽ ra đi trong thanh thiên bạch nhật để cho gia đình khỏi lo và biết được tôi đi đâu cũng như làm gì. Ý chí của tôi lúc ấy rất mạnh. Ban ngày vẫn đi làm thợ mộc, sau đó về nhà ăn cơm, tối đến chùa ngủ, sáng ra về nhà, vẫn tươi cười và lễ phép với Mẹ Cha. Nhưng trông nét mặt của ông bà thì đủ biết, họ lo lắng và biết chắc rằng một ngày nào đó tôi lại bỏ nhà ra đi nữa.

Điều mà cả gia đình đoán không sai. Đó là ngày rằm tháng 5 năm Giáp Thìn (1964). Sau đám giỗ của ông Nội, tôi thưa cha mẹ và anh chị lên đường. Hành trang của tôi thuở ấy là một chiếc xe đạp và một valise nhỏ đựng đồ dùng cá nhân, trong đó có những bộ áo quần vạt hò và một vài đồ dùng khác. Hôm đó tôi còn nhớ có cả đại diện của Gia Đình Phật Tử Hà Linh đến tham dự đám giỗ của Nội tôi và chia tay với tôi nữa.

Trong khi tôi vui mừng vì được đi xuất gia và ngoái mắt nhìn lại nhà thấy Mẹ và các chị nước mắt lưng tròng, đứng nhìn người em út ở tuổi 14, 15 một thân một mình hướng về chùa Viên Giác tại Hội An để xuất gia học đạo. Hôm đó là một ngày hoàng đạo mà mãi cho đến bây giờ, gần 50 năm rồi tôi vẫn không quên.

Xuất gia học đạo

Lẽ ra tôi phải xin phép Sư Phụ của mình trước khi đi đến chùa Viên Giác ở Hội An, nhưng tôi đã không làm điều đó. Cứ nghĩ rằng đi đến chùa rồi, xin phép Thầy sau. Cái khó khăn mấu chốt là gia đình. Nếu rời bỏ gia đình được, trước sau Thầy cũng cho mình thế phát. Cái suy nghĩ của trẻ thơ thật đơn giản. Điều này thể hiện ý chí của mình một cách mạnh mẽ như vậy.

Tôi đạp xe từ nhà ngang qua ngã chùa Hà Linh rồi Quốc Lộ 1. Khi qua khỏi cầu Câu Lâu có 2 cách rẽ. Một đi thẳng ra Vĩnh Điện rồi quẹo phải theo đường nhựa đi xuống Hội An. Cách thứ hai là rẽ liên tay mặt khi đi khỏi cầu Câu Lâu, theo con đường đất mòn, không được tráng nhựa phẳng phiu như đường kia. Đi một đoạn khá dài rẽ trái và nhập vào đường lớn tại làng Thanh Chiêm, xã Cẩm Hà. Tôi đã chọn con đường thứ hai này, đầy bóng mát của những lũy tre làng. Chung quanh lúc ấy chẳng có gì làm cho tôi phải bận tâm nữa; chỉ mong một mực đến chùa, để trình lên Thầy nguyện vọng của mình.

Thầy nhìn tôi từ đầu đến chân, đoạn hỏi:

- Con từ đâu đến?
- Dạ! Con từ Mỹ Hạc, xã Xuyên Mỹ đến.
- Con muốn đi tu đã được cha mẹ đồng ý không?
- Bạch Thầy, con đã xin phép và cha mẹ con đã đồng ý.

Thầy nhìn tôi một hồi lâu như thế rồi nói tiếp:

- Trong thời gian ở tù, Thầy bị tra tấn nhiều lần, bây giờ phải đi Sài Gòn để chữa bệnh, Thầy không trực tiếp lo cho con

được, để Thầy viết cho con một lá thư và mang thư này ra chùa Phước Lâm, nơi ấy Thầy Như Vạn đang trụ trì. Con ở đó có chúng lý đồng, cùng tu học với họ có lẽ tiện hơn. Khi nào Thầy từ Sài Gòn về sẽ báo tin cho con hay để về đây làm lễ xuống tóc.

- Bạch Thầy con xin vâng.

Thầy vào trong phòng mình lấy ra một bộ đồ vật hò màu trắng đã phai màu và trao cho tôi, bảo rằng: Hãy mặc bộ đồ này khi ra chùa Phước Lâm.

Thầy không biết rằng tôi đã chuẩn bị nhiều bộ đồ mới hơn thế nữa đang có trong valise của mình, nhưng tôi rất trân quý bộ đồ vật hò này. Cách đây mấy năm, khi tưởng niệm về Thầy, tôi đã viết một bài về “chiếc áo ngày xưa ấy”.

Chùa Viên Giác vào năm 1964 còn thô sơ lắm. Chánh điện chùa được sửa đổi lại từ một ngôi đình thờ Thần, nên mái chùa không cao. Gian giữa thờ Đức Bổn Sư. Hai bên tả hữu thờ Quan Âm, Địa Tạng bằng hình vẽ; lúc bấy giờ chưa có tượng. Phía sau tối mù mịt, cũng là nơi thờ Tổ và Thập Điện Minh Vương cũng như một vài khung hình thờ người quá cố.

Bên tay trái của chánh điện, từ ngoài nhìn vào là những lớp học; cạnh đó có nhà bếp, nơi bà Chín đang ở làm công quả cũng như lo việc bếp núc cho chùa. Phía sau nhà bếp là nơi để cối đá xay đậu nành, làm đậu hủ. Phía sau cùng là nhà vệ sinh, phòng tắm và chen vào khoảng giữa là một lô đất còn bỏ trống. Bên tay phải từ ngoài nhìn vào có một dãy nhà vốn là những lớp học cũ dùng để dạy học. Tiếp sau là nhà ông Thầy Chất và sau cùng là nhà của bà Ba.

Trước sân chùa Viên Giác có hai cây đa thật cao lớn, cành lá sum suê. Đa màu xanh khi Xuân đến Hạ về. Đa rụng lá khi



**Cổng Tam Quan chùa Viên Giác
Hội An năm 2012**

Thu sang Đông lại. Những chú điệu ở chùa này không ai là không quét lá đa, cũng như quét thời gian trôi qua trong quãng đời niên thiếu của mình như chú Tùng, chú Đồng, chú Thứ, tôi, Hùng, Ngô v.v... Nay thì một số người đã hoàn tục, Thứ làm Giáo sư Đại Học ở Sài Gòn; chỉ còn một vài người vẫn còn mặc áo nâu sồng, trong đó có tôi.

Trần Trung Đạo hiện ở Mỹ, làm những bài thơ nổi tiếng về cây đa này và năm 2012 có viết chung với tôi

tác phẩm “Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác”. Thuở ấy Trung Đạo là một học sinh đến từ vùng bị chiến nạn Mã Châu, xin Thầy tôi tá túc để ăn học từ Tết Mậu Thân năm 1968. Tuy vậy, những kỷ niệm đầu đời ở đây làm cho Trần Trung Đạo không bao giờ quên, dầu cho ngày nay đã có con, có cháu, nhất là bóng cây đa già đã che chở cho những tâm hồn trẻ thơ khi sinh sống dưới mái chùa này.

Trước chùa là cổng Tam Quan xây theo lối xưa có cổng chính và hai cổng phụ. Mới trông nó gồ ghề và ít thẩm mỹ, nhưng nghe đầu chùa Viên Giác tại Hội An cũng đã được nhà nước liệt vào những “di tích văn hóa” của phố cổ Hội An. Trước cổng Tam Quan có một con đường đất dẫn vào, nối liền với đường cái lớn chắn ngang phía trước. Hai bên đường dẫn vào chùa thuở tôi mới đến vào năm 1964 là những hố rác và sau này Thầy tôi cho dọn sạch, cho nước vào và trồng hai ao rau muống ở đó. Đến năm 1968, 1969 người nhập cư vào phố



Chùa Viên Giác, Hội An năm 2012



Mặt tiền chùa Viên Giác năm 2014



Chánh điện chùa Viên Giác năm 2014 (đang trùng tu)



Cổng Tam quan chùa Viên Giác năm 2014



Cổng Tam Quan chùa Phước Lâm năm 2012

Hội khá đông, Thầy tôi cho những người này làm tạm những ngôi nhà tranh, sau khi đã đổ đất lấp đầy hai ao rau muống ấy, để họ làm nhà che mưa che nắng. Thế rồi ngày lại tháng qua, nơi này đã trở thành cái chợ, buôn bán sầm uất, khiến cho bộ mặt của ngôi chùa không còn quang đấng như ngày xưa nữa.

Sau khi dùng cơm trưa tại chùa Viên Giác, tôi hỏi thăm đường đi để chạy xe đạp ra chùa Phước Lâm. Hành trang của tôi thuở ấy chỉ có tấm lòng cầu đạo là chính, quên đi tất cả mọi sự nhọc nhằn, chỉ mong một điều là được xuất gia học đạo. Đường đi từ chùa Viên Giác đến chùa Phước Lâm phải băng qua nhà thờ Thiên Chúa giáo, miếu ông Cọp, chùa Chúc Thánh, Mã Thanh Minh của Ngũ Bang và cuối cùng mới đến chùa.

Đây là lần đầu tiên tôi đến chùa này. Nhìn xem phong cảnh, thấy rất đẹp mắt, nhất là qua cái nắng chói chang rọi

chiếu vào mặt người nơi cồn cát dài đã được vượt qua, giờ này đối diện với màu xanh dịu mát của cây cảnh vườn chùa, khiến cho khách vãng lai dễ sanh tâm mến mộ. Đầu tiên là cổng Tam Quan xây theo kiểu cổ, nhưng khách bộ hành phải dùng lối mòn bên cạnh, chứ không đi vào cổng chính. Ở giữa sân chùa là một vườn hoa đủ loại. Kế tiếp là một bình phong và hai bên tả hữu có Đông Đường lẫn Tây Đường. Đó là nơi để Thầy trụ trì và Tăng chúng ở. Tiếp theo Đông Đường là nhà Trù và sau Tây Đường là liêu Đông và liêu Tây.

Chánh điện chùa Phước Lâm vào tháng 5 năm 1964 là chánh điện cũ. Đến tháng 10 năm ấy, Thầy trụ trì Thích Như Vạn mới cho dỡ ngói, đập tường, đúc bê-tông và dựng nên ngôi chùa mới còn tồn tại cho đến ngày hôm nay. Phía sau chánh điện là nhà Tổ, nơi thờ Long Vị của các bậc Tổ Sư, từ Ngài Thiệt Dinh đến Ngài Vĩnh Gia và các vị trụ trì truyền thừa qua các thời đại. Phía sau cùng là giếng nước và nhà xe nhang tạo kinh tế cho chùa cũng như nhà kho chứa đồ thực dụng.

Vườn chùa Phước Lâm rất rộng. Tuy là đất cát, nhưng những cây bàng, cây nhãn lồng, dừa và xoài vẫn xanh tươi và



Chánh điện chùa Phước Lâm năm 2012

cho hoa quả rất nhiều. Điệu chúng, chúng tôi ngày hai buổi phải luân phiên tưới nước những cây cảnh được trồng nơi vườn chùa này. Thỉnh thoảng có những luống rau lang và cải bẹ xanh được những người có kinh nghiệm trồng, cốt để phục vụ cho chùa trong những bữa ăn thanh đạm. Ngoài kia là những lu tương to tướng mà sau này tôi mới có dịp tìm hiểu cách làm tương như thế nào.

Tổ Sư Minh Hải người Trung Quốc, đến Hội An vào cuối thế kỷ 17 khai sơn chùa Chúc Thánh. Trong khi Ngài ở Hội An đã biệt xuất ra một dòng kệ truyền thừa cho cả Pháp Danh và Pháp Tự của người xuất gia. Trong đó có Ngài Thiệt Dinh, vốn là vị Tổ khai sơn của chùa Phước Lâm này. Ngài thuộc đời thứ hai của việc truyền thừa trong Môn Phái Lâm Tế Chúc Thánh. Rồi các Ngài với pháp danh bắt đầu như Pháp... Toàn... Chương... Ấn... v.v... Tất cả đều mang đến những thành quả đạo đức sáng ngời cho quê hương xứ Quảng. Mãi đến đầu thế kỷ 20, cố Đại Lão Hòa Thượng Vĩnh Gia là một bậc long tượng vang bóng một thời của quê hương địa linh nhân kiệt này.

Vào đầu thế kỷ 20, tại chùa Phước Lâm có tổ chức một Đại Giới Đàn để truyền giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni và cho các Phật tử Cư sĩ. Lúc này cố Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, cố Hòa Thượng Thích Giác Nhiên từ Huế cũng vào đây để xin thọ giới Tỳ Kheo tại giới đàn này. Về sau, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết trở thành Đức Đệ nhất Tăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất từ năm 1964 đến 1973 và Ngài Giác Nhiên kế tục làm Đệ nhị Tăng Thống từ năm 1973 đến sau năm 1975. Như vậy, đây là một ngôi Tổ Đình rất đặc biệt mà tôi có cái may mắn đặt chân đến để xuất gia cũng như tu tập tại chốn Tổ này.

Tôi mang lá thư giới thiệu của Thầy tôi đến trình cho Thầy Như Vạn. Sau khi đọc xong, Thầy cho Thị giả đi gọi chú Hạnh Thu đến và giao tôi cho chú Hạnh Thu. Chú này lúc



Dãy nhà Tây nơi chúng tôi cư trú, nay đã được xây mới

ấy là Chúng Trưởng của chùa, đang đi học lớp đệ ngũ trường Diên Hồng về thế học cùng với chú Hạnh Đức và Hạnh Chơn. Chú Hạnh Thu người mảnh khảnh, chân đi guốc, mình mặc chiếc áo vạt hò màu nâu dài tha thướt. Chú chỉ cho tôi nơi ăn, chốn ở và những công việc làm hằng ngày như: học kinh, làm việc chúng, dọn dẹp v.v... Lúc ấy tôi quá mừng vui nên cái gì cũng dạ hết. Nghĩa là không có việc nào tôi từ chối, vì nghĩ rằng mình sẽ làm được.

Trong chùa có hai chú xuất gia lúc lớn tuổi là chú Hiền và chú Thông. Họ chỉ cho tôi cách hô chuông u minh trước giờ công phu khuya và Tịnh Độ vào buổi tối. Chú Hiền thì chỉ cho tôi cách xe nhang. Lúc ấy có bà Năm đang làm công quả tại chùa nên không ai chỉ cho tôi cách nấu ăn. Nếu lúc ấy chùa không có người làm bếp thì hẳn ngày nay tôi đã rành cách nấu nướng một bữa ăn như thế nào.



**Trụ Trì chùa Viên Giác Hội An - Thượng tọa Thích Như Tịnh
Ảnh chụp năm 2014**

Chú Hạnh Thu dẫn tôi đến một tấm bảng lớn treo trên tường, có ghi đầy đủ pháp danh và chức vụ của từng chú một và giải thích rất tỉ mỉ, cứ theo đó mà liên lạc. Ví dụ như vị Chúng Trưởng lo tổng quát cho toàn chúng. Chúng Phó lo phụ trách và thay thế cho Chúng trưởng khi vắng mặt. Rồi quản chúng, tri viên, tri khách, tri tạn, tri khố, thị giả v.v... Một lô danh từ mới tôi phải học thuộc lòng. Mới vào chùa quả thật cái gì cũng mới mẻ, mới từ cách đi đứng, nằm, ngồi, ăn, nói, tiếp khách, nói chuyện, tu niệm v.v... tất cả tôi đều phải học và phải tập. Học là một chuyện mà tập là chuyện khác quan trọng hơn nhiều. Đây là công hạnh của người xuất gia thuở ban đầu cần phải tự rèn luyện cho tự thân của mỗi người.

Nhiệm vụ đầu tiên của tôi là học kinh và người dò bài cho tôi là đích thân chú Chúng trưởng Thích Hạnh Thu. Kinh đầu tiên tôi phải học là kinh Lăng Nghiêm. Người đời thường bảo: “Đi lính sợ ải, làm sãi sợ Lăng Nghiêm.” Thế mà giai

đoạn đầu tiên tôi đã phải dẫn thân vào. Tôi không hỏi chú cách học như thế nào, mà đem kinh lên chánh điện, nhờ chú Hiền chỉ giùm, nhưng ngược lại chú nhờ tôi chỉ cho chú học. Vì chú không biết mặt chữ quốc ngữ. Và lại lớn tuổi rồi mới vào chùa tu, có nhiều điều bất tiện lắm. Nhờ đọc cho chú học thuộc lòng mà tôi cũng phải nhớ theo. Cách học của tôi là cứ nhẩm một câu cho thuộc, sau đó nối với câu hai, câu hai thuộc lòng, nối với câu thứ 3 và cứ thế cho hết trang này sang trang khác, đệ này qua đệ khác. Muốn chắc ăn phải học thuộc thật kỹ từng hàng, từng trang và sau đó ghép lại với nhau thì không thể nào quên được. Có lẽ nhờ cách học đó mà sau này đi học trường đời hay trường đạo, bất cứ trường gì và học môn gì, tôi cũng có thể đứng ở hạng khá hoặc giỏi, chứ không còn lẹt đẹt như khi còn học ở Tiểu Học nữa.

Nhưng ngoại trừ môn âm nhạc là tôi chào thua. Cho đến giờ này tôi cũng không biết nốt nào là *đồ*, nốt nào là *rê*, nốt



Chùa Phước Lâm, Hội An (năm 2014)



Các bản gỗ (mộc bản) ngày xưa dùng in kinh, sưu tầm được tại Chùa Phước Lâm, Hội An

nào là *sol* cả. Và lại người xưa cũng thường nói: “Lăng Nghiêm thì *bà già*, Di Đà lại *Xá Lợi*”. Trong kinh Lăng Nghiêm những từ “*bà già bà đề*” cứ lặp đi lặp lại rất nhiều lần, nếu không để ý sẽ lộn hàng này qua hàng khác, đệ này qua đệ khác và kinh Di Đà cũng vậy, từ “*Xá Lợi Phát*” được lặp đi lặp lại rất nhiều lần. Nếu không để tâm sẽ dễ bị lộn phần *Xá Lợi Phát* này qua phần *Xá Lợi Phát* khác là vậy.

Trong vòng hơn một tháng tôi đã học thuộc lòng xong 3 đệ Lăng Nghiêm và nhận được tin vui từ chùa Viên Giác nhắc sang là ngày 19 tháng 6 âm lịch về Viên Giác để Thầy Bổn Sư làm lễ thế phát xuất gia chính thức. Nghe tin ấy trong lòng tôi thật mừng rỡ, vì nguyện vọng của mình đã đạt thành. Thế là tôi xin phép Thầy trụ trì và cả Chúng Phước Lâm được rời Chúng trong một ngày một đêm và ngày mai sẽ trở lại chùa, để cùng Chúng tu học.

Buổi lễ chỉ đơn giản thôi. Thầy khẩn nguyện trước Tam Bảo rồi xuống tóc cho tôi. Hôm ấy là ngày vía Đức Quán Thế Âm, nhưng tại sao chùa vắng khách thập phương như vậy? Có lẽ Thầy từ Sài Gòn đi chữa bệnh mới về, ít có người biết. Và lại lễ xuất gia của tôi, một chú tiểu bình thường, đâu có gì để phải bận tâm ai, ngay cả gia đình của tôi cũng không biết được việc này. Sau khi cạo tóc xong, Thầy gọi đến phòng khách để dặn dò mấy việc, trong đó có việc quan trọng là:

- Sắp đến ngày khai giảng rồi, chú nên lo sách vở để đi học.

- Thưa Thầy đi học gì?

- Học văn hóa, chứ học gì nữa !

- Bạch Thầy! Đi tu rồi, còn phải đi học để làm gì?

Thầy nhìn tôi có vẻ không bằng lòng lắm, rồi người quay sang nơi khác.

Cái suy nghĩ đơn thuần của tuổi thơ là vậy. Theo tôi nghĩ - tu rồi còn phải đi học để làm gì? Thế nhưng suy nghĩ này đã



Trường Bồ Đề ngày xưa, nay là trường Nguyễn Duy Hiệu (2012)

sai từ thuở ấy. Bây giờ ngay cả tuổi “gần đất xa trời” rồi, tôi vẫn thấy còn cần phải học nữa và theo tôi: khi nào nắp quan tài đập lại thì người ta mới không học nữa và nếu còn hơi thở thì còn phải học hỏi như thường.

Thuở ấy tại Hội An có trường công lập Trung Học Trần Quý Cáp và trường Trung học Tư thực Diên Hồng do ông Ngô Đình Thống làm Hiệu Trưởng. Trường Bồ Đề Hội An đang bắt đầu xây dựng và qua niên khóa sau (1965-1966) trường tạm dạy tại chùa Tỉnh Hội và giữa niên khóa này các lớp học được dời tạm qua học nơi trường vừa mới hoàn thành, trong khi đó trường vẫn còn tiếp tục kiến thiết.

Bây giờ nhìn lại học bạ lúc học ở trường Trung Học Diên Hồng, tôi thấy mình vẫn còn nằm ở dạng trung bình, chưa thuộc thành phần học sinh giỏi. Tôi để ý trong lớp có một chú tên Phạm Phú Chín, pháp danh Như Phẩm, là Tăng chúng của chùa Long Tuyên, học rất giỏi, tháng nào cũng đứng nhất hay nhì lớp. Từ đó tôi quan sát cách học của chú như sau: Trước khi đến lớp, chú ôn bài cũ rất kỹ và đồng thời chuẩn bị

cho bài mới cũng chu đáo. Do vậy khi Thầy hỏi đến đâu chú đều trả lời thông suốt. Thế là được 9 điểm trên 10. Đây là số điểm cao lúc bấy giờ. Ngày xưa lối học của ta là lối học từ chương, học thuộc lòng. Ngay cả bài tiếng Pháp như:

Le corp d'humain.

Le corp d'humain comprend trois parties...

(Thân thể người ta - Thân thể người ta chia làm 3 phần...) cứ thế và cứ thế, trả bài đầy đủ sẽ được điểm cao. Nhiều lúc tôi bị ông Thầy Nguyễn Đình Hiến dạy Pháp văn mắng cho là: Các chú tiểu chỉ trả bài như con vẹt. Chẳng khác tụng kinh chút nào hết! Tôi không giận ông ta về câu mỉa mai ấy. Nhờ vậy mà sau này mình cố gắng nghiên cứu kinh điển nhiều hơn nữa. Ông Thầy này lớn con, to tướng và với học trò chúng tôi, xem ông như ông Thiện lẫn ông Ác của chùa Phước Lâm không khác nhau là bao. Trong lớp Đệ Thất niên khóa 1964-1965 ấy có thêm chú Quý (Giải Trọng), chú Tuất, chú Sanh (Như Hoàn) và một vài cô thuộc chùa Bảo Thắng Sư Nữ nữa.

Trường Diên Hồng nằm ngay chợ Hội An, là một nơi rất thuận tiện cho việc di chuyển. Tuy nhiên, trường xây theo kiểu Pháp, mà bên trong lại trang trí theo Trung Hoa. Ở giữa có một sân chơi rất nhỏ, không đủ chỗ cho học trò các lớp nô đùa. Đây là trường tư thục, nhưng chúng tôi được miễn đóng học phí, vì là các chú tiểu thuộc các chùa tại Hội An. Ở Việt Nam chúng ta ngày xưa được điểm cũng đáng tán dương và không nên quên ơn nghĩa ấy. Mặc dầu trường ấy các ông bà Hiệu Trưởng theo Thiên Chúa giáo hay các Đảng Phái khác và là những trường tư thục có thu học phí những học sinh khác bình thường, nhưng với các Tăng Sĩ thì hầu như được hoàn toàn miễn phí, giống như các trường công lập hoặc hệ thống trường Bồ Đề. Trong những trường này như, tại Hội An có trường Trung Học Diên Hồng của ông Ngô Đình

Thống, tại Sài Gòn có trường Trung Học Cộng Hòa của ông Phạm Văn Vận và trường Trung Học Văn Học của ông bà Trần Bích Lan... Điều này trực tiếp hay gián tiếp nhằm cổ vũ cho những người xuất gia có cơ hội học tập để sau này ra giúp đời và phụng sự đạo.

Từ chùa Phước Lâm muốn đến trường Diên Hồng hay trường Bồ Đề Hội An, chúng tôi phải đạp xe đạp qua nhiều bãi cát dài độ chừng 2 cây số như thế giữa trưa hè nắng chói ánh thái dương, mồ hôi mồ kê thấm đầy cả áo vạt hò và áo nhựt bình. Thế mà chúng tôi chẳng thấy mệt là gì. Nhiều khi đi ngang qua miếu ông Cọp cũng ngoái đầu nhìn vào quan sát xem thử có ông Cọp thật nào xuất hiện không, ngoài ông Cọp được đắp bằng xi-măng, trông cũng giống ông Cọp thật lắm.

Mùa Thu năm 1966, Thầy Như Vạn cho dỡ mái ngôi chùa, bắt đầu việc đại trùng tu ngôi chánh điện và nhà Tổ, vì lâu



Thầy Thích Hạnh Hoa (Thị Vinh) tại Tổ Đình Phước Lâm (2017)

Từ trái sang: Cư sĩ Nguyễn Minh Tiến, Hòa sĩ Phúc Nguyên, Nhiếp ảnh gia Vương Cường



Cổng Tam quan chùa Phước Lâm

ngày đã bị dột nát, không cách nào có thể để tiếp tục tình trạng như xưa nữa. Thuở ấy có một số thanh niên từ Đại Lộc, Duy Xuyên, Điện Bàn chạy loạn về chùa xin làm công quả. Cũng chính nhờ lực lượng này mà Thầy trụ trì đỡ phải lo một phần tài chánh trả công, chỉ lo cơm nước đầy đủ cho họ mà thôi. Trong số này có chú Thị Việt, sau này xuất gia với Hòa Thượng Như Vạn với Pháp tự là Hạnh Thiên và Thầy ấy đã trụ trì Tổ Đình Vạn Đức cho đến ngày viên tịch cách đây mấy năm với cương vị là một Hòa Thượng. Một chú nữa tên là Huân, Pháp danh Thị Tập, nay là Hòa Thượng, đương kim trụ trì chùa Ân Triêm ở Chợ Chùa thuộc Thị trấn Nam Phước. Cả hai vị này đều xuất gia sau tôi và họ đã đóng góp tích cực cho các Tổ Đình lúc ấy, nhờ vậy mà họ đã có nhân duyên với Đạo cho đến ngày nay.

Thuở ấy nào là chú Vinh, chú Phong, chú Bạ, chú Hạnh Chơn, chú Như Lệ, chú Hạnh Thu, chú Hạnh Đức v.v... gần



20 chú như vậy. Chúng tôi sống rất vui và hòa hợp theo tinh thần lục hòa đã được viết và dán sẵn trên tường. Bây giờ có chú đã lên Hòa Thượng như chú Hạnh Đức, có người trở thành trụ trì Tổ Đình Phước Lâm như Thầy Thị Vinh với Pháp tự là Hạnh Hoa. Ngày tôi xuống tóc, thầy đã có tại Tổ Đình Phước Lâm rồi. Thầy ấy lanh lẹ và xốc vác, nên được quý Thầy thương. Còn chú Như Lệ, chú Hạnh Thu đã ra người thiên cổ. Ngày nay tôi có thờ hai vị này nơi bàn thờ những vị xuất gia đã quá vãng tại chùa Viên Giác Hannover để tri ân họ. Dầu sao đi nữa, những bước chân chập chững đi vào Đạo của tôi đã có sự hướng dẫn nhiệt tình của họ từ thuở ban đầu ấy. Than ôi, “*thương hải biến vi tang điền*” (biển xanh biến thành ruộng dâu) qua thời gian là thế.

Ở đời đâu ai biết được chữ ngờ. Có những người và những việc đã chắc thật như nắm trong tay, nhưng vẫn nằm ngoài tầm tay với như thường. Đó là trường hợp của chú Hạnh Đức

thi Trung Học Đệ Nhất cấp năm 1965-1966. Trong khi chú ấy học thật giỏi, nhưng thi lại trượt. Còn chú Hạnh Thu chỉ học chăm chỉ thôi, lại đậu. Người đồng niên với tôi là chú Như Phẩm. Chú này học chung với tôi từ Đệ Nhất đến Đệ Tứ trường Bồ Đề. Đến năm Đệ Tứ niên khóa 1967-1968 những người xếp từ hạng nhất cho đến hạng năm được qua trường công lập Trần Quý Cáp để học. Thế là tôi và chú Như Phẩm, Dương Hứa Nguyên, Phùng Rân và Huỳnh Thị Xuân Hương rời trường Trung Học Bồ Đề, qua học Đệ Tam tại Trần Quý Cáp. Chỉ có Dương Hứa Nguyên và tôi cùng Phùng Rân là học chung lớp Đệ Tam Ban A niên khóa 1968-1969 ấy, còn hai người kia tuy học cùng trường nhưng khác lớp.

Cuối niên học ấy tôi đi Sài Gòn, còn chú Như Phẩm vẫn ở lại quê hương Hội An. Học giỏi như vậy mà thi Tú Tài II vẫn trượt như thường. Từ đó chú trở thành người thất chí, không thể học cao hơn được nữa. Đâu có ai ngờ như thế, ngay cả tôi lúc bấy giờ ở Sài Gòn sau khi đậu Tú Tài II lo chuẩn bị





**Mộ phần song thân nhị vị Hòa thượng
tại nghĩa trang chùa Phước Lâm, Hội An**

đi du học Nhật Bản, lúc nghe Dương Hứa Nguyên báo tin như vậy cũng chẳng thể tin vào tai mình. Bây giờ, Dương Hứa Nguyên đã trở thành Bác sĩ sau năm 1975, còn Huỳnh Thị Xuân Hương trở thành một Dược sĩ nổi tiếng tại Sài Gòn. Thuở thiếu thời có những chuyện vui vui cũng xin kể lại để gửi cho đời cũng như cho người quen lẫn kẻ chưa quen. Đó là việc “kỳ thi” giữa nam nữ học chung trong một lớp. Tôi và chú Như Phẩm thường hay đứng nhất, đứng nhì trong lớp tại trường Bồ Đề và quyết không bao giờ cho Huỳnh Thị Xuân Hương giựt hai vị trí này cả. Thế là tôi và chú phân công với nhau: nếu tháng này chú đứng nhất, thì tôi đứng nhì. Tháng sau chú ít giờ tay một hai lần thì tôi sẽ được vị trí nhất, còn chú giữ vị trí thứ hai, quyết không cho con gái đứng lên trên mình. Thế là từ Đệ Lục cho tới Đệ Tứ trong 3 năm liền như vậy, không có một nữ sinh nào lọt vào vị trí nhất nhì cả, mà cuối năm Đệ Tứ niên khóa 1967-1968 ấy tôi đứng nhất toàn trường, đứng nhất toàn lớp và lãnh phần thưởng hạnh kiểm

toàn trường. Đó là 3 phần thưởng rất xứng đáng của sự học tập chuyên cần trong thời gian ấy.

Vào khoảng tháng 10 âm lịch năm 1964, nhằm năm Giáp Thìn, một cơn lụt rất lớn xảy ra cho cả miền Trung. Riêng Quảng Nam và Quảng Ngãi là hai tỉnh lãnh hậu quả nặng nề nhất. Người và gia súc chết vô số kể. Nhà cửa hư hoại, làng mạc bị cuốn trôi theo dòng. Đây là thời điểm tang thương nhất của Quảng Nam vào năm 1964 sau cuộc tranh đấu năm 1963 chưa đầy một năm. Những ngày tháng ấy tôi nghỉ học và ở tại chùa Phước Lâm. Đêm về nằm nghe gió thổi, mưa tuôn. Thỉnh thoảng các chú lớn đi vào chùa Tỉnh Hội để thăm và về lại chùa Phước Lâm cho biết tình hình mực nước đã đến đâu rồi. Một số chú tiếc của, đem gạo bị ngâm nước về chùa Phước Lâm để đổ bánh xèo, nhưng mùi hôi của gạo bị ngâm nước, chẳng ai màng nhìn đến.



**Thượng tọa Thích Hạnh Hoa, Trụ trì Tổ Đình Phước Lâm
(ảnh chụp năm 2014)**

Học sinh các trường Trung Học thuở ấy cũng tập trung tại các trường Trần Quý Cáp và những nơi không bị ngập nước để làm từ thiện như giúp đỡ người già cả, bệnh hoạn, hoặc giả cứu thương, chăm sóc cho trẻ con bị lạc cha mẹ v.v... Thuở ấy tôi chưa tham gia vào đội hình này, nhưng một hôm trong lòng thấy chằng yên sau cơn Đại Hồng Thủy ấy, nên xin phép Hòa Thượng Như Vạn và Đại Chúng về lại quê xưa để thăm cha mẹ và gia đình. Dĩ nhiên là Thầy không chống đối mà còn khuyến khích nữa.

Đọc đường đi từ Hội An về Vĩnh Điện rồi cầu Câu Lâu, dẫu dẫu cũng thấy rác rến và xác trâu bò chết trương sinh lên gấp đôi gấp ba bình thường và mùi hôi thối bắt đầu xông ra chung quanh, ai đi qua đó cũng lợm giọng. Dắt chiếc xe đạp men theo đường mòn và đường đất lổ. Chỗ nào còn tốt thì nhảy lên xe đi, chỗ nào lồi lõm lại xuống xe và tiếp tục con đường trở về quê cũ. Khi về đến nhà, gặp cha mẹ tôi vẫn bình yên và hỏi thăm các anh chị và các cháu, không ai bị tổn thương gì cả. Đó là một niềm vui. Chỉ bị thiệt hại một ít tài sản như heo, bò, gà, vịt mà thôi.

Cha tôi kể lại cho nghe những ngày ngồi trên gác nhà để canh mấy lu lúa và con trâu, còn mẹ tôi thì nhắc lại làm sao để có trầu cau ăn cho đỡ lạnh. Bà bảo rằng: mỗi lần hút thuốc xong, cha tôi không vứt những tàn thuốc ấy, mà ông dán lên những gốc cột trong nhà. Thấy tuy không thơm mỹ lắm, nhưng trong những cơn giông bão, lụt lội, chọi búa không đông, thì đây là giải pháp tuyệt vời để giải quyết cái thèm khát của người ăn trầu hay hút thuốc. Ông tìm cách thu hết các tàn thuốc lại, vắn thành nhiều điếu lớn để hút. Còn bà thì lấy những tàn thuốc ấy xắt nhỏ lại để nhét vào môi, thay thế cho trầu cau lúc không có. Rõ ràng là “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”. Con người là một động vật thông minh nhất trong tất cả các động vật. Dầu cho ở trong hoàn cảnh nào, nhiệt độ nào... họ vẫn có thể sống để vượt qua tất cả. Lúc giàu có cũng



Chùa Tỉnh Hội Quảng Nam xưa, nay là chùa Pháp Bảo - Hội An

như khi nghèo nàn, lúc sống ở Phi Châu, Âu Châu hay miền Cực Bắc xa xôi của quả địa cầu, nơi nào họ cũng có thể thích nghi được cả.

Một kỷ niệm xảy ra trong thời gian thăm nhà lần đầu sau trận lụt ấy tôi không bao giờ quên, đó là câu chuyện về những trái ô ma hay trái hột gà. Đây là một loại cây giống như cây ổi nhưng lá dài, thân cây không cao lắm, gồm nhiều cành. Đến mùa ra hoa, kết trái, cây cho hương thơm về đêm tỏa khắp vườn nhà. Ngoài hương hoa buổi, hương hoa lài ra, hương hoa ô ma cũng không phải là không gây chú ý. Trái ô ma giống như trái xoài, nhưng ruột thì bở và màu giống như lòng đỏ trứng gà, nên có nơi gọi là “trái hột gà”. Mẹ kể rằng tôi về đây thăm, chẳng có gì gởi theo, Bà cho vào xách tôi mấy quả ô ma và bảo rằng: Hãy đem theo mà dùng. Tôi không biết tài sản của mẹ lúc ấy còn gì nữa, chứ những quả hột gà này bà sẽ đem ra chợ để đổi lấy trâu cau đem về nhà cho hai ông bà dùng. Quả thật tình mẹ thương con không bờ, không bến là vậy. Hai tay tôi

đón nhận những quả ô ma mà giờ đây sau gần 50 năm trôi qua, tôi vẫn còn nhớ lại hình ảnh ấy rất rõ ràng.

Năm học Đệ Thất trôi qua tương đối dễ dàng và năm học Đệ Lục (1965-1966) chúng tôi dời về dưới mái hiên chùa Tỉnh Hội. Thuở đó có Thầy Nguyễn Xuân Thanh, Thầy Trợ dạy tiếng Pháp, Thầy Kế dạy Toán, Thầy Tuyền dạy Vật Lý, Cô Yến, cô Lan dạy Văn Vật, Thầy Thông dạy Vẽ, Thầy Mạo dạy Công dân Giáo dục, Thầy Liên dạy Sử Địa v.v... Tất cả những học bạ của tôi thuở bấy giờ, cho đến nay tôi vẫn còn mang theo bên mình. Vì tôi đã ra đi vào thời điểm trước năm 1975, nên những kỷ niệm xưa, cho đến nay vẫn còn giữ lại đầy đủ. Thầy nào phê ra sao, Cô nào ghi như thế nào... trong những học bạ ấy vẫn còn nơi thư phòng tại chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc.

Ngày ấy chúng tôi phải đọc sách của nhóm Tự Lực Văn Đoàn như Khái Hưng, Nhất Linh, Thế Lữ, Hoàng Đạo v.v... và sau khi đọc những cuốn như: Hồn Bướm Mơ Tiên, Đoạn Tuyệt, Nửa Chừng Xuân, Anh Phải Sống, Gánh Hàng Hoa v.v... chúng tôi lại phải lên thuyết trình. Nhờ vậy mà thú ham đọc sách đã bắt đầu, chứ ngày xưa tôi ngại nhìn vào sách lắm. Bây giờ thấy có nhiều người không thích đọc sách cũng dễ cảm thông thôi. Nếu hiểu rằng: “trong sách có ngọc” thì ai cũng sẽ tìm ngọc ấy để mà tiêu xài. Câu nói trên có cả hai nghĩa đen và nghĩa bóng. Ai muốn hiểu sao cũng được cả.

Ban ngày chúng tôi đi học ở trường, trưa về chùa ăn cơm đạm bạc, sau đó phụ dọn dẹp trong chùa, rồi đi công phu chiều, đến tối thỉnh chuông. Những đêm có trăng, các chú trong chùa được sai đi đẩy xe bò trên Thanh Hà cùng với các anh chị đang làm công quả cho chùa để chở gạch. Nhiều câu chuyện thi ca, nhiều câu hò, điệu hát và nhiều mối tình cũng chớm nở giữa những người đi làm công quả với nhau ở thời gian tuổi độ xuân thì này. Họ chẳng có tội lỗi gì cả. Đó là

chuyện tự nhiên của con người. Vì họ không phải là những người xuất gia, mà chỉ là những người đến chùa làm công quả. Nếu thuận duyên thì tiến đến con đường giải thoát, nếu nghịch cảnh thì trở lại đường trần để nối lại chuyện sanh tử ngày xưa. Đây là những việc xưa như trái đất, khi mà con người hiện hữu trên quả địa cầu này luôn tái diễn những việc như thế.

Quà thưởng cho chúng tôi sau những lần đẩy xe gạch cực nhọc từ lò gạch Thanh Hà về chùa là những tô cháo ngọt hay những chén cốm ngào đường khi ăn phải xúc bằng lá mít. Đồ ăn chỉ đơn giản thế, mà sức ăn của tuổi trẻ lại vô cùng, nên chỉ quá một đêm thôi là chúng tôi lấy lại sức để thức dậy sớm đi thời công phu khuya và tiếp theo là lau quét phòng Thầy. Ăn sáng rồi đạp xe đạp đến trường để tiếp tục việc học.

Khi mùa mưa bão lụt lội của năm Giáp Thìn đã đi qua, người dân hầu như chẳng ai còn cây chuối nào để lấy lá đem ra chợ bán và dùng để gói đồ. Thế là lá bàng được thay vào đó để đáp ứng nhu cầu này. Nguyên là trước nhà Đông chùa Phước Lâm có một cây bàng rất lớn, đến mùa lá rụng, những chú tiểu như chúng tôi quét lá cũng ngẩn ngơ thôi. Vì lá to và nhiều vô số, nhưng nay được chú Hiền đi chợ về bảo rằng: các chú nên hái lá bàng để đổi những nhu yếu phẩm khác cho chùa. Thế là chúng tôi có cơ hội để trèo cây mà chẳng ai nữ trách móc hay la rầy. Cây bàng là loại cây đa, hình thù sần sùi, chẳng thấy ra quả, mà chỉ toàn là lá một màu xanh biếc. Hái mấy ngày rồi cây bàng cũng trụi lá, nhưng đây cũng là một kỷ niệm khó quên của đời mình, khi còn làm điệu tại chùa Phước Lâm vào năm 1964.

Sau khi tôi đi xuất gia được một năm tại Tổ Đình Phước Lâm, Hội An, thì một hôm nhận được một lá thư của Hòa Thượng Bảo Lạc từ Sài Gòn gửi về. Nội dung thư được Thầy cho biết là không đồng ý cho sự đi xuất gia của tôi. Lý do

Thầy đưa ra là trong nhà có một người đi tu đã đủ rồi. Vả lại đời sống của một Tăng nhơn phải chịu nhiều sự khổ nhọc, không nên tiếp tục con đường ấy nữa. Sau khi đọc xong lá thư này, tôi suy nghĩ rất nhiều, nhưng nghĩ lại cho cùng, mình đâu có lỗi lầm gì. Khi đi xuất gia đã được cha mẹ đồng ý và Thầy Bổn Sư cũng mới vừa làm lễ thế phát cho năm rồi. Đây là hai động cơ chính, mà tôi vẫn tiếp tục con đường tu và cũng đã không gởi thư trả lời lại cho Thầy. Lúc ấy đâu có biện minh thế nào đi chăng nữa thì Hòa Thượng Thích Bảo Lạc cũng khó chấp nhận, nên tôi đành chọn giải pháp im lặng là hay nhất.

Ngày xưa tất cả mọi sự việc xảy ra, kết quả thường đến chậm. Ví dụ như muốn viết một lá thư cũng phải suy nghĩ vài ngày và đôi điều muốn trình bày. Trước đó phải viết nháp rồi đọc đi đọc lại nhiều lần để sửa những lỗi sai. Sau đó mới chép lại tử tế, bỏ vào bì thư niêm phong lại, đoạn đem ra bưu điện dán tem gởi đi. Thư đến tay người nhận cũng mất chừng ba đến bảy ngày. Còn ngày nay nhắc điện thoại lên là có thể tha hồ kể lể, tâm sự hay nói chuyện gì mà mình muốn nói, sẽ đến tai người nghe liền. Chẳng bù với bây giờ chỉ cần mở máy lên, nghĩ sao viết vậy, không cần đọc lại, nhấn nút gởi là vài phút sau người nhận được thư, dầu cho ở bất cứ nơi chân trời góc biển nào, cũng có thể nhận được liền. Quả là khoa học tiến bộ, đã mang lại mọi tiện nghi cho con người như thế. Tuy nhiên cái hại cũng sẽ luôn đi kèm với cái tiện lợi kia. Vì lẽ đã nhanh lại càng muốn nhanh hơn, cho nên lỗi này chồng lên lỗi khác là vậy. Lỗi không xem lại kỹ càng, lỗi không viết hoa, lỗi không bỏ dấu, nên đọc lên thấy ý và lời sai, người đối diện liền bị chạm tự ái, thế là lời qua tiếng lại chẳng hay ho gì.

Kể từ ngày có Internet đến nay, trên dưới 10 năm, con người ra chiều thoải mái lắm. Vì rất tiện lợi. Ngồi ở nhà có thể làm việc của hãng xưởng được. Thầy giáo nhiều khi không cần đến trường, họp hành không cần phải có mặt. Lãnh đạo

ngồi ở nhà bật máy lên cũng có thể hội thảo với nhân viên của mình được. Rồi giảng pháp, rồi nghe kinh cầu an, cầu siêu v.v... tất cả đều có sẵn trên màn ảnh, thượng vàng hạ cám chẳng thiếu món nào. Có nhiều Thầy tiên liệu rồi đây Phật Tử cũng không cần phải đi chùa. Vì khi mở máy lên, muốn đi chùa nào mà chẳng có. Cũng sẽ có màn trình diễn quy y với Internet không chừng. Những người bảo thủ thì không rõ đến máy này, mà người đã quen dùng rồi thì khó bỏ được. Thật sự ra chiếc máy nó chẳng có tội tình gì, chẳng qua chỉ là phương tiện trong cuộc sống. Điều quan trọng là mình có thể làm chủ nó hay để nó làm chủ mình mà thôi.

Sau năm 1975 muốn gửi thư từ hay điện thoại về Việt Nam, quả là điều “trần ai mai khổ”. Bên đầu dây này la muốn bẻ ống nghe luôn, nhưng đầu kia cứ hử, hử, không nghe được gì cả. Thế mà đã hẹn trước với bưu điện rồi đó. Thư từ bị kiểm duyệt, tiền bạc khó gửi vào Việt Nam. Quả thật thông tin thời bấy giờ đúng với chính sách “bế quan tỏa cảng”. Còn ngày nay thế giới đã tiến bộ vượt bậc về ngành điện tử, Việt Nam chúng ta không thể dừng chân tại chỗ, mà phải vươn lên để theo kịp trào lưu tiến hóa của nhân loại, nếu không, chúng ta chạy sao theo kịp nổi với Thái Lan, Đại Hàn và Đài Loan, đừng nói gì các nước Âu, Mỹ khác.

Tôi vẫn theo mới, nhưng vẫn giữ gìn cái xưa. Vì lẽ không phải cái xưa nào cũng xấu, cũng quê mùa, mà ngược lại cũng có những mỹ tục, những phong tục, những tập tục cần phải giữ gìn. Còn những gì thuộc về hủ tục thì nên bỏ. Ví dụ như bản thân tôi, cho đến năm nay (2012) vừa viết vừa dịch tổng cộng 61 tác phẩm từ nhiều ngôn ngữ khác nhau sang tiếng Việt, nhưng tôi vẫn chọn lối viết tay, chứ không dùng computer để đánh máy trực tiếp. Vì tôi quan niệm rằng: đây là cơ hội để giữ lại thủ bút của mình cho ngày sau, còn đánh máy nhanh đấy, nhưng nhiều khi lỡ quên giữ lại trong bộ nhớ, nếu chẳng may nhấn lộn một nút nào đó, tất cả những

công trình biên chép, dịch thuật trong mấy tiếng đồng hồ trước đây đã không cánh mà bay, làm sao có thể tìm lại được bài vở cũ. Còn viết tay, dấu sao đi nữa, chữ nghĩa vẫn còn đó, có thể sửa tới sửa lui mà không sợ mất một chữ. Có lẽ đây là cái chấp của tôi và quan niệm riêng của mình, nếu đọc giả thấy không tiến bộ thì cũng không nên bắt chước làm theo.

Những năm 1958, 1959 khi Hòa Thượng Bảo Lạc còn tu ở chùa Linh Ứng tại núi Ngũ Hành Sơn thì gia đình hay đi thăm Thầy. Nhân cơ hội ấy tôi cũng leo đèo theo sau cha mẹ để đi chùa và để được ăn cơm chay. Cơm chay ngày ấy chẳng có gì ngoại trừ chén cơm nóng ăn với rau chấm tương. Thế mà ngon đáo để. Mãi cho đến bây giờ tôi vẫn không thể nào quên được những chén cơm đầy đạo vị của chùa Linh Ứng thuở nào, nhất là sau khi đã leo lên hàng trăm bậc thang cấp mới đến Vọng Hải Đài và Huyền Không Động cũng như chùa Linh Ứng, rồi trở lại nhà Trù với chén cơm tương là một thang thuốc vi diệu không lời. Thuở ấy tôi còn nhỏ, chỉ biết quan sát chứ chưa nhận định gì cả. Ví dụ như thấy các chú tiểu học chữ Hán phải dùng lá chuối để viết. Tôi không thể hình dung được là chùa núi lúc ấy rất nghèo, không có tiền để các chú mua sách vở và bút mực để học viết và tập viết, mà thấy để chỉ thấy mà thôi. Dấu sao đi nữa cái học ngày ấy cũng đã giúp cho quý Thầy ngày nay thành người hữu dụng cho Đạo và cho Đời.

Đến năm 1965, hai thời công phu sáng chiều tôi đã thuộc nằm lòng và chú Hạnh Thu đề nghị với Thầy Như Vạn cho tôi làm Thị Giả thay cho chú Phong. Thế là tôi có cơ hội gần gũi hầu Thầy. Việc làm thị giả căn cứ trên bốn bộ luật Tiểu. Đó là Tỳ Ni, Oai Nghi, Sa Di và Cảnh Sách. Nội dung của luật Tỳ Ni là những cử chỉ đi, đứng, nằm, ngồi của một người xuất gia phải học và hành trì. Ví dụ như trước khi bước xuống giường phải đọc Chú gì, khi ăn cơm, uống nước, xỉa răng, đi đại tiện và tiểu tiện, rửa tay, khi hô chuông, khi ngồi Thiền



Chùa Long Tuyền, Hội An
nơi Hòa thượng
Thích Chơn Phát trụ trì

v.v... tất tất đều phải nhớ ghi nằm lòng, không được quên hoặc thực hành thiếu sót bữa bái.

Người tu có 24 oai nghi cần phải giữ gìn như: trước khi vào phòng Thầy phải làm sao, ra đi với Thầy phải làm sao, đứng hầu Thầy, người thị giả phải như thế nào, nhất nhất đều phải để ý Thầy cần gì nơi mình. Còn nhỏ chỉ học chừng ấy thôi, đến khi lớn lên rồi mỗi Thầy Tỳ Kheo phải cần đến 3.000 oai nghi tế hạnh. Đó là bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi nhân cho 250 giới thành 1.000 oai nghi. Một

ngàn oai nghi này phải giữ gìn trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Tổng cộng thành 3.000 là vậy. Vả lại chữ Thị là gần, Giả là kẻ, người học trò, đệ tử. Nghĩa là người luôn gần gũi lo lắng, chăm sóc cho Thầy mình. Cho nên buổi tối phải hầu Thầy, đôi khi buổi sáng cũng phải hầu Thầy nữa. Sau đó là quét nhà, nấu nước pha trà, rửa ly tách v.v... chỉ chừng ấy công việc thôi, cũng mất khá nhiều thì giờ rồi. Ngày xưa các chùa hay dùng nước giếng để nấu ăn, giặt giũ, đâu có nước máy như bây giờ. Muốn có phải đun sôi bằng củi bổi hay lá tre. Vì chùa không dùng điện nên tất cả đều dùng đèn cây để thắp sáng và than, củi để nấu cơm nước, mất rất nhiều thì giờ.

Giới Sa Di tôi chưa thọ, nên chưa được học. Còn Cảnh Sách thì mỗi tuần học một hay hai trang, lúc bằng chữ Nho, lúc bằng chữ hoặc âm Hán Việt. Văn Cảnh Sách rất hay, do

Ngài Quy Sơn Linh Hựu Thiên Sư biên soạn. Mãi cho đến bây giờ mỗi khi đọc lại hoặc dạy văn này, tôi vẫn thấy những lời giáo huấn của Ngài rất hay, có thể ứng dụng cho mọi thời đại, dầu cho khoa học có tiến bộ đến đâu đi chăng nữa, thì những căn bản đạo đức làm người của Phật Giáo vẫn trụ vững với thời gian năm tháng như thường.

Thời gian từ 1964 đến 1966 là thời gian Hòa Thượng Thích Chơn Phát làm Giám Đốc trường Trung Học Bồ Đề Hội An, Hòa Thượng Thích Như Huệ đi Tuyên Ủy Phật Giáo, Hòa Thượng Thích Như Vạn lo trùng tu Tổ Đình Phước Lâm và xây dựng trường Bồ Đề Hội An. Trong khi đó Sư Phụ của tôi, cố Hòa Thượng Thích Long Trí lo vấn đề hành chánh và xã hội cho Giáo Hội Tỉnh nhà. Đây là tứ trụ Thiên Gia của Hội An thuở ấy. Bốn cây thạch trụ này đã chống đỡ cho giang sơn đạo pháp của xứ Quảng Nam trong 50 năm qua. Nếu không có họ, chúng tôi đã không có những điểm tựa cho lúc ban đầu và ngay cả bây giờ cũng vậy. Mỗi vị Thầy có một số quý Thầy, quý Chú đệ tử quy y và xuất gia, nên Hội An thuở ấy lực lượng Tăng Ni rất hùng hậu, không có chùa nào nuôi dưới 10 đệ tử ăn học. Có chùa như chùa Long Tuyền hay Phước Lâm có đến 20 chú đệ tử cấp sách đến trường Đồi (trường Phổ Thông) 9 tháng. Ba tháng còn lại đi học trường Đạo, trong các Tổ Đình hay các Phật Học Viện, nơi có tổ chức an cư kiết hạ. Một năm 12 tháng chúng tôi chẳng có ngày nào rảnh. Thế mà vui, học và tu là những mục đích chính của chúng tôi lúc bấy giờ nên ai cũng rất hoan hỷ.

Bạn ngoài đời, tôi đã kể sơ qua một vài người còn và một vài người đã mất. Bạn Đạo cũng có một vài người, tuy không thân lắm, nhưng cũng là chỗ thâm tình ở chốn thiền môn. Chúng tôi quen nhau qua việc học tán, tụng, quen nhau qua sự lui tới của quý Thầy của chúng tôi, trong đó có Thị Duyên, Thị Kính và Thị Hạnh. Cả 3 đều ở chùa Tỉnh Hội, đều là đệ

tử xuất gia của Hòa Thượng Như Huệ. Thuở ấy chú nào cũng để chóp và rất xinh. Mỗi chú theo làm Thị Giả hầu Thầy mình một cách khác nhau, không ai giống ai cả.

Sau khi tôi từ già Hội An năm 1969 để vào Sài Gòn tiếp tục việc học, cũng là khoảng thời gian không liên lạc với quý chú này. Mãi cho đến năm 1975 tôi vẫn không được tin tức của họ. Thế rồi một ngày nọ cách đây chừng 15 năm, tôi được một lá thư của Thị Duyên viết thật dài, gửi qua Đức và mong tôi tế độ để được trở lại làm người xuất gia, sau khi trải qua một cuộc đời khá trái ngang từ sau năm 1975 cho đến thời điểm ấy. Sau này tôi đưa Thị Duyên qua Ấn Độ xuất gia và năm 2005 đưa qua Đức thọ giới Tỳ Kheo để tiếp tục con đường xuất gia đã dang dở một thời gian dài.

Hạnh Giải Thị Duyên vốn là một ông thầy giáo dạy văn chương, nên chữ nghĩa rất bay bướm, viết trông rất đẹp mắt, nhìn dáng đi, nụ cười của Hạnh Giải nhiều người dễ cảm tình ngay. Do vậy mà Thầy ấy đã một lần bị lưới tình của học trò vây bủa, rồi hoàn tục, rồi sinh con, đẻ cái, rồi ly dị và đây cũng chính là cơ hội để Hạnh Giải tái lập chí nguyện xuất trần thượng sĩ của mình. Bây giờ thì Hạnh Giải đang ẩn tu và chỉ thích tu thiền. Âu đó cũng là nhân duyên đã định trước vậy.

Thị Hạnh và Thị Kinh cũng đã bỏ tu sau năm 1975 và ngày nay cũng vào đường tu trở lại, sau khi đã hướng dẫn gia đình con cái đi vào nẻo Đạo. Ở đời thật chẳng ai ngờ là vậy. Nhưng cũng nhờ vào dư báo của đời trước, nên họ vẫn còn là những người hộ đạo cho đến giờ này. Vì vậy Đức Phật đã dạy rằng: Tất cả các pháp đều bất định. Không có một pháp nào trên thế gian này mà không thay đổi. Nếu các pháp không thay đổi, sẽ không phù hợp với nhân duyên sanh, mà không nhân duyên sanh thì không phải là Phật Giáo.

Thời gian vẫn trôi nhanh không dừng lại bất cứ một giây phút nào, tôi vẫn lớn khôn qua sự giáo dưỡng của Thầy Tổ và Đại Chúng. Sống dưới sự che chở của Đức Phật, lòng từ bi của mọi người chung quanh, tôi cảm thấy ấm lòng, không có gì phải phân vân và cũng chưa bao giờ tự đặt ra câu hỏi cho mình là: Ngày mai mình sẽ ra sao?

Đã không có câu hỏi được nêu ra thì dĩ nhiên không có câu trả lời nào cần đến. Đời tôi cứ thế bồng bềnh trôi. Cái gì đến, tôi để cho tự nhiên đến, cái gì muốn ra đi, tôi để cho đi. Không thương tiếc, không sầu muộn, không vẩn vương, dẫu cho đó là một cái gì quan trọng đối với đời mình đi chăng nữa, có lẽ đây là cách sống của tôi trong quá khứ và trong hiện tại, nên chung quanh mình lúc nào cũng có những giá trị thực tiễn của nó.

Hương Lúa Chùa Quê

Trong kinh Trường A Hàm, Đức Phật dạy rằng: “Ngày xưa ngày xưa cõi đất này rất sạch sẽ và cơm gạo ngũ cốc cũng có dư thừa, tự sinh sản. Con người không cần làm lụng cũng có của để dùng. Con người thuở ấy ai cũng có thần thông và đa phần con người đến đây từ cõi trời Quang Âm Thiên.”

Đầu tiên con người thấy đất đai màu mỡ, nên lấy ngón tay của mình chấm vào đất và đưa vào miệng để mút thử, thấy ngọt ngọt, con người cảm thấy vui thích và cứ thế lấy đó mà dùng. Mỗi người lại tự suy nghĩ: Nếu mình không lấy để dành thì ngày một, ngày kia sẽ không có đồ ăn. Từ đó tâm tích lũy tồn tại, ai ai cũng lo lấy đồ ăn có sẵn trên mặt đất để cung phụng cho cái đói và những nhu cầu cho mình. Thế rồi mọi người tự be bờ, đắp lũy để tạo thành những thửa ruộng như ngày nay, rồi canh tác, cày cấy, trồng trọt để có cái riêng cho mình. Khi đã có ruộng vườn, tức phải có chủ nhân của miếng ruộng kia. Rồi tá điền, điền chủ, thôn trưởng, xã trưởng lại xuất hiện, để ngày nay tiếp tục gọi là vua chúa, tướng lãnh, thủ tướng, tổng thống v.v... Như vậy con người khởi đi từ cái tham nên mới có sự phân chia như ngày hôm nay và cũng chính từ lòng tham ấy mà thần thông đã mất. Con người ngày nay chỉ có tranh đấu và đấu tranh để tồn tại và sẽ đi đến sự giải thể qua các giai đoạn *thành, trụ, hoại, không* trên quả đất này.

Đây là những bản kinh cổ điển của Phật Giáo được viết bằng tiếng Pali và được dịch sang chữ Hán cũng như tiếng Việt. Mới đọc qua, ít người thấy có thể tin được. Vì cái chấp thủ của con người, trên thực tế những gì Đức Phật đã dạy trong mấy ngàn năm qua không có một điều gì sai quấy và

phản lại khoa học cả. Đây là một Đạo học của nhân loại, một cách sống hợp với lòng từ bi và sự lợi tha cho mọi người cũng như mọi loài. Ai tin được, người ấy cứ tin, ai hiểu được, người ấy cứ hiểu. Đức Phật cũng đã từng dạy rằng: “Đến với ta để thực hành chứ không phải chỉ có tin.” Đây là lời dạy rất sáng suốt của một bậc Giác ngộ.

Như vậy ngũ cốc đã có sẵn nơi thế giới này tự ngàn xưa, trong đó có lúa, mè, đậu, bắp, khoai... Những thứ này là những đồ dùng cho con người và muôn vật. Nó tự biến thể qua nhiều dạng thức khác nhau để làm nên nhiệm vụ sản sinh các thực vật và cung cấp sự sống cho con người cũng như những động vật khác. Ăn là một động tác, hít thở là một động tác, suy nghĩ cũng là một động tác và làm việc là một động tác khi biểu hiện, dễ nhận thức hơn. Con người đã vì cái ăn, vì sự sống mà tranh giành giết chóc với nhau. Do vậy tôn giáo giữ một vai trò quan trọng để kiểm soát cái bất thường nơi con người và tạo nên sự quân bình cho cuộc sống giữa đời sống tâm linh và vật chất kia.

Người Á châu chúng ta dùng lúa gạo làm chính gồm có các dân tộc lớn như Ấn Độ, Trung Hoa, Mông Cổ hay các dân tộc nhỏ như Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam và các nước Đông Nam Á châu khác. Trong khi đó các xứ Âu châu và Phi châu khí hậu khắc nghiệt hơn, do lạnh quá và nóng quá, các thứ lúa sinh sản tại Á châu khó tồn tại ở Âu châu hay Phi châu được, nên tại đây họ trồng lúa mạch hay lúa mì để sản xuất ra những thực phẩm khác, cũng chỉ để nhằm cung cấp lương thực cho con người. Mục đích cũng chỉ để phục vụ cho cái ăn, cái mặc của con người qua nhiều thời đại khác nhau. Ngày xưa số cư dân trên quả đất này rất ít, nhưng ngày nay đã có hơn 6 tỷ người sinh sống, tồn tại và nghe đâu đến cuối thế kỷ thứ 21 này, dân số lên đến 10 tỷ. Như vậy con người lấy cái gì để ăn đây? Đây là một câu hỏi khiến cho nhiều nhà xã hội học phải đau đầu, nhưng nếu đúng như Thánh Gandhi đã nói thì

ta không có gì để lo ngại cả. Ông ta bảo rằng: “Thực phẩm trên thế giới này không bao giờ thiếu, chỉ có lòng tham của con người không bao giờ đủ mà thôi.” Như vậy nếu con người biết dừng lại lòng tham thì sẽ không khổ. Cũng vì tham ăn nên mới mất hết thần thông. Bây giờ tham sống, nên mới chém giết lẫn nhau. Cuối cùng rồi cũng chỉ đem đến sự đổ vỡ và cái họa diệt vong cũng gần kề.

Đầu năm 1966, tại chùa Phước Lâm xảy ra nhiều chuyện không vui trong chúng, khiến nhiều chú cũng lo toan, không biết tương lai của mình sẽ ra sao, nhưng cũng nhờ phép sống lục hòa trong chùa đã giữ lại sợi dây hòa khí, vốn xưa nay đã là giếng mối của chốn Thiên lâm và có lẽ mãi mãi cho đến sau này cũng vậy, nên mọi việc cũng đã trôi qua một cách nhẹ nhàng êm thắm.

Thế rồi ngày 27 tháng 3 năm 1966 đã đến, tôi và Hòa Thượng Bảo Lạc đã mất đi người Mẹ của mình. Phần tôi ở gần, nên đã về thăm quê trong những dịp như thế ấy, nhằm gián tiếp an ủi người cha trong khi Mẹ đã ra đi. Sau tuần thất thứ nhất, tôi trở lại chùa Phước Lâm và có ý xin Thầy Như Vạn về lại quê xưa để giúp Cha trong mùa gặt sắp tới, nhân ngày chung thất của Mẹ. Đây là cái cớ để xa chùa, xa Thầy, xa Chúng trong một thời gian và mục đích là báo ân báo hiếu.

Tôi sinh ra trong gia đình con nhà nông mà chẳng biết cày bừa, cấy lúa. Vì lẽ từ nhỏ đã có gia đình lo. Bây giờ nhân việc Mẹ mất, trở lại quê xưa để giúp Cha thu hoạch vụ mùa. Những người đi trước làm sao, tôi cố làm theo như vậy. Ví dụ như họ xắn quần lội xuống nước và tay mặt cầm liềm cắt lúa, tay trái đỡ bó lúa, đến khi đầy ôm, mang lại bồ lúa để đập. Bồ lúa gồm một tấm phên được dựng cao trong một cái bồ, khỏi tầm người đứng, đoạn chẻ lúa ra từng lọn nhỏ đứng thẳng người đập mạnh lên trên một cái sạp để hạt lúa rớt vào trong bồ và phần bên trên không rơi ra ngoài ruộng là nhờ có tấm

phên che sẵn. Lúa đã được đập xong, chỉ còn cọng rạ. Rạ này người ta phơi khô để cho trâu bò ăn, hay bện lại thành từng lớp để lợp nhà. Có nơi làm bổi đốt để nấu cơm, có nơi ủ rơm thành nấm. Quả thật cây lúa từ khi mới thành hình cho đến lúc trở đòng đòng, kết thành bông, tạo thành hạt... rồi thành gạo, thành cơm. Mỗi một giai đoạn, cây lúa từ thân đến hạt đều cung cấp cho con người nhiều việc khác nhau, nhằm giúp cho con người khắc phục những khó khăn nhất định trong cuộc sống hằng ngày.

Đứng cắt lúa và đập lúa tôi không ngại, chỉ ngại khi thấy những con đĩa nhún mình đo tới bám sát vào đùi của mình. Lúc ấy chỉ có la hoảng chạy lên bờ. Trong khi đó anh chị tôi đều cười và bảo rằng: Chẳng có gì để đáng lo cả. Hãy đứng yên đó và nhỏ nước miếng vào chỗ bị đĩa cắn, đĩa sẽ buông ra ngay và lấy một mảnh lá tôi đang mang hay lá đang đội nón trên đầu áp vào vết thương, máu sẽ ngưng chảy và đó là kết quả của một công việc. Tuy đơn giản, nhưng không có những bài học của nhà nông thì mãi cho đến bao giờ ta cũng sẽ không thực hành được những kinh nghiệm thực tế ấy.

Sau khi gặt lúa về nhà, có nơi dùng trâu hay bò đập lên bông lúa để có hạt lúa rời, nhưng nhiều nhà nông cho rằng việc này không bằng đập lúa để cho hạt lúa còn nguyên vẹn hơn. Sau khi đập lúa xong, người ta phải phơi lúa cho khô qua nhiều ngày nắng. Mỗi ngày lấy cào lúa cào đi cào lại bao nhiêu lần để cho hạt lúa đổi phía. Ngày cuối cùng người ta “dê lúa” (hay rê lúa). Dê lúa là danh từ của nhà nông, có nghĩa là một người đứng thẳng mang thúng lúa “dê” xuống đất, phía sau có một người cầm chiếu hay quạt lớn quạt đều tay, những hạt nặng rơi thẳng xuống mặt đất, những hạt lép bay ra phía trước. Cuối cùng người ta chỉ đong những hạt chắc đổ vào lu và những hạt lép cho gà vịt ăn.

Khi nào muốn có gạo thì phải xúc lúa trong lu ra xay bằng cối xay tay. Cối xay có 2 thớt. Thớt trên nặng và quanh

mặt thớt có gắn những kim loại để có thể nghiền được. Thớt dưới nằm yên không di chuyển và chung quanh thớt dưới có đường mương cho gạo chảy ra. Lúa được bỏ vào phần trên cùng của thớt bên trên. Khi nào lúa trong vòng tròn sắp hết thì người cho lúa phải tiếp tục cho lúa khác vào. Sau khi xay xong thì gạo này có cả trấu và gạo nằm chung. Các chị lúc ấy đổ gạo hỗn hợp này lên một cái sàng, gạo được sàng và được sảy thật kỹ. Lúc ấy sẽ có một loại trấu và gạo lúc hình thành. Nếu kỹ nữa thì đem gạo lúc này giã vào cối một lần nữa, sẽ có gạo trắng. Thế là nhà nông có một bữa cơm nguyên chất mặn nồng và đầy cả tình cảm quê hương trong ấy.

Đó là vào thời buổi xa xưa khi phương tiện máy móc chưa xuất hiện ở miền Trung nhiều, nghe đâu sau này sau khi gặt lúa, người ta chở lúa đến nhà máy xay lúa. Máy xay hay máy nghiền, máy gặt hoặc máy sấy chỉ làm việc trong một hai ngày là lúa đã sạch vỏ, tạo thành những hạt gạo trong ngần dùng để ăn hay đem ra chợ bán, tùy theo nhu cầu của gia đình.

Ngày xưa khi còn Mẹ, tôi vẫn được dạy rằng: “Cơm là hạt ngọc của trời, đừng phí phạm nó. Sau này sẽ làm heo gà để ăn lại cơm thừa đổ tháo ấy.” Lời Mẹ dặn tuy không mang tính triết học, thế nhưng nó cũng ứng với kinh điển của Phật dạy tự ngàn xưa. Nghĩa là hạt cơm ấy có gốc gác là những hạt ngọc từ cõi Trời mang đến. Điều này cũng không khác gì món cơm ở cõi Trời Hương Tích mà Ngài Duy Ma Cật đã nấu để dâng cúng cho Chư Tăng. Món cơm ấy có khả năng cung cấp cho nhiều người, nhưng nồi cơm vẫn còn nguyên vẹn.

Lần này trở lại quê, tôi đã mang vóc hình của người Tăng sĩ, đầu cạo nhẵn, mình mặc áo nhật bình. Do vậy có nhiều người trầm trồ rằng: “Nhà ông Quyên có phước quá, có cả hai người con đi xuất dương.” Ý muốn nói rằng đi xuất gia tu học, nhưng bà nọ lại bảo là đi “xuất dương”. Thế mà điem này cũng hẳn đúng cho những năm sau đó là Hòa Thượng Bảo Lạc và tôi đã xa rời khỏi nước trước 1975 để sang Nhật Bản

du học. Đây là những kết quả không định trước, mà cũng đã có không biết bao nhiêu người muốn, nhưng đã thành tựu được gì đâu, chẳng qua là nhờ hiện báo và dư báo tốt hoặc xấu của mỗi người còn sót lại.

Chùa Hà Linh quê tôi vẫn còn đó, sừng sững với gió sương, chứng kiến không biết bao nhiêu tang thương đổ nát của quê hương qua chiến tranh bị tàn phá và ngôi chùa làng quê tôi cũng đã là chứng nhân của lịch sử, chứng kiến không biết bao nhiêu kẻ đến người đi. Có kẻ thành người hữu dụng cho đất nước, mà cũng có người vì chính kiến khác nhau nên kẻ đứng bên này, người đứng bên kia đối diện nhau như hai đường thẳng song song không bao giờ gặp nhau. Ngoài ra chùa cũng là nơi mang đến bao nhiêu hạnh phúc cho dân làng. Vì chùa bây giờ đã sản sinh ra rất nhiều người xuất gia, mà ngày nay đã có rất nhiều Hòa Thượng, Sư Bà, Ni Sư vốn đã xuất thân từ Gia Đình Phật Tử Hà Linh này.

Chùa nằm trên vị trí thật cao, nhưng nhiều lúc nước lụt lớn vẫn có thể kéo nước vào. Do vậy sau này Ban Đại Diện cũng như Ni Sư Trụ Trì có viết thư vận động nhờ chúng tôi giúp đỡ để xây một Tầng Xá hai tầng, nhờ khi tai trời ách nước có xảy ra thì cũng có nơi che chỗ những con người vốn chịu nhiều cực khổ nơi thôn quê, dân dã này. Điều này chúng tôi đã đáp ứng để thực hiện việc xây dựng tái tạo kia trong đó có cả Hòa Thượng Bảo Lạc, bản thân chúng tôi, Sư Bà Diệu Tâm, Ni Sư Như Viên, Ni Sư Diệu Phước v.v... Đây là cái tình quê và cái nghĩa của nơi chôn nhau cắt rốn mà chúng tôi đã thể hiện trọn vẹn khi còn đang ở ngoại quốc ngày nay, nhằm hỗ trợ cho quê hương có một nơi yên ổn khi xuân đến đông về.

Trước chùa có một sân nhỏ, là nơi để cho Gia Đình Phật Tử sinh hoạt. Hai bên vườn chùa trồng bí đao và bí rợ. Đây là sản phẩm của nhà nông. Vùng chùa quê này quanh đi quẩn lại cũng chỉ sản xuất được một số hoa màu chính như: lúa, bắp, đậu và những hoa màu phụ như: bí, bầu, rau, cải v.v... Nông

dân chủ yếu bám vào miếng đất của mình để cày xới, trồng trọt, nhằm tạo thêm đời sống vật chất cho gia đình mình có đủ cái ăn cái mặc, nhưng trời lại chẳng thương tình họ. Khi mùa mưa, mùa lụt đến, tất cả tài sản họ làm được trong năm, đều bị cuốn trôi theo dòng lũ. Thế là đi đong cả một công trình. Họ lại bắt đầu cho năm khác và cứ thế, năm này qua tháng nọ, một nắng hai sương họ phải chịu dãi dầu như vậy.

Những ngôi chùa Tổ như Phước Lâm, Long Tuyên, Chúc Thánh còn có ruộng đất quanh chùa hay ở những nơi khác. Đây là những đất đai mà ngày xưa vua quan hay những nhà điền chủ đã cúng cho chùa. Nhà chùa cho dân chúng làm thuê và mỗi năm đến mùa gặt, chủ đất đến gặt lúa chung với người thuê đất và chia hoa lợi đem về chùa mình. Nhờ vậy mà các chùa Tổ mới có huê lợi nuôi Tăng Chúng ăn học. Còn các chùa tại nhà quê, như chùa Hà Linh, nơi tôi được sinh ra chưa được cái phước ấy. Mãi cho đến khi tôi đi xuất gia, ngôi chùa ấy vẫn chưa có trụ trì. Mọi sự đóng góp đều do dân làng chung sức lại với nhau để xây dựng.

Sở dĩ những ngôi chùa Tổ có được nhiều ruộng đất như vậy vì chùa đã thành lập lâu đời và Trụ Trì hay Phương Trượng của những ngôi chùa Tổ ấy là những vị cao Tăng, đạo cao đức trọng như Tăng Cang hay Hòa Thượng, danh tiếng lẫy lừng. Do vậy vua quan mới trọng vọng và cúng dường vào đó. Từ xa xưa đến nay, các chùa Việt Nam chúng ta đều sinh hoạt theo hệ thống này, nghĩa là Sơn Môn hay Giáo Hội không có một uy quyền tuyệt đối như các Tôn Giáo khác và không có mệnh lệnh từ trên đưa xuống, vì chẳng có giáo quyền, nhưng Đạo Phật và chùa viện được tồn tại lâu đời trong dân chúng là nhờ vào uy đức của chư Tăng ảnh hưởng đến tín đồ. Chính nhờ công đức của chư vị Tổ Sư mà đã nuôi sống cả một dòng Thiên hay Tịnh Độ và nhờ vậy Đạo Phật đã có mặt trong dân gian từ thượng tầng cơ sở cho đến nơi thôn quê hẻo lánh. Nơi nào có người dân sinh sống, nơi đó đều có sự hiện hữu của

một ngôi chùa, tùy theo số lượng dân cư sinh sống tại đó mà chùa sẽ được lập nên ít hay nhiều.

Chùa chiền tại Việt Nam được chia ra nhiều loại như sau:

Chùa Tổ (hay Tổ Đình) là những ngôi chùa lớn, có mặt lâu đời tại xứ sở đó. Đầu tiên những ngôi chùa này cũng chỉ là những am tranh do các vị Hòa Thượng nổi tiếng về đây xây dựng để nhập thất và hành thiền. Sau này vị Thầy ấy nổi tiếng qua công hạnh tu tập của mình, chùa được các đệ tử xây dựng quy mô hơn, thay thế cho am tranh kia và vị ấy có xuất ra dòng kệ để truyền thừa. Ví dụ như Tổ Minh Hải khai sơn Tổ Đình Chúc Thánh ở Hội An, Tổ Nguyên Thiệu khai sơn chùa Quốc Ân ở Huế v.v... Tất cả đều phụ thuộc vào công hạnh của vị Tổ Sư ấy. Thông thường những ngôi Tổ Đình như vậy độc lập về mọi phương diện với tín đồ. Chùa do chư Tăng quản lý và xây dựng. Phật Tử chỉ góp công, góp của vào để tạo nên chốn Già Lam thanh tịnh, nhằm có nơi chốn cho Phật Tử tu hành.

Chùa Tỉnh Hội hay Quận Hội, là những ngôi chùa có tính cách hành chánh, là trụ sở của Tỉnh của Quận và ở đây do Ban Hộ Tự nắm quyền. Vị trụ trì nếu có cũng chỉ là một vị lãnh đạo tinh thần đúng nghĩa, không chi phối vào việc chùa và việc Hội. Đây là điểm đặc biệt khác với chùa Tổ.

Chùa làng, chùa tư là do làng xã dựng nên hay những người giàu có bỏ tiền ra để thành lập. Sau đó trong làng đi thỉnh Thầy, Cô về trụ trì và chùa tư cũng giống như vậy. Đa phần những chùa này khó nuôi Tăng chúng. Vì tất cả đều lệ thuộc vào làng, xã hoặc tư nhân. Chỉ có vị Sư trụ trì là có thể ở lâu dài tại nơi đây để chăm sóc hương khói cho chùa, cúng đám cầu an, cầu siêu cho dân chúng trong làng.

Ngoài ra cũng có những ngôi chùa làng không hoặc chưa có Thầy, Cô về trụ trì, vì nơi đó hẻo lánh, kinh tế khó khăn, hoặc giả những chùa lớn tại tỉnh nhà không đủ Tăng, Ni để cung cấp về lo chăm sóc những chùa này, trong đó có chùa

Hà Linh tại quê tôi. Thỉnh thoảng có những lễ lớn như Phật Đản hay Vu Lan, Ban Hộ Trì về Tỉnh cung thỉnh chư Tôn Đức giảng sư về đây giảng một hai ngày và tổ chức các buổi lễ quy y Tam Bảo cho Phật Tử tại gia, sau đó các Ngài trở lại trụ xứ của mình và mọi sinh hoạt tại địa phương đều do các cư sĩ đảm nhiệm.

Trước năm 1975 chùa Hà Linh cũng cùng chung số phận với bao nhiêu chùa khác trong tỉnh là trong một thời gian dài không có Thầy, Cô trụ trì, mặc dầu nơi này sản sinh ra không dưới 30 vị đi xuất gia đầu Phật, nhưng sau khi rời khỏi làng quê, quý vị này có cơ hội đi là đi tới luôn, ít có vị nào quay trở lại. Nếu có chăng chỉ là thăm viếng trong một thời gian ngắn mà thôi. Không phải người ta chê chùa quê, nhưng vì người trong làng vốn đã quen biết quá lâu, quá nhiều, giờ đi xuất gia rồi, dầu cho có lên đến bậc Ni Sư, Hòa Thượng họ vẫn nhớ hình ảnh của chú trẻ mục đồng chăn trâu thuở nhỏ hay cô bé gánh nước thuê dạo nào, thật khó làm việc vô cùng, dầu cho vị ấy có khả năng nhiều đi chăng nữa. Cho nên họ chọn giải pháp đi xa và ở xa là vậy.

Sau năm 1975, Giáo Hội có thêm nhiều nhân sự trẻ, nên bây giờ chùa Hà Linh cũng đã có một Ni Sư thuộc miền khác về đây trụ trì. Do vậy không khí sinh hoạt của chùa có vẻ ấm cúng hơn.

Trong khi ở lại quê để giúp cho gia đình thu hoạch mùa màng và làm tuần 49 ngày cho Mẹ vào năm 1966, đêm nào tôi cũng về chùa Hà Linh để nghỉ ngơi và kinh kệ. Sáng sớm hôm sau về nhà dùng điểm tâm và lại xách nón ra đồng để cùng cha và các anh chị tiếp tục công việc nơi những thửa ruộng còn lại. Cuối cùng rồi chữ Hiếu cũng tạm yên, tôi trở lại chùa Phước Lâm tại Hội An trong mùa hè năm 1966.

Như trên quý vị cũng đã đọc qua, vì trong Chúng có việc không vui, nên tôi cũng đã tìm cách vắng xa chùa một thời

gian. Nay tuần 49 của Mẹ tôi cũng đã qua rồi. Đây là cái cớ để tôi xin phép Hòa Thượng Như Vạn về lại chùa Viên Giác để đi học cho gần. Và lại thuở ấy không có ai hầu Thầy Bồn Sư, ngoài chú Thứ, trong khi đó tại chùa Phước Lâm có nhiều chú lo cho Thầy. Thầy nhìn tôi có ý trừ trừ và Thầy cũng đã nhận ra rằng, đó không phải là ý chính thúc đẩy tôi phải về lại Viên Giác, nhưng nếu đã muốn thế thì Thầy cũng thuận lòng cho.

Lúc ấy chùa Phước Lâm đã lợp ngói xong và ngôi chùa bây giờ bề thế hơn xưa rất nhiều. Nơi đây dấu sao cũng đã ghi lại nhiều kỷ niệm đẹp trong đời làm điệu, lúc mới xuất gia học đạo của tôi. Suốt cuộc đời của mình, mãi cho đến bây giờ gần 50 năm trôi qua, tôi vẫn không bao giờ quên được hình ảnh ngôi chùa và tuổi thơ của tôi đã sống tại đây 2 năm, từ năm 1964 đến năm 1966.

Con người có thể già đi về hình hài và tư tưởng, nhưng rất trẻ con khi những ký ức của tuổi thơ hiện về. Vì vậy đã có không biết bao nhiêu văn nhân thi sĩ nuối tiếc tuổi thơ hay tuổi học trò là vậy. Lúc còn nhỏ, mình đã chẳng làm nên tích sự gì, nhưng chính cái không tích sự ấy đã trở thành sự tích cho Đời và cho Đạo về sau này khi mà cuộc đời của vị Tăng Sĩ ấy đã theo Phật về Tây. Ý tôi không phải muốn tự tô bồi cho mình một chỗ đứng, nhưng tôi chỉ muốn ghi lại cuộc đời của mình thật rõ ràng, để ngày sau, nếu có ai đó tìm lại bước chân xưa, thì có cơ sở để dò tìm. Dĩ nhiên là tôi không thể ghi lại hết sự thực 100% được. Vì có những sự thực quá phũ phàng nên tôi sẽ lướt qua. Vì càng đào sâu vào sự thực thì sự thực ấy sẽ trở thành phản sự thực. Và lại tất cả những gì hiện có trên đời này đâu có gì là chân thực mà đi tìm cái thực? Bởi nếu có tìm ra được cái thực đi nữa, thì cái thực ấy cũng chỉ là giả danh mà thôi. Bản chất của cuộc đời này vốn là như vậy.

Tôi về lại Viên Giác vào mùa hè năm 1966 cũng là thời gian chuẩn bị lễ Khánh thành Tây Đường đã được xây dựng trong

thời gian qua. Bây giờ dãy nhà này khang trang hơn, có phòng khách, nhà giảng và phòng nghỉ của Sư Phụ. Tầng trên dùng để cho khách đặc biệt của Sư Phụ nghỉ lại khi viếng thăm chùa Viên Giác và bên ngoài là tầng thượng tiếp nối với nhà Trù cũ kỹ ngày xưa. Thấy tôi rất vui khi thấy tôi về và cũng chẳng gạn hỏi gì thêm, sau khi tôi đã thưa ý chính là về đây gần Thầy cũng như đi học cho gần. Thấy bảo qua nhà Đông có Bác Thị Tâm đang ở đó, hãy ở chung gian phòng với Bác.

Lúc ấy tôi cũng đã 17 tuổi rồi. Cái tuổi chẳng khôn cũng chẳng dại. Đây là cái tuổi của sự phán đoán có lẽ chín chắn hơn và cũng là cái tuổi có nhiều suy tư hơn thuở còn nhỏ. Mùa hè năm ấy có phong trào đưa bàn thờ Phật xuống đường của Hòa Thượng Thích Trí Quang chủ trương và Phong trào Thanh Niên Quyết Tử tại tỉnh nhà cũng rất mạnh. Tôi thường thấy lính tráng, Gia Đình Phật Tử, nam thanh nữ tú vào ra giảng đường nhận nhíp hàng ngày. Lúc ấy chú Thứ làm Thị Giả cho Thầy và lo trà nước cho nhiều chính khách nên biết mặt, nhớ tên rất nhiều người. Khi nào có gì hơi khả nghi, chú lại tin cho tôi biết. Ví dụ như có cô nào đó vào nói chuyện với Thầy cả mấy tiếng đồng hồ mà chưa xong, có ông Đại úy ấy thấy quá hùng hồn. Hình như bà kia là giao liên cũng nên... hết tin này đến tin khác, tôi cũng chỉ quan sát và đợi chờ, không phản ứng và cũng chẳng quan tâm nhiều.

Thông thường con người tự nghĩ mình là đúng, nên mới thực hiện một điều gì đó, hay bảo vệ cho một lý tưởng nào đó của mình. Bởi vì ý kiến kia do sự chấp thủ dẫn đầu, nên khó mà nói rằng điều ấy đúng hay sai. Nó đúng với người này mà sai với người kia và trong thiên hạ có cả thiên hình vạn trạng cách suy nghĩ khác nhau, bảo làm sao cho giống mình được. Từ đây mới có sự tranh luận và giành phần thắng lại cho mình. Thắng hay thua, thành hay bại cũng giống như “giọt nước sương mai trên đầu ngọn cỏ” mà thôi! Có đó rồi mất đó, hiện hữu đó rồi tan biến đó, đẹp đó rồi xấu đó... Ai hiểu được

điều này thì cũng chẳng nên bám víu một vật gì ở thế gian để làm gì. Tất cả đều do sự hòa hợp và tất cả cũng sẽ tan rã. Chỉ chờ đợi thời gian sẽ trả lời cho những sự kiện có không này.

Thình lình vào một buổi sáng tinh sương, sân chùa Viên Giác tại Hội An náo động bởi những chiếc áo kaki màu xanh của lính. Họ là những người lính của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đã được lệnh trên, nên đột nhập vào chùa để bắt những người chủ chốt, trong đó có Thầy tôi và một số anh em Huynh Trưởng của Gia Đình Phật Tử đang sinh hoạt trong Phong trào Thanh Niên Quyết Tử mặc áo đà thay vì áo lam. Họ là những người sẽ chết vì Đạo và cho Đạo.

Tôi quan sát những người lính này họ làm gì và kết quả thật bất ngờ khi họ dúm tay vào lư nhang lấy ra những quả lựu đạn còn mới. Khi vào sau hậu Tổ họ đem ra một mớ truyền đơn tuyên truyền của cộng sản, hô hoán là những Anh Em Quyết Tử này đang in Ronéo và có cả cờ Giải Phóng nữa. Đây là bằng chứng để họ bắt đi tất cả. Thật sự ra bằng chứng ấy cũng chỉ là một sự ngụy tạo đối với những kẻ đương quyền mà thôi. Vì họ đang có quyền và có súng đạn trong tay, còn Phật Giáo không có gì hết, ngoại trừ một tấm lòng cho quê hương, cho dân tộc và đạo pháp.

Tôi cũng đã đọc xong quyển “Trí Quang tự truyện” của Hòa Thượng Trí Quang viết trong thời gian gần đây, nhưng thật sự không tìm được câu giải đáp chính đáng của giai đoạn tranh đấu năm 1966 do Ngài chủ trương. Có lẽ Ngài ngại viết ra sự thật. Vì sự thật bao giờ cũng phũ phàng, nhưng nếu nhân vật chính còn ngại ngùng thì tất cả những báo chí phê bình cũng chỉ là những quyết đoán mà thôi. Sự thật như thế nào xin dành cho khoảng không im lặng vậy.

Thầy tôi bị bắt, tôi cũng theo cùng. Khi đến Ty Hành Chánh tỉnh Quảng Nam thì họ đưa Thầy tôi lên máy bay trực thăng, còn tôi và một số anh em Gia Đình Phật Tử họ đưa qua nhà lao bên cạnh trường Trần Quý Cáp. Thời gian

này là thời gian khai cung, thời gian bị ở biệt lập, thời gian bị tra tấn, thời gian tạo ra sự nghi kỵ lẫn nhau. Họ nhốt chung chúng tôi với tù hình sự. Khi vào đây lại gặp chú Duyên và chú Phấn ở chùa Tỉnh Hội cũng bị bắt. Có lẽ đây cũng là kế hoạch tổng tấn công các chùa chiền miền Trung, giống như năm 1963 thời ông Diệm.

Năm đó, ngoài những Sư Cô ở chùa Bảo Thắng thăm nuôi hằng tuần ra, chùa Viên Giác tại Hội An chẳng có ai đi thăm chúng tôi. Vì Thầy tôi đã bị bắt, chúng lý chùa Viên Giác tan hàng, chỉ còn có Bà Chín ở lại chùa, trong khi cửa chính chùa cũng không mở và chuông u minh cũng chẳng gióng được ngày nào.

Sau mấy tuần hỏi cung họ cũng chẳng tìm ra được một manh mối nào. Vì giữa Phật Giáo tranh đấu thuở bấy giờ không có sự liên hệ với bất cứ một đảng phái quốc gia hay cộng sản nào cả. Phật Giáo vẫn là Phật Giáo của dân tộc, không toa rập với ngoại bang để làm hại dân mình. Do vậy Phật Giáo không đứng bên này lẫn bên kia, mà đứng lên trên mọi khuynh hướng đối kháng của thời đại và đứng trong lòng của dân tộc. Sống cùng đồng cam cộng khổ với dân tộc, Phật Giáo không sống cho chính mình mà chính vì sự lợi ích của tha nhân và sự hưng thịnh của Tổ Quốc về sau này. Từ đó họ nói lỏng chúng tôi, cho ra ở 2 nhà vòm phía trước, đối diện với Tiểu Khu Quảng Nam và vẫn nằm bên cạnh trường Trung Học Trần Quý Cáp.

Sau 3 tháng như vậy có lệnh được phóng thích. Hôm đó có Hòa Thượng Thích Trí Minh, Trụ trì chùa Tỉnh Hội cùng với ông Phạm Ngọc Chi, Tỉnh Trưởng tỉnh Quảng Nam đến khuyên giải vài điều, rồi chúng tôi ai lại về chùa nấy.

Có ở tù rồi mới biết người xưa nói không sai: *“Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại”* (một ngày ở trong tù như ngàn năm ở bên ngoài). Khi chưa mất sự tự do, người ta thường không để ý đến sự tự do là gì, nhưng khi sự tự do đã mất, lúc

ấy người ta mới thấy sự tự do là vô cùng quan trọng. Đúng như trong Truyện Kiều, Cụ Nguyễn Du đã diễn tả rằng: “Đoạn Trường ai có qua cầu mới hay.” Khi còn ở bên đầu cầu này hay đầu kia, đề bạt nhiều ý kiến, nhưng khi tự mình cất bước qua cầu, nhất là chiếc cầu bắc ngang giữa Đồi và Đạo hay chiếc cầu sinh tử, tử sinh, thì lúc ấy mới biết biệt nghiệp của mình lành dữ như thế nào.

Tôi về lại chùa Viên Giác Hội An thấy cửa đóng then cài. Đi từ ngõ vào chùa chỉ cảm nghe như tiếng lá đa xào xạc, không một bóng người qua lại, trông rất đìu hiu. Đặt chân lên chánh điện, tôi mở toang cánh cửa chính đầy mạng nhện giăng để cho ánh sáng lọt vào bên trong đoạn dò dẫm lên bậc trên, dưới chân mình chạm vào một lớp bụi thời gian, cảm nghe chùng như lâu lắm mới có người đặt chân đến. Tôi cúi sập người xuống lễ Phật ba lạy rồi gióng lên 3 tiếng chuông gia trì, lòng mình cảm thấy trống vắng lạ thường. Bỗng bà Chín từ đâu đã xuất hiện, mở hé cánh cửa chùa, nhìn thấy tôi bà la lên. “Ôi! Ông Điển!” Chỉ có thế mà nước mắt lại tuôn trào. Tiếp đến tôi hỏi chuyện bà về ai còn, ai đã ra đi và tin tức về Thầy mình ra sao v.v... Kể từ ngày hôm ấy tiếng chuông u minh lại bắt đầu vang vọng.

Sau khi quét dọn chánh điện và sân chùa xong, ông Cửu Y nghe tin tôi về cũng ghé thăm và một vài người Phật Tử ở ngoài đó cũng bắt đầu tụ họp lại, để tụng kinh niệm Phật vào những đêm sám hối và Rằm, mong một để chờ ngày Thầy tôi trở về. Độ chừng một tháng sau thì Thầy được trở lại chùa xưa và quý chú cũng lục tục trở lại Viên Giác tự. Thầy không vui mà cũng chẳng buồn, lúc nào cũng cảm thấy như Thầy bản khoán cho một điều gì đó.

Sau ngày bàn Phật xuống đường tại miền Trung, Hòa Thượng Thích Hành Đạo đơn vị Đà Nẵng và Hòa Thượng Thích Như Huệ đơn vị Quảng Nam chính thức đưa đơn từ chức lên Nha Tuyên Úy Phật Giáo. Các Ngài trở về đơn vị

của mình để sinh hoạt như xưa. Kể từ năm 1966 trở đi Hòa Thượng Thích Chơn Phát nghỉ làm Giám Đốc trường Trung Học Bồ Đề Hội An và Hòa Thượng Thích Như Huệ đảm nhận chức vụ này cho đến những năm về sau. Trong khi đó trường Bồ Đề vẫn tiếp tục xây dựng, do Hòa Thượng Thích Như Vạn làm Đốc Công. Mới đây (17.12.2012) nhân lễ Đại khánh Bát tuần của Hòa Thượng Thích Như Huệ, Phương Trượng chùa Pháp Hoa tại Adelaide, Nam Úc, Ngài cho biết rằng: “Thời gian từ năm 1964 đến năm 1968 Công Bình đã giúp cho việc xây dựng trường Trung Học Bồ Đề Hội An rất nhiều, như chỗ gỗ, chỗ xi-măng, chỗ đất, chỗ sắt v.v... Lúc ấy họ đã cho không và không tính đồng nào, nên Giáo Hội mới có được một ngôi trường khang trang như vậy.”

Cho đến bây giờ mỗi lần hồi tưởng về những ngày ở tù của năm 1966 này, tôi hay nhớ lại hình ảnh của cha mình đi thăm nuôi, đứng kẹp dù trước cổng trại tù Hội An để han hỏi vài lời rồi trở về quê trong vội vã. Hình ảnh ấy đã làm cho tôi xúc động và tôi cũng đã chẳng hỏi nhờ đâu mà cha biết tin. Thế nhưng người đã đến. Cái tang Mẹ mới cách đó mấy tháng. Bây giờ lại chịu lãnh án tù không chờ đợi ở tuổi 17, trong khi mới xuất gia được gần 3 năm. Thời gian như ngừng trôi và không gian như đọng lại, chỉ có sự chiêm nghiệm vào bề sâu của tâm hồn, tôi mới thấy tình phụ tử, tình mẫu tử là gì. Dẫu cho người con ấy sau này có trở thành là gì đi chăng nữa, trong tinh thần huyết thống, nó vẫn là đứa con trong kiếp này và nhiều kiếp khác ở trong sự sinh tử luân hồi kia.

Bây giờ cuộc sống của tôi tại chùa Viên Giác đã bước sang một bước ngoặt mới. Vì những khung cửa đã sạch nhện giăng, nhưng đường đời muôn vạn nẻo, tôi vẫn phải đi theo để củng cố tâm Đạo của mình.

An Cư, Thọ Giới

Năm 1966 là năm đầy sóng gió với cuộc đời tu sĩ non trẻ của tôi. Nào thay đổi chỗ ở, nào vào tù, nào tang Mẹ, nào mất mát niềm tin của tuổi thơ v.v... Thế mà dòng thời gian cứ mãi lặng lẽ trôi, tôi vẫn tu, tôi vẫn học, vẫn đi vào cuộc đời giông bão ấy.

Về lại Viên Giác đời sống nội tâm yên ổn hơn. Tuy nhiên tôi phải đối diện với công việc. Vì trong các chú tiểu như: Thứ, Ngô, Sơn lúc bấy giờ, tôi là người to con lớn xác hơn cả. Đây là cơ hội để bà Chín “xem mặt mà bắt hình dong”, bảo tôi mỗi tháng hai lần vào ngày 14 và 30 nếu tháng âm lịch ấy đủ phải xay đậu nành và chú Ngô phụ bà Chín sàng sớm ngày rằm và mồng một mang đậu ra chợ bán. Dĩ nhiên là tôi thích xay đậu hơn việc đi bán đậu. Chú Ngô còn nhỏ ít mắc cỡ. Còn tôi lúc ấy đã 17 tuổi rồi, lỡ đi bán đậu, gặp các bạn học cùng lớp sẽ bị chế giễu, cho nên cuối cùng tôi đã chọn công việc nặng nhọc kia.

Thứ thuở ấy còn nhỏ, đi đâu và đứng ở đâu cũng cần móng tay, nhưng được cái là học giỏi, lanh lẹ nên Thầy tôi chọn chú làm Thị Giả đi đây, đi đó với Thầy. Thế mà sau năm 1975 không tu nữa, ra đời làm đến Giáo Sư Đại Học trong hiện tại. Thứ giữ nhiệm vụ cho đậu và nước vào cối xay, còn tôi chỉ có nhiệm vụ quay cối cho đều để có được những thùng nước đậu nành trắng xóa là được rồi. Nước đậu ấy đem đổ vào vải để “bông” cho ráo, chỉ còn xác đậu. Đó là nước nhất. Đoạn đổ nước lạnh vào bã đậu “bông” một lần nữa để có được nước thứ nhì. Cả 2 nước đậu ấy dồn chung lại đổ vào nồi để bà Chín nấu và canh cho đến khi nào nước đậu sôi, lấy một ít nước đậu còn lạnh đổ vào nồi, để nước sôi trong nồi hạ xuống. Tiếp theo dùng thạch cao đổ vào thau, quậy cho đều, đoạn

đem nước đậu vừa nấu sôi đổ vào thau, khuấy cho đều tay cho đến khi nào đậu đông lại thì dừng. Còn xác đậu thấy ra bên ngoài dùng để cho heo ăn hay làm phân bón cho cây cỏ.

Độ 15 phút sau, đậu đông cứng rồi, đem đậu ấy đổ vào một khuôn đậu, bên dưới có lót sẵn vải và đổ đậu đông kia vào đây khuôn, sau đó bắt các chéo vải lại, dặt lên trên một tấm ván vừa cái khuôn đậu, tiếp theo lấy đá đè lên bên trên miếng ván ấy, để cho nước chảy hết ra ngoài, chỉ còn toàn là đậu nguyên chất thì dỡ khuôn ra và cắt thành từng miếng, ngâm vào trong nước, kế tiếp đem ra chợ bán. Đậu này người miền Trung gọi là “đậu khuôn”. Vì đậu được làm nằm trong khuôn gỗ. Miền Bắc gọi là đậu phụ. Thực ra, đậu phụ nếu viết bằng Hán văn, nó chỉ có nghĩa là hạt đậu nành mà thôi. Người Hoa gọi là đậu hủ. Chữ *hủ* có nghĩa là thối. Đậu này mà ủ lâu ngày có thể làm chao, làm tương được. Thật ra gọi cách nào cũng đúng cả. Vì trong cả 3 danh từ ấy, chữ đậu vẫn đóng vai trò chính.

Thuở ấy có một người đàn bà trung niên tên là Cô Bốn từ Cẩm Nam thường sang làm công quả trong những ngày rằm, mồng một để phụ cho Bà Chín, kể cả việc đi bán đậu sau này, khi Bà Chín bị tai nạn giao thông qua đời. Thế là Cô Bốn có lý do chính thức ở lại chùa luôn, thay thế nhiệm vụ của Bà Chín lâu nay. Chúng Diệu chúng tôi không ai được hỏi ý kiến và cũng không hợp chúng để thuê thêm người vào. Nếu là chùa Phước Lâm thì chú Hạnh Thu đã làm nhiệm vụ ấy rồi. Chúng tôi không thắc mắc mà chỉ để ý những việc làm của người đàn bà tuổi trung niên ấy mà thôi. Bà này chỉ biết có Thầy trụ trì, còn diệu chúng tôi hay bị bà la mắng, chửi xéo khi có người hỗ trợ bà. Chúng tôi cảm thấy bơ vơ vì không có ai bênh vực cho mình, nên cũng tủi thân, chỉ biết nhìn nhau và tự thông cảm cho thân phận làm người tu của mỗi chú trong giai đoạn này mà thôi.

Thân ở trong chùa mà tâm ít yên vì ngoại cảnh chung quanh chi phối nhiều quá nên tôi đã xin Thầy mỗi tối xuống nhà bà Huỳnh để nhờ anh Tiến chỉ bài cho học. Đây cũng chỉ là cái cố để xa chùa. Nhớ là khi xưa còn làm thân cư sĩ, tuy sinh hoạt ở nhà nhưng lúc nào cũng hướng đến chùa và đến chùa Hà Linh ngủ lại qua đêm. Còn bây giờ thân đã làm Tăng sĩ mà không muốn ở chùa, tâm lại hướng đi hướng khác. Quả thật đời này có nhiều khúc quanh là vậy.

Kể ra nhà ông bà Huỳnh này là một nhà rất tốt. Nhà có hai chị gái lớn là chị Mai và chị Hồng. Anh Tiến chỉ là học sinh Trung Học Đệ Nhị Cấp trường Trung Học Trần Quý Cáp đến ở trọ mà thôi. Tôi nhờ anh chỉ toán cho một thời gian, đâm ra tự tin hơn, chứ thật ra lúc ấy tôi chưa biết giải phương trình một cách rành mạch. Anh Tiến chỉ cho tôi cách học thuộc những công thức như “*Sin* đối với huyền, *cosin* kê huyền, *tan* đối với kê, *cotan* kê đối”. Hoặc giả cách rút căn số và cách giải phân số v.v... Sau thời gian chừng 3 tháng như vậy tôi không đến nhà bà Huỳnh nữa và Thầy tôi cũng chẳng la rầy gì cả. Có lẽ sự vắng mặt của chúng tôi, Thầy tôi không để ý chăng?

Tôi hỏi ý Thứ và Bác Thị Tâm bây giờ mình phải làm sao, thì tất cả đều chọn giải pháp “im lặng là vàng”. Thế rồi từ đó trở về sau, chuyện gì xảy ra trong chùa Viên Giác này, chúng tôi hầu như là “*xúc sự vô tâm*” không quan hoài đến, chỉ lo làm xong bốn phận của mình thôi.

Ngoài ra tôi cũng biết thêm nghề chằm nón, nên mua lá, vành và khuôn nón về để làm thành những chiếc nón bài thơ xinh xinh và đem đi bán tạo thêm kinh tế cho chính mình trong việc mua sách vở, bút mực. Thuở ấy cũng hay! Chúng tôi chẳng ai nghĩ rằng: Cuộc đời của mình sẽ ra sao sau này khi không có tiền bạc dính túi. Chúng tôi lúc đó hầu như vô sản. Nếu có ai về quê thăm, các anh chị cho chút đỉnh, dùng

tiền ấy để dành, cất kỹ, chờ cho có việc gì trọng đại mới đem ra dùng, còn tương lai phía trước, mình phải sống như thế nào, hầu như chẳng có chú nào để ý đến. Chúng tôi chỉ có bổn phận tu, học và làm việc, Thầy trụ trì cung cấp cho cơm, gạo, nước non là đủ.

Ở trước vườn chùa Viên Giác thuở ấy có một khoảng đất trống. Ở đây được trồng những dây khoai lang, chúng tôi có bổn phận tưới và chú Ngô là người có nhiệm vụ cắt rau theo mệnh lệnh của cô Bốn để mỗi ngày chúng tôi có được rau lang luộc, rau lang xào, rau lang chiên, rau lang nấu canh v.v... mỗi ngày đều có rau lang đổi món và mỗi tuần đều lặp đi lặp lại xoay vần như vậy. Thế mà chúng tôi vẫn khỏe mạnh như thường. Nếu không nhờ Phật độ, làm sao chúng tôi có thể vượt qua được những giai đoạn thử thách cả nội tâm lẫn ngoại cảnh như vậy.

Niên khóa 1966-1967 tôi đã học lớp Độ Ngũ tại trường Trung Học Bồ Đề và mùa hè năm 1967 chùa Long Tuyên có tổ chức an cư kiết hạ cũng như giới đàn, nên tôi xin phép Sư Phụ lên chùa Long Tuyên để được nhập chúng an cư tu học. Thầy tôi đồng ý ngay và đây cũng là cơ hội để tôi xa Viên Giác trong 3 tháng hè ấy. Lẽ ra Sư Phụ cũng nên cho biết, đây là chùa của Sư Ông Phổ Thoại sáng lập và trong hiện tại Sư Bá Chơn Phát trụ trì, nhưng Thầy tôi đã không tạo sự gần gũi ấy cho tôi, sau này tôi mới hiểu khi ra làm việc với nhau, giữa Sư Bá và Sư Phụ có nhiều quan điểm không giống nhau, nên tình huynh đệ, pháp lữ trong chốn Thiền Môn không khấn khít với nhau lắm. Chúng tôi hàng hậu học, đệ tử chỉ biết như thế thôi và hầu như chẳng ai đại gì đi hỏi lý do tại sao để dễ bị trách mắng.

Chùa Long Tuyên nằm trên một cồn cát gần Thị xã Thanh Hà, chung quanh toàn là mồ mả, nhưng trong vườn chùa có cả một rừng cây “vỏ” cho quả vào mùa hè thật là ngọt ngào.

Quanh chùa được rào bởi một hàng cây nhân tạo để cho trâu bò khỏi vào bên trong phá tháp hay mổ mả vốn có sẵn trong chùa. Chúng tôi vốn là những người học cùng lớp với nhau tại trường Bồ Đề nên rất dễ thân thiện với nhau, trong ấy có chú Giải Trọng, Như Hoàn là hai người mà tôi thân thiết và gần gũi nhất, chúng tôi đã kết nghĩa anh em từ thuở ấy. Như Điển nhỏ tuổi nhất, sinh năm 1949 làm em út. Như Hoàn sinh năm 1947 làm anh kế, còn Giải Trọng sinh năm 1946 lớn nhất làm anh cả. Ngoài ra chú Như Phẩm, chú Bửu, chú Quýt, chú Tuất cũng đang ở chùa này và đang học chung lớp, cũng là những người bạn dễ thương. Họ là những người đệ tử cùng Thầy và nếu họ nhận tôi vào hàng vai vế thì chúng tôi là anh em chú bác trong cửa chùa với nhau nên cũng chẳng xa lạ gì.

Đây là mùa tập sự an cư đầu tiên của chúng tôi. Thời khóa rất nghiêm ngặt, gồm có tọa thiền và công phu khuya. Sau khi điểm tâm lên lớp học buổi sáng, đến trưa cúng nọ và dùng quá đường. Tiếp đó nghỉ trưa và chiều lên lớp học nữa. Kế tiếp đi công phu chiều, sau đó dùng cháo và tối lại ôn bài, cuối cùng là tịnh tọa trên giường lúc 10 giờ đêm để đi ngủ và ngày hôm sau cũng lặp lại nguyên như vậy.

Thầy dạy thì có Hòa Thượng Chơn Phát dạy giáo lý căn bản trong 37 phẩm trợ đạo. Thầy Chánh Thiện dạy chữ Hán, Thầy Như Huệ dạy cách thức diễn giảng và nghi lễ, Thầy Như Vạn dạy về hành chánh, Thầy Như Luận dạy về sinh hoạt Tăng Ni... Chúng tôi tuổi còn trẻ nên học bao nhiêu môn đầu óc vẫn tiếp thu bình thường không có gì khó khăn cả. Riêng chỉ có những ngày sám hối, bố-tát (tụng giới) và lễ lạy Thù Ân là vất vả hơn một chút, vì có sám hối hồng danh, tụng giới và lạy Chúc Tán vào sáng ngày rằm cũng như mồng một. Đây là những nghi lễ của Thiên Môn đã có lâu đời tại Việt Nam và đã trở thành một truyền thống, không có chùa nào là không thực hiện. Nhờ vậy mà cho đến ngày nay, ở

ngoại quốc đã hơn 40 năm rồi, tôi vẫn không quên Chúc Tán vào những ngày Sóc ngày Vọng này. Riêng kinh Thủ Lăng Nghiêm là một Thần Chú rất quan trọng cho tất cả mọi Tăng Sĩ, nên kể từ khi đi xuất gia cho đến ngày nay gần 50 năm dài, tôi không bao giờ xao lãng hành trì Thần Chú này.

Kỷ niệm thì bao giờ cũng đẹp, mà đẹp nhất là kỷ niệm của tuổi học trò. Chúng tôi vừa là học trò, vừa là chúng đệ tử của các chùa nên cũng có những niềm vui nho nhỏ của mình. Ví dụ như trong mùa an cư kiết hạ có giờ tịnh tâm ngồi thiền trước khi đi ngủ. Nếu ngồi thiền trên chánh điện hay Thiên Đường thì chẳng có vấn đề gì để nói. Vì nơi ấy có vị Thiên Chủ đi tuần, thấy ai bị hôn trầm thì cảnh sách ngay, bằng cách lấy thiên trượng đánh vào vai phải hay vai trái để thiền sinh khỏi bị ngủ gục. Nhưng đằng này Hòa Thượng Chơn Phát cho chúng tôi ngồi thiền trên chiếc đơn của mỗi người. Vì chùa miền quê có muỗi, nên mỗi chiếc đơn đều có phủ lên đó một chiếc mùng. Chúng tôi thả mùng hết xuống và ngồi đầu lưng sát lại với nhau, cứ thế mà thiền. Khi đầu lưng như vậy có nhiều chú ngáy lớn tự nhiên, khiến cho Thầy Như Luận đi tuần tra bắt gặp, thế là kế hoạch của chúng tôi bị bại lộ, bị phạt và cả chúng đều phải lên sám hối hết. Tuổi trẻ thật ngây thơ là vậy.

Hoặc giả khi học trong trường Bồ Đề, chú này bị cặp đôi với cô nữ sinh kia, tuy không tỏ tình với nhau, nhưng nhìn nhau khi ra vào lớp cũng cảm thấy bẽn lẽn trong lòng. Có nhiều lúc tụi bạn viết giả thư rơi và chữ ký để chọc nhau và cuối cùng rồi đầu cũng vào đó. Thuở ấy tôi còn nhớ có giờ toán chạy. Nghĩa là Thầy Kế ra đề toán và cả lớp đều làm. Ai đáp án nhanh, kể từ người số 1 đến số 10 sẽ được chấm điểm. Tụi học trò biết chúng tôi làm toán nhanh, nên chúng cột vạt áo sau của chúng tôi vào thành ghế, khi vừa làm xong, chỉ lo chạy lên nộp cho kịp giờ, chẳng may vạt áo dài sau bị rách toạt. Thế là chúng nó cười thật lớn, trong khi đó chúng đệ

chúng tôi đang lo toan là ai sẽ vá lại giùm chiếc áo bị sút chỉ này đây.

Ngày xưa đời sống ở Tu Viện hay Chùa Tổ rất khổ sở. Hầu như người ta không chú trọng đến cái ăn, cái mặc, mà dẫu cho có chú trọng đi chăng nữa thì đời sống của người dân vẫn còn quá khổ, làm sao đời sống trong chùa khá hơn được. Quanh đi quẩn lại chỉ có gạo, muối, tương, chao vẫn là những món ăn thường nhật của nhà chùa. Chỉ có Thầy Trụ Trì hay Thầy Giám Viện được các bà “tịnh hạnh nhưn” nấu riêng một mâm cơm có cả đậu hủ kho tương và một đĩa rau luộc. Như thế là tươm tất lắm rồi. Nhưng mâm cơm này, sau khi hầu Thầy, Thị Giả được dùng, có đâu chia đều cho chúng được. Vì chúng quá đông. Ngày ấy hầu như chúng tôi không phàn nàn về chuyện ăn uống và ngay cả chuyện tu học cũng không dám có ý kiến. Trên bảo sao, dưới nghe vậy.

Học nhiều hay học ít là tùy theo mỗi người. Còn chương trình dạy ở chùa và ở trường cứ như thế mà theo. Ai học được, cuối năm đủ điểm lên lớp. Ai không đủ điểm ở lại học thêm một năm nữa. Không như ở ngoại quốc, khi lên Trung Học người ta chia ra từng loại học sinh khác nhau để tiếp tục đi học chữ, học nghề, hay học trường đặc biệt. Đây là cái học quá xưa cũ, mà cho đến nay vẫn chưa thấy cải tiến được bao nhiêu. Thông thường cha mẹ nào chẳng muốn cho con mình học tiếp tục vào Đại Học, nhưng đứa con ấy bị khó khăn với học trình ngay từ ngưỡng cửa Trung Học thì làm sao học cho nổi khi vào Đại Học. Thế mà cứ đẩy con mình vào.

Nhà chùa thì sao? Việc giáo dục của nhà chùa còn cổ hơn trường đời nữa. Nghĩa là tất cả cho vào một lớp, không tính tuổi tác khác nhau, không để ý trình độ hiểu biết khác nhau và thị hiếu khác nhau. Có lẽ vì không đủ Giáo Thọ cũng như nếu có chia ra nhiều lớp thì những trò học dở, những chú học không tiến bộ ấy sau này sẽ làm gì? Đây là một câu hỏi chưa có đáp số, nên các trường Đạo đều giữ nguyên lại cách dạy xưa cũ ấy.

Trong mùa An Cư Kiết Hạ năm ấy tôi kết thân với chú Giải Trọng và chú Như Hoàn, mặc dầu tuổi tác của chúng tôi chênh lệch nhau, nhưng cả ba đều học chung một lớp. Thầy Giải Trọng học trung bình, không có gì xuất sắc lắm. Anh Như Hoàn học giỏi hơn, nhưng hai sư huynh ấy không người nào chạy theo kịp tôi. Có lẽ tôi trẻ hơn nên lanh lẹ hơn chăng? Cái học nào đối với tôi cũng dễ dàng, từ giáo lý đến chữ Hán, từ tán tụng cho đến học thuộc lòng. Khi trả bài cho Thầy giáo hay các Thầy dạy trong Đạo, tôi không bỏ sót một cơ hội nào để tự giới thiệu khả năng học thuộc lòng của mình, mỗi khi được dò bài.

Cuối niên học 1969, tôi vào Sài Gòn tiếp tục con đường tu học của mình, không còn liên lạc với quê hương xứ Quảng nữa. Thời gian ấy kéo dài mãi cho đến năm 1975 và kể từ đó không được tin tức của nhau, nhưng sau này nhờ những người ty nạn đến định cư tại Đức và thư từ qua lại, tôi biết rằng Thầy Giải Trọng, Thầy Như Phẩm vẫn còn tu tại chùa Long Tuyên, chú Như Hoàn và một số chú khác đã ra đời. Biết chỉ để biết vậy thôi, làm sao để có cơ hội gặp gỡ được.

Năm 2003 là năm kỷ niệm tôi trở về ngôi Phương Trượng, lúc ấy tôi 54 tuổi. Đây là cơ hội để cung thỉnh một số chư vị Tôn Đức từ quê hương đến tham dự lễ này, đặc biệt là quý vị từ quê hương xứ Quảng. Thế là chúng tôi có cơ hội gặp nhau. Điều này chúng tôi chưa bao giờ nghĩ đến, thế mà nay cơ hội đã được mở ra. Đến năm 2008 tôi được tấn phong lên phẩm vị Hòa Thượng trong Giới Đàn Pháp Chuyên cũng đã có cơ hội mời chư Tôn Đức Tăng Ni từ Quảng Nam sang Đức một lần nữa. Lần này cũng có Thầy Giải Trọng đến tham dự, đồng thời chúc mừng 60 năm sinh nhật của tôi. Kế tiếp đó là tháng 10 năm 2010 tại Cục Lạc Cảnh Giới ở Chiangmai, Thái Lan, rồi tại Hoa Kỳ và năm 2012 này tại Adelaide, Úc Châu. Bây giờ chúng tôi ai cũng đã già, tóc mấy màu trải qua cùng mưa nắng. Thầy Giải Trọng bây giờ hay ngôi vai Sám Chủ trong

các Đại Trai Đàn và thỉnh thoảng giữ ngôi vị Gia Trì trong các Đàn Tràng Chấn Tế.

Như Hoàn Phạm Sanh đã không còn liên lạc từ lâu, nhưng bỗng một ngày của năm 2011, Như Hoàn cho biết tin là sẽ sang Hoa Kỳ để đoàn tụ với con cái. Từ đó tôi đã nối kết lại liên lạc và hẹn nhau vào tháng 3 năm 2012, nhân chuyến hoàng pháp lần thứ 8 tại Hoa Kỳ, chúng tôi sẽ gặp nhau tại Trung Tâm Quảng Đức tại Riverside thuộc miền Nam California. Quả thật quả đất tròn nên chúng tôi đã có được những ngày hội ngộ thật ý nghĩa. Bây giờ Như Hoàn đóng vai trò của một người Phật Tử thuần thành lo hộ trì cho Đạo, trong khi đó tôi được cung thỉnh như là một vị Pháp Sư chủ giảng tại đạo tràng ngày hôm đó. Cuộc đời này mấy ai biết được chữ ngờ. Ngờ làm sao được ngày xưa chúng tôi là Huỳnh Đệ tu hành dưới mái chùa Long Tuyên năm 1967 và đã học chung Trung Học Đệ Nhất Cấp trường Bồ Đề Hội An từ năm 1964-1968. Thật ra không ai trong chúng tôi tiên liệu được việc gì cả. Thế mà bây giờ hai người bạn học ngày xưa lại ở hai vị trí khác nhau.

Ngay cả Thầy Hạnh Đức và Thầy Như Phẩm, họ cũng muốn gặp tôi để thăm hỏi, nhưng hơn 40 năm trôi qua, chưa một lần được hội ngộ bao giờ. Thời gian không biết sẽ còn kéo dài trong bao lâu nữa, nhưng nếu có niềm hy vọng, chắc có ngày sẽ gặp nhau. Mong sẽ được như vậy.

Khi dạy và khảo bài chúng tôi trong mùa An Cư Kiết Hạ này, quý Thầy thấy chúng tôi đã thuộc lòng hai thời công phu sáng chiều và các oai nghi căn bản, nên đề nghị với Ban Giám Hiệu nhà trường cho chúng tôi đi thọ giới Sa Di. Chúng tôi, những người được đề nghị, khi nghe ai cũng mừng, nhưng ai cũng đều lo âu. Vì lẽ tất cả các môn thi, đều sẽ được thi thuộc lòng và không có thi viết.

Xuất gia là một công đức rất lớn và thọ giới là một phước

báu vô ngân, nên chúng tôi hăng hái ôn bài để đi thi, chính thức trở thành một Sa Di trong thiên môn. Vì lâu nay chúng tôi chỉ là một *tịnh hạnh nhơn* mà thôi. Sau khi thọ Sa Di 10 giới, người ấy mới trở thành đệ tử xuất gia chính thức và mang họ Thích ở trước pháp danh. Năm ấy, sau khi giải chế an cư, chúng tôi tập trung tại Phật Học Viện Phổ Đà ở Đà Nẵng để chờ giờ kiểm điểm các giới tử và nghe Hòa Thượng Đàm Đầu khai đạo giới tử dạy răn.

Giờ khảo hạch kinh, luật, luận rất căng thẳng. Vì Tuyên luật sư là Hòa Thượng Thích Trí Hữu. Ai trong chúng tôi cũng ngán. Vì Hòa Thượng là một bậc long tượng của Phật Giáo Quảng Nam, một người hành trì giới luật đệ nhất. Do vậy các giới tử lo lắng vô cùng. Khi được hỏi đến, mỗi người tự khai pháp danh và Thầy Tổ của mình ra và khi Hòa Thượng dạy đọc thuộc lòng Kinh Lăng Nghiêm đệ nhất hay đệ tam, rồi một vài chú trong thập chú, đoạn nghỉ một hồi, có hai Thầy phụ khảo ngồi chấm điểm. Chỉ riêng việc thấy ba Thầy đường đường Tăng tướng ngồi đó, chúng tôi cũng đủ khiếp vía rồi, chưa nói gì đến việc khảo hạch. Tiếp đến Hòa Thượng hỏi tại sao đi xuất gia? Ý nghĩa của hai chữ xuất gia là gì và một vài bài chú trong Tỳ Ni Nhật Dụng, xong đâu đó Hòa Thượng bảo lui ra. Thế là mừng khắp khởi.

Mãi cho đến về sau này những Giới đàn như: Thiện Hòa được tổ chức năm 1983 tại Los Angeles Hoa Kỳ, Giới đàn Đại Nguyên ở Marseille, Pháp quốc năm 1988 và các Giới đàn tại Âu, Úc, Mỹ và đa phần chúng tôi được mời làm Tuyên Luật Sư, có nhiệm vụ khảo hạch các giới tử Sa Di và giới tử thọ Tỳ Kheo, xem ra ai ai cũng có cùng tâm trạng. Vì các giới tử này không biết là vị Tuyên Luật Sư sẽ hỏi mình những gì, trong khi kinh, luật, luận rộng mênh mông vô số kể, học suốt đời cũng chưa xong. Ở đó, một chú tiểu nhỏ bé như chúng tôi thỏ ấy làm sao chu toàn nổi trách nhiệm: “*tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự*”.

Giới đàn năm 1967 tại Đà Nẵng do Cố Hòa Thượng Đệ Tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu làm Đàn Đầu, Hòa Thượng Tôn Thắng trụ trì chùa Diệu Pháp làm Yết Ma, Hòa Thượng Tôn Bảo trụ trì chùa Vu Lan làm Giáo Thọ, Hòa Thượng Trí Hữu làm Tuyên Luật Sư và 7 vị Tôn Chứng Sư khác trong tỉnh nhà được mời đến truyền giới. Thông thường sau khi thọ giới có cấp giới điệp, nhưng những giới tử đến từ Hội An do Tăng Sự của Hội An đề nghị, cho nên chúng điệp của chúng tôi có xuất xứ là chùa Long Xuyên. Có lẽ lúc ấy Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Trung Ương chỉ cho mỗi nơi, mỗi năm được mở một giới đàn, cho nên mới xảy ra việc hành chánh phải được phân chia như vậy cho hợp lý.

Sau khi thọ giới Sa Di, chúng tôi về lại chùa xưa, bây giờ có thêm tấm y vàng đắp lên người, trông chững chạc và bề vệ làm sao. Phật Tử chùa Viên Giác tại Hội An ai cũng khen rằng: Chú Điển đắp y vào thấy trang nghiêm lắm.

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

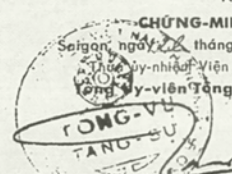
GIỚI-ĐÀN SA-DI Số 1142 /CĐTG

Tổ-chức tại Chùa Long Xuyên Hội An
P.L. 2504 - Ngày 31 tháng 7 năm 1967.

GIỚI-TỬ:	THẬP-SƯ:
Tên họ <u>Lê Cường</u>	Hòa-thượng đàn đầu <u>Trần Bảo</u>
Pháp danh <u>Như Điền</u>	Yết-ma A-xà-lê <u>Trần Giác</u>
Pháp hiệu <u>Trần Minh</u>	Giáo-thọ A-xà-lê <u>Quang Hải</u>
Ngày sanh <u>28 6 1949</u>	Tôn-chứng Tăng-già I <u>Chấn Phát</u>
Chánh quán <u>Đức Viên Giác An</u>	Tôn-chứng Tăng-già II <u>Trần Minh</u>
Trú quán <u>Chùa Viên Giác</u>	Tôn-chứng Tăng-già III <u>Trần Khắc</u>
Đôn Sư <u>Thích Long Trì</u>	Tôn-chứng Tăng-già IV <u>Như Văn</u>
	Tôn-chứng Tăng-già V <u>Long Hải</u>
	Tôn-chứng Tăng-già VI <u>Chánh Thiện</u>
	Tôn-chứng Tăng-già VII <u>Hành Sơn</u>

CHỨNG-MINH
Saigon, ngày 31 tháng 8 năm 1967.
Thầy ủy-nhiệm Viện Tăng-Thống
Đôn Sư viên-Tăng-vụ Tăng-sự

Tôn-thủ Thích Tú-Nhơn



Thọ giới tại Đà Nẵng nhưng chúng điệp là chùa Long Xuyên

Những năm 1967-1969, chiến trận ở biên thùý rối động nên số thanh niên đi lính bị tử vong cũng không ít. Do vậy mà chúng tôi phải đi cúng đám ma liên miên ngoài giờ học. Cũng nhờ Thầy Tư Toàn và chú Đồng kèm cho việc tán tụng, ngay cả tập cho việc đọc số, cúng vong v.v... nên ngày nay tôi mới có cơ hội để chỉ lại cho quý Thầy đệ tử bây giờ. Nếu không có cơ hội thực tập, làm quen, nghe qua rồi nhớ lòng ấy, thì cơ hội tuyên dương pháp ngữ không có. Trong các chùa Việt Nam, thật ra người còn sống hộ trì cho chùa đã đành, nhưng người đã chết, họ cũng giúp chùa không ít, qua những nghi lễ như ma chay, cưới hỏi này. Có nhiều người trong gia đình không biết đạo, nhưng nhờ có người quen thân như cha, mẹ hay anh em qua đời, đến dự lễ, nghe quý Thầy tụng kinh và đôi khi có nói một vài bài pháp kể từ ngày người thân nằm xuống cho đến 49 ngày, thân nhân trong gia đình lợi lạc không biết là bao nhiêu. Đây cũng là cơ hội để nhiều người biết quy y Tam Bảo và trở thành những Phật Tử thuần thành sau này.

Đi cúng đám có cái vui là được đãi ăn ngon và sau khi cúng xong, gia chủ còn hậu tạ cho Thầy cả một số tiền cũng như bánh, chuối. Thế là chúng tôi được chia phần để hưởng lộc. Từ đó Thầy cả mới chỉ thêm cho là “chú này giọng tụng còn yếu quá, chú kia tán như vậy là được rồi” “Lẽ ra lời Duy Nguyễn ấy phải để cho Duy Na, nhưng chú này đã xớm giọng” v.v... Thôi thì bao nhiêu tràng cười hả hê lại có dịp đến với lứa tuổi thanh xuân của chúng tôi lúc bấy giờ còn giòn hơn là bắp rang trong nồi nữa.

Những cuối tuần rảnh rỗi tôi được theo Thầy tôi hay Thầy Tư Toàn đi qua Cẩm Nam hay ra đến đảo Cù Lao Chàm để cúng đám hoặc thuyết giảng nữa. Cứ mỗi lần có cơ hội đi xa là mỗi lần học thêm được một vài bài học, hay có thêm được một vài người bạn mới. Đến Cẩm Nam tôi có quen thân với Nguyễn Lụa và Lê Viết Tấn. Sau này có Lê Hùng Anh và

người này năm 1968 về chùa Viên Giác để ở tạm một thời gian và tập sự xuất gia bên Khất Sĩ. Nay là một giảng sư nổi tiếng bên Khất Sĩ tại Vĩnh Long có đạo hiệu là Pháp sư Thích Giác Ánh.

Cẩm Nam là một khu cồn đất, nơi đây là cái đảo của hai nhánh sông Thu Bồn được chẻ ra ở điểm cuối, trước khi dẫn nước trôi về nơi cửa Đại. Bên này Cẩm Nam là Phố cổ Hội An và bên kia là làng Kim Bồng làm nghề chạm trổ và dệt chiếu. Những ngôi nhà cổ Hội An thời trước do các thợ chuyên môn của Trung Quốc đưa sang, rồi họ sinh sống làm ăn tại Phố Hiến này, cuối cùng họ chết ở đây và nghề mộc chạm trổ ấy đã được truyền lại cho người dân Kim Bồng này, nên mãi cho đến thế kỷ thứ 21, nghề mộc Kim Bồng vẫn còn vang bóng một thời. Đó là chưa kể đến những ngày xa xưa của thế kỷ 17, khi mà Chúa Nguyễn Đàng Trong cho tự do mậu dịch ở phố Hội An thì các thuyền buôn từ Âu Châu tấp nập đến đây để buôn bán trao đổi với nhau. Thông thường trên những thương thuyền lớn nhỏ ấy họ mang theo những vị Giáo sĩ có nhiệm vụ rửa tội cho những con chiên của họ và đến đất Đàng Trong để thăm dò tình hình dân tình ở đây như thế nào, rồi từ đó họ xuống thuyền ở chờ cho có gió Nam mới trở về lại cố quốc. Trong thời gian ở đây, họ đến trú ngụ tại làng Thanh Chiêm thuộc xã Thanh Hà, gần phố Hội. Các vị Giáo sĩ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha lắng nghe phát âm tiếng Việt của người Việt Nam mình và họ ghi chú ra bằng những mẫu tự tiếng La Tinh. Rồi những dấu nhấn như sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng v.v... Mới đầu tiếng Việt còn thô sơ lắm, nhưng trải qua thời gian năm tháng mấy trăm năm, tiếng Việt ngày nay đã trở thành một loại quốc ngữ cho gần cả 100 triệu người để nói, đọc, nghe và viết nhằm trao đổi, thông cảm bằng văn tự này. Ngày xưa chúng ta học sử và biết rằng: Công này là do Giám Mục Alexandre De Rhodes, nhưng ngày nay Viện ngữ học tại Hà Nội đã bác bỏ điều ấy và cho rằng: tiếng quốc

ngữ của chúng ta ngày nay sử dụng được xuất phát từ làng Thanh Chiêm, Hội An và người có công tìm ra cách ghi lại phát âm của chữ quốc ngữ là các Giám mục người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

Tại Cẩm Nam người ta cũng có trồng lúa, trồng bắp và trồng dừa. Mỗi lần sang thăm Cẩm Nam hay đi cúng kiến tại các gia đình Phật Tử ở đây, chúng tôi mang về chùa Viên Giác không biết bao nhiêu là cây trái vùng quê ấy. Ở Cẩm Nam có gió mát quanh năm. Vì chung quanh đảo nhỏ này được bao bọc bởi sông và biển, nên người dân ở đây đa phần sống về nghề chài lưới và nghề nông.

Xa xa khỏi Hội An chừng ba bốn cây số là Cù Lao Chàm. Nơi đây người ta lấy tổ yến để bán cho người Hoa tại phố Hội. Nghề lấy tổ yến đã có từ xưa đến nay. Tương truyền rằng ăn yến được bổ dưỡng rất nhiều, nên người ta đua nhau làm giàu về sự đôn đãi ấy. Trên đảo đa phần dân chài ở, làm nghề chài lưới, nhưng ở giữa đảo có một ngôi chùa tên là Hải Tạng đã được dựng lên từ bao đời nay, mà trong Kiến Văn Tiểu Lục của Lê Quý Đôn cũng như trong quyển “Lịch sử Phật Giáo Việt Nam” (tập 1) của Giáo sư Tiến sĩ Trí Siêu Lê Mạnh Thát có đề cập đến. Theo ông Lê Quý Đôn thì cho rằng Minh Châu Hương Hải Thiên Sư là tác giả của bài thơ:

*Nhận quá trường không, ảnh trâm hàn thủy
Nhận vô di tích chi ý, thủy vô lưu ảnh chi tâm.*

Nghĩa:

*Nhận bay qua bầu trời, ảnh chìm dưới đáy nước
Nhận không có ý lưu dấu vết,
nước cũng không hề muốn ghi lại ảnh hình.*

Đây là bài thơ Thiên diễn tả về cái không rất hay và nổi tiếng một thời, nhưng theo Giáo sư Lê Mạnh Thát thì cho rằng: “Đây là bài thơ của một thiền sư người Trung Hoa chứ

không phải người Việt Nam. Việc chép sai ấy là do Lê Quý Đôn sơ ý.”

Nguyên là Minh Châu Hương Hải Thiên Sư có liên hệ với một vài vị cận thân của Vua Lê Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, nên đã bị đày vào Đàng Trong. Trong khi ở Đàng Trong thì Minh Châu Hương Hải Thiên Sư cũng không được sự tin dùng của các Chúa Nguyễn thời bấy giờ, cho nên Ngài đã chò cho đêm thanh cảnh vắng cùng với đoàn tùy tùng quy thuận về phương Bắc. Sử nước ta đã viết như vậy, nhưng thử hỏi: Nếu không phải là người tài đức, danh tiếng thì đâu có được vua quan chú ý. Ở đây Ngài Minh Châu Hương Hải này chắc chắn phải là một vị Thiên Sư phái Tào Động, tài đức vẹn toàn nên các Chúa Nguyễn Đàng Trong ban đầu mới dung nạp và cho lập chùa Hải Tạng tại Cù Lao Chàm này, nhưng dấu là của ai, vấn đề ấy không quan trọng. Điều quan trọng là trong văn học Việt Nam của chúng ta có được một bài thơ Thiên tuyệt vời như thế, chúng ta nên trân quý và nên thể hiện tấm lòng cung kính những bậc tiền nhân đã vì tinh thần “vô tư chí công” mà đã để lại cho đời một bài thơ tuyệt vời như vậy.

Vì dân ở đây đa phần theo nghề biển. Nếu không làm cá họ cũng chẳng biết làm gì. Do ruộng đất trên Cù Lao Chàm này rất ít. Cho nên khi lễ quy y Tam Bảo được tổ chức tại đây thì những người xin quy y, giới thứ nhất họ không giữ trọn vẹn được, nên đáp rằng: “Con xin cố gắng.” Ở đây tôi làm quen với một người Phật Tử tên Văn và anh này về sau trở thành một Phật Tử thuần thành của chùa Viên Giác tại Hội An, mỗi tháng thường vào Viên Giác để sinh hoạt Gia Đình Phật Tử và sau này tổ chức Gia Đình Phật Tử tại Cù Lao Chàm được thành hình tốt đẹp là do công lao một tay của anh gây dựng nên.

Gọi là Cù Lao Chàm có lẽ ngày xưa đây là nơi sinh sống của người Chàm, chứ thật ra trên đảo ngày nay không còn sót lại dấu tích gì của người Chàm cả. Tại Quảng Nam ngày

nay chỉ còn lưu lại di tích Mỹ Sơn là một công trình kiến trúc nghệ thuật của người Chăm của một thuở xa xưa từ trước thế kỷ thứ 13, cho đến sau khi Châu Ô và Châu Lý được sáp nhập vào nước Việt Nam thì những di tích của người Chăm đã bị người Việt đập phá dần. Đây là một sự mất mát lớn trong vấn đề bảo tồn những di sản văn hóa của thế giới ngày nay.

Năm 1967 trôi qua lặng lẽ với tuổi học trò Trung Học của chúng tôi và năm này riêng tôi có được nhiều cơ hội trong việc tu và việc học. Tuy là cái học, cái tu ở chùa Tổ không sâu sắc bằng những Phật Học Viện, là những nơi đào tạo chuyên khoa cho Tăng Sĩ, nhưng với các chùa quê tại phố Hội lúc bấy giờ đã là một sự cải cách không nhỏ. Ấu đó cũng là nhờ vào sự động viên của quý Hòa Thượng Thích Chơn Phát, Thích Như Huệ, Thích Như Vạn, vì quý Ngài này đã một thời xuôi Nam du học tại các Phật Học Đường Lương Xuyên và Ấn Quang, nên chúng tôi mới thừa hưởng được những hồng ân như thế.

Những ngôi chùa nổi tiếng tại Hội An

Nếu không có sự kiện nhà Trần soán ngôi nhà Lý do Trần Thủ Độ chủ mưu vào năm 1224 thì đã không có Hoàng Tử Lý Long Tường cùng tướng sĩ và ba quân chạy sang Triều Tiên để tỵ nạn. Vì lúc ấy những người thuộc nhà Lý không thích những hành động nghịch đời, đi ngược đạo lý của Trần Thủ Độ. Nếu không có Hoàng Tử Lý Long Tường thì đã không có dòng họ nhà Lý có mặt tại Triều Tiên để đến bảy, tám trăm năm sau vẫn còn nhớ đến quê cha đất tổ và trở về lại Việt Nam để viếng thăm lăng miếu của Tổ Tiên họ.

Nếu không có nhà Thanh lên chiếm ngôi nhà Minh tại Trung Hoa vào năm 1640 thì đã không có những người bài Thanh phục Minh chạy đến Đàng Trong để xin tỵ nạn. Nếu không có sự kiện này thì vai trò lịch sử của Hội An không sáng chói như ngày hôm nay.

Nếu không có ba anh em Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đứng lên khởi nghĩa chống lại quân của Nguyễn Ánh từ năm 1780 thì Nguyễn Ánh và quan quân không có cơ hội để chạy sang Thái Lan tá túc. Nếu không có sự kiện này thì làm sao tại Thái Lan ngày nay vẫn còn lại 18 ngôi chùa được xây dựng từ thuở ấy đến nay.

Nếu không có ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì làm sao có cả gần 3 triệu người bỏ nước ra đi và đang định cư khắp nơi trên thế giới. Nếu không có những nhà Sư và các Phật Tử đi cùng thì không thể có 600 ngôi chùa Phật Giáo lớn nhỏ được xây dựng khắp nơi trên 5 châu lục này, mang giáo lý nhiệm mầu của đấng Thế Tôn đến cho người Việt và người dân bản xứ, nhằm xoa dịu những đau thương của tâm thức xảy ra trong cuộc sống hằng ngày.

Tất cả những sự kiện lớn tiêu biểu bên trên được khởi đầu

bằng chữ “nếu”. Chữ “nếu” ấy nếu đứng bên này để nhìn và lý giải thì nó thuận tai, nhưng nếu đứng bên kia để nhìn sự việc, thì trở thành trái ngược. Do vậy lịch sử xảy ra cũng chỉ là những sự kiện, còn việc đúng sai của từng việc hay từng triều đại, từng thời kỳ lại là việc khác nữa. Tất cả cũng chỉ nằm dưới cái nhìn tương đối mà thôi.

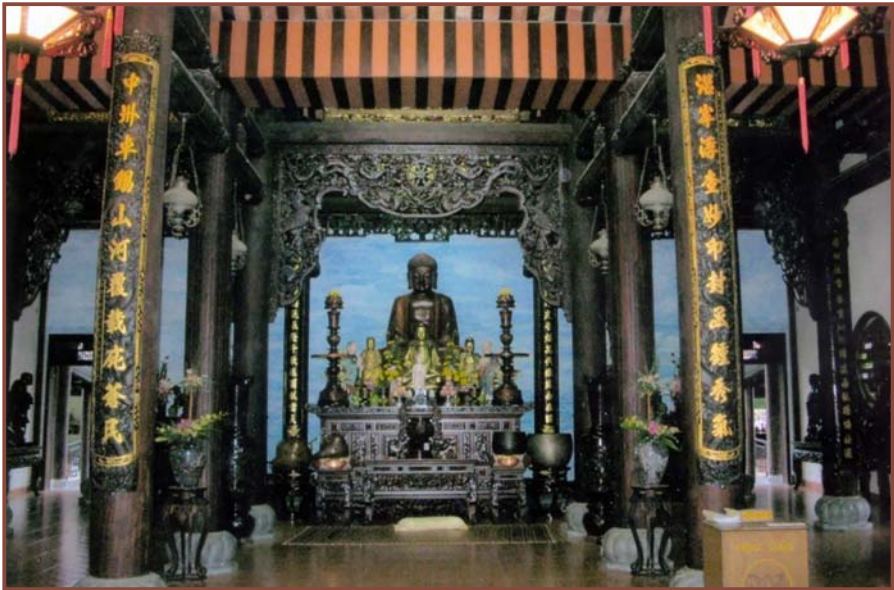
Riêng Hội An có một nét đặc thù khác. Vì lẽ không phải người từ Hội An ra đi, mà các nơi khác đến Hội An để sinh sống lập nghiệp. Đây là câu chuyện đáng nói hơn cả. Ngày nay nếu ai đó có đến thăm Hội An sẽ thấy một ngôi chùa Cầu, trên đó người người qua lại và xe cộ vẫn có thể chạy qua được. Cho đến ngày nay người ta vẫn không biết là chiếc cầu có hình thức ngôi chùa này đã được xây dựng từ thời nào, chỉ thấy 2 bên đầu cầu người ta có tạc tượng của hai con chó và hai con khỉ. Cho nên nhiều người đoán là chùa Cầu ấy được xây dựng từ năm Thân và đến năm Tuất thì xong, hoặc giả từ năm Tuất và đến năm Thân thì hoàn thành. Chùa có hình vòm, hai bên có lối đi dành cho người đi bộ và ở giữa lót bằng ván và cầu bắc qua một nhánh sông nhỏ chảy ra sông Phố Hiến, nằm gần Tòa Hòa Giải xưa. Cầu không lớn nhưng có lẽ do người Nhật xây nên gọi là Chùa Cầu Nhật Bản.

Hội An chỉ có mấy con đường chính. Thông thường những con đường này có chiều dài một vài cây số tính từ bến xe Hội An xuống tới chùa Bảo Thắng Sư Nữ, nhưng bề ngang rất hẹp. Nhiều nhà cổ kiến trúc thông thương từ con đường này qua con đường khác và hai bên mặt đường dùng làm các cửa tiệm buôn bán.

Khi an cư lạc nghiệp tại Hội An sau năm 1640, những người chạy nạn đã lập ra chùa Ngũ Bang và chùa Ông Bổn. Chùa Ngũ Bang gồm các Bang của người Triều Châu, Phước Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam. Đây là những bang gần biên giới Việt Nam nhất, nên họ đã dùng thuyền đi tỵ nạn nhà Thanh một cách dễ dàng. Lúc ấy họ không ghé

Hà Nội vì biết rằng Vua Lê, Chúa Trịnh trị vì Đàng Ngoài bị lệ thuộc nhà Thanh bên Trung Hoa. Họ đã dong buồm đi tiếp đến cửa biển Hội An để vào đây xin tỵ nạn và được những Chúa Nguyễn Đàng Trong cho họ ở lại một cách dễ dàng. Có lẽ nhờ trước đó từ năm 1600 đến 1640, trong 40 năm trời ấy dân quân Đàng Trong đã làm quen với các thương thuyền của Trung Hoa, Nhật Bản hay xa hơn nữa như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ấn Độ v.v... Luật lệ hàng hải lúc ấy chắc cũng đã hình thành, nên những người tỵ nạn nhà Thanh đã có cơ hội tốt để ở lại Hội An sinh sống, xây dựng cơ sở và lập thành phố Hội, tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Trong Hải Ngoại Ký Sự của Ngài Thạch Liêm Thích Đại Sán, đã đến Hội An vào giữa thế kỷ thứ 17, Ngài đã mô tả lại sự sinh hoạt buôn bán của Hội An lúc bấy giờ rất sầm uất. Sau đó Ngài đi vào Bình Định và trước khi trở lại Trung Quốc, Ngài được Chúa Nguyễn Phúc Chu yêu cầu về lại quê hương Ngài, thỉnh cho được Tam sư Thất chứng sang Đàng Trong, chứng minh giới đàn tại kinh đô Huế vào cuối thế kỷ



Chánh Điện Tổ Đình Chúc Thánh tại Hội An



Tổ Đường thờ Tổ Minh Hải tại chùa Chúc Thánh

thứ 17. Trong chuyến đi kia, Ngài Nguyên Thiều được thỉnh làm Đàn Đầu Hòa Thượng và 9 vị Đại Sư khác, mỗi người nhận một nhiệm vụ khác nhau trong Hội Đồng Thập Sư. Sau khi truyền giới tại Huế và Hội An, Ngài Nguyên Thiều trở về Bình Định, các vị đệ tử khác như Ngài Minh Hải Pháp Bảo, Minh Lượng Thành Đăng chọn thành phố Hội An để ở lại. Có lẽ lúc đó người Hoa ở thành phố này đông đúc, việc giao tiếp không gặp khó khăn nên quý Ngài đã ra cồn cát phía Đông thành phố lập am tranh và tu hành tại đó.

Nhờ vào uy tín và đức độ của các Ngài nên am tranh nơi Ngài Minh Hải cư ngụ đã trở thành ngôi Tổ Đình Chúc Thánh ngày nay và am tranh nơi Ngài Minh Lượng trú ngụ, nay đã trở thành ngôi Tổ Đình Vạn Đức. Đây là hai ngôi chùa cổ nhất tại Hội An do người Trung Hoa xây dựng và sau này các bậc



Toàn cảnh Tổ Đường Chử Thánh

Tổ Sư người Trung Hoa không còn tại thế nữa, thì các thế hệ truyền thừa người Việt Nam tiếp tục lo vấn đề “y bát chơn truyền” này. Ngày xưa khi các Ngài từ Trung Hoa qua Việt Nam truyền giới, chắc rằng quý Ngài cũng không nghĩ rằng phải ở lại nơi quê hương đất Việt này. Thế nhưng nhân duyên và hoàn cảnh đã giữ chân quý Ngài lại. Từ đó các Ngài xuất kệ truyền thừa về người Việt Nam ở thế hệ thứ hai như Ngài Thiệt Dinh (xây dựng chùa Phước Lâm), Ngài Pháp Chuyên Luật Truyền, Ngài Toàn Nhật Quang Đài đều là những danh Tăng của xứ Quảng đã tiếp nối được dòng Thiền ấy.

Cách kiến trúc của hai ngôi chùa Tổ Chử Thánh và Vạn Đức giống hệt như các chùa được xây dựng tại Trung Hoa. Từ ngoài đi vào có cổng Tam Quan. Ở giữa là một hoa viên lớn. Kế tiếp là một bình phong, hồ sen. Theo sau hai bên Tả Hữu xây Đông Đường và Tây Đường. Chính giữa xây Tiền Đường rồi Chánh Điện, lầu chuông, lầu trống. Phía sau là liêu Đông, liêu Tây rồi mới đến Tổ Đường. Sau liêu Đông là nhà Trù,

giếng nước và giữa nhà Tổ, liêu Đông, liêu Tây có một khoảng đất vuông hình chữ khẩu, dùng làm nơi trồng cây kiểng. Chỉ có một điều là chùa chiền tại Trung Quốc cao ráo và to lớn hơn, trong khi đó các chùa Trung Quốc xây dựng ở Việt Nam thì thấp và nhỏ hơn. Có lẽ do khí hậu phương Nam mưa nhiều hơn nắng và đời sống của người Nam phương không trù phú bằng người phương Bắc nên những kiến trúc chùa viện thuở xa xưa có sự cách biệt này chăng?

Ngày nay nếu ai đó có cơ hội đi đến xứ Trung Quốc hay Nhật Bản sẽ thấy điều tôi dẫn chứng không sai. Vì có những cây cột chùa của Đông Đại Tự (Todaiji) hay Đông Bản Nguyệt Tự (Higashi Honganji) tại Nara và Kyoto cao sừng sững đến hơn cả 30 mét và thân cây cột 2, 3 người ôm vẫn còn thừa. Hoặc giả những ngôi chùa Nam Hoa ở Quảng Đông, Nga Mi ở Tứ Xuyên Trung Quốc v.v... khi xem xong phải cúi đầu bái phục cho ý chí và sức lực của người xưa quá kiên cường. Cách đây hàng ngàn năm về trước, phương tiện xây dựng còn thô sơ, con người còn chật vật về vật chất, thế nhưng đời sống



Tổ Đình Vạn Đức, Hội An

tâm linh của họ cao vợi vợi như những cây cột chùa kia, nhờ vậy họ mới lập nên những ngôi cổ tự để đời sau tôn thờ.

Khi học trong văn Cảnh Sách tôi nhớ Tổ Quy Sơn Linh Hựu dạy rằng: “Đời người xưa các bậc Tổ đức sống như cây tùng, cây bách. Đời ngày nay chúng ta nếu không làm được thân cây tùng cây bách thì hãy làm dây leo, tùng cao đến đâu thì dây leo hãy leo đến đó.” Thế mà đã có mấy người leo đến đích được, đa phần chỉ bò quấn bò quanh bên gốc tùng, gốc bách, đâu có ai đủ can đảm để leo lên cây Bách cây Tùng?



**Chánh diện
chùa Vạn Đức, Hội An**

Cây này sống cả hàng trăm, hàng ngàn năm trên núi cao, trong rừng rậm. Dầu cho đông sang lạnh lẽo, tuyết phủ triền miên, nhưng lá tùng, lá bách vẫn xanh thắm với thời gian. Thân cây vẫn cứng cáp, không bị gió sương, giá buốt chi phối. Do vậy cái bản thể của Tăng Già phải sừng sững như vậy thì Đạo Phật mới được trường cửu dài lâu trên thế gian này. Đó là những lời khuyên mà cũng là những lời chỉ thị cho đàn hậu học, bắt buộc phải làm theo. Nếu không được như vậy thì Phật Pháp sẽ suy tàn.

Hoặc trong giới thứ 8 của Sa Di có dạy rằng: “Cao Phong Diệu Thiên Sư tam niên lập nguyện bất triêm sàng đảnh.” Nghĩa là Ngài Thiên Sư Cao Phong Diệu lập nguyện trong 3 năm lưng không hề dính chiếu. Như vậy có nghĩa là Ngài chỉ ngồi, đi và đứng, còn động tác thứ tư là nằm, Ngài đã chối từ trong 3 năm như vậy. Thật sự ra trong 4 động tác này, động tác nằm là lâu và nhiều nhất trong 24 tiếng đồng hồ của một

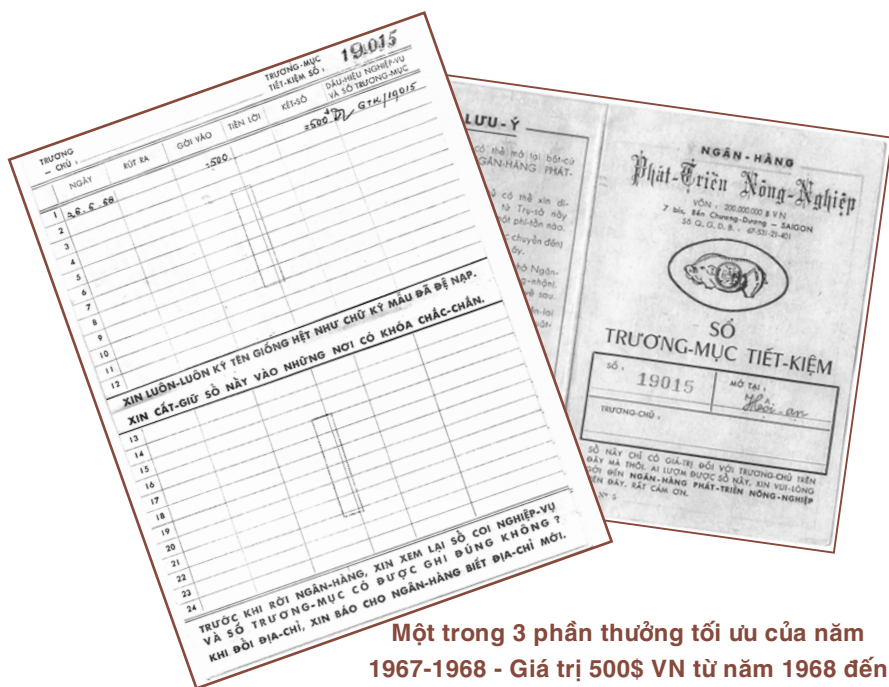
ngày đêm, nhưng người xưa đã thể hiện được, còn chúng ta ngày nay thì yếu đuối vô cùng. Trong khi ý chí không có mà cứ mong thành tựu được những việc phi thường.

Tại Hội An ngoài hai chùa Tổ cổ nhất trên 300 năm như Chúc Thánh, Vạn Đức còn có các chùa Tổ như Phước Lâm, Long Tuyên. Đây là những chùa Tổ do các bậc Tổ Sư người Việt Nam xây dựng và truyền thừa cũng đã trên dưới 200 năm lịch sử. Những ngôi chùa này tôi đã có dịp giới thiệu với quý vị chi tiết phía trên rồi. Ngoài ra tại Hội An còn có chùa Viên Giác hay chùa Tỉnh Hội, nay gọi là chùa Pháp Bảo, cũng mới được xây dựng chừng 100 năm nay. Đó là những ngôi chùa Tăng.

Hội An cũng có một ngôi chùa Ni nổi tiếng do Sư Bà Thích Nữ Đàm Minh xây dựng và sau này Sư Bà Thích Nữ Như Hương cũng như Sư Bà Thích Nữ Diệu Hạnh kế tục trụ trì. Ngày xưa cũng như nay, ngôi chùa Sư Nữ Bảo Thắng đã đào tạo rất nhiều Ni tài và tại chùa này cũng có xây dựng Ký Nhi Viện để giữ trẻ và giáo dục thiếu nhi theo tinh thần Phật Giáo từ tuổi mới lọt lòng mẹ.



Chùa Sư Nữ Bảo Thắng tại Hội An (ảnh năm 2012)



Một trong 3 phần thưởng tối ưu của năm 1967-1968 - Giá trị 500\$ VN từ năm 1968 đến nay vẫn chưa lấy ra và chưa tính tiền lời.

Nhớ lại niên học 1967-1968 tôi được trường Trung Học Bồ Đề Hội An phát cho 3 phần thưởng. Hôm đó chở cả hai, ba chiếc xích-lô mới hết. Sau khi lãnh thưởng, Sư Bà Thích Nữ Như Hương ghé tai tôi bảo rằng: “Nhờ chú mùa hè này xuống chùa Bảo Thắng kèm cho các cô môn Pháp văn và toán, lý, hóa.” Tôi nghe như nhẹ nhõm trong lòng. Vì cái học của mình ngày nay đã đi đến được kết quả như vậy.

Thế rồi mùa hè năm ấy, tôi đạp xe đạp từ chùa Viên Giác xuống chùa Sư Nữ Bảo Thắng mỗi tuần 2 lần vào ngày thứ ba và thứ năm để kèm cho quý cô đang học trường Bồ Đề và Trần Quý Cáp lúc bấy giờ. Trước khi vô học tôi được Sư Bà tiếp tại phòng khách rất trịnh trọng, sau đó vào lớp và trước khi ra về còn được dùng mấy ly chè đậu ván hay hạt sen ngọt lịm đến tận cổ. Hương vị ấy cho đến giờ này tôi cũng chẳng quên bao giờ. Hình ảnh dịu dàng của Sư Bà Từ Hạnh trụ trì chùa Châu Phong ở Thanh Quýt, nay cũng đã gần 100 tuổi,

Cố Ni Trưởng Thích Nữ Như Hùng, Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Hạnh v.v... là những tấm gương của Ni giới quê hương xứ Quảng Nam ngày ấy.

Trong những cuộc tranh đấu năm 1963 rồi 1966, nếu chư Tăng Quảng Nam ở trong vòng lao lý, kể cả Sư Phụ tôi và Hòa Thượng Thích Như Huệ, mà không có quý Sư Bà và quý Ni Sư, Sư Cô bảo bọc, lo lắng, thăm nuôi v.v... thì ngày nay đâu còn có những bậc long tượng của Phật Giáo như: Cố Hòa Thượng Thích Tâm Thanh, Sư Cô Diệu Định vị pháp thiêu thân v.v... chỉ chừng đó thôi, Hội An và những ngôi chùa này đã đi vào lịch sử.

Nhắc lại ngôi chùa Tổ Chúc Thánh tại Hội An, tôi cũng muốn trải bày một ít tâm sự nơi đây, nếu không nói bây giờ thì ngày sau sẽ dễ quên đi và ít có cơ hội để đề cập đến.

Tuy tôi sống xa quê cho đến năm 1991, cũng đã gần 30 năm ở ngoại quốc, nhưng lúc nào cũng nhớ nghĩ về quê hương, trong đó có các chốn Tổ Đình và Thầy Tổ của mình. Khi nghĩ về Chúc Thánh thấy Hòa Thượng Thích Trí Nhân đã lớn tuổi, trong khi Thầy Hạnh Chánh thì đi học phương xa, nên tôi đã có thư về thăm Thầy tôi và Hòa Thượng Thích Trí Nhân, gợi ý với quý Ngài là nên trùng tu lại Tổ Đình Chúc Thánh tại Hội An. Vì lẽ đây là chốn Tổ đã sản sinh ra không biết bao nhiêu là bậc long tượng của Phật Giáo như: Tổ Khánh Anh, Hòa Thượng Thích Quảng Đức, Hòa Thượng Thích Hành Trụ v.v... Và lại năm 1991 chùa Viên Giác ở Đức đã xây xong và khánh thành đợt một, nên tôi đã đề ra một phương án có thể khả thi được. Đó là sự đóng góp của con cháu Tổ ở khắp nơi, nên chia đều ra mới công bình. Đầu tiên tôi đề nghị mỗi châu lục đóng góp 100.000 US\$. Ví dụ như tại Âu Châu, tôi đại diện quyên góp số tiền ấy. Tại Úc Châu Hòa Thượng Thích Như Huệ và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc lo. Tại Mỹ Châu thì Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn đảm trách. Một phần tư còn



lại các chùa thuộc môn phái Chúc Thánh ở Sài Gòn và các tỉnh thành miền Trung đóng góp.

Kế hoạch thì rất hay, nhưng có lẽ nhân sự trong tỉnh lúc bấy giờ chưa thống nhất, mãi cho đến sau này khi Hòa Thượng Thích Trí Nhân viên tịch rồi, Thầy Đồng Mẫn kế thế trụ trì Tổ Đình, công việc xin giấy phép trùng tu Tổ Đình mới tiến hành khả quan. Tuy trước đó Thầy Hạnh Chánh cũng đã góp ý trong vấn đề này, nhưng Thầy Hạnh Chánh lúc ấy đang học ở Ấn Độ xa xôi, nên ý kiến của Thầy ấy không ảnh hưởng trực tiếp được.

Sau khi có giấy phép trùng tu rồi, chúng tôi ở ngoại quốc bắt đầu vận động một cách mạnh mẽ và kết quả đã như kế hoạch được đặt ra. Riêng ở Mỹ có Hòa Thượng Chơn Điền, Hòa Thượng Thanh An và Hòa Thượng Hành Đạo chứng minh và Thầy Hạnh Tuấn lo vận động, đôn đốc thực hiện những bữa cơm chay gây quỹ tại Santa Ana, San Jose, Houston, Chicago và Montreal. Kết quả phần Mỹ Châu đã đóng góp vào công trình trùng tu Tổ Đình gần 150.000 US\$. Trong khi đó Âu



Cổng Tam quan cũ chùa Chúc Thánh - Hội An, nay là di tích



Cổng Tam quan mới xây dựng của chùa Chúc Thánh - Hội An

Châu không gây quỹ mà chỉ kêu gọi Phật Tử đóng góp, con số cũng vừa đúng 100.000 US\$. Tại Úc Châu Hòa Thượng Thích Như Huệ và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc tổ chức những bữa cơm gây quỹ trùng tu Tổ Đình kết quả cũng trên dưới 100.000 Úc kim. Trong khi đó tại quê hương vừa xây dựng vừa lo trả tiền xây cất, thiếu hụt đâu, ở trong nước lo trang trải cho đủ và sau gần 3 năm thi công mọi công trình đã được hoàn thành.

Ngày khánh thành cách đây 5 năm về trước, phần tôi phát nguyện cúng dường Trai Tăng cho 1.000 vị. Gọi là Thiên Tăng Hội. Đây cũng là lần đầu tiên tại Hội An có lễ khánh thành trong 3 ngày, có cả mấy ngàn Tăng Ni và Phật Tử câu hội, trong cũng như ngoài môn phái và quý Ngài tại Trung Ương cũng đã về đây tham dự Đại Lễ Khánh Thành này. Phải nói một lời không ngoa là cho đến thời điểm ấy, tại miền Trung Việt Nam chưa có chùa Tổ nào có được có cơ ngơi rộng rãi, đồ sộ, xứng đáng là chốn Đại Tàng Lâm như Chúc Thánh vậy. Sau này nhờ Thầy Như Tịnh viết bộ “Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh” truy tầm tổ tông của từng miền một, nên sơn môn Tổ Đình Chúc Thánh, con cháu của Tổ càng ngày càng hội tụ về đông hơn.



Tấm trường của Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo GHPGVNTN đi điều khi Sư Phụ viên tịch.



Tổ Đường chùa Chúc Thánh

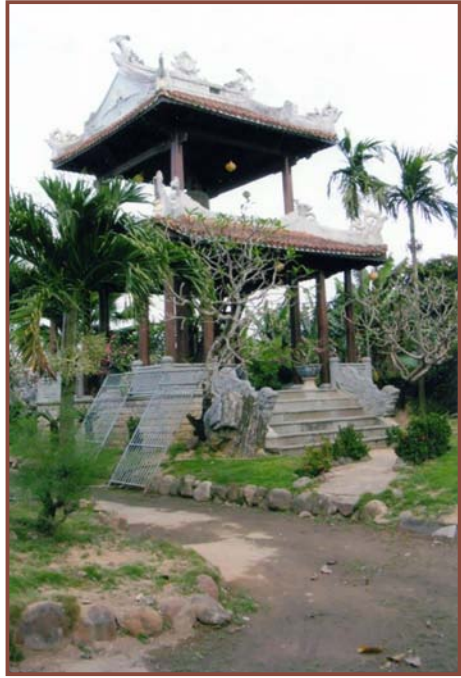


Thượng tọa Thích Đồng Mẫn, Trụ trì chùa Chúc Thánh, Hội An

Ở ngoại quốc, Châu Mỹ và Châu Úc mỗi năm đến ngày kỵ của Tổ Minh Hải vào mồng 7 tháng 11 âm lịch đại diện các chùa thuộc môn phái Chúc Thánh đều có cử hành ngày húy kỵ của Tổ để nhắc lại công hạnh của các Ngài đã đến quê hương xứ Quảng hơn 300 năm trước, nhờ đó mà ngày nay môn phong tử đệ ở khắp nơi mới đượm nhuần được ân pháp vũ.

Năm 1991 lễ khánh thành chùa Viên Giác tại Hannover được cử hành trong một tuần lễ vào cuối tháng 7 đến đầu tháng 8 năm ấy. Đây là cơ hội để tôi cung thỉnh chư Tôn Đức khắp nơi trên thế giới về Hannover Đức quốc để chứng minh và tham dự lễ khánh thành. Nhân cơ hội này, tôi cũng đã gửi thư mời về Sư Phụ tôi để thỉnh Ngài sang chứng minh trong những ngày lễ trọng đại kia. Giấy tờ bên chính quyền Đức đã xong, nhưng chờ mãi mà hộ chiếu phía Việt Nam vẫn không cấp. Chờ cho đến gần xong lễ khánh thành họ mới cấp hộ chiếu cho Sư Phụ và Ngài đến Đức, lễ khánh thành đã xong, nhưng Ngài còn cơ hội hiếm hoi là gặp lại được Hòa Thượng Thích Như Huệ, người bạn Đạo cố tri năm nào, tại phi trường Frankfurt trong mấy tiếng đồng hồ để hàn huyên tâm sự sau bao nhiêu năm xa cách qua việc sắp xếp của Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn. Riêng tôi và tử đệ chùa Viên Giác đến phi trường Hannover để đón tiếp Thầy tôi.

Thầy vẫn trẻ, khỏe, đẹp lão như những năm xưa và gặp tôi, Thầy ôm sát vào lòng để nhớ lại tình Thầy trò đã lâu



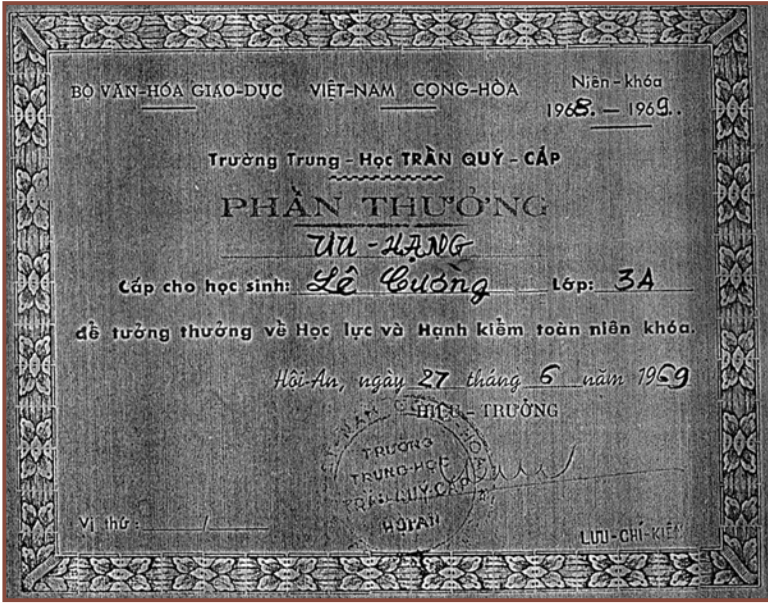
Gác chuông chùa Viên Giác tại Hội An do Thầy Như Tịnh xây dựng.

năm không gặp. Lúc ấy đã có Thầy Hạnh Tấn, Thầy Hạnh Bảo xuất gia rồi, cho nên tôi giao qua cho mấy Thầy làm Thị Giả cho Sư Ông. Phần tôi mỗi ngày hầu trà Thầy một lần vào mỗi buổi sáng sau giờ công phu khuya tại chùa mới. Ngoài ra mỗi cuối tuần Thầy Thiện Sơn đưa Thầy sang Pháp thăm chùa Khánh Anh cũng như một số chùa khác, hoặc giả Ngài đi xe cùng tôi đến các Chi Hội và các chùa trong nước Đức để thuyết giảng và thăm viếng.

Thầy Hạnh Tuấn còn ở lại cả nửa tháng sau mới về lại Hoa Kỳ, nên cũng đã có cơ hội hầu chuyện với Thầy tôi về tình hình của Giáo Hội trong nước dưới sự lèo lái của Cố Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và Hòa Thượng Thích Huyền Quang. Nói gì thì nói, nhưng nói đến vấn đề hành chánh hay tổ chức của Giáo Hội thì chúng tôi chỉ có đứng vòng tay nghe thôi. Không biết Thầy đã học ở đâu mà có kinh nghiệm đầy mình. Do vậy khi Viện Hóa Đạo còn lưu vong ở Quảng Ngãi. Cố Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã mời Thầy tôi đảm trách chức Chánh Văn Phòng Viện Tăng Thống để giúp đỡ cho Hòa Thượng thuở bấy giờ. Đến ngày Thầy tôi vãng sanh, cả hai Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có đi một tấm trướng để thờ, mãi cho đến bây giờ vẫn còn sáng ngời nơi Linh Đường thờ Sư Phụ tại nhà Tây chùa Viên Giác ở Hội An.

Hình như tôi có duyên với Thầy Như Vạn và Thầy Như Huệ hơn là Thầy Bốn Sư của mình. Quý Thầy này tôi không ngại ngần khi thưa bạch một việc gì, nhưng với Thầy Bốn Sư sao thấy có cái gì khó nói. Mặc dầu trong sách “Châu Ngọc Hồi Ký” của Thầy, Thầy đã viết và nói về người đệ tử thân thương là tôi bằng những lời lẽ rất đậm nghĩa Thầy trò, nhưng ở một điểm sâu kín nào đó của tâm hồn có cái gì đó thật là khó diễn tả.

Thường thường học trò, đệ tử hay trách Thầy mình là thế này hay thế nọ, nhưng đâu có ai biết rằng: Thầy vẫn thương mình đó chứ! Vẫn dõi mắt trông theo Phật sự của đệ tử mình



Tuy là trường công lập, nhưng tôi cũng đã đỗ ưu hạng vào cuối năm Đệ Tam niên khóa 1968 - 1969

thành tựu ở phương xa và tất cả mọi động tác của đệ tử, Thầy mình đều rõ biết, nhưng người đệ tử vẫn chưa hài lòng. Sau này khi có đệ tử xuất gia đông, tôi đã rõ tâm trạng của Thầy mình nhiều hơn nữa. Nhiều khi mình còn chứng tỏ sự thông thái, hiểu biết và thành thạo của mình đối với Thầy, nhưng việc ấy chỉ bằng thừa.

Trước khi Thầy viên tịch vào 14 năm trước, Thầy đã làm tờ di chúc chùa Viên Giác tại Hội An cho tôi trụ trì và có lời nhắn gởi sau thư là nên chăm sóc cho Như Tịnh để lo lắng những điều cần thiết khác, trong khi Sư huynh Tâm Thanh vẫn còn đó mà Thầy không đề cập gì. Đây là cái tích tắc, cái thông minh trong việc xử thế của Thầy trong khi sống cũng như lúc sắp ra đi.

Năm 2003, tôi trở về ngôi Phương Trượng, có nghĩa là mọi quyền hạn đều giao lại cho vị Trụ Trì, lúc ấy là Thầy Hạnh Tấn. Vì tôi muốn thông dong trong việc tu niệm cũng như dịch

kinh, viết sách trong những ngày còn lại với cuộc đời và nhân cơ hội này Tông Môn Pháp Phái của Ch�c Thánh từ Quốc Nội đến Hải Ngoại có mặt đầy đủ, tôi chính thức công cử Thầy Như Tịnh lên trụ trì chùa Viên Giác tại Hội An, thay thế cho tôi, như chúc thư của Sư Phụ lúc sanh tiền đã để lại. Vì lẽ tôi ở ngoại quốc lâu năm, chưa có cơ hội để về thăm quê hương, nên không thể đảm nhận chức vụ trụ trì chùa Viên Giác Hội An được. Nay thì mọi việc đã đầu vào đó. Ở ngoại quốc tôi đã có các Thầy đệ tử lo chăm sóc chùa Viên Giác tại Hannover. Còn tại Hội An có Sư đệ Như Tịnh tiếp nối con đường của Sư Phụ chúng tôi đã đi qua và tiếp tục thực hiện những hoài bão của Sư Phụ về những gì mà Ngài chưa làm được.

Sau một tháng ở Đức, Thầy muốn về lại Việt Nam, mặc dầu Visa ở Đức của Thầy còn giá trị gần 2 tháng nữa. Tôi và quý chú đưa Thầy xuống phi trường Frankfurt để Thầy về lại Sài Gòn. Nghe đâu khi về đến Sài Gòn, Thầy phải bay thẳng ra Hà Nội để phúc trình chuyến đi vừa rồi theo lệnh trên ban xuống.

Từ khi xuất gia năm 1964, đến 1969 tôi xa Hội An, năm 1972 xa Việt Nam đi Nhật du học, chưa bao giờ tôi có cơ hội để hầu chuyện với Thầy như cả tháng trong năm 1991 ấy. Đây là niềm vui của tôi và tôi cũng muốn giải tỏa một số khúc mắc giữa Thầy trò, tại sao lâu nay có những vấn đề như vậy. Dĩ nhiên là tôi cũng đã không thừa hết thật 100%, vì sự thật thì ít người muốn nghe mà khi nghe rồi thì nó không còn thật nữa. Vì lẽ vạn pháp đều không mà. Hiểu được như vậy cho nên tôi dừng câu chuyện lại ở nơi nào đáng dừng.

Đó là cơ hội chót để tôi bộc bạch với Thầy vì sau này mãi cho đến ngày Thầy viên tịch, tôi không có cơ hội để gần gũi Thầy được một ngày nào nữa, vì quan san cách trở cũng như mọi việc đã được an bài rồi.

Thầy ra đi xếp lại một khúc quanh lịch sử của đời mình. Mặc dầu trong “Châu Ngọc Hồi Ký” Thầy cũng đã nói, nhưng



**Thiết trí bên trong Chương Đức Đường,
tọa vị bên trái chánh điện Chùa (từ chánh điện nhìn ra)**

chưa nói hết. Hôm nay chúng con ôn lại những kỷ niệm này cũng chỉ để tưởng nhớ đến ân đức của người xưa, nhằm nhắn nhủ cho chính mình hay những người đời sau, bao giờ lịch sử cũng sẽ lặp lại như thế. Ngày nay “Chương Đức Đường” nơi khuôn viên chùa Viên Giác tại Hội An, Sư đệ Như Tịnh đã lập nên một ngôi nhà trang trọng để thờ Thầy, Thầy Tâm Thanh và con, có lẽ ý Thầy ấy cũng muốn ghi lại cho hậu thế biết rằng cả 3 vị Thầy ấy đều có những đóng góp nhất định cho lịch sử, cho đạo pháp và đặc biệt cho việc đào tạo Tăng tài cho mai hậu. Thầy có Thầy Như Tú đã đỗ Tiến sĩ tại Đại Học New Delhi Ấn Độ tháng 3 năm 2012. Thầy Tâm Thanh có đệ tử Nguyên Tân cũng đỗ Tiến sĩ cùng khoa với Thầy Như Tú và con có đệ tử Hạnh Giới tốt nghiệp Tiến sĩ Đại Học Hannover Đức quốc năm 2003 và Hạnh Giả cũng tốt nghiệp Tiến sĩ tại Đại Học này vào cuối năm 2011, đầu năm 2012 lãnh bằng tốt nghiệp.

Cái học thật ra nó không bằng cái tu, nhưng cái tu nếu thiếu sự học, quả thật khó thành tựu với sự tiến bộ của khoa học ngày nay. Do vậy cả tu và học phải song hành thì cơ may mang giáo lý của Đạo Phật vào đời mới dễ dàng được. Hội An tuy nghèo về vật chất, nhưng văn học và văn hóa không nghèo. Nay dưới mái chùa Viên Giác nơi “Chương Đức Đường” đã nói lên được tất cả những điều đó. Sự thành tựu của đệ tử chính là sự hoan hỷ của mình, nhưng tiếc rằng Sư Phụ và Sư huynh Tâm Thanh không còn có mặt trên cuộc đời này để chứng kiến cho sự thành công của những người Đệ tử của mình như vậy. Do vậy con vẫn thường nói rằng: “Bằng cấp không thể làm cho mình giải thoát, nhưng nếu muốn mở cánh cửa giải thoát kia, không thể thiếu sự tu và sự học được.”

Tưởng nên nhắc lại, niên khóa 1968-1969 tôi được qua trường công lập Trần Quý Cáp tại Hội An để học Ban A chuyên về Vạn Vật và Toán Lý Hóa. Thuở đó ở Việt Nam, khi học sinh qua Trung Học Đệ Nhị Cấp phải chọn Ban để học và chọn thêm một sinh ngữ phụ nữa. Đây là 2 vấn đề mà cần phải lưu tâm. Ban B chuyên về toán. Ban C là Ban văn



Trường Trung Học Trần Quý Cáp tại Hội An ngày nay (ảnh 2012)

chương. Lúc tôi học Trung Học Đệ Nhị Cấp Ban D không còn nữa. Ban D vốn là Ban Cổ Ngữ, chuyên Hán văn. Trung Học Đệ Nhất Cấp 4 năm tại trường Bồ Đề tôi lấy Pháp văn làm sinh ngữ chính, qua trường Trung Học Trần Quý Cáp tôi chọn Anh văn làm sinh ngữ phụ. Bao năm nay học ở trường Đạo, mặc dầu vẫn học văn hóa phổ thông. Bây giờ qua học trường Phổ Thông công lập, chỉ toàn là học sinh giỏi và không đặt nặng vấn đề Tôn Giáo, nên không có giờ học giáo lý trong chương trình. Vả lại giáo sư cũng không nhất thiết phải là những người Phật Tử thuần thành. Vì trường công lập người ta không chú trọng đến vấn đề này.

Mùa hè năm 1968 tôi an cư kiết hạ tại chùa Tỉnh Hội. Lúc ấy vẫn còn Hòa Thượng Thích Trí Minh làm trụ trì và Hòa Thượng Thích Như Huệ làm giảng sư của Giáo Hội. Các chú thì có chú Phấn, Thị Diễm, Thị Thiện, chú Duyên, chú Hạnh, chú Kính v.v... An cư tại đây thanh thoi hơn ở chùa Long Tuyên. Vì lẽ Thầy dạy ít nên chúng tôi học ít môn hơn. Còn những giờ công phu bái sám, tọa thiền vẫn giống như tại chùa Long Tuyên thuở nào. Sau này vào năm 1972, Long Tuyên chính thức thành Phật Học Viện thì tôi đã không còn có mặt nơi quê hương Việt Nam nữa. Nơi đây sau này cũng đã đào tạo được một số Thầy nổi tiếng vẫn còn hoạt động Phật sự tại Canada như Thầy Tâm Hòa hay nhà văn Vĩnh Hảo tại Hoa Kỳ.

Chùa Tỉnh Hội là cơ quan hành chánh của Tỉnh Giáo Hội nên người người qua lại, ngày đêm tấp nập vô cùng. Không khí tu học cũng có, nhưng đa phần nghiêng về hành chánh của Giáo Hội. Tuy nhiên trong 3 tháng An cư Kiết hạ tại đó, chúng tôi cũng đã học hỏi rất nhiều từ Thầy Như Huệ cũng như Thầy Như Vạn và các chú lớn khác.

Trong năm học này tôi có quen với Nguyễn Mậu Dũng, một thanh niên cao ráo đẹp trai và cùng học một lớp đệ tam A

mà mãi cho đến bây giờ tôi vẫn còn trao đổi thư từ với Dũng cũng như giúp đỡ cho Dũng hằng năm với một số tiền thật khiêm nhường, chỉ vì đơn thuần là tình bạn và Dũng cần sự giúp đỡ ấy. Dũng và các bạn học thuở ấy bây giờ ai cũng đã có cháu nội, cháu ngoại hết rồi, nhưng tình bạn vẫn là tình bạn. Đã có nhiều lần đi chơi ở Cù Lao Chàm với Dũng và Tiến. Sau này vào Sài Gòn học Đại Học, Dũng có ghé chùa Hưng Long thăm tôi và chúng tôi cũng đã có chuyến du ngoạn mấy ngày tại Vũng Tàu chung với Cường và Dũng thật là ý nghĩa.

Tình bạn, tình học trò, tình Thầy, tình Cô giáo của thuở còn nhỏ sao mà nó trong trắng dễ thương chi lạ. Nó không có sự tính toán, đo lường, kể lể hay thắc mắc gì cả. Cứ thương thì nói là thương. Điều gì không thích thì bảo là không thích. Cứ như thế mà xong. Còn những loại tình khác đa phần thuộc về sự đối đãi nhiều hơn. Cho nên người ta hay quý nhau tình bạn là vậy.

Từ chùa Viên Giác Hội An nhiều khi tôi thả bộ xuống trường Trần Quý Cáp. Như trên đã nói, thuở ấy tôi học buổi chiều. Vì buổi sáng ở chùa có thời gian ôn bài cũng như học kinh kệ và giáo lý. Vả lại buổi sáng ở chùa có gì cần sai biểu Thầy dễ sai hơn. Từ ngày đó chúng tôi 5 người đổ đầu trường Trung Học Đệ Nhất Cấp Bồ Đề qua đây không còn chung lớp nữa, trong đó có chú Như Phẩm Phạm Phú Chín và Huỳnh Thị Xuân Hương. Riêng Hương có lẽ chọn giải pháp khác, không học chung với chúng tôi để có cơ hội đứng vị trí cao hơn vào cuối năm. Nếu học chung với chúng tôi, chắc gì cô ta có cơ hội ấy.

Hồi Đệ Ngũ và Đệ Tứ, khi tôi học Vạn Vật với cô giáo Huỳnh Thị Thúy Lan, sổ của tôi bao giờ điểm Vạn Vật cũng là 18 hay 19 trên 20 điểm và cuối năm Đệ Tứ, Cô phê trong học bạ mà ngày nay tôi cũng còn giữ mấy chữ là: “học hạnh kiêm toàn”. Không ngờ nhờ sự học và điểm ghi ấy mà tôi tìm lại được Cô giáo cũ dạy Vạn Vật ngày xưa, lúc ấy tôi đã ở Tây Đức.

Nguyên là năm 1977 tôi đã đến định cư và ty nạn tại Đức. Vào những năm 1979, 1980, chúng tôi thành lập các Chi Hội Phật Tử tại Hamburg và Berlin sau khi đã thành lập Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức trước đó. Có một lần tôi lên Hamburg làm lễ xong, lúc ấy chưa có Chùa Bảo Quang, có một anh Phật Tử người Huế đưa tôi ra xe lửa về lại Hannover và nhờ đó có cơ hội hỏi chuyện là ngày xưa anh ở Việt Nam làm việc tại đâu, thì anh bảo rằng: “Tại Ty Thủy Lâm Quảng Nam.” Tôi nghe anh nói giọng Huế nên liền tưởng đến Cô giáo Lan dạy Vạn Vật cho chúng tôi thuở nào, nên hỏi anh có quen biết cô ta không, thì anh bảo rằng: “đó là bà xã”. Từ đó, có lẽ cũng đã cách xa gần 20 năm tôi mới có cơ hội liên lạc lại với Cô giáo cũ và copy học bạ của mình có những lời phê của Cô khi xưa để cho Cô xem. May mà lúc ấy học giỏi, nếu chẳng may học dở chót lớp như hồi còn học Tiểu Học thì cũng chẳng dám nhìn nhận Thầy, Cô cũ làm gì. Cô là một Phật Tử rất thuần thành và người chồng cũ của Cô, chính là anh Nguyên Trí Nguyễn Hòa, làm Trưởng Ty Thủy Lâm Quảng Nam tại Hội An thuở nào, nay là Chủ bút báo Viên Giác tại Đức cũng đã 20 năm rồi.

Đúng là thời gian xoay vần, không gian dầu cho có thay đổi, nhưng con người với tấm lòng “ôn cố tri tân” thì đi đâu và ở đâu cũng sẽ gặp được những điều may mắn cả.

Trong sân trường Trần Quý Cáp có những hàng phượng vĩ rất đẹp. Hè về phượng nở ve kêu, báo hiệu cho mùa nghỉ đã đến. Có những học sinh ở trọ tại Hội An vội vã về quê thăm gia đình cũng như giúp đỡ cho gia đình trong công việc đồng áng, để sau 3 tháng hè trở lại Hội An tiếp tục công việc học hành. Thuở ấy những vùng như Quế Sơn, Trà Kiệu, Đại Lộc v.v... là những vùng xôi đậu, nên có nhiều cô, cậu học sinh sau mùa nghỉ hè về thăm quê, không còn trở lại mái trường xưa nữa. Họ có thể là những người có lý tưởng, muốn theo du kích hoặc bộ đội, bỏ ngang việc học để làm theo tiếng gọi của con

tim, nhưng cũng có thể vì chán chường những sự sinh hoạt hằng ngày xảy ra nhan nhản tại Hội An, Đà Nẵng nên họ đã bỏ học ra đi để bảo vệ lý tưởng của họ. Đây là thời điểm có nhiều điều đáng nói nhất.

Tết Mậu Thân, một cái Tết khó mà quên được. Mới sáng ngày mồng một đã thấy lộ nhố một số người mặc đồ đen, mang súng AK xuất hiện trước cổng chùa Viên Giác. Tôi bảo chú Thứ chạy ra xem có việc gì thì chú bảo rằng: “Quân du kích tiếp thu Hội An.” Ai trong chúng tôi ở chùa lúc đó cũng rất ngỡ ngàng. Vì tối qua không nghe bao nhiêu tiếng súng, mà bây giờ quân du kích đã xuất hiện ở thành phố này rồi. Sau đó họ giải tán và chúng tôi tìm cách lần dò xuống chùa Tỉnh Hội để tìm hiểu sự tình. Dọc đường đi, tôi thấy những xác người cháy đen còn nằm treo lủng lơ trên dây điện, vì họ lấy những cây rựa bằng sắt để chặt điện cao thế, nên bị điện giật chết. Không biết đây gọi là hy sinh cho việc gì? Tất cả đều do sự không học và không được đào tạo mà ra. Nếu người có học không ai dạy gì mà lấy sắt để chạm vào điện cả. Trong cảnh tượng hãi hùng ấy, ai cũng ngán ngẩm, chỉ có tắc lưỡi và không nói nên lời.

Sáng ngày mồng một Tết Mậu Thân, rồi mồng hai, mồng ba và những ngày sau nữa những người Phật Tử từ Cẩm Nam rồi những vùng bất an như Duy Xuyên, Điện Bàn, Quế Sơn v.v... đổ về chùa Viên Giác đông nghẹt. Một mặt để nghe ngóng và mặt khác cũng muốn trốn khỏi nơi sinh sống của mình. Vì họ không muốn bom đạn lấy đi mạng sống của họ. Trong đám chạy loạn này có cả Trần Văn Nhơn tức nhà thơ Trần Trung Đạo và Lê Hoàng Anh tức là Sư Giác Ánh bây giờ.

Nhơn thì mảnh khảnh, dáng điệu thư sinh. Hầu như ít nói, thân thiện với Thứ nhiều hơn tôi. Khi tôi rời Hội An vào giữa năm 1969, lúc ấy Nhơn vẫn ở lại chùa Viên Giác để đi học Trung học Đệ Nhị Cấp trường Trần Quý Cáp. Con người

im lặng đến thế mà sau này nổi tiếng một thời với bút hiệu làm thơ và viết văn là Trần Trung Đạo. Nhất là hai bài thơ nói về Cây Đa Chùa Viên Giác và Bao Giờ Nhỉ Tôi Về Thăm Xứ Quảng. Đây là 2 bài thơ nói lên tâm trạng của Nhơn mà cũng là tâm trạng của nhiều người, trong đó có tâm trạng của tôi, nhất là tâm trạng của người xa quê hương mấy mươi năm rồi, chưa về thăm xứ Quảng.

*“Bao giờ nhỉ tôi về thăm xứ Quảng
Mười năm dài mồ mẹ có còn chăng
Cỏ có cao hơn nổi nhớ trong lòng
Đất có lạnh hơn mùa đông Bắc Mỹ
Hải Vân đứng ngậm ngùi bao thế kỷ
Chảy về đâu lai láng nước Thu Bồn
Tuổi học trò tôi hay đứng ven sông
Nghe tiếng vỗ bên kia cầu Vĩnh Điện
Còn đâu nữa những con đường đầy kỷ niệm
Những bạn bè năm đứa lạc nơi đâu
Tóc chưa xanh mà vôi đã hoen màu
Thuở ly loạn tìm nhau trong ký ức
Cho tôi ghé thăm trường Trần Quý Cáp
Những màu rêu gạch ngói cũ có còn chăng
Bài thơ xưa còn đọng mãi bên thềm
Tôi vẫn viết nhưng thơ buồn hơn trước
Đường Hội An chưa mưa đà ngập nước
Những căn nhà lụp xụp nối vai nhau
Đình Cẩm Phô, khu Khổng Miếu Chùa Cầu
Tên nghe lạ nhưng vô cùng thân thiết
Cho tôi ghé thăm bến đò Nam Phước
Lần cuối cùng em đến tiễn tôi đi*

Giờ chia tay sao chẳng nói năng gì
Nghìn năm để buông sâu trong ánh mắt
Bao giờ nhĩ tôi về thăm xứ Quế
Đứng bên cầu chợ Đuộng nước buông xuôi
Mùa Sim lên tím rục cả lưng đồi
Hương ngậy ngát tôi mộng làm thi sĩ
Ai đứng đó bên kia bờ Giao Thủy
Khăn lụa vàng còn chít ở ngang vai
Nghiep tầm tang khuya sớm vẫn đua đòi
Nghề canh cửi chắc còn nhiều cực khổ
Trong tim tôi có một dòng máu đỏ
Sẽ có ngày chảy đến tận Cầu Lâu
Nước sông Thu dầu lụt lội đục ngầu
Nghe vẫn ngọt hơn bòn bon Đại Lộc
Bao giờ nhĩ tôi về thăm Đà Nẵng
Gió ngàn khơi thổi lạnh xuống sông Hàn
Bến Bạch Đằng còn chẳng chuyến đò ngang
Ngày hai buổi nối qua cầu An Hải
Em trường Nữ nay có còn trở lại
Thả thư tình trêu chọc đám con trai
Đường Hùng Vương thuở ấy thật là dài
Nhưng rất ngắn trong những chiều chung bước
Mây có phủ trên đỉnh chùa Non Nước
Mưa có buồn giăng kín bãi Tiên Sa
Về đi thôi sương xuống tận Sơn Chà
Còn chẳng nhĩ mỗi chân tình trên cát
Rồi một thuở tôi ôm đàn đứng hát
Bài ca buồn tiếng quốc vọng đêm khuya

*Quảng Nam ơi! Khúc ruột đã chia lìa
Chiều viễn xứ ngậm ngùi cho Non Nước*

*Tôi đã bảo thơ tôi buồn hơn trước
Đời lưu vong chưa hẹn bước quay về
Câu hỏi này chỉ để hỏi tôi nghe
Bao giờ nhĩ tôi về thăm xứ Quảng.*

Đọc xong 56 câu này đã mệt nhoài. Thế mà tôi cũng đã ngâm bài thơ này tại chùa Quan Âm ở Montreal dạo nào để gây quỹ xây dựng Tổ Đình Chúc Thánh tại Hội An. Nhon đứng đó gảy đàn cho tôi ngâm và chắc Nhon cũng chẳng bao giờ nghĩ là có ngày như vậy.

Nhon sống tình cảm sâu sắc với quê hương và đậm đà với Đạo Pháp cũng như Dân Tộc. Do vậy hồn thơ đậm nét quê hương. Tôi có thể đọc suốt mấy ngày mấy trăm bài thơ của: Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương, Nguyễn Bính, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến hay thơ Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Lục Vân Tiên v.v... nhưng tôi chưa hề làm một bài thơ nào. Chỉ làm được một bài thơ Đường luật 8 câu đọc nhất vô nhị trong đời vào ngày 5 tháng 9 năm 2012, nhưng bài thơ này suốt đời, các độc giả cũng khó có cơ hội đọc được.

Tôi chỉ thích viết văn và đọc sách, mặc dầu văn của tôi không có gì bóng bẩy chải chuốt, nhưng có tính tả chân, dễ viết, không khách sáo, rỗng tuếch và cũng chẳng cầu kỳ. Thỉnh thoảng ở đâu đó ngồi nghe một người nào đó nhắc lại tư tưởng của mình qua mấy đoạn văn, cũng cảm thấy vui vui. Ví dụ như Pháp ngữ này: “Con xin nguyện mình làm dòng sông để chuyên chở những trong đục của cuộc đời và con xin nguyện làm mặt đất để hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế”. Câu Pháp ngữ này đã đi vào lòng người.

Đây chính là hạnh nguyện của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và hạnh nguyện của Ngài Địa Tạng. Cách cứu khổ của Ngài

Quán Âm không phân biệt màu da, ngôn ngữ. Hành động ấy cao cả giống như dòng nước trôi xuôi, chảy bất tận vào nơi đâu cần chảy. Còn đất vốn có tính nhẫn, mà hạnh nguyện của Ngài Địa Tạng lại vô cùng, nên với tôi, đây cũng là những lời đại nguyện vậy.

Hôm đó Nhơn nghe tôi ngâm không hay, nhưng cả một tấm lòng của người con xứ Quảng đang sống xa xứ nghĩ về quê hương. Có lẽ anh ta cũng cảm động lắm. Nhiều lúc có những giọt nước mắt âm thầm được giấu sau nếp áo, nhưng nào có ai biết, ai hay. Mười năm, hai mươi năm sau gặp lại, nhắc những kỷ niệm xưa, chắc là chúng tôi không bao giờ quên hai cây đa chùa Viên Giác và bài thơ của quê hương xứ Quảng này. Mới đọc lên nghe toàn là những địa danh của xứ Quảng Nam, nhưng nghĩ cho cùng và nghe cho kỹ, nội dung bài thơ thấm thía vô cùng.

Lúc đó còn có Nhiêu và Cúc ở tận cầu Câu Lâu về đây tá túc đi học nữa, nên chùa bây giờ rất đông đúc học trò. Cô Bốn có thêm Cúc phụ nhà bếp, Thầy tôi có Nhơn và Thứ. Còn tôi, chú Đồng, chú Như Biên phụ Thầy Tư Toàn đi cúng đám và làm những công việc của chùa. Bây giờ sau hơn 40 năm nhìn lại, thấy chẳng còn ai mang hạnh nguyện độ sanh, mà tất cả đã và đang hòa tan vào trong dòng đời hư ảo ấy.

Thời gian này ở chùa Viên Giác đông đúc, nên chúng tôi thường hay họp Chúng để phân chia công việc. Mỗi người một nhiệm vụ như: Lê Hùng Anh gánh nước tưới cây, Ngô dọn cơm, cắt rau, Sơn, Nhiêu phụ rửa chén. Tôi đi công phu khuya và công phu chiều. Hôm nào bận học buổi chiều thì chú Ngô hay Bác Thị Tâm thay thế. Thứ làm thị giả cho Thầy, lái xe đi đây đi đó. Nhơn phụ những công việc tiếp khách trà nước v.v...

Trong năm này có nhiều chuyện không hay xảy ra trong chùa Viên Giác. Tôi, chú Đồng và Thứ đi tìm mọi cách để can

ngăn, nhưng chúng tôi đuối lý và điều đúng, điều hay nằm nơi kẻ có quyền, nên lúc ấy tôi rất buồn, muốn tìm một giải pháp khác để thay đổi và âm thầm tìm cách rút lui khỏi chùa Viên Giác này để đi càng xa càng tốt.

Thuở ấy Thầy Tâm Thanh đang ở Sài Gòn cũng đã chẳng hay biết chuyện gì đã xảy ra ở Viên Giác Hội An. Còn Thứ, Nhơn cũng như bao nhiêu người khác âm thầm chấp nhận và chịu đựng, nên đã chẳng có một ý kiến gì thể hiện lúc ấy, nhưng dẫu sao tôi cũng phải cảm ơn cho cuộc chia ly, ra đi vội vã này. Nếu không có ngày ra đi khi vừa học xong Đệ Tam Ban A ấy, có ở lại Hội An tiếp tục học cho xong Tú Tài I rồi Tú Tài II như nhiều Thầy, Cô khác thuở bấy giờ thì Nhật Bản, Âu Châu rồi Úc Châu hay Mỹ Châu vẫn còn là một chân trời xa lạ.

Hội An ơi! Ta vẫy tay chào mi.

Xa Hội An

Mỗi khúc quanh trong cuộc đời của mỗi người đều có lý do và giá trị thực tiễn của nó. Có thể điều ấy đối với mình là đúng, nhưng với kẻ khác là sai. Hoặc ngược lại đối với mình hoàn toàn sai, còn người kia lại đúng. Thật sự ra đúng và sai trong cuộc đời này chỉ là sự đối đãi mà thôi. Vì không có cái gì tuyệt đối cả và cũng chẳng có ai trong chúng ta là hiện thân của chân lý, nên phải như thế này hay như thế kia là tùy thuộc vào nhân duyên lúc ấy vậy.

Tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu sự ra đi. Có người ra đi không bao giờ trở lại. Có người ra đi vì bị áp lực này hay áp lực khác, khiến cho họ không thể tự giải quyết được và nhiều người cũng đã tìm đến cách quyên sinh, hoặc cởi áo nhà tu, trả lại cho chùa, thế là xong chuyện. Bởi lẽ cuộc đời vẫn còn tiếp diễn, cho nên những cái gì là thường của nhân thế, nó cứ thế mà biến hóa vô cùng. Ví dụ như đa phần người xuất gia, khi muốn đi tu đều do sự tự nguyện, thì bây giờ, sau khi sống với Đạo 10 năm, 20 năm hay 30 năm đi nữa, nếu có vấn đề gì đó xảy ra đối với cá nhân kia, thì chính đương sự phải tự giải quyết và không ai có thể xen vào đó để lãnh phần trách nhiệm cả. Dĩ nhiên không nhất thiết chỉ là chuyện tình cảm lem nhem, mà là áp lực của Thầy trò, của bốn đạo, của công việc, của tư tưởng v.v...

Ngày xưa những quyết định như thế thường âm thầm xảy ra, vì vấn đề thông tin còn hạn chế. Ngược lại ngày nay khi khoa học về thông tin tiến bộ, việc gì đó mới xảy ra tại đây thì khắp năm châu bốn bể đã biết rồi. Do vậy dư luận cũng sẽ là một áp lực lớn, đôi khi chỉ có tính cách một chiều, khiến ai đó tự chống đỡ không nổi nữa, thì đành phải thúc thủ mà thôi. Kể ra các vị Thầy lớn hay xa hơn nữa là Giáo Hội vẫn

chưa xử lý đúng mức về vai trò của mình trong việc tư vấn cũng như giúp đỡ cho những người sa cơ lỡ bước như vậy, mà đa phần đâu phải do họ muốn. Tất cả chỉ vì bị hoàn cảnh bức bách mà thôi. Cuối cùng rồi ai có khả năng vươn lên, người ấy sống còn, nếu chẳng may bị hụt hẫng giữa đường đời, người ấy tự đi vào ngõ cụt.

Cái học bao giờ nó cũng giúp cho lý trí quyết định một cách sáng suốt, nhưng nhiều lúc cái học nó cũng chẳng giúp được gì cho ta, nếu cái đức của ta còn quá mỏng, mà nghiệp của ta còn dày, thì sự quyết định ấy nghiêng về nghiệp chứ không thể nghiêng về phía bên đức được. Tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu người đã bỏ áo nhà tu và đã tìm cách khuyên bảo đủ điều, nhưng cuối cùng rồi cũng không mạnh bằng cái ước muốn của người ấy. Điều này quan trọng vô cùng. Dấu hiệu của sự thặng dư không quan trọng, mà điều quan trọng là người ta chủ tâm làm sao cho có sự thặng dư



Chùa Hưng Long tại Sài Gòn (ảnh chụp năm 2012)

kia. Ở đây tâm thức cũng vậy, ta làm chủ tâm, chứ ta không thể để tâm của mình bị động và khiến mình làm gì thì làm. Cái ta bây giờ là cái ta đại thể, chứ không còn là cái ta của tiểu ngã nữa.

Trong kinh Dịch có câu: “Cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu.” Nghĩa là cái gì đến đường cùng sẽ được thay đổi, khi thay đổi rồi, lại thông suốt. Khi đã được thông suốt rồi, ắt sẽ được lâu bền. Cuối cùng rồi cũng sẽ được lập đi lập lại như vậy. Do vậy mới gọi là Đồi. Đồi là một khoảng thời gian vô tận và không gian vô cùng, với bao nhiêu thiên biến vạn hóa được lập đi lập lại như vậy.

Trường hợp của tôi xa Hội An có lẽ vì tự thấy mình không đủ khả năng để chứng kiến những gì đang xảy ra nơi chùa Viên Giác, nên vào một buổi sáng, sau thời công phu khuya của mùa Thu năm 1969, tôi y áo vào phòng Thầy xin đi Sài Gòn để tiếp tục việc tu và việc học. Lần này Thầy chỉ im lặng và Thầy vào phòng ngủ lấy mấy ngàn đồng tặng cho người Đệ tử đi tha phương cầu học đấy thôi. Đây không phải là một hình phạt, mà cũng không phải là một phần thưởng. Vì lẽ sự ra đi này do tôi chọn lựa.

Hành trang của tuổi học trò chẳng có gì ngoài mấy quyển kinh và sách vở của nhà trường. Tôi ra Đà Nẵng lấy máy bay đi Sài Gòn và tự đón xe Lam về chùa Hưng Long ở số 298 đường Minh Mạng thuở ấy. Thật ra trước đó tôi đã nhờ Hòa Thượng Thích Bảo Lạc xin cho tôi trú ngụ tại chùa Hưng Long để đi học rồi, nên tôi mới mạnh dạn như vậy. Sau khi đến chùa, tôi được Hòa Thượng Thích Pháp Ý trụ trì chùa này sắp đặt cho chỗ ăn, chỗ ở và cho biết một vài việc cần thiết phải làm tại chùa trong khi ở tại đây. Mới vào Sài Gòn cái gì thấy cũng lạ. Lạ từ đèn đỏ, đèn xanh cho đến những sinh hoạt tấp nập hằng ngày trong khu phố này.

Chùa Hưng Long vốn là chùa cổ, có thể sánh vai với chùa Bửu Đà và chùa Ấn Quang. Đây là những ngôi chùa do chư

tôn đức từ Quảng Nam vào Sài Gòn khai sơn từ hơn 100 năm nay. Do vậy cách kiến trúc cũng theo xưa và đặc biệt tuy chùa nằm trung tâm giữa Ngã Sáu và Ngã Bảy Sài Gòn nhưng vẫn còn dùng nước giếng và cầu tiêu, nhà tắm chung nhau, nhưng là loại cầu tiêu hầm. Có lẽ thành phố Sài Gòn phát triển sau sự có mặt của ngôi chùa này, nên quý Hòa Thượng trụ trì thuở trước không muốn chùa bị đô thị hóa, vẫn giữ theo cách xưa như vậy. Bên cạnh chánh điện, hậu Tổ, phòng tiếp khách, nhà trù và một dãy nhà Tăng được xây cao lên 3 tầng. Chính ở ngôi nhà này tôi được ở, được ăn, được tu học cho đến ngày 22 tháng 2 năm 1972 thì lên đường sang Nhật Bản du học.

Tại chùa lúc ấy ngoài hai vị chánh phó trụ trì là anh em ruột ra còn có các Thầy lớn như Thầy Quảng Cầm, Thầy Thông Cổ, Thầy Minh Nghiêm và một Đại Chúng độ 20 Thầy. Dưới bếp thì có Bà Ngoại Năm. Tuy già cả, nhưng cả chúng ai cũng thương bà. Đa phần những bà lo bếp núc cho chùa họ chỉ biết có vị Sư trụ trì, còn Tăng chúng thì họ không quan tâm đến, nhưng ngoại Năm là một biệt lệ. Tăng chúng dầu có đi học về trễ, vẫn còn phần cơm để lại như thường, nếu Thầy ấy hay Chú ấy có dặn dò ngoại trước khi đi học.

Nguyên tắc căn bản của chùa này là mỗi ngày phải tụng hai thời kinh sáng, chiều hoặc là sáng, tối. Thời kinh sáng bắt buộc tất cả mọi người trong chùa đều phải có mặt, riêng thời kinh tối hay chiều, Tăng chúng trong chùa có quyền chọn một trong hai thời. Nếu Thầy ấy hay Chú ấy có thi Tú Tài I hay Tú Tài II thì chỉ còn tụng một thời thôi. Đó là thời kinh Lăng Nghiêm buổi sáng và một trong 2 thời còn lại, có thể nghỉ để ôn bài. Nếu ai mỗi ngày chỉ tụng kinh có một thời, thì chỉ dùng cơm được một bữa, nếu ai tụng hai thời thì dùng hai bữa cơm trưa, tối đầy đủ. Nếu chẳng tụng thời nào thì bị úp chén cả ngày đó. Đây là một hình phạt tượng trưng và hầu như không bị phạt quỳ hương hay những hình thức khác như các chùa tại miền Trung. Đặc biệt Hòa Thượng trụ trì lúc nào

Ngài cũng hiện diện đầy đủ trong hai thời công phu sáng và tối. Đây chính là tấm gương sáng cho tôi soi suốt cả một dặm đường dài khi hành đạo tại ngoại quốc hơn 40 năm nay.

Hòa Thượng lớn tuổi, nhưng lúc nào Ngài cũng tinh tấn dậy sớm, làm vệ sinh cá nhân xong mới bấm chuông báo thức cho Đại Chúng cả 3 tầng lầu. Thế mà Chúng vẫn im phăng phắc. Hòa Thượng cầm một cây chổi lông gà đi từ tầng 3 xuống tầng 2 rồi tầng 1, đến từng giường và từng phòng lấy chổi lông gà gõ lên mừng và nói rằng: “Các ông tu hành gì mà chảnh mắng vậy, đã đến giờ công phu rồi.” Thế là cả 3 tầng lầu đều trở nên sinh động, ai lo phần nấy, y áo chỉnh tề để lên chánh điện làm lễ buổi sáng. Chùa chiền tại Việt Nam có một thông lệ là dậy quá sớm. Có lẽ bị ảnh hưởng về thời tiết cũng nên. Nếu tụng trễ, mặt trời lên nhanh, nóng nực. Do vậy mà chùa nào cũng 4 giờ sáng đã động chuông u minh rồi và độ 4 giờ 30 là khởi đầu cho buổi công phu sáng. Sau đó là một khoảng thời gian trống độ 1 tiếng đồng hồ hơn, dùng để chấp tác hay học bài. Sau buổi điểm tâm là mỗi người mỗi việc. Ai đi học buổi sáng thì chuẩn bị lên đường, ai đi học buổi chiều thì làm công việc trực nhật của mình vào buổi sáng.

Ở chùa này hầu như ngày nào cũng có đám cúng. Do vậy Tăng chúng sống tương đối đầy đủ cho cái ăn, cái mặc, không cực khổ như miền Trung và đặc biệt là trái cây. Nếu ai đó có hỏi tôi là: Thầy thích cái gì ở miền Nam này? thì tôi không ngại ngần để trả lời rằng: “trái cây”. Trái cây miền Nam đủ loại. Loại nào cũng có, ngon tuyệt vời. Nào cam, nào bưởi, nào mận, nào chôm chôm. Những thứ này ở miền Trung chỉ có những người nào bị bệnh mới được dùng. Vì trái cây hiếm quý, đắt đỏ. Và lại giao thông chỉ có đường hàng không, còn tàu lửa và xe hơi, hầu như không thông dụng. Sở dĩ như vậy vì những con đường thuộc miền quê Trung Việt không có an ninh.

Tiện đây tôi cũng xin mở ngoặc để ghi lại mấy dòng cho đời sau biết là tại sao tôi không ăn giá và không dùng sấu

riêng. Sầu riêng đối với nhiều người là món ăn tuyệt vời đấy chứ! Nhưng riêng tôi không dùng được, vì mùi sầu riêng tôi chịu không nổi. Sở dĩ chịu không nổi vì miền Trung không có loại trái cây này. Chỉ đơn giản thế thôi và tôi không ăn nó từ xưa đến tận bây giờ. Riêng giá thì có liên quan đến đậu xanh và đây là lý do. Nguyên là chùa Phước Lâm tại Hội An, thuở tôi còn ở đó cứ tối 14 hay tối 30 là cô Năm hay chị Sắc thường nấu chè đậu xanh để cúng lễ Sám Hối. Sau khi cúng xong, chúng Diệu của chúng tôi được dùng những chén chè này, nhưng ác hại thay trong những chén chè ngọt lịm đường phèn ấy, thỉnh thoảng lại bị một vài hạt đậu xanh còn sống, sót lại, khi cắn trúng những hạt đậu này, nó có một mùi hôi kinh khủng. Từ đó tôi không ăn chè đậu xanh và cũng không ăn giá luôn. Vì lẽ mùi của giá sống cũng tương tự như mùi của hạt đậu xanh hôi, tôi nghĩ vậy. Tuy tôi không dùng hai loại này, nhưng trong chùa thì tự do, tôi không cấm, mà còn khuyên Tăng Chúng dùng nữa. Vì đó chỉ là lý do riêng của mình, làm sao cấm họ được.

Sau khi đã ổn định chỗ ở rồi, tôi hỏi thăm quý Thầy lớn hơn đang ở chùa là nên chọn trường nào để đi học. Cuối cùng tôi chọn trường Cộng Hòa ở Vườn Chuối, nơi Giáo sư Phạm Văn Vận làm Hiệu Trưởng để học đệ nhị tại đây niên khóa 1969-1970.

Tôi từ miền Trung vô Sài Gòn mọi việc đều lạ lẫm. Từ việc đi, việc học, việc tu và nhất là đời sống văn minh của Sài Gòn khác xa miền Trung thuở ấy rất nhiều. Bạn Đạo chưa quen được bao nhiêu người, trong khi bạn Đồi lại chẳng có ai. Tôi làm quen với một người tên là Phạm Nam Hải, đặc biệt anh này vẽ rất đẹp, đang học Ban A, cùng lớp đệ nhị buổi chiều với tôi, tôi làm quen với Hải chỉ đơn thuần vì quyển tập vụn vặt của Hải vẽ quá đẹp. Thế rồi Hải rủ tôi đến nhà thăm trong những dịp cuối tuần và từ đó, trong chỉ một năm học

thôi, mà tôi quen cả gia đình Hải cho đến ngày hôm nay, tính ra cũng đã 45 năm rồi.

Nhà Hải ở đường Trần Quang Diệu, gần đường Trương Minh Giảng. Muốn đi đến nhà Hải, từ Ngã Sáu lấy xe Lam đi hướng chợ Trương Minh Giảng là có thể đến được nhà của Hải. Tuy nhà xây trong hẻm, nhưng nhà có 3 tầng. Tầng trên dùng để thờ Phật và là nơi Hải có bàn học tại đó, bên cạnh là phòng của chị Nguyệt. Tầng dưới là phòng của ông bà Phạm Nam Vân, ba má của Hải ở cùng với các em Hải. Tầng dưới cùng là phòng khách và chỗ nghỉ của bà Cự cùng cô Năm. Đây là một đại gia đình đang sống chung với nhau, tam đại đồng đường rất hạnh phúc. Gia đình của ông bà cũng từ Bắc di cư vào Nam năm 1954, kể cho đến năm 1969 thì cũng chỉ

TRUNG HỌC TƯ THỰC
C Ộ N Ộ - H Ộ A
335/4 Ph. thanh Giảng
S Ạ I G Ộ N

D.T: 92.459

THI ĐỀ I LỤC CÁ NGUYỆT
(Niên Khoa 1969-70)

Học sinh Sài Cường
Lớp 11 A4 buổi chiều

BÀI THI	Hệ số	Điểm nhân với hệ số	HẠNG	CƯỚC CHỮ
Luận văn	2	24	13	
Giảng văn				
Công Dân	2	36	1	
Sinh Ngữ I	2	46	6	
Sinh Ngữ 2	1	15	8	
Sử Địa	1	09	10	
Toán	2	32	13	
Lý Hoá	3	51	6	
Vạn vật	3	48	13	
Tổng cộng	16	261		

Điểm trung bình 16/31 Thứ hạng 4 / 60
Lời phê của ô. Hiệu Trưởng

Saigon, ngày 24 tháng 1 năm 1970
Hiệu Trưởng
PHẠM-VÂN-VÂN

Vào Sài Gòn hơi trẻ nhưng lục cá nguyệt đầu năm đệ II
tôi được xếp hạng 4 trên 60 học sinh.


mới 15 năm mà cơ ngơi đã khá vững vàng rồi. Ông đi làm cho tòa báo Chính Luận và trong lúc tôi đến học bài chung cùng Hải để thi Tú Tài I năm 1970 thì không thấy anh Sơn đâu, nhưng sau này ngược lại Sơn cùng gia đình của anh có liên lạc với tôi rất chặt chẽ.

Ồ Đồi hay Đạo gì cũng vậy, có nhiều điều mình nghĩ như vậy, nhưng nó đâu có xảy ra như vậy. Có nhiều điều mình không nghĩ và không mong đợi, nhưng nó vẫn đến như thường. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Trùng trùng duyên khởi, trùng trùng biến hiện” là vậy.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Sơn, anh của Hải, vốn là phi công đã bay ra đảo Guam và gặp vợ tại đó. Sơn có viết thư qua Nhật hỏi tôi về tin tức của gia đình. Lúc ấy gia đình của anh Sơn không có ai chạy tỵ nạn cả, ngoài anh và cô Hiền, vợ anh. Thế là chúng tôi có liên lạc với nhau từ dạo ấy. Khi đến Mỹ, tôi gửi tặng cho anh Sơn và cô Hiền mấy cây rau răm và mấy cọng rau húng của tôi trồng tại Nhật, giống này có xuất xứ từ Việt Nam, năm 1974 tôi đã mang qua trồng tại chùa Bản Lập (Honryuji) ở Hachioji gần Tokyo. Mãi cho đến năm 1977 khi tôi qua Đức, vẫn còn liên lạc với gia đình này và đây cũng là cái duyên để tôi đến Mỹ lần đầu tiên tại Gainesville thuộc Tiểu bang Florida Hoa Kỳ vào năm 1979. Kể từ đó gia đình anh Phạm Nam Sơn đã quy y với tôi, tôi cho Pháp danh là Thị Phước và Đỗ Ngọc Hiền pháp danh Thị Hạnh. Rồi họ thay đổi chỗ ở như White Plains gần New York hay North Carolina, nơi đâu tôi cũng đã có liên lạc và có đến chỗ họ ở trong nhiều lần. Đặc biệt anh chị phát nguyện ăn chay trường từ lâu và con cái thì đã thành tài. Ngoài ra anh chị cũng như những người em đang hộ trì Tam Bảo một cách đặc lực trong các công việc hoằng pháp, in kinh ấn tống, đúc tượng, làm chùa v.v... đây là những công đức, mà nguyên nhân xa, chính là nhờ Phạm Nam Hải, người bạn học năm 1969-1970 thuở nào tại trường Cộng Hòa mà có được.

Thuở ấy dạy lý hóa cho chúng tôi là Giáo sư Chu Bá Tước. Ông này dạy rất hay và tôi cũng không ngờ là năm 1986 đã gặp lại gia đình Thầy tại chùa Phước Huệ ở Miami. Thế rồi từ đó lại có liên lạc với Thầy và Cô cùng gia đình cho đến ngày hôm nay. Cách đây chừng 10 năm khi Thầy và Cô dời về vùng Houston nắng ấm, tôi lại có dịp gặp gia đình Thầy tại chùa Tịnh Luật của Thầy Tịnh Trí. Thế là Thầy và Cô đã quy y Tam Bảo với tôi, tôi cho Thầy pháp danh là Thiện Phẩm và Cô với pháp danh là Thiện Tịnh. Đây thật là nhân duyên. Nếu không có cái duyên học trường Trung Học Cộng Hòa của Giáo sư Phạm Văn Vận năm ấy, thì cũng đã không có cái duyên làm Thầy ngoài đời và Đệ tử trong Đạo này. Cho nên những gì Đức Phật dạy đã không sai một mảy may nào là vậy.

Ngày xưa dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa, nếu những thanh niên dưới 18 tuổi đi thi không đậu Tú Tài thì phải nhập ngũ, ngoại trừ những người con trai một trong gia đình, hoặc những người bị bệnh tật di truyền. Do vậy các thanh niên thuở ấy phải chăm học lắm, mới đỗ đạt trong những kỳ thi này. Tất cả họ đều phải đặt hết sức lực và sự cố gắng cho chuyện học hành thi cử. Tôi và Hải đã học chung với nhau và khảo bài với nhau để xem thử việc học bài của mình đã

 <p>DỘI QUỐC PHÒNG NHA ĐÔNG VIÊN</p> <p>P. HOAN-DICH</p> <p>CHỨNG - CHỈ</p> <p>QUÂN - DỊCH</p> <p>Họ Tên : <u>LE-CUONG</u></p> <p>Sinh : <u>28-6-49, Quang-Nam</u></p> <p>Thẻ căn-cước số : <u>01598434</u></p> <p>Cấp tại : <u>Hoi-An, 9-9-69</u></p> <p>Địa-chỉ : <u>Chùa Hùng Long 298</u></p> <p><u>Mình Mang Cho Lon</u></p> <p>017049 QP/DV/HD2</p>	<p>TÌNH - TRẠNG QUÂN - DỊCH</p> <p>Thuộc lớp tuổi nhập-ngh, Được tại hoan-dịch có thời hạn về lý do tôn-giao (GHFGVNTN/An-Quang)</p> <p>Có hiệu-lực đến : <u>31-7-72</u> (Ba mươi mốt tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai) <i>or</i> 24 Th.7. 1971</p> <p>K.M.C. 3567 ngày</p> <p>T.L. Thiếu-Tướng BÙI-ĐÌNH-ĐAM Giám-Đốc Nha Động-Viên</p> <p>Đại-Tá LỖN-THÁI-ĐÌNH Chánh-Sự-Vụ Sở Quân-Dịch</p> <p>Số: <i>M. Quik</i></p>
---	--

Giấy hoãn dịch vì lý do tôn giáo

đến đâu rồi. Bỗng nhiên có một việc xảy ra cũng vui vui, xin ghi lại nơi đây để làm kỷ niệm. Nguyên là có một cậu học sinh thật là đẹp trai tên là Thạch Quân C. vào một chiều đã đến chùa Hưng Long muốn gặp tôi và cho tôi biết số ký danh cũng như sẽ thi tại trường Kiến Thiết. C. bảo: “Có gì nhờ chú giúp đỡ, vì cùng vắn, nên ngồi gần nhau. Rủi bị trượt sẽ bị đi lính, còn chú thì có giấy hoãn dịch Tôn Giáo” và tôi đã thực hiện trong tinh thần của Bồ Tát hạnh này. Chính năm đó Phạm Nam Hải và Thạch Quân C. đều đậu, cả hai nhà đều mừng và tặng cho tôi một cây viết cũng như đãi một lần ăn đặc biệt ở tiệm cơm chay Bồ Đề Duyên tại Chợ Lớn thuở nào. Mới đây từ Hà Nội, Thạch Quân C, có liên lạc với tôi. Hiện tại anh ta đang làm việc tại một cơ quan xuất nhập cảng đồ gốm, chắc cũng sắp về hưu rồi.

Vì trường Trung Học Cộng Hòa của ông Phạm Văn Vạn thuở ấy không có lớp Đệ Nhất Ban A, nên tôi và Hải đổi qua trường Trung Học Văn Học ở đường Phan Thanh Giản. Hải học buổi sáng và tôi học buổi chiều. Tại trường này có nhiều điều đặc biệt.

Điều đặc biệt đầu tiên là bà Nga vợ ông Giáo sư Trần Bích Lan làm Hiệu Trưởng, nhưng người ta biết và nói về ông Trần Bích Lan nhiều hơn là bà Nga. Ông Trần Bích Lan tức nhà thơ Nguyễn Sa thuở ấy dạy triết cho chúng tôi. Ông có một cái tật là vào lớp vắn đội mũ, học trò chưa hỏi tại sao thì ông bảo rằng: bệnh cao máu không thể đi đầu trần được, mặc dầu ở trong lớp học và tiếp đến ông ta hỏi liền chúng tôi khi mới lần đầu tiên vào lớp là: “Các anh chị học triết. Vậy triết là gì vậy?”

Cả lớp chưa có ai giơ tay thì Thầy tự trả lời rằng:” Triết là những gì người ta chẳng hiểu khi nói ra. Ấy gọi là triết học.”

Cả lớp ô lên thật lớn và Thầy bảo im ngay. Nói vậy không đúng sao mà cười?

Kỷ niệm cả năm học triết với Thầy Trần Bích Lan nào Tam Đoạn Luận rồi Nhị Nguyên Luận... chúng tôi chẳng còn nhớ gì nhiều, ngoại trừ cái ấn tượng lúc ban đầu kia.

Vì là Ban A nên chúng tôi phải học bài tử, và phải học thuộc lòng. Do vậy các Ban khác gọi chúng tôi là ban “gạo”. Gạo ở đây có nghĩa là gạo bài. Học vụn vặt, chúng tôi phải học thuộc lòng như tụng kinh Lăng Nghiêm, vậy mới mong đỗ đạt.

Đặc biệt thứ hai là chúng tôi học trực tiếp với Giáo sư Đỗ Danh Tâm. Ông ta là một nhà vụn vặt học danh tiếng đương thời, vừa là Thầy giáo vừa là tác giả cuốn sách vụn vặt đệ nhất mà chúng tôi đang học thuở bấy giờ. Thầy người nhỏ thó, ăn nói nhỏ nhẹ, đeo kính cận. Cả lớp ai cũng mến cái phong vị của Thầy. Thật ra làm Thầy của lũ học trò Trung Học không dễ. Nếu thính chúng yên lặng ngồi nghe thì tốt. Nếu không, chúng sẽ tìm mọi cách để tẩy chay.

Điều đặc biệt thứ ba trong năm học cuối cùng của bậc Trung Học này là tôi có 3 người bạn thân. Đó là Ngô Lương Kim, Hiếu và Phúc. Cả 3 người này về sau là những Dực sĩ nổi tiếng đương thời và họ cũng là người sắp về hưu nay mai và những Dực phòng tại Sài Gòn, Long Hải, Cần Thơ sẽ do con cái họ đảm trách.

Ngô Lương Kim thuở ấy chưa là Phật Tử thuần thành, nhưng sau này tôi được biết con của Kim cũng đã xuất gia với Hòa Thượng Thích Thanh Từ tại Tu Viện Thường Chiếu. Còn hai vợ chồng cũng đang lo con đường tu niệm khi tuổi về già, hoặc xuất gia hoặc tại gia khi không còn làm việc nữa. Thật ra cuộc đời này mấy ai biết được chữ “ngờ” là vậy. Từ kinh nghiệm bản thân cho đến ngoài xã hội, trong Đạo lẫn ngoài Đời tôi hay quán hai chữ “như thị” là vậy. Nghĩa là cái gì đến cứ để cho nó đến, cái gì đi hãy để cho nó ra đi. Không bận tâm, không vướng mắc. Đây là hạnh xả ly mà ai trong chúng ta cũng cần lưu tâm đến để thực hành.

Ngày ấy thi Tú Tài I chỉ một lần, còn thi Tú Tài II được 2 lần và cách nhau một tháng. Nghĩa là thi Tú Tài II kỳ đầu xảy ra trước kỳ thi Tú Tài I nửa tháng và nếu ai đó thi rớt kỳ I của kỳ Tú Tài II thì sẽ được thi lại kỳ II sau một tháng của kỳ I và sau nửa tháng của kỳ thi Tú Tài I. Như vậy đây là cơ hội để cho những sĩ tử có cơ duyên làm lại cuộc đời. Nếu không thì công quân trường đang chờ đợi họ. Được biết năm ấy Phạm Nam Hải và Thạch Quân C. đều rớt Tú Tài II nên phải ghi tên nhập ngũ và từ đó chúng tôi chẳng có cơ hội gặp lại nhau.

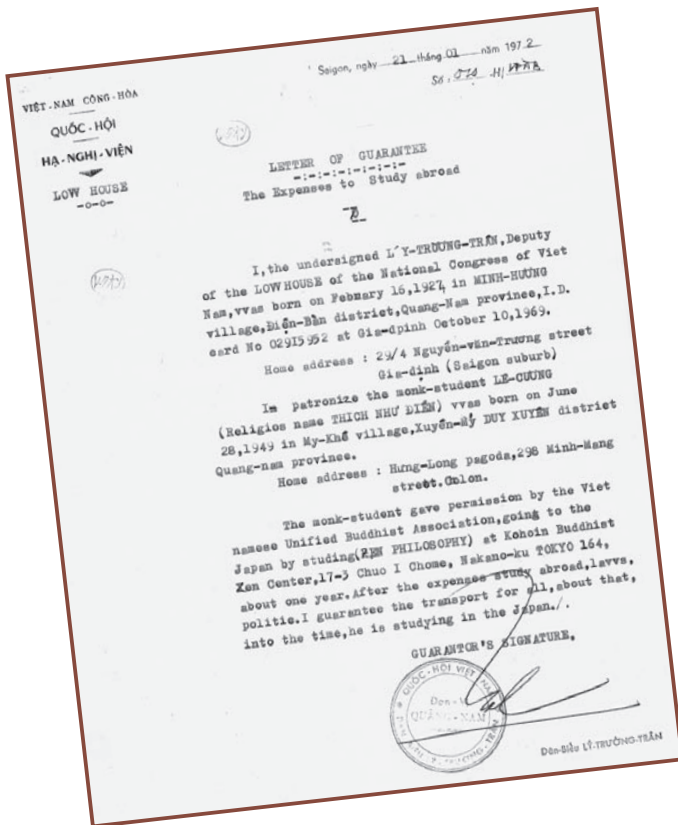
Thi Tú Tài II kỳ một, tôi thi tại trường Kỳ Đồng và xem bảng kết quả tại trường Gia Long. Khi đi thi cũng như khi xem kết quả, Hòa Thượng trụ trì hồi tôi là tại sao không đi xem bảng? Tôi trả lời rằng: Con nghĩ là con đủ điểm để đậu thì đâu có cần đi xem bảng làm gì! Thế nhưng thấy người đi, mình cũng đi. Khi đến trước Trường Nữ Trung Học Gia Long xem bảng dò từ vần A đến vần C, có một khoảng trống không có vần C, tôi cũng đâm lo, nhưng cuối cùng rồi tên mình vẫn nằm đó. Thế là buông xả được không biết bao nhiêu là gánh nặng trên hai vai với Đạo Đời hai ngã. Trong khi những thí sinh xem không thấy tên mình thì tiu nghỉu và chờ kỳ thi đợt II trong một tháng nữa.

Về lại chùa Hưng Long, tôi báo tin vui cho Hòa Thượng Pháp Ý và tiếp đó đạp xe đạp lên báo tin cho Hòa Thượng Bảo Lạc ở Lưu Học xá Huyền Trang, nằm ở Hương Lộ 14 Phú Thọ, gần Trường Đua. Thuở ấy chùa không có số điện thoại, mặc dầu Sài Gòn là một thành phố văn minh nhất nước, nên sự liên lạc có phần chậm trễ. Hình như Sư Phụ của tôi cũng nghe tin qua người khác, chứ không phải chính thức từ tôi báo về.

Trong thời gian ở Sài Gòn từ năm 1969 đến đầu năm 1972, tôi hay lui tới chùa Ấn Quang ở 243 đường Sư Vạn Hạnh, Chợ Lớn, để xem phòng phát hành kinh sách. Đến Phật Học Viện

Huệ Nghiêm ở gần nơi Hòa Đồng Tôn Giáo để thăm cơ sở của Giáo Hội đã một thời đào tạo không biết bao nhiêu vị Thầy danh tiếng qua sự giáo dưỡng của Hòa Thượng Thích Bửu Huệ, Hòa Thượng Thích Thiên Tâm và Hòa Thượng Thích Thanh Từ, trong đó có Hòa Thượng Thích Tâm Thanh, là Sư huynh của tôi, đã xuất gia tại chùa Tỉnh Hội Quảng Nam với Thầy tôi vào cuối năm 1963 và sau đó Thầy tôi gửi Thầy Tâm Thanh vào Phật Học Viện Huệ Nghiêm tu học và Thầy là một trong những người trở thành giảng sư đầu tiên của Viện này.

Hòa Thượng Thích Như Tín, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và quý Thầy khác như Thầy Ngô Hạnh, Thầy Quảng Hạo v.v... thuộc chúng Huyền Trang của Phật Học Viện Huệ Nghiêm vừa học Phật học và vừa học thế học, sau khi tốt



Giấy bảo lãnh tài chánh của ông Dân Biểu Lý Trường Trân

ngiệp tại đây, quý Thầy chúng Huyền Trang được sự đỡ đầu của Hòa Thượng Thích Huyền Quang nên quý Thầy đã lập nên Lưu Học Xá Huyền Trang để tiếp tục đi dạy học tại các trường Bồ Đề và một số quý Thầy khác tiếp tục học lên Đại Học như Thầy Thiện Trí, Thầy Bảo Lạc v.v...

Nơi đây tôi cũng đã lui tới nhiều lần và lần này đến báo tin cho Hòa Thượng Bảo Lạc vui cũng như nhờ Thầy giới thiệu với Thầy Lâm Như

Tạng, đang du học ở Nhật, mà trước đây cũng là Tăng Sĩ cũ của Phật Học Viện Huệ Nghiêm. Thầy Bảo Lạc nhận lời ngay và trong thời gian một tháng giữa năm 1971, tôi đã nhận được thư phúc đáp của Thầy Như Tạng gửi từ Nhật Bản về chùa Hưng Long tại Sài Gòn. Lòng mừng khắp khởi. Vì lẽ con đường tương lai đã rộng mở.

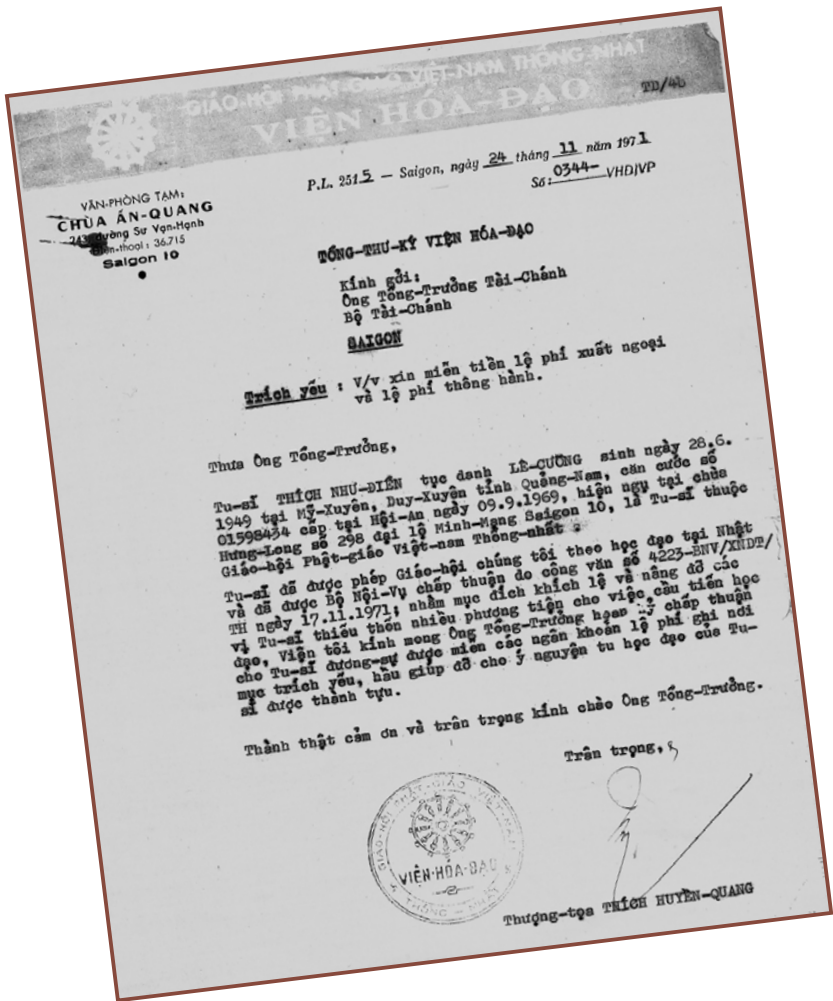
Ngay lúc ấy có hai việc để làm. Việc thứ nhất là ghi tên ở Đại Học Khoa học và tôi muốn theo Ban A tiếp tục nên chọn học Chứng Chỉ SPCN, nếu trong trường hợp giấy tờ đi du học chưa được, thì theo học phân khoa này. Khi ghi tên thuở ấy, tôi thấy có cả Ngô Lương Kim, Hiếu và Phúc là bạn học cũ năm nào của trường Văn Học cũng ghi tên ở bàn ghi danh kế cận. Thật ra trước đó tôi đã viết một thư bằng tiếng Pháp gửi sang chùa Buddhistisches Haus ở Frohonau Berlin để xin Visa vào Đức du học cũng như xin ở chùa này và họ cũng đã trả lời lại một thư bằng tiếng Pháp là chùa không có khả năng tài chánh. Tôi cũng đã đến Nha Du Học để xin đi Đức, nhưng tuổi cao hơn bình thường, vì lẽ tôi tốn đến gần 3 năm



**Di ảnh Cố Hòa Thượng Thích Thiện Hoa,
Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN
từ năm 1966-1973
thờ tại chùa Ấn Quang Sài Gòn**

đi học nghề trước khi đi xuất gia, cho nên tốt nghiệp Tú Tài II ở vào tuổi 22 là tuổi không nằm trong quy định của Bộ. Từ đó tôi mới dò thử qua con đường Tôn Giáo, nhưng cuối cùng vẫn không được chấp nhận.

Bên phía Việt Nam Cộng Hòa thì phải có Tú Tài II của Bộ Giáo Dục, một phiếu lý lịch số 3 không phạm pháp và một giấy bảo lãnh của người có khả năng cung cấp tài chánh suốt trong thời kỳ du học tại Nhật, mặc dầu tôi đã được Giáo Hội Phật Giáo





Giấy xin miễn lệ phí của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo GHPGVNTN gửi Bộ Tài Chánh.

Việt Nam Thống Nhất tỉnh Quảng Nam là Hòa Thượng Thích Trí Giác và Sư Phụ của tôi bảo đảm cho học bổng mỗi tháng độ 30 đến 50 US\$, nhưng chính quyền họ không chịu. Cuối cùng tôi đã nhờ đến ông Dân Biểu Lý Trường Trân, Dân biểu đối lập ở Hạ Nghị Viện, vốn là anh ruột của Sư Phụ tôi, đứng ra làm giấy bảo lãnh tài chánh này.

Phân Giáo Hội, phải có giấy chứng nhận học Đạo và việc này Phật Học Viện Huệ Nghiêm đã chứng nhận với chữ ký của Hòa Thượng Thích Minh Châu vốn là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa Giáo Dục của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất lúc bấy giờ. Chừng ấy giấy tờ vẫn chưa đủ, tôi phải đến chùa Ấn Quang để xin Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Thiện Hoa làm giấy miễn ký quỹ hồi hương cũng như giấy giới thiệu của Giáo Hội. Tất cả những giấy tờ này ngày nay tôi vẫn còn giữ.

Hòa Thượng Viện Trưởng hỏi tôi rằng:

- Tôi nghe nói ở Nhật hoa Anh Đào đẹp lắm phải không?

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THÔNG-NHẤT	
GIỚI-ĐÀN TỖ-KHEO	
Tổ chức tại TU-VIỆN QUẢNG-ĐỨC - Thủ-Đức Tỉnh Gia-Định	
(P. L. 2315 ngày rằm tháng Tám năm Tân Hợi (3-10-71))	
GIỚI-TỬ :	THẬP-SƯ :
Tên họ <u>LE - CUONG</u>	Hòa-Thượng đàn đầu <u>Thích Tâm-Nhu(Trí-Thủ)</u>
Pháp danh <u>Như-Điện</u>	Yết-ma <u>A-Xà-Lê</u> <u>Thích Huệ-Bình</u>
Pháp hiệu <u>Giải-Minh</u>	Giáo-Thọ <u>A-Xà-Lê</u> <u>Thích Huệ-Sơn</u>
Ngày sanh <u>Năm 1949</u>	Tôn-chúng Tăng-già I <u>HT. Thích Thiện-Tường</u>
Chánh Quán <u>Quảng Nam</u>	Tôn-chúng Tăng-già II <u>HT. Thích Trí-Đức</u>
Hiện trú <u>Chùa Hưng Long, Saigon</u>	Tôn-chúng Tăng-già III <u>TT. Thích Tác-Nghi</u>
Bồn - Sư <u>Đại-Đức Thích Long-Trí</u>	Tôn-chúng Tăng-già IV <u>TT. Thích Huệ-Hùng</u>
	Tôn-chúng Tăng-già V <u>TT. Thích Như-Hộ</u>
	Tôn-chúng Tăng-già VI <u>TT. Thích Thiện-Bình</u>
	Tôn-chúng Tăng-già VII <u>TT. Thích Thiện-Thanh</u>
Chứng khản	
Seigon, ngày <u>20</u> tháng <u>11</u> năm <u>1971</u>	
T. U. N. Viện Tăng - Thống	
TỔNG ỦY-VIÊN TỔNG-VỤ TĂNG-SỰ	
	VIỆN CHỦ TU-VIỆN QUẢNG-ĐỨC
	
	Thượng-Tọa QUẢNG-LIÊN

Chứng điệp thọ giới Tỳ kheo năm 1971

- Bạch Thầy, con đi du học xong rồi con sẽ về.

Thầy nhìn tôi cười và bảo hãy xuống văn phòng để Hòa Thượng Thích Huyền Quang làm giấy chứng nhận để gửi lên Bộ Giáo Dục và Bộ Nội Vụ.

Câu trả lời của tôi không biết có đúng ý của Hòa Thượng không, nhưng đến năm 1973 thì Hòa Thượng đã viên tịch trong khi tôi ở Nhật. Với tuổi đời chưa đến 60, là một vị Viện Trưởng có đức tu và đức nghiệp hóa đồ chúng cho đến nay, chưa có người nào sánh kịp.

Câu trả lời của tôi cho đến nay vẫn còn chưa thực hiện được là chưa về nước để phục vụ cho Giáo Hội, mặc dầu cái học căn bản ở Đại Học cũng đã xong. Nhiều lúc nghĩ vậy, mà không phải vậy. Có nhiều việc đã nằm trong tâm tay thực sự, nhưng cuối cùng rồi đâu cũng chẳng vào đâu cả.

Còn một điều nữa cũng khá quan trọng, đó là vấn đề thọ giới Tỳ Kheo của tôi. Sư Phụ tôi biết rằng: Trước sau gì tôi cũng xa quê, nên Người khuyên rằng năm 1970 từ Sài Gòn nên về Đà Nẵng để thọ giới đàn Vĩnh Gia năm ấy, nhưng tôi lấy cớ là đang thi Tú Tài I rất bận. Cuối cùng cơ hội ấy đã qua đi, mãi cho đến năm 1971, Tu Viện Quảng Đức tại Thủ Đức của Hòa Thượng Thích Quảng Liên có tổ chức Đại Giới Đàn, tôi mới có cơ hội làm đơn để cầu xin thọ Đại Giới.

Khoảng tháng 11 năm 1971 tôi đến Tu Viện Quảng Đức ở Thủ Đức. Lúc ấy Hòa Thượng Thích Quảng Liên còn làm Hiệu Trưởng trường Bồ Đề Sài Gòn (Nguyễn Văn Khuê cũ). Ngài làm Trưởng Ban Kiến Đàn. Hòa Thượng Thích Trí Thủ làm Đàn Đầu Hòa Thượng, Hòa Thượng Thích Hành Trụ làm Tuyên luật sư và các vị Danh Tăng tại Sài Gòn, Gia Định nằm trong Hội Đồng Thập Sư trong đó có Hòa Thượng Thích Thiên Định làm Tôn Chứng. Giới tử quy tụ cả trên 300 Tăng Ni và đến đây để xin thọ các giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa, Sa Di và Sa Di Ni.

Ngày nay Trung Hoa, Đại Hàn và Việt Nam đều căn cứ theo Luật Tứ Phần để truyền trao giới pháp. Nghĩa là một giới đàn đúng nghĩa phải có Tam Sư và Thất Chứng. Đó là Đàn Đầu Hòa Thượng, Yết Ma và Giáo Thọ A Xà Lê. Còn 7 vị kia làm Tôn chứng sư. Trên thực tế một giới đàn như thế ngày nay không còn tồn tại ở Nhật Bản nữa. Vì đa phần chư Tăng Nhật Bản chỉ thọ Bồ Tát Giới, chứ không thọ Tỳ Kheo. Trong khi đó các giới đàn ở các xứ Phật Giáo Nam Tông lại tổ chức khác hơn các xứ theo Bắc Tông.

Cách đây 10 năm tôi có dịch một tác phẩm tên là: “Nghiên Cứu Giáo Đoàn Phật Giáo Thời Nguyên Thủy” từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và tiếng Đức, trong đó tác giả của sách này đã nghiên cứu cách thọ giới ngày xưa rất tường tận và chia ra ít nhất là 10 kiểu thọ giới khác nhau như:

1. Tự thọ giới. Đó là trường hợp của Đức Phật. Do Ngài tự làm sáng giới thể và giới tánh, nên Ngài đã thành Phật, không ai truyền giới tướng Tỳ Kheo cho Ngài cả.
2. Thiện Lai Tỳ Khiêu. Tức là những vị đã đầy đủ giới đức trang nghiêm, khi gặp Đức Phật, Ngài chỉ cần nói như vậy thì tóc trên đầu các Ngài rụng xuống và trở thành tướng của một vị Tỳ Kheo.
3. Quy y Tam Bảo để trở thành Tỳ Kheo. Có những vị trí tuệ tuyệt vời. Chỉ cần nói: Con xin quy y Phật, con xin quy y Pháp, con xin quy y Tăng, tự nhiên trở thành bản thể thanh tịnh của một vị Tỳ Kheo.
4. Tam Sư Thất Chứng. Như trường hợp ở trên đã rõ.
5. Tam Sư Ngũ Chứng. Nghĩa là cần 5 vị Tôn chứng sư là đủ.
6. Tam Sư Nhị Chứng. Đó là 3 vị Đàn Đầu Hòa Thượng, Yết Ma và Giáo Thọ và 2 vị Tôn chứng Tăng Già. Trong luật dạy rằng: Ở những nơi biên địa, không đủ chư Tăng, có thể cho thọ Tỳ Kheo với Tam Sư Nhị Chứng.

7. Thọ Phương Trượng. Nghĩa là một Thầy một trò. Vì việc gấp rút phải đi xa hay chiến tranh, giữa Thầy trò có thể truyền giới Tỳ Kheo cho nhau. Nếu vị Thầy thấy người học trò, Đệ tử ấy nên lãnh giới pháp của Phật để hành trì.

8...; 9...; 10...

Nghĩa là có nhiều cách khác nhau để trở thành hình tướng của một vị Tỳ Kheo. Sau lễ thọ Tỳ Kheo thì phải thọ Bồ Tát giới xuất gia và sau đó có nhiều vị thọ “tán hương” trên đầu để cúng dường chư Phật và chư vị Bồ Tát. Phần tôi sau phần khảo hạch kinh, luật, luận đã được Hội Đồng chấm điểm cho điểm cao nên đề nghị đại diện các giới tử để tác bạch xin lễ trong Đại Giới ấy. Chỉ riêng việc “tán hương” cúng dường tôi không thọ nhận. Vì lẽ tôi đang chuẩn bị thi Tú Tài II, cũng như sắp đi học xa, sợ “tán hương” xong không biết có gì trục trặc xảy ra cho đầu óc của mình không, nên tôi xin phép Hội Đồng khảo thí được miễn khâu này. Vì vậy ngày nay một số quý Phật Tử có thể thấy trên đầu của chư Tăng, Ni tại sao có vị lại có 3 dấu chấm tàn nhang, mà có vị lại chẳng có. Ngày nay thì ít còn giới đàn nào làm lễ “tán hương” này nữa, nhất là ở ngoại quốc này, nếu có chuyện gì xảy ra thì Bộ Y Tế họ cho rằng: mình tự hủy hoại thân thể, đâu có ai biết rằng đây là hình thức cúng dường chư Phật đã có từ ngàn xưa như trong kinh Pháp Hoa phẩm thứ 23 về Ngài Dược Vương và Ngài Dược Thượng Bồ Tát đã thiêu thân cúng dường rồi.

Ngày xưa người Đệ tử ít tự nguyện xin đi thọ giới, nhất là thọ giới Tỳ Kheo. Vì tự nghĩ rằng mình còn nhỏ, chờ cho khi nào kinh, luật, luận vững vàng rồi mới thọ. Cho nên Thầy Bổn Sư bảo năm lần bảy lượt, lúc ấy mới chịu nghe theo. Chẳng bằng với bây giờ, Tăng Ni ở ngoại quốc này mới vào chùa đôi ba năm, việc hành Diệu chưa xong, đã xin phép Thầy Bổn Sư cho đi thọ giới lớn, nếu ở đâu đó có tổ chức giới đàn.

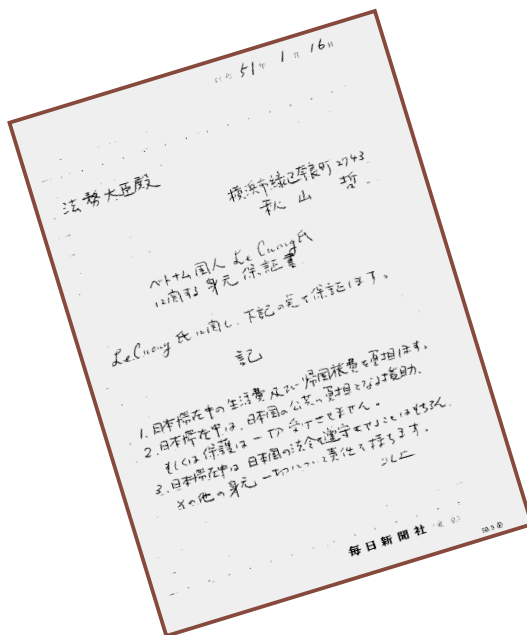
Trên nguyên tắc, một người xuất gia phải đủ 20 tuổi mới được lãnh thọ Đại giới, nhưng cũng có nhiều trường hợp không cần đủ như vậy. Ví dụ trường hợp ông Tô Đà Di mới 8 tuổi, Phật đã cho thọ giới Tỳ Kheo. Khi ông đến trước Phật, quỳ lạy đánh lễ Đức Thế Tôn rồi, Phật dạy ngài và hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Bạch Thế Tôn! Ba cõi chẳng đâu là nhà của con cả.

Chỉ một câu trả lời như thế thôi, so ra người già 80 tuổi chắc gì đã liễu ngộ. Do vậy Đức Phật đã cho ông làm Tỳ Kheo ngay.

Trường hợp khác, nếu có đứa bé nào đó khi sinh ra đã được ở trong chùa và xuất gia tu học đến 18 tuổi, bước sang 19 tuổi, mặc dầu tuổi chưa đủ 20 vẫn được thọ giới Tỳ Kheo. Lý do là đồng tử này đã ở chùa từ nhỏ. Mỗi năm được tính thêm một tháng. Mười tám năm được tính cộng thêm 18 tháng tuổi nữa, tức gần đủ 20 tuổi. Những người như thế vẫn được thọ



Giấy bảo trợ của ông Akiyama từ Nhật gửi về

giới. Hoặc giả những người thông minh trí tuệ được thọ “Tam Đàn Cụ Túc” cùng một lúc. Túc là buổi sáng thọ giới Sa Di, buổi chiều thọ giới Tỳ Kheo và buổi tối thọ giới Bồ Tát.

Tất cả những quy luật này đều do Phật chế. Ngay cả các vị Tổ cũng không ai được quyền chế ra luật này và ngay cả Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 ngày nay, Ngài cũng đã không làm việc đó. Ngày xưa chư Tổ tại Trung Hoa và Việt Nam có chế ra như: Thiên Môn Quy Củ, Bách Trọng Thanh Quy, hay những điều lệ cho Tăng Chúng, nhưng tuyệt nhiên giới và luật thì không. Chúng ta nên lưu ý về vấn đề này.

Thọ giới Tỳ Kheo xong, có chứng điệp thọ giới đem nộp lên Tổng Vụ Tăng Sự tại chùa Ấn Quang để được chứng nhận. Phía bên Việt Nam cả Đạo lẫn Đồi xem như giấy tờ tạm xong, còn chờ giấy bên Nhật gửi về, khi ấy mới chính thức nộp đơn xin đi du học tại Bộ Giáo Dục được.

Từ Nhật, Thầy Như Tạng đã liên lạc được với ông Ký giả Akiyama Testsu và nhờ ông ta làm giấy bảo lãnh cho tôi những việc, trong khi tôi du học tại Nhật về mọi hành vi liên quan đến luật pháp và tài chánh. Thật sự ra, đây là một đòi hỏi quá đáng cho tất cả sinh viên Việt Nam du học tại Nhật thuở bấy giờ. Trong khi đó phía Việt Nam thuở ấy ông Ngô Khắc Tĩnh làm Bộ Trưởng Giáo Dục, ông ta khuyến khích và chấp nhận một cách dễ dàng cho những sinh viên muốn đi du học ở Nhật khi đã đầy đủ giấy tờ.

Ơn này tôi luôn nhớ. Vì nếu không có Thầy Như Tạng chạy cho hai giấy này thì tôi khó mà có cơ hội sang Nhật được. Giấy thứ hai, Thầy Như Tạng nhờ Thầy Minh Tâm đến Thiên Sư Sogen Omori ở Shibuya chứng nhận giùm. Thuở ấy Hòa Thượng Minh Tâm có qua lại quen biết với Thiên Sư này, nên tôi đã nhận được giấy bảo trợ ngay. Ngài lúc ấy làm Viện Trưởng Viện Đại Học Phật Giáo Hanazono thuộc Lâm Tế Tông tại Kyoto. Một người võ sĩ đạo và đồng thời là một

Tăng Sĩ Thiên Sư rất có quyền thế với các chính khách Nhật Bản lúc đương thời.

Tùng tá giấy tờ ấy tôi phải chạy về Đà Nẵng để xin phiếu lý lịch số 3, chạy vô Sài Gòn để làm những giấy tờ cần thiết. Rồi liên lạc qua Tokyo bằng thư từ với Thầy Như Tạng để hỏi thăm hồ sơ đã đến đâu rồi. Tất bật chỉ một mình. Thế rồi một ngày đẹp trời cuối năm 1971, tôi đã có tên đi xuất ngoại được đăng tải ở Bộ Nội Vụ gần Bưu Điện Trung Ương Sài Gòn. Nỗi mừng vui nào tả hết được khi trong tay đã có Passport xanh lá cây của Việt Nam Cộng Hòa cấp. Thế là tôi tức tốc làm những chuyện còn lại như: lo vé máy bay, về thăm quê, báo tin cho bạn bè, từ giã những người thân v.v...

Xa Hội An trong tẻ nhạt, bây giờ trở lại Hội An đã là ông Tú và nay mai xa quê hương đất nước để đi du học Nhật Bản. Chỉ chừng ấy thôi, tôi thấy cũng đã không cô phụ bởi chính mình, mà cũng chẳng biết rằng những khó nhọc gì còn chờ đợi mình trong tương lai nữa.

Lần này tôi về lại Hội An đã có y áo Tỳ Kheo để đánh lễ Sư Phụ và tạ ân Thầy. Đồng thời cũng cảm ơn Thầy đã giới thiệu với ông Lý Trường Trân, Dân Biểu Hạ Nghị Viện làm giấy bảo lãnh, cho nên Bộ Nội Vụ mới cho đi một cách dễ dàng như vậy. Kế tiếp là vấn đề tài chánh. Tôi thưa Thầy như chỉ để mà thưa. Vì biết rằng kinh tế của chùa lúc ấy chẳng có gì cả, chỉ ngoài khoai bắp thường nhật. Thầy lặng lẽ bảo rằng: Hãy vào lại Sài Gòn đi, trước ngày lên đường Thầy sẽ vào và tài chánh nếu kẹt, chạy qua hỏi Tâm Thanh chạy giúp cho. Ngoài ra tôi cũng đánh lễ tạ ơn Thầy đã có liên hệ với ông Tô Văn Tám, người có con gái là Tô Ngọc Yến đang du học tại Nhật thuở ấy, giới thiệu cho ông Ký giả Akiyama. Nếu không, tôi đã chẳng có cơ hội này. Sợi dây thân tình chỉ là một giấy bảo lãnh, mà vào tháng 11 năm 2012 này sau hơn 40 năm ông bà Akiyama vẫn đến thăm tôi, khi tôi và Phái đoàn Phật

Tử 85 người đến từ 14 quốc gia tại Âu Mỹ để tham dự lễ Khánh thành Chùa Việt Nam của Hòa Thượng Thích Minh Tuyên tại tỉnh Kanagawaken, gần Tokyo vừa qua. Đúng là tình người muôn thuở !

Lúc ấy tôi đi đến các chùa Tổ như Phước Lâm, Chúc Thánh, Vạn Đức để đánh lễ tạ ơn cũng như đến chùa Long Tuyên, Tỉnh Hội, Bảo Thắng để báo tin mừng. Đồng thời nhân cơ hội này tôi cũng về thăm quê, nơi còn cha già ở lại đó để chăm sóc nhà cửa và vườn tược, trong khi các anh chị tôi và các cháu đã dời ra gần Đà Nẵng ở tạm trong những căn nhà mới cất thật chặt chẽ vô cùng.

Người đi thì bao giờ cũng vui, vì đã có mục đích. Còn kẻ ở lại, vì nhiều lý do khác nhau, họ phải tồn tại nơi chôn nhau cắt rốn ấy. Mới trông như là những điều nghịch lý, nhưng đó là một bức tranh tương tức của cuộc đời. Vì cái này sinh thì cái kia sinh. Cái này diệt thì cái kia sẽ diệt. Dòng đời là một sự biến ảo lạ lùng, không ai biết được rồi ngày mai sẽ ra sao. Chỉ có thể biết rằng trong hiện tại ta phải làm gì để ngày mai như thế nào, thì điều ấy có thể.

Tôi trở vào Sài Gòn trong niềm vui và chỉ còn mấy tháng nữa sẽ đi, nhưng cũng ghi danh đi học Nhật ngữ tại Trung tâm Triều Dương Nhật Ngữ cho một khóa đàm thoại vở lòng để làm vốn liếng trước khi bước sang xứ sương mù tuyết phủ vào Đông và hoa Anh Đào sẽ nở rộ vào mùa Xuân ấy.

Tạm biệt Sài Gòn

Bao nhiêu chờ đợi, bấy nhiêu ngóng trông, rồi ngày ấy cũng phải đến. Có nhiều việc đến bất chợt, có nhiều khi đến một cách hững hờ, mà cũng có lắm việc dự định sẵn sàng nhưng lại không đến. Người xưa nói: “Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên” là vậy. Con người có thể vạch ra mọi phương cách, đường hướng, chủ đích, nhưng sự thành tựu ấy không phải chỉ riêng có con người quyết định được, mà phải qua yếu tố thứ ba. Đó là tha lực, là phước đức, là hậu báo, dư báo của mỗi người.

Khoảng thời gian này gần Tết Nhâm Tý, các hãng máy bay lúc nào cũng đầy khách cho nên tôi chọn qua Tết hãy đi. Lúc ấy thành thời hơn, vả lại xa quê chưa biết bao lâu, ở lại Việt Nam ăn thêm một cái Tết nữa để vui vẻ với các bạn đồng đạo. Tiền vé máy bay thì Thầy Bảo Lạc cho. Tiền túi đã có quý Phật Tử lo, chỉ có tiền học, đang chờ đợi Sư Phụ từ quê vào, nếu Sư Phụ không vào được, sẽ đến nhờ Thầy Tâm Thanh ở chùa Phổ Hiền tại Ngã Tư Bảy Hiền giúp đỡ. Lúc ấy Air Vietnam có đường bay dài nhất cũng chỉ mới đến Tokyo, hầu hết là bay quanh Đông Nam Á, chứ chưa vươn ra khắp ngoại quốc. Từ ngoại quốc đến có hãng PANAM của Mỹ, ngoài ra rất ít thấy máy bay Âu Mỹ đáp tại sân bay Tân Sơn Nhất lúc bấy giờ. Muốn đi từ Sài Gòn đến Tokyo phải dừng hai nơi để đón khách. Đó là Hồng Kông và Đài Bắc. Từ Sài Gòn bay đến phi trường Haneda độ 8 tiếng đồng hồ, kể cả 2 lần nghỉ ở hai phi trường trên.

Tối ngày 21 tháng 2 năm 1972 có một số bạn học cũ như Nguyễn Thông, Ngô Lương Kim, Lương Văn Bé, Thạch Quân

C. đến chùa ở lại và đến sáng ngày hôm sau 22 tháng 2 năm 1972 nhằm ngày mồng 8 tháng giêng năm Nhâm Tý có Hòa Thượng Bảo Lạc, Hòa Thượng Như Tín, Thầy Quảng Hạo, Thầy Ngô Hạnh cùng một số quý Thầy và quý Phật Tử từ Lưu Học xá Huyện Trang đến chùa Hưng Long để đưa tôi đi. Bên chư Ni thì có Ni Sư Như Viên, Ni Sư Huệ An và một vài Ni Sư quen biết khác. Phía gia đình thì có anh Hồ Đấu cũng như anh em bên ngoại và bên bạn học Đời có thêm Hiếu, Phúc, Hùng cũng đã đến sân bay Tân Sơn Nhất để tiễn đưa. Vì Thầy tôi không vào được, cho nên Sư Huynh Thích Tâm Thanh đến thay thế tiễn biệt tôi lên đường và cũng mang sứ mệnh của Sư Phụ đến. Ngày ấy Thầy Tâm Thanh tặng cho tôi một tờ giấy bạc 20 đồng của Việt Nam Cộng Hòa còn mới tinh, nay Thầy Tâm Thanh đã quá vãng, nhưng tờ giấy bạc ấy tôi vẫn còn trân quý gìn giữ bên mình. Rõ ràng tôi là con người sống nhiều với kỷ niệm, dầu cho kỷ niệm ấy lớn hay nhỏ, trước sau gì tôi cũng ghi vào lòng hay giữ lại đâu đó để lâu lâu nhìn lại món đồ, biết là ai đã tặng cho mình và người ấy bây giờ có còn không? Ở đâu và đi đâu? v.v...

Ngày xưa tôi hay tích tụ cả hàng ngàn lá thư như vậy, nhưng 2 năm rồi (2011) khi Thầy Hạnh Giới cho dọn phòng của tôi gọn gàng hơn thì những thư từ ấy và những đồ vật không cần thiết tôi đã cho hỏa thiêu tất cả. Bây giờ những gì của đất trời xin trả lại cho trời đất. Ngoài ra thỉnh thoảng tôi cũng có làm lễ huân tặng, đem tặng lại cho chư Tăng Ni cả hàng trăm món đồ mà tôi đã nhận được từ khắp nơi nhân ngày sinh nhật của mình.

Kỷ niệm bao giờ cũng đẹp, nhưng nó cũng sẽ tàn phai. Điều quan trọng là mình nên xếp lại những kỷ niệm ấy để vào nơi đâu của cõi lòng mình thì mỗi người tự an bài cho kỷ niệm ấy một chỗ xứng đáng. Nhiều khi kỷ niệm xưa sẽ hiện về bất chợt trong giấc mơ, hay lăm lăm trong khi chuẩn bị đi ngủ, có nhiều hình ảnh thân thương lại hiện về trong trí

nhớ. Thế rồi trí óc lại có cơ hội để mở tung không gian và thời gian quá khứ ấy để cho tâm thức có cơ hội lắng chìm sâu vào dĩ vãng. Nhiều khi cũng có thể là kỷ niệm xấu, ta muốn xua đuổi đi cho nhanh, nhưng lắm lúc cũng có những kỷ niệm ta muốn quên mà quên chẳng được. Có ai đó khóc thầm trong đêm để tưởng nhớ một người thân đã nằm xuống và thỉnh thoảng vẫn có những giọt nước mắt, ngậm ngùi nhỏ lệ trong đêm đen nhằm hồi tưởng về một quãng đời dĩ vãng. Với tôi, những kỷ niệm đau thương hầu như ít hiện về, đa phần là những giấc ngủ an lạc, ít mộng mị.

Một đoàn người áo nâu đứng xếp hàng để chụp hình tại phi trường Tân Sơn Nhất, khiến cho ai đó dẫu vô tình cũng phải lưu tâm đến sự hiện diện quá đông của chúng tôi. Hôm đó có cả Thầy Chánh Phó trụ trì chùa Hưng Long cũng đi đưa tiễn nữa. Nay thì Thầy không còn trên dương thế, nhưng có hai điều lúc nào tôi cũng nhớ mãi bên lòng.

Việc thứ nhất là ngày mai tôi lên đường sang Nhật, nhưng tối hôm đó Hòa Thượng đưa cho tôi một cọc tiền Việt Nam bảo rằng: Ông mang tiền này qua bên ấy xài. Tôi cảm ơn Ngài và thưa rằng: Bên đó không xài tiền này mà chỉ xài đô-la hay tiền Yen mà thôi. Thế là Ngài cất vào túi.

Việc thứ hai tôi vẫn còn nhớ rõ. Đó là ngày đã có Passport và Visa Tòa Đại Sứ Nhật cấp rồi, tôi đến Tổ đường y áo sẵn sàng xin đánh lễ Hòa Thượng và xin Hòa Thượng cho tôi sang Nhật Bản du học. Hòa Thượng không nói gì, nhưng Ngài quay qua tôi dạy rằng:

“Ông biết không! Có những người tôi muốn họ đi khỏi chùa này mà họ không đi. Còn ông, tôi đâu có muốn ông đi mà ông bỏ chùa này và bỏ tôi để ra đi.”

Nghe mà ngậm đắng trong lòng. Có lẽ Hòa Thượng thấy tôi đi tụng kinh Lăng Nghiêm đều đặn và cả 3 năm trời ở tại đây tôi chỉ chuyên tu niệm và học hành, chưa bao giờ làm

phiên Thầy và phiên Chúng một điều gì cả. Do vậy mà Hòa Thượng đã nói lên điều nhận định ấy chẳng? Dầu sao đi nữa, con cũng cảm ơn Thầy. Vì chính Thầy là bóng cây che mát cho chúng con trong những ngày lưu trú tại đây.

Tôi chọn ngày 22 tháng 2 năm 1972 là sự chọn lựa tình cờ thôi. Thế mà ngày này trở nên quan trọng. Đó chỉ là một sự trùng hợp. Ngày này chính là ngày mà Tổng Thống Nixon đi thăm Mao Trạch Đông tại Bắc Kinh, đánh dấu một thời gian chiến tranh lạnh giữa hai chủ nghĩa đã qua, họ bắt tay nhau và một trang sử mới đã được bắt đầu từ đó. Thật ra việc này cả thế giới cũng chẳng ai ngờ. Thế mà việc đã đến.

Khi vào trong lòng máy bay Air Vietnam rồi và phi cơ chuẩn bị ra phi đạo để cất cánh, tôi ngoái nhìn lại quê hương và bầu trời Việt Nam một lần cuối cùng trước khi giã từ quê mẹ thân yêu. Sau khi máy bay cất cánh được mấy phút, từ trong buồng lái phát ra âm thanh bài hát: “Xuân Này Con Không Về” qua giọng ca của Duy Khánh làm tôi tan nát cả cõi lòng. Khi chưa xa quê thì muốn từ bỏ cho nhanh, để đi tìm một cái gì đó mà mình đã mong đợi lâu nay, nhưng nay mọi điều kiện đã đầy đủ, lúc ấy tôi lại muốn quay trở lại quê hương mình, trong khi máy bay vẫn trực chỉ hướng Hồng Kông.

Phi hành đoàn thông báo cho biết là “máy bay sắp đáp xuống Hương Cảng, hành khách hãy nịt dây an toàn và chờ cho máy bay dừng hẳn mới được di chuyển và quý khách có 2 tiếng đồng hồ để nghỉ ngơi. Nếu quý khách muốn rời khỏi máy bay thì hãy mang những vật tùy thân theo và trở lại máy bay đúng giờ”. Tôi theo đoàn người rời khỏi ghế ngồi và đi xuống khỏi máy bay. Đầu tiên thấy Hồng Kông vẫn minh quá, thuở ấy đã có máy rà chung quanh người để kiểm soát vũ khí và kim loại, trong khi đó Việt Nam mình vẫn chưa có những loại máy ấy. Ở phi trường họ buôn bán đủ mặt hàng. Tôi đến chỉ để xem cho biết, đâu có dám mua một vật gì, vì là

người tu, tôi không đua đòi mấy. Vả lại trong túi cũng chẳng có bao nhiêu tiền và đâu biết được rằng chuyện gì sẽ xảy ra cho mình khi mình còn chân ướt chân ráo tại xứ người, nên đành thúc thủ lên máy bay vào chỗ cũ ngồi lại.

Phi trường Đài Bắc thuở đó chưa bằng phi trường Tân Sơn Nhất, thế mà mấy chục năm sau, phi trường Đài Bắc bây giờ phát triển to lớn gấp mấy mươi lần thời đó và dĩ nhiên Việt Nam trong hiện tại không thể lấy gì để sánh nổi. Họ phát triển còn mình thì giậm chân tại chỗ hàng hai ba chục năm. Bây giờ ta có chạy theo, cũng khó mà kịp họ. Ngay như các nước Thái Lan, Singapore, Miến Điện... Việt Nam cũng khó sánh bằng. Vì Việt Nam phát triển quá chậm.

Ở Nhật mùa ấy là mùa rét, nhưng tôi chỉ mang sandale và đầu đội nón lá, thân mặc chiếc áo Nhật Bình nâu để cho Thầy Như Tạng dễ nhận diện. Sau khi làm thủ tục nhập cảnh, tôi vào nơi lấy hành lý thấy một hình ảnh thật là lạ lùng và đẹp mắt. Đó là hành lý của mình tự động chạy đến trước mặt mình và hành lý của ai người ấy tự kéo khỏi đai quay kia. Đây là hình ảnh văn minh đầu tiên của xứ Nhật đập vào mắt tôi và gây ấn tượng tốt. Vì những câu chuyện chở hành lý như vậy, thuở ấy ở Sài Gòn chưa có.

Sau khi ra khỏi cổng quan thuế nhìn khắp nơi chẳng thấy Thầy nào đi đón, vì người Nhật với người Việt Nam hình dáng đâu có khác nhau bao nhiêu, chỉ có họ ăn mặc lịch sự hơn, trong khi miền Nam Việt Nam mình thuở đó về kinh tế vẫn còn kém thua họ. Tôi cố ý tìm một chiếc áo nâu hay màu lam nhưng chẳng thấy. Bỗng đâu trong đám người đầu đen đó, có ai gọi tên tôi: “Thầy Như Điển.” Tôi mừng quá, nhìn qua hướng ngoắc tay kia. Đó chính là Thầy Như Tạng. Hai bên chào hỏi nhau và Thầy đón taxi cho chúng tôi đi về hướng khu phố Shinagawa. Thấy bên Nhật xe chạy bên tay trái, tôi cũng hơi ngạc nhiên và quan sát nhà cửa hai bên đường cũng ít có cao ốc, đa phần là những nhà gỗ. Thầy Như

Tặng giải thích vì động đất nên Tokyo không xây nhà lầu cao tầng như New York. Trên xe taxi Thầy nói sao tôi nghe vậy và Thầy hướng dẫn như thế nào thì tôi chỉ có dạ dạ vâng vâng mà thôi.

Hôm đó Thầy Chơn Thành vẫn đi làm, khi chúng tôi về nhà thì đã có bà chủ nhà người Nhật mở cửa sẵn rồi. Tôi quan sát từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, thấy nhà của người Nhật khác với mình rất xa. Nói chung là sạch sẽ, nhưng chật chội và không đầy đủ tiện nghi. Sau đó Thầy Chơn Thành về và Thầy Như Tặng giới thiệu tôi cũng như gửi tôi nơi nhà trọ của Thầy Chơn Thành một thời gian.

Rõ ràng là trước khi rời xa khỏi đất nước, chỉ biết đi được là tốt rồi. Còn con đường tương lai trước mắt chẳng biết ra sao cả. Câu “trời sanh voi sanh cỏ” rất đúng với người Việt Nam, nhưng người Nhật hay người Âu Châu họ tính toán rất kỹ trước khi đi đâu hay làm bất cứ vấn đề gì. Đêm hôm đó tôi nằm trên những chiếc Tatami Nhật Bản cảm thấy xa lạ và nhớ quê hương thật nhiều. Thật ra tôi không hối hận việc chọn lựa của mình khi xa Sài Gòn để hội nhập vào một xã hội mới khác. Ngược lại tôi phải cảm ơn tất cả mọi người và mọi việc đã xảy ra trực tiếp hoặc gián tiếp đối với đời mình. Trong đó ơn nghĩa của Thầy Như Tặng và Thầy Chơn Thành là một.

Đa phần quý Thầy qua đây vừa đi học, vừa đi làm, nếu không như vậy thì sẽ không có tiền để đóng học phí và trả tiền nhà hàng tháng. Học phí Đại Học thuở ấy mỗi năm các sinh viên phải đóng ít nhất là 2.000 đến 5.000 US\$ tùy theo từng phân khoa một. Ngày ấy 100 đô-la đổi ra được 30.000 Yen, thế mà 40 năm sau, khi tôi trở lại Tokyo lần này 100 đô-la chỉ còn 8.000 Yen thôi. Cầm chừng ấy tiền, chỉ đi xe chung quanh Tokyo trong vòng một ngày vẫn không đủ. Đây là lý do chính mà quý Thầy phải đi làm. Công việc có đủ loại, từ nhà hàng cho đến làm đường sá, cầu cống, nhà cửa, tiệm bán rau quả v.v... nghĩa là ai cần gì thì quý Thầy đều có thể đi làm cả.

Tôi quan sát mọi việc xảy ra chung quanh mình, cái gì không hiểu thì hỏi trực tiếp Thầy Chơn Thành hoặc điện thoại cho Thầy Như Tạng. Tôi không cô đơn, vì trước tôi đã có nhiều Thầy đang học tại đây, tôi chỉ lắng nghe những lời khuyên và sau đó tự quyết định cho công việc của mình. Điều tôi quyết định là sẽ không đi làm trong năm đầu để lo học Nhật ngữ thật ráo riết. Khi Nhật ngữ giỏi thì việc đi tìm ra công việc làm không khó. Và lại tôi đem tiền theo do Sư Phụ và các Phật Tử cho vẫn đủ cho ít nhất là 6 tháng đầu. Việc gì xảy ra sau đó sẽ lo tiếp theo.

Tôi ghi danh học Nhật ngữ tại trường Nhật ngữ ở Yototsuya. Mỗi ngày học 4 tiếng và mỗi tuần học 5 ngày. Trường này dạy theo cách đào tạo chính quy để sau một năm là sinh viên ngoại quốc có thể thi đậu vào các Đại Học Nhật Bản. Mỗi khóa học như vậy có 3 tháng. Nếu ai học giỏi, cuối khóa thi được trên 90 điểm thì sẽ lên khóa 3, không cần học khóa 2 nữa. Chữ Nhật thật ra rất xa lạ với tôi, mặc dầu trước đó ở Việt Nam tôi đã theo học gần 3 tháng, nhưng bây giờ chữ nghĩa nó đi đâu hết rồi. Tất cả đều phải bắt đầu lại từ đầu. Quyển sách màu đỏ viết bằng mẫu tự La Tinh có nhan đề là Nihongo no Hanashikata (cách nói tiếng Nhật). Quyển này học cho đến nửa năm thì đổi qua học loại chữ Hiragana có kèm theo một ít Hán tự. Vì lẽ chữ La Tinh chỉ học lúc ban đầu, khi đi sâu vào văn học Nhật Bản không thể chỉ dùng chữ này. Bởi cách phát âm thì giống nhau, nhưng ý nghĩa lại khác nhau. Nếu không viết thành chữ thì không rõ nghĩa. Ví dụ câu: Kore wa Hana desu. Chữ Hana có nghĩa là cành hoa mà đồng thời cũng có nghĩa là lỗ mũi nữa. Do vậy không viết chữ Hán là không xong, nhưng chữ Hán đối với tôi không ngại, khi nhỏ ở trong chùa đã học rồi. Ở đây chỉ cần học cách phát âm mà thôi. Ngoài ra chúng tôi phải học thuộc lòng quyển Toyokanji (Đương dụng Hán tự) cả cách viết và cách phát âm nữa. Nói gì thì nói, nhưng cách học thuộc lòng vẫn

ứng dụng trong mọi trường hợp và mọi hoàn cảnh được. Với tôi, chuyện học thuộc lòng không có gì trở ngại cả. Vì là dân “gạo bài” mà.

Học xong khóa I tôi dư điểm nhảy lên khóa III, học xong khóa III tôi bỏ khóa IV và chỉ học khóa V là khóa cuối cùng cho học trình ấy. Ngày ấy trong lớp có nhiều học sinh và sinh viên đến từ Việt Nam, Thái Lan, Đài Loan. Thỉnh thoảng thấy có một vài người Tây Phương cũng đến học, nhưng với người Mỹ, người Đức, khó nhất với họ là chữ Hán, chứ không phải tiền bạc bị khó khăn như chúng tôi. Lâu lâu có giờ tranh luận khi đã học lên lớp cao. Thế là chúng tôi có cơ hội để trau dồi kiến thức Nhật ngữ của mình.

Ở với Thầy Chơn Thành được một vài tháng tôi dọn ra ở riêng. Vì ở chung nhà chật chội cũng như khó ôn bài. Từ đó tự nấu ăn, tự đi chợ và tự đi học. Nhiều lúc tôi tiện tặn không dám tiêu xài gì nhiều, đã có mấy lần ăn cháo thay cơm. Thầy Như Tạng hỏi tại sao thì tôi bảo là để dành tiền đóng học phí của trường. Nhưng cuối cùng rồi cũng được quý nhưn phò hộ. Đó là việc gặp lại được Phan Đức Lợi, người bạn học cũ thời trường Tiểu Học Xuyên Mỹ thuở nào, nay ở xứ lạ quê người, qua sự giới thiệu của Nguyễn Thông, tôi đã không ngại ngần gì để hỏi mượn tiền của cậu ta. Lợi cho mượn mấy chục vạn ngay và sau này tôi đã hoàn lại cho Lợi. Bây giờ cả Lợi và Thông không còn nữa. Hai bạn đã ra đi quá sớm, khi tuổi đời mới trên dưới 60. Quả thật trên đời này có rất nhiều loại tình, mà tình bạn người ta thường đặt lên cao nhất. Nó không màu mè, không tính toán, chỉ thuần một ý nghĩa của sự trong trắng vị tha mà thôi.

Bước tiếp theo tôi dọn nhà một lần nữa để ở chung với Diệp Vân Sơn và Tôn Thất Hoàng. Ở chung như vậy để chia tiền mướn nhà với nhau cho đỡ nặng và cũng trong thời gian này tôi tập đi làm thêm ngắn hạn ở giữa khóa Nhật ngữ, đồng thời tôi cũng liên lạc về quê hương báo tin cho Sư Phụ

tôi về việc học của mình. Thuở đó chị Tô Thị Ngọc Yến con ông Tô Văn Tám trước khi đi về nước có để lại một số tiền tại Nhật và Thầy tôi đã nhờ chị Yến chuyển cho tôi mượn. Sau này tôi có hỏi ông Tô Văn Tám tại Mỹ là Thầy tôi có hoàn lại số tiền ấy chưa thì bác ấy bảo rằng: “Chuyện ấy đã xưa rồi, giữa Bác ấy và Thầy tôi đã giải quyết xong.” Như vậy tôi an tâm, nếu không, tôi ấy này vô cùng.

Bây giờ số tiền học cho đến cuối năm đã đủ. Tôi dốc chí vào việc học và việc thi cử vào Đại Học sắp đến. Người thì đi chọn trường công lập để thi, kẻ thì chọn trường tư thục. Chẳng biết sao khi tôi đọc đến tên trường Đại Học Đế Kinh (Teikyo) tôi có cảm tình ngay và đưa đơn vào Đại Học này để thi ngành Giáo Dục học, trong khi đó Đại Học Phật Giáo Risso (Lập Chánh) cũng nằm không xa mấy chỗ tôi tạm trú, nhưng trường này vẫn chưa có duyên với tôi thuở bấy giờ.

Nếu tôi nhớ không lầm, các thí sinh từ người Nhật cho đến ngoại quốc, đề thi đều giống nhau và chỉ thi có 3 môn. Đó là Nhật ngữ, Anh ngữ và Lịch sử. Ba môn này đối với tôi không khó mấy, vì lẽ đây là những môn “gạo” của tôi. Nếu có ngại thì ngại cho tiếng Nhật và tiếng Anh. Vì vốn liếng tiếng Anh của tôi chỉ mới học ở Trung Học Đệ Nhị Cấp có 3 năm, trong khi đó Pháp văn tôi vững hơn. Vì đã học 7 năm liên tục tại trường, nhưng ở Nhật, Pháp văn ít có Đại Học nào lấy làm sinh ngữ chính, nên phải đành “nhắm mắt đưa chân” vậy. Sau khi thi độ một tuần, có giấy báo gởi về là tôi đã đậu, Tôn Thất Hoàng thì đậu Đại Học Kagoshima, Sơn thì ở Tokyo. Thế là 3 đứa chúng tôi chuẩn bị trả nhà và mỗi người sẽ đi mỗi ngã để lo cho chuyện tương lai học hành của mình.

Trong giấy báo thi đậu của tôi có ghi là học phí năm đầu 30 vạn Yen, thuở ấy tương đương với gần 1.000 US\$. Nếu trong vòng một tháng không nộp đủ tiền, xem như kết quả của kỳ thi này không còn giá trị nữa. Lúc ấy tôi biết nói cùng ai đây ! Thầy thì ở xa quá, mà bạn bè thì chẳng có ai,

trong khi chung quanh mình ai cũng cần tiền để đóng học phí cho niên học mới. Tôi đành phải gọi cho Thầy Như Tạng để báo tin vui, đồng thời tôi nhờ Thầy ấy giúp đỡ cho mượn hoặc mượn giùm ai đó để giải quyết cho vấn đề này. Sau một vài phút suy nghĩ, Thầy ấy bảo rằng: Tôi thì chẳng còn bao nhiêu, nhưng tôi sẽ giới thiệu Thầy với ông Lê Quang Tuấn. Hai ông bà này chắc chắn là có tiền, để tôi liên lạc thử xem. Thầy hỏi tôi cần thêm bao nhiêu nữa? Tôi bảo rằng: Chỉ cần 10 vạn nữa thôi và Như Điển đã có đây gần 20 vạn rồi. Thầy ấy bảo cứ yên tâm và chờ điện thoại hồi báo trong tuần sau.

Thời gian chờ đợi nó dài vô tận. Vừa sốt ruột vừa lo toan, không biết là mình sẽ có kết quả gì không? Đi thi không sợ hỏng mà giờ đây đậu xong sợ không đủ tiền đóng học phí, quả là điều khó coi vô cùng. Tôi lúc ấy cũng có gọi điện thoại cho Hòa Thượng Minh Tâm và Hòa Thượng Chơn Thành cũng như Hòa Thượng Nguyên Đạt, nhưng cuối cùng cũng chỉ nhận được những lời khuyên là nên như thế này, nên như thế kia, chứ trên thực tế vẫn chưa có kết quả cụ thể nào.

Thế rồi vào một chiều đông giá lạnh của Đông Kinh vào cuối năm 1972 ấy, Thầy Như Tạng hẹn tôi gặp nhau ở nhà gare Shibuya và cùng nhau đi đến nhà ông Lê Quang Tuấn pháp danh Quảng Phụng. Sau khi trình bày sự việc, ông bà đồng ý cho tôi mượn 10 vạn Yen và trả lại sau thời gian 6 tháng. Tôi mừng như được quà đặc biệt và một giấy nợ đã viết sẵn, tôi chỉ cần ký tên vào đó để nhận số tiền kia. Dầu sao đi nữa tôi cũng xin cảm ơn hai ông bà. Nếu lúc ấy không có hai ông bà là những Việt kiều duy nhất đang sinh sống tại Tokyo có tấm lòng từ tâm như vậy thì tôi không biết là đời mình sẽ trôi theo định hướng nào đây. Năm 1975 ông bà sang Pháp và sau đó định cư ở Hoa Kỳ. Cuối cùng ông xuất gia đầu Phật với Cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Tăng Thống hệ phái Linh Sơn trên quốc tế, còn bà cũng xuất gia đầu Phật ở Mỹ, nhưng sau một thời gian làm Trụ trì chùa Linh Sơn ở

Paris, Ông Quảng Phụng ngày ấy bây giờ với Pháp tự là Thầy Thích Trí Nguyên, Thầy gặp tôi với thái độ khác và tôi cũng đã nhắc lại chuyện xưa để cảm niệm ân đức của Thầy. Còn bà thì sau khi xuất gia cũng đã qua đời vì tuổi lớn. Bây giờ cả hai vị đều không có mặt trên cuộc đời này nữa, nhưng một lời cảm ơn với giấy trắng mực đen như thế này vẫn không có trễ. Điều này thể hiện tấm lòng giữa con người và con người với nhau, khi gặp khó khăn trong cuộc sống mà biết giúp đỡ nhau là điều quá tuyệt vời.

Kinh nghiệm bản thân của mình khi tu học tại ngoại quốc như vậy, nên sau này khi ra hành đạo tại Đức quốc, thỉnh thoảng tôi có nhận được những thư từ cầu cứu từ quê hương trong những năm vật chất còn khó khăn, hay sau này quý Thầy Cô đi du học tại Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Đức, Hoa Kỳ v.v... tôi đã không nỡ nào làm ngơ cho đành mà cố gắng giúp đỡ trong khả năng của mình bắt đầu chính thức từ năm 1994 đến năm 2012 này. Trong suốt 19 năm trường ấy tôi và chùa Viên Giác tại Hannover Đức quốc đã giúp đỡ cho gần 170 Tăng Ni tại Ấn Độ, hàng trăm Tăng Ni sinh tại Quảng Nam và Học Viện Phật Giáo Việt Nam và cũng gần 300 Tăng Ni đã và đang du học tại khắp nơi trên thế giới. Cho đến cuối năm 2012 này đã có 132 vị Tăng Ni đã ra trường với bằng Tiến Sĩ và còn một số quý vị khác nữa sẽ tiếp tục ra trường, nhưng đến cuối năm 2012 này tôi quyết định ngưng tất cả những trợ cấp này vì lý do không còn khả năng để tiếp tục được nữa, cũng như tình hình kinh tế Việt Nam đã thay đổi, nên quý Thầy, quý Cô có thể tìm nguồn tài chánh khác để lo cho việc học. Vì bây giờ dễ dàng hơn ngày xưa cách đây 20 năm về trước.

Cuộc sống của mỗi người trong chúng ta đều có nhiều khúc quanh như vậy. Hãy tự cố gắng vượt qua. Hãy tự chiêm nghiệm khả năng có thể của mình và hãy vững tin rằng mình sẽ làm được điều đó và hãy đừng bỏ cuộc bất cứ một việc gì,

khi chúng ta chưa trải qua thử thách. Do vậy tôi vẫn thường hay nói rằng: Đừng tự cao, đừng tự mãn, đừng tự đại, đừng tự hào... mà hãy tự tin vào chính mình. Vì mình là nhân vật chính để quyết định rất nhiều công việc trọng đại của đời mình. Và chỉ có chính mình mới có thể tự quyết định cho lối đi của mình mà thôi.

Khi chưa xa quê, tôi và có lẽ trong đó cũng có nhiều người, muốn rời bỏ quê hương sớm chừng nào hay chừng ấy và đến Nhật hay ra ngoại quốc mình sẽ tìm hiểu, học hỏi những điều tốt đẹp hơn để làm hành trang cho cuộc sống của mình, nhưng điều ấy tôi đã lầm. Quê hương mình không phải cái gì cũng xấu hết, mà quê người không phải cái gì cũng đẹp hết. Ví dụ Phật Giáo ở Nhật có nhiều điểm trội hơn Việt Nam chúng ta cần phải học, nhưng không phải là tất cả mọi phương diện. Ví dụ như đời sống thanh tịnh độc thân của một Tăng Sĩ Việt Nam vẫn có một giá trị tinh thần thanh tịnh và cao khiết, trong khi ở Nhật Bản họ đã bỏ quên đi giá trị này từ lâu rồi. Do đó khi ở ngoại quốc mình lại càng có nhiều cơ hội để thẩm định cho giá trị tâm linh hơn.

Sau khi lo việc đóng học phí xong xuôi yên ổn đâu đó rồi tôi mới lo đến chỗ ở. Đây là một đề tài không nhỏ đối với mình thuở ấy. Người ta thường nói “cái khó nó bó cái khôn”, rất đúng trong mọi trường hợp và hoàn cảnh, nhất là hoàn cảnh của tôi trong hiện tại. Dầu cho tôi có khôn lanh, giỏi giang bao nhiêu đi chăng nữa, nó cũng sẽ chẳng giúp được gì cho mình trong hoàn cảnh này. Thôi thì “một liều ba bảy cũng liều”, tôi điện thoại cho Thầy Như Tạng hỏi thăm ý kiến của Thầy ấy và riêng tôi chỉ muốn vào chùa Nhật ở để sinh hoạt với họ nhằm trau dồi Nhật ngữ và tìm hiểu đời sống của Thiền Môn. Thầy ấy nói rằng: “Việc này chỉ có thể Thầy Minh Tâm giúp được. Vì trước đây Thầy Minh Tâm có ở trong chùa Joenji (Thường Viện Tự) ở Shinjuku, để nhờ Thầy ấy hỏi xem thử sao.” Sau mấy ngày chờ đợi tôi được báo tin rằng: “Ông

Thầy ở Shinjuku có người con đang Trụ trì chùa Honryuji (Bổn Lập) ở Hachioji (Bát Vương Tử) sẵn sàng đón nhận tôi về chùa ấy ở. Từ đó đi học Đại Học Teikyo gần hơn.” Tôi nghe mà như nhẹ cả tấm lòng. Vì ít ra mình khỏi phải đóng tiền nhà và tiền sinh hoạt phí hằng ngày là được rồi.

Vị Sư trụ trì chùa Thường Viên ở Shinjuku là thân phụ của Thầy Oikawa Shinkai (Cập Xuyên Chơn Giới) tại Hachioji. Ngài một thuở đã làm Viện Trưởng Viện Đại Học Lập Chánh của phái Nhật Liên Chánh Tông và trường này nằm tại nhà gare Gotanda. Mới đầu tôi nghĩ rằng đây là trường lấy tên của Jean Jacque Rousseau nhưng không phải. Chữ Risso ở đây có nghĩa là Lập Chánh. Hai chữ này lấy từ Lập Chánh An Quốc Luận mà Ngài Nhật Liên đã viết tấu trạng tâu lên triều đình vào thế kỷ thứ 13 khi quân Mông Cổ sang xâm chiếm Nhật Bản thuở bấy giờ. Ông Cụ Hòa Thượng này gọi là Oikawa Shingabku, Ngài rất có tình cảm với người Việt Nam. Mỗi khi Phật Giáo Việt Nam tổ chức lễ Phật Đản hay Vu Lan đến mượn chùa Ngài làm lễ, Ngài đều hoan hỷ. Đây là một ngôi chùa bề thế, giàu có tại trung tâm phố thị gần nhà gare Shinjuku. Thuở ấy Hòa Thượng Minh Tâm đã ở đây một thời gian, nhờ vậy mà Thầy Minh Tâm mới giới thiệu giúp cho tôi đến ở Hachioji được. Đó là thời điểm đầu năm 1973.

Thầy Oikawa Shinkai rất hiền từ. Thầy là một học giả tiếng Pali. Đã có mấy năm du học tại Tích Lan, nên hiểu tâm trạng và hoàn cảnh của sinh viên ngoại quốc rất nhiều. Tiếng Anh Thầy rất giỏi và tên tuổi của Thầy bây giờ vẫn còn lưu lại nơi Đại Học Risso cũng như trên văn đàn Nhật Bản. Thầy dạy cho sinh viên cao học tại Đại Học Risso tiếng Pali mỗi tuần 2 giờ thôi. Bao nhiêu thì giờ còn lại Thầy ở tại chùa, dành thì giờ để viết lách, nghiên cứu và chủ trì những lễ nghi quan trọng.

Chùa Honryuji vốn là chùa cổ đã có mặt tại thành phố Hachioji độ 600 năm, nên Đàn Gia, Tín Đồ và mả mồ trong vườn chùa cũng khá đông đúc. Chùa xây về hướng đông và

cách nhà gare Hachioji độ 15 phút đi bộ. Nóc chùa lợp ngói bằng đồng, nhưng toàn thể nội tự đều được xây dựng bằng gỗ. Đặc biệt người Nhật họ không sơn phết nhiều màu sắc ở trong hay ngoài chùa như người Hoa hay người Việt, nếu có, chỉ một màu vàng trang nhã sơn phết các tượng Phật và tràng phan bảo cái mà thôi. Trước chùa có một nhà thờ Tứ Thiên Vương và rất nhiều tượng Địa Tạng. Từ cổng Tam Quan nối dài vào sân chùa là hai hàng cây Ginko, cây này có hạt, mùi rất nồng, nhưng lá cây Ginko y dược Trung Quốc chế ra được nhiều loại thuốc nhằm chữa bệnh mắt và gan. Phía sau vườn chùa là mả mồ của Đàn Na, Tín Đồ. Thuở tôi mới đến, từ văn phòng cho đến chánh điện, khu lưu trú của chư Tăng, nhà bếp, nhà tắm v.v... đều còn giữ lại dáng cũ xưa. Sau này khi tôi về thăm lại chùa cũ thì đã hoàn toàn đổi mới. Chùa này theo phái Nhật Liên, ở giữa chánh điện thờ một câu viết theo chữ cổ: Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh và tượng của Ngài Nhật Liên ngồi trong khám thờ. Ngoài ra tôi không thấy thờ Phật Thích Ca hay Di Đà gì cả.

Hoa viên của chùa rất đẹp. Giữa chánh điện và khu văn phòng cũng như phòng khách có một khoảng đất trống vuông vức, ở giữa có một cái ao nuôi cá koi, sáng nào Thầy trụ trì cũng ra đây cho cá ăn và nhìn ngắm mây trời thông dong bay lượn, thỉnh thoảng mây lướt qua và sà xuống tận đáy hồ, làm như giữa cá, nước và mây là một vậy. Thuở tôi đến, gia đình của Thầy ở trong chùa này gồm có bà vợ và bốn đứa con, gồm 2 trai và 2 gái. Nay tất cả đều đã trưởng thành và đã trở thành Trụ trì hai ngôi chùa Joenji cũng như Honryuji này để thay thế cho Ông Nội và Ba của mình.

Thầy gặp tôi một cách tự nhiên và nói vài câu xã giao bằng tiếng Nhật, đoạn nói người nhà dẫn ra phía sau để chỉ cho chỗ nghỉ và người ấy nhắc nhở cho tôi những công việc hằng ngày, hằng tuần và những công việc mà tôi phải đảm trách. Người ấy sau này tôi được biết là Thầy Sakai, trước

đây cũng ở chùa này làm nhiệm vụ ấy và nay đã lập gia đình nên đã lãnh chùa riêng và thuở ấy Thầy làm Chánh Văn Phòng của Đại Học Riso tại Gotanda. Công việc của tôi là chùi dọn, lau quét chánh điện, phòng khách, thư phòng, nhà ngủ mỗi ngày 2 lần và mỗi buổi chiều thay nước nhà tắm Ofuro, sau đó đổ nước mới vào để đun sôi lên và những ngày kế tiếp đều phải làm như vậy. Mới đầu nghe chữ được chữ mất, nhưng dần dà rồi mọi việc cũng quen đi. Bấy giờ tiếng Nhật của tôi đã thành thạo rồi.

Mỗi buổi sáng tôi có nhiệm vụ lấy nước còn ấm trong Ofuro đem lên hành lang chánh điện. Sau khi quét dọn, phủ bụi xong, tôi mới lấy khăn nhúng vào trong thùng nước, đoạn cúi rạp mình xuống và bắt đầu lau chùa. Khi lau phải lau thật lười để cho mình khỏi bị dính nước và những vết dơ không hiện lên. Những năm học ở Đại Học sau này tôi vẫn làm như vậy, chờ cho có Nakatomi, Matsugawa và Shimizu cũng như Thầy Như Mãn An Thiên vào ở chung, thì tôi mới ngưng nhiệm vụ này. Vì đã có họ thay thế tôi làm những công việc kia.

Một hôm tôi thưa với Thầy trụ trì rằng: “Thưa Thầy! Chùa vốn đã sạch, tại sao mỗi ngày phải lau chùi 2 lần vậy?”

Thầy bảo: “*Nếu người tu hành như ông mà lau cái chùa không sạch thì làm sao lau cái tâm cho sạch được.*”

Tôi nghe câu này như choáng váng cả mặt mày. Kể từ đó tôi luôn luôn lau cho thật sạch chùa để cố gắng lau tâm mình nữa và tôi sợ cái dơ bản của thân lẫn tâm từ ngày nghe được câu pháp ngữ ấy.

Thật ra người Nhật sống và làm việc rất nghiêm túc. Việc nào ra việc đó, chuyện nào ra chuyện đó, không có nhập nhằng. Đúng giờ, sạch sẽ và tin tưởng lẫn nhau là những yếu tố căn bản để xây dựng nên nước Nhật kể từ thời Minh Trị Duy Tân cho đến nay (1868-2012). Trước đó họ vẫn còn theo lề lối của Á Châu, nhưng kể từ ngày duy tân trở đi họ

học theo nền văn minh Âu Mỹ gần như trọn vẹn và họ đã xây nên nền văn minh này trở thành nền văn hóa của Nhật. Thật là tuyệt vời. Ngày nay nếu có ai đó đi thăm viếng nước Nhật sẽ thấy được những điều của tôi vừa nêu trên, nghĩa là những nơi công cộng ít thấy những rác rưởi vô tình nằm đâu đó, mà tất cả đều được bỏ vào giỏ rác cạnh lề do sự ý thức của người dân, bất kể là trẻ con hay người già. Tinh thần trách nhiệm của họ đối với bản thân, gia đình và xã hội rất tích cực. Không đòi hỏi người khác phải làm gì, mà tự đòi hỏi nơi khả năng thực tại của mỗi người. Người Nhật dạy con họ rằng: “Quê hương ta chẳng có gì ngoại trừ sông và núi, khi các con lớn lên, các con phải tự lực đem sức mình học hỏi, làm việc để tạo dựng cho quê hương, đất nước của chúng ta giàu mạnh hơn.” Họ dạy con họ từ tấm bé như vậy. Cho nên những điều như thế, chúng ta cần phải học hỏi thêm.

Còn giờ giấc đối với họ hầu như không sai giây phút nào, nghĩa là đúng giờ theo tiếng Việt, be on times theo tiếng Anh, Pünktlich sein theo tiếng Đức và Chuẩn thời (chunshu) theo tiếng Trung Hoa. Nếu có trễ nhiều lắm là 3 đến 5 phút, không bao giờ họ đến trễ hằng 30 phút đến một giờ đồng hồ như người Việt Nam mình. Điều này chúng ta cũng cần phải học nơi họ. Đây là những điều căn bản mà học giả Đỗ Thông Minh đi đâu cũng thuyết trình cho người Việt mình nghe để thấy tinh thần trách nhiệm của người Nhật.

Ofuro tiếng Nhật viết là Phong Cung. Nghĩa là nơi tắm cho gia đình hay đoàn thể. Có những Ofuro lớn có thể chứa hàng trăm người và mỗi làng, mỗi khu phố có vài ba nơi như vậy. Bởi lẽ ở Nhật đất chật người đông, nên nhà tư ít có ai xây phòng tắm, chỉ có nhà chùa đất đai tương đối rộng hơn tư nhân, nên họ cho xây những Ofuro tại chùa. Đây là một loại nồi tắm bằng gang có độ chứa chừng 200 lít nước. Họ xây gắn liền bồn tắm này vào trong hầm và phía ngoài chừa chỗ để đun củi vô. Nhiệm vụ của tôi mỗi ngày sau khi đi học ở

Đại Học về là lo cho phần vụ này trước khi ăn tối. Đầu tiên hốt hết than và tro ra, sau đó bỏ củi vào môi lửa và đun sôi. Khi nào thấy hơi lên và độ nóng chừng 60°C là được. Đến tối, cả gia đình lần lượt vợ chồng, con cái, rồi sau đó đến Tăng Chúng vào đây tắm rửa. Cách tắm của họ là xối rửa thật sạch mình mẩy, đoạn nhảy vào Ofuro để ngâm, kế tiếp lên bên trên cọ xát xà-phòng, dội nước bên ngoài sạch sẽ, sau đó vào Ofuro ngâm lại một lần nữa là xong. Thời gian mỗi người tắm độ 10 đến 15 phút và hầu như người Nhật ngày nào cũng tắm như vậy cả. Đây là một thói quen, một tập tục có tự ngàn xưa.

Mỗi năm người Nhật có 4 lễ chính. Đó là Tết Nguyên Đán, Lễ Vu Lan và hai Lễ Thanh Minh vào mùa Xuân và mùa Thu. Tiếng Nhật gọi là Ohigan (Bỉ Ngạn). Cứ mỗi lần như thế, Tăng Chúng chúng tôi phải giúp chùa bằng nhiều cách khác nhau. Ví dụ như những Thầy người Nhật thì đi đến những nhà của Đàn Gia hay Tín Đồ cúng cho họ, ai không rành tiếng Nhật như tôi và Thầy Vipassi người Tích Lan thì đi làm mộ cỏ của chùa. Lúc ấy có cả Thường cũng xin vào đây ở trọ nữa, nên chúng tôi có cả 3 người đảm nhận việc này thay thế cho hai ông bà cụ già vốn đã giúp việc này cho chùa kể từ mấy chục năm qua. Khi tiếng Nhật của tôi đủ để giao tiếp và nhất là đã thuộc lòng phẩm thứ 2 là Phẩm Phương Tiện trong kinh Pháp Hoa và phẩm thứ 16 Như Lai Thọ Lượng Phẩm bằng tiếng Nhật thì tôi không còn phải đi làm mộ cỏ nữa mà mặc áo đắp y Tăng sĩ Nhật Bản đi đến các nhà Đàn Gia, Tín Đồ để cúng.

Đẹp và xấu, đúng và sai, hay và dở v.v... là những cặp đôi đối đãi ở đời, nhưng có điều ở đây thì đúng, ở chỗ khác thì sai. Hoặc giả người này cho cái này là phải, trong khi đó người khác cho là trái. Quả là phức tạp vô cùng. Thôi thì trong trường hợp này phải chấp nhận câu tục ngữ của Việt Nam là: “Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài” là được vậy.

Đại học Nhật Bản

Muốn đánh giá một dân tộc văn minh tiến bộ như thế nào, hãy nhìn vào cách sống của nhân dân nước ấy. Đây là cách nhận định của riêng tôi khi đã đi thăm hơn 70 quốc gia trên địa cầu này và hơn 40 năm sống tại Nhật, tại Đức cũng như một vài nơi trên thế giới. Kết quả ấy nó chẳng là gì, nhưng qua thời gian, sự nhận thức, phương cách nhìn... người ta có thể đi đến một kết luận như vậy.

Kể từ năm 1868 nghĩa là gần 150 năm nay, khi vua Minh Trị chủ trương Duy Tân đất nước Nhật Bản về mọi phương diện, trong đó có phương diện giáo dục toàn diện cho quần chúng, thì nước Nhật đã trở thành một trong nhiều nước tiến bộ vượt bậc nhất nhì trên thế giới. Sở dĩ được như vậy, vì mọi phương diện đều phát triển đồng đều. Ông ta chủ trương “nghĩa vụ giáo dục” cho mọi người dân. Nghĩa là thuở ấy mọi người sinh ra ở Nhật Bản đều phải tốt nghiệp Tiểu Học. Đây là một cái nhìn không sai quấy của một bậc quân vương khi muốn cho dân mình giàu, nước mình mạnh. Đến năm 1972 khi tôi sang Nhật Bản du học, hầu như mọi người đều tốt nghiệp Tú Tài II, nghĩa là xong Trung Học Đệ Nhị Cấp, tổng cộng 12 năm cấp sách đến trường cho hơn 100 triệu dân thuở ấy và ngày nay (2012) sau hơn 40 tôi trở lại Nhật từ người tài xế taxi đến người làm công sở hay trong xưởng, hầu như ai ai cũng có bằng Đại Học. Nước Nhật là một nước hầu như không có nạn mù chữ, trong khi đó văn minh như Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Anh v.v... đều có mấy phần trăm đến mấy mươi phần trăm những người không biết đọc và biết viết, chỉ biết nói và biết nghe mà thôi.

Đây chính là niềm hãnh diện của nước Nhật. Cho nên ai tới nước này rồi cũng phải ngả mũ chào là vậy. Chào ở đây

không phải sợ hãi mà là sự bái phục, sự ngưỡng mộ. Vì ít có dân tộc nào làm được như nước Nhật. Tuy tiếp thu những cái mới thuộc về tân học một cách trọn vẹn, nhưng cái hay, cái cũ họ không bao giờ bỏ. Vì những điều này đã trở thành cái nếp văn hóa của quê hương xứ sở này như: Trà Đạo, Hoa Đạo, Thơ Đạo, Kiếm Đạo v.v... Người Tây Phương khi đến xứ hoa Anh Đào này rồi, ít có người nào chê bai cách tiếp thu nền văn học nghệ thuật nước ngoài, thay vào đó họ rất cảm phục cho một dân tộc có tinh thần võ sĩ đạo như vậy.

Cả nước Việt Nam chúng ta thời ấy chỉ có một Đại Học Phật Giáo duy nhất. Đó là Đại Học Vạn Hạnh tại số 222 đường Trương Minh Giảng Sài Gòn, nhưng Đại Học Phật Giáo này cũng chỉ tồn tại được từ năm 1964 đến năm 1975 thì chấm dứt và hình như chưa có cấp bậc Tiến Sĩ. Rồi sau này từ năm 1984 đến 2012 gần 30 năm như vậy tám nhãn hiệu Đại Học Phật Giáo vẫn chưa được chính phủ công nhận, mà phải trải qua các giai đoạn như: Học Viện Phật Giáo Việt Nam, Học Viện Vạn Hạnh v.v... chỉ có tiếng Anh dùng cho ngoại quốc là Đại Học, nhưng tiếng Việt thì chưa. Tại sao như vậy? Và họ ngại gì cho sự văn minh, tiến bộ của một đại bộ phận dân tộc là Phật Giáo? Những người lãnh đạo đất nước Việt Nam nên đi ra ngoại quốc để học hỏi và nhất là nước Nhật, có rất nhiều điều để chúng ta có thể nghiên cứu được.

Thế mà ở Nhật vào thời điểm năm 1972 ấy cứ mỗi Tông Phái Phật Giáo đã có từ 3 đến 5 Đại Học rồi, mà ở Nhật có trên dưới 10 Tông Phái lớn như: Hoa Nghiêm, Tịnh Độ, Tịnh Độ Chơn Tông, Nhật Liên, Sáng Giá Học Hội, Lập Chánh Giáo Thành Hội, Lâm Tế, Tào Động, Mật Giáo v.v... Đó chỉ là những Đại Học Phật Giáo, còn Đại Học Phổ Thông ngoài đời nhiều vô số kể, có cả hàng ngàn Đại Học như vậy. Mỗi Đại Học có nhiều phân khoa khác nhau được mở ra từ Cử Nhân đến Cao Học và Bác Sĩ. Đến nay (2012) tôi chưa có số thống kê chính thức, nhưng tại Nhật Bản có không dưới

3.000 trường Đại Học và tại mỗi Đại Học như vậy có cả mấy chục ngàn sinh viên. Người Nhật ít thấy họ hãnh diện về việc này. Vì họ thấy chuyện ấy cũng là việc bình thường thôi. Tôi hỏi Yamada, người bạn Nhật học cùng lớp rằng: Tại sao cậu đi học đại học để làm gì vậy? Yamada trả lời rằng: “Thì ai học xong Trung Học đệ nhị cấp rồi đều phải đi học Đại Học, chứ biết đi đâu bây giờ.” Đó là câu trả lời thực tế để chứng minh cho việc học của người Nhật.

Thật ra dẫu cho có tu hay có học đến đâu cũng chỉ để giải quyết những nhu cầu tâm linh và nhu cầu vật chất như: ăn uống, ngủ nghỉ, làm việc và những chuyện đời thường là chính. Còn kết quả của việc tu việc học như thế nào là tùy theo khả năng của mỗi người. Ví dụ như có một sinh viên ra trường đi xin việc làm ở một hãng nợ, khi được phỏng vấn, ông chủ hỏi rằng:

- Tại sao anh chọn hãng tôi để vào làm?

- Sở dĩ tôi chọn hãng của ông, vì tôi muốn hãng của ông phát triển thêm, từ đó đời sống của nhân viên cũng như của gia đình tôi có cơ hội để tự tồn và phát triển.

Nếu trả lời rằng: “Vì hãng ông trả lương cao hay công việc nhẹ đối với tôi”, thì đã bị đánh hỏng rồi. Trong khi đó có nhiều người Việt Nam khi được hỏi đến công ăn việc làm thì họ trả lời rằng:

- Thưa Thầy! Việc con làm nhẹ lắm mà lương cao.

Người Nhật sẽ không bao giờ trả lời như thế cả. Họ sẽ trả lời rằng:

- Công việc của tôi làm rất nặng nhọc, xứng đáng với sức lực và đồng lương của tôi.

Người Nhật ít nói về mình. Họ hay nghe người khác phát biểu, đến phiên mình thì rất cẩn trọng và đặc biệt người Nhật ít khoe khoang về mình. Khi hỏi đến và nếu có ai tìm hiểu thì

họ mới nói giới hạn cho nghe thôi, nếu chưa thân thiết lắm. Còn người Việt Nam mình thì thôi, chưa chi đã trải hết tấm lòng của mình cho mọi người biết rồi, nào là con tôi đậu kỹ sư này, bác sĩ kia, đứa con gái và con dâu đang làm trong bệnh viện nọ v.v... Hình như người mình có tính hơi khoe khoang và muốn người khác biết về mình hơn là mình muốn biết người đối diện.

Muốn đi đến Đại Học Teikyo tại Hachioji thuở ấy tôi phải đi bộ từ chùa Honryuji đến nhà gare Hachioji và đi đường Keio Lines, xe chạy qua đến Takahata Hattsudo. Từ đó lấy xe Bus đi đến phía sau Đại Học thì xuống xe. Nếu đi từ Shinjuku ra thì xuống trước đó một trạm, nhưng cũng phải bắt lấy xe Bus để đi đến trước Đại Học Teikyo.

Đại Học này có dạy từ Mẫu Giáo đến Tiểu Học và Trung Học, nên học sinh và sinh viên rất đông. Học sinh Trung Học phải mặc đồng phục áo trắng quần xanh nước biển. Nữ sinh áo trắng và váy màu xanh như nam. Thắt cà-vạt, đi giày. Trong khi đó sinh viên Đại Học thì đa dạng, ai muốn phục sức như thế nào, tùy theo ý của mỗi người.

Lúc tôi học năm thứ nhất của Đại Học này (1973), trường còn thô sơ lắm. Họ mới vừa xây xong một giảng đường lớn để có chỗ học cho các buổi giảng đông, nhiều sinh viên tham dự, hoặc tổ chức những buổi lễ phát chứng chỉ tốt nghiệp, văn nghệ liên hoan v.v... còn đa phần chúng tôi học ở những dãy nhà cũ, vốn là trường Trung Học đã xây lâu đời. Sau này Đại Học Teikyo nổi tiếng về các phân khoa như Y học, Thể dục, Anh văn, Giáo dục v.v... thì họ đã xây dựng rất bề thế, không khác gì những Đại Học hiện đại trên thế giới. Ngày nay Đại Học Teikyo đã có đại diện khắp các châu, nhiều nhất là Hoa Kỳ và ngay tại Đức cũng có chi nhánh của Đại Học Teikyo này ở Berlin. Năm 2008 tôi có dẫn Hạnh Giả và Hạnh Bảo về lại thăm trường xưa thì thấy trường lúc ấy đã thay đổi quá nhiều, không còn nhận diện ra được nữa. Ngày xưa khi chúng

tôi ngồi trên xe Bus để đến trường còn có cơ hội ngắm hai bên đường đi nào là ruộng lúa, luống rau v.v... nhưng bây giờ chỉ toàn là nhà cửa và đường sá mở rộng hơn. Chỉ còn người gác-dan và ông Chánh Văn Phòng là còn nhận diện được. Từ Giáo sư cho đến sinh viên, chẳng ai biết mình là ai cả.

Ngày đầu của tháng 4 năm 1973 chúng tôi vào học giờ Tâm lý Giáo dục của ông Giáo sư già Yoshida. Ông ta hỏi tất cả những sinh viên trong lớp rằng: “Các anh chị em chọn ngành giáo dục để học. Vậy giáo dục là gì thế?”

Chẳng có sinh viên nào trả lời hết, mà ai nấy đều lo thủ phạm mình biên biên, chép chép thế thôi. Đoạn ông giải thích: “Giáo là dạy, dục là mong cho trở thành. Nghĩa là mong cho trở thành việc hiểu biết qua lời dạy thì gọi là giáo dục. Còn tâm lý hả? Tâm lý là tâm lý.”

Thế là cả lớp phá lên cười, đánh tan bầu không khí nặng nề kia.



**Ông Bà Akiyama và Iyoda có mặt tại
chùa Việt Nam ở Nhật Bản vào ngày 4.11.2012**

Năm đầu học chỉ để làm quen, chứ Thầy giảng cứ giảng, mình nghe cứ nghe, nhưng cuối cùng đâu có hiểu được bao nhiêu, nên tôi đã tìm cách làm quen với các bạn ngồi gần. Trong suốt 4 năm Đại Học ấy tôi đã quen với Yamada và Iyoda. Đây là hai người bạn cùng khoa cùng lớp mà mãi cho đến bây giờ tôi vẫn còn liên lạc với nhau. Mới đây vào ngày 4 tháng 11 năm 2012 nhân lễ khánh thành chùa Việt Nam tại Hanbara thuộc quận Aichi, tỉnh Kanagawa gần Tokyo, tôi đã có cơ hội gặp lại Iyoda và cả hai ông bà bảo lãnh Akiyama nữa, là những người của hơn 41 năm về trước mà tôi đã cậy nhờ. Bây giờ họ đã lớn tuổi và có người cũng sắp về hưu, nhưng mối liên hệ ấy vẫn còn, quả là điều quý hiếm.

Mùa tháng 4 thường là mùa hoa Anh Đào nở. Trong vườn chùa Honryuji hay trong khuôn viên Đại Học Teikyo, nơi nào cũng có thể ngắm nhìn được những màu hoa xinh xắn ấy. Cây Anh Đào không cao, nhưng tàn lá sum sê và khi hoa nở không bao giờ có chen lá vào đó. Toàn hoa là hoa. Hoa màu hồng nhạt. Dĩ nhiên là có rất nhiều loại, nhưng tựu chung hoa Anh Đào màu hồng nhạt. Người ta hay tùm nậm tùm ba dưới những gốc cây Anh Đào như thế để đọc sách, uống trà, uống rượu, ngắm trăng v.v... nhưng rất tiếc hoa chỉ nở trong một tuần rồi tàn. Nếu ở Tokyo hoa thường nở từ ngày mùng 8 tháng 4 dương lịch, cũng là ngày lễ Hana Matsuri (Lễ Đản Sanh) cho đến hết ngày 15 hoa sẽ tàn, nhưng nếu ở miền Nam như Okinawa hay Kagoshima thì hoa nở sớm hơn mấy ngày và nếu là miền Bắc như Sendai hay Hokkaido hoa sẽ nở trễ hơn từ trung tuần tháng 4 dương lịch trở đi. Nếu quý vị muốn đi xem hoa Anh Đào của xứ Nhật thì hãy chọn những thời điểm trên. Còn ai đó muốn nhìn nét đẹp mùa Thu của Nhật Bản như thế nào thì hãy đến đó vào cuối tháng 10 đầu tháng 11 dương lịch, quý vị sẽ xem thấy những bức tranh thiên nhiên đẹp tuyệt vời.

Ở Nhật có nhiều tổ chức khác nhau của người Việt mà một sinh viên Tăng sĩ như chúng tôi cần phải hiện diện. Đó

là Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Nhật Bản, Hội Sinh Viên Việt Nam tại Nhật, còn tại các Đại Học mà các sinh viên theo học cũng có thể tham gia các Hội tại đó.

Từ năm 1966 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước đã cử Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh làm Phân Bộ Trưởng Phân Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Pháp. Sau đó các Chi Bộ tại Lào, Ấn Độ, Nhật Bản được thành lập. Vì lẽ quý Thầy, quý Cô sau khi tốt nghiệp tại Ấn Độ đều về nước làm việc hay đi Hoa Kỳ để định cư, nên Chi Bộ tại Ấn Độ và Lào không còn nữa. Duy nhất chỉ còn Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Nhật là còn tồn tại từ ấy cho đến ngày hôm nay, trải qua các thời kỳ của Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Minh Tuyên làm Chi Bộ Trưởng và thuở ấy chúng tôi có cơ quan ngôn luận là tờ báo Khuông Việt, nhưng sau này không còn nữa. Thông thường mỗi tháng chúng tôi họp một lần (trước năm 1975), nhưng nếu có việc gì cần thiết thì chúng tôi họp bất thường. Việc này duy trì cho đến năm 1975-1978 thì không còn liên tục nữa, vì một số quý Thầy đã đi khỏi Nhật Bản để đến tỵ nạn và định cư tại Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Úc v.v...

Thật ra sinh viên lúc đó có 2 Hội hoạt động song hành. Một Hội thân với chính phủ và Hội kia ban đầu hoạt động có tính cách bí mật có tên là Beheito (Việt Nam Hòa Bình Thống Nhất Hội). Những người ở Hội này đa phần là những người chống chính phủ miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ, mãi cho đến sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì họ hiện nguyên hình. Thế nhưng một số lớn trong những người này cũng không được chính quyền lúc bấy giờ chấp nhận. Có lẽ họ ngại những người trí thức ở ngoại quốc lâu năm, biết nhiều vấn đề của thế giới cả hai mặt, nên họ cũng chỉ chấp nhận cầm chừng, ví dụ như đi về Việt Nam dễ dàng, thân nhân đoàn tụ v.v... nhưng quyết định về Việt Nam ở luôn thì có rất ít người.

Trong Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Nhật lúc ấy có 3 thành phần. Đó là những vị Tăng Sĩ ra đi từ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phái Ấn Quang, quý vị thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phái Việt Nam Quốc Tự. Ngoài ra một số quý vị ra đi từ phái Phật Giáo Cổ Truyền Cổ Sơn Môn nữa. Khi ra đi và ở ngoại quốc rồi thì ai cũng bình đẳng như ai. Cái khó là làm sao ngồi chung lại được với nhau để thực hiện những công việc Phật sự. Thế mà Hòa Thượng Thích Minh Tâm lúc bấy giờ với vai trò Chi Bộ Trưởng đã thể hiện trọn vẹn được việc ấy.

Học bạ của tôi cuối niên học năm thứ nhất ấy không đến nổi tẹt. Tuy là mới năm đầu học tại Đại Học. Người Nhật cho điểm khác với Việt Nam mình. Những ai có điểm cao từ 90 đến 100 thì gọi là “Ưu”. Từ 80 đến 90 thì gọi là “lương” và từ 70 đến 80 thì gọi là “khả”. Dưới 70 điểm phải thi lại. Như vậy điểm họ chấm không căn cứ trên 50/50 mà căn cứ ở số điểm cao như vậy. Hầu như tôi không phải thi lại môn nào cả. Thông thường sinh viên chọn những môn chính và kèm theo những môn phụ. Nếu mấy năm đầu chọn nhiều mà học không nổi cũng khốn, nhưng nếu có thời giờ và khả năng vẫn là một điều tốt. Vì để thời giờ lo cho luận văn trong năm thứ 4 của mình. Thông thường sinh viên hơi lười, tới đâu tính đó. Còn mình vốn là người ngoại quốc, nếu học bị ở lại lớp thì tiền đâu để đóng cho năm sau. Đó là những cái khó khăn rất thực tế mà mình phải cố gắng vượt qua ở buổi ban đầu ấy.

Đến năm thứ hai (1974) tiếng Nhật tôi đã vững vàng, nên Thầy trụ trì Oikawa có bảo tôi đi cúng đám với Ngài và sau đó trong các lễ Ohigan, Obon, Ngài bảo các Thầy lớn khoan vùng cho tôi và cầm tấm bản đồ để đi. Chỗ nào có nhà đàn gia tín đồ thì tự động gõ cửa vào nhà để cúng. Đầu tiên là chào hỏi và bảo rằng: Từ chùa Honryuji đến tụng kinh. Thế là các ông bà già mở cửa và mời vào bàn Phật để tụng kinh. Sau khi tụng kinh xong, họ thường lấy ra một phong thư màu trắng,

trong ấy có gói 1.000 hay 2.000 Yen để cúng dường. Có nơi có thì giờ thì các vị này mời uống trà, ăn bánh nói chuyện. Tôi nhờ những câu chuyện như vậy mà giỏi tiếng Nhật, mãi cho đến bây giờ tiếng Nhật vẫn còn gần như là tiếng mẹ đẻ, tôi ít quên là nhờ thực tập nhiều trong lúc ở chùa và đi cúng như thế này. Điều quan trọng hơn là nhờ vậy tôi có đủ tiền để đóng học phí cho Đại Học, không phải đi làm ở ngoài, mà cũng chẳng phải cực nhọc nhiều. Chỉ làm công việc chùa thôi. Có một lần sau khi tụng kinh xong, một cụ lớn tuổi người Nhật mời tôi ngồi uống trà và bắt đầu câu chuyện:

- Thầy từ đâu đến vậy?

- Ô! Tôi ở xa lắm! Đi đến 8 tiếng đồng hồ máy bay.

Cụ suy nghĩ một hồi lâu rồi tiếp:

- Nước Nhật này bé tí teo. Đi đâu mà xa quá vậy. Thầy có lắm đi bằng xe lửa chẳng?

- Không! Thưa Cụ. Tôi đi máy bay đấy.

- Vậy nơi ấy là nơi nào?

- Thưa! Nước Việt Nam ạ.

- Ôi giỏi! Nước Việt Nam! Chúng nó tàn ác quá nhỉ? Anh em huynh đệ mà bắn giết nhau mấy chục năm chưa dừng nghỉ. Thật là tội nghiệp (Kawaisoo).

Cụ nhấn mạnh chữ Kawaisoo nhiều lần như thế rồi nhìn đi một hướng xa xôi nào đó như để hướng về một điều gì trong dĩ vãng chẳng? Chữ Kawaii tính từ có nghĩa là dễ thương, nhưng chữ Kawaisoo danh từ có nghĩa là đáng thương hại, tội nghiệp quá đi thôi! Đoạn Cụ quay sang tôi:

- Thế mà tôi lầm. Thấy Thầy mặc Tăng y người Nhật, tụng kinh tiếng Nhật thật hay, tôi cứ tưởng là một vị Tăng sĩ Nhật.

Khi nghe được những lời chân thật của ông cụ già Phật Tử chùa Honryu như vậy tôi vững tâm. Vì tiếng Nhật mình

đã không còn khó khăn như thuở ban đầu nữa. Bây giờ đây đã tiến bộ nhiều rồi. Trong nhiều bữa ăn hay cuộc hội họp tại chùa, Thầy Oikawa hãnh diện về tôi, nên giới thiệu với mọi người và tôi cũng đã có đôi lời để chào hỏi và cảm ơn họ. Thật ra tôi giỏi tiếng Nhật cũng nhờ bà vợ của Thầy trụ trì. Bà này người sắc sảo, nhưng rất đanh đá như bao nhiêu người đàn bà khác trên thế gian này. Bà ta nói, la, dằn... bằng mọi ngôn từ và mọi hành động, hầu như tôi đều hiểu tất cả những tiếng địa phương cũng như những tiếng lóng của Nhật nữa, mặc dầu tôi đang nói tiếng tiêu chuẩn của vùng Tokyo này. Thật ra cái tu, cái học không bao giờ thừa thải hết. Cứ cố gắng rồi mọi việc sẽ đến. Cho nên người xưa có rất nhiều câu ca dao và tục ngữ để ca tụng về việc học này. Ví dụ như:

- Thất bại là mẹ thành công.
- Nhân bất học bất tri lý, ngọc bất trác bất thành khí, ấu bất học lão hà vi.
- Trường học là lò đúc nhân tài.
- Học hải vô nhai cần thị nại; thanh không hữu lộ, chí vi thê.

Dĩ nhiên là còn rất nhiều câu tục ngữ hay hơn như thế nữa, nếu ai đó trong chúng ta có thì giờ để nghiên cứu đến. Vì lẽ xưa nay chưa ai phủ nhận sự tu và sự học cả. Trên từ Vua Chúa, dưới cho đến thiên hạ đủ hạng người. Nếu ai có tu và có học, người ấy sẽ đứng ở một vị trí xứng đáng trong cuộc đời. Dĩ nhiên cũng có nhiều người không cần con đường học vấn cũng thành công như thường, mà họ chẳng cần bằng cấp, cũng như chẳng qua trường lớp nào. Trường hợp ở Việt Nam mình có ông Nguyễn Hiến Lê, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ. Ở Đài Loan có Ngài Ấn Thuận, Ngài Tinh Vân. Ở Nhật có ông Thủ Tướng Tanaka đã làm Thủ Tướng của nước Nhật, mà là người chưa đỗ bằng Tiểu Học. Họ là những học giả, tự nghiên cứu và tự đi vào đời bằng kinh nghiệm sống của mình hay nói xa hơn là dư báo của họ trong kiếp này còn tốt, nên họ mới được như vậy.

Năm 1973 có tin Thầy Như Mẫn, Sư Đệ của Thầy Như Tạng sang Nhật du học. Thầy Như Tạng có ý nhờ tôi lo cho Thầy Như Mẫn vào ở chung chùa với tôi. Tôi hoan hỷ vô cùng, vì mình có thêm người bạn mới để nói chuyện. Khi Thầy Như Mẫn An Thiên mới đến Nhật, tôi cũng đã hướng dẫn cho Thầy ấy như Thầy Như Tạng và Thầy Chơn Thành giúp tôi thuở xưa. Nghĩa là Thầy ấy gặp vấn đề khó khăn như trường học, cách di chuyển, cách tìm lớp học và ngay như tài chánh, tôi đều giúp đỡ. Trước là để trả ơn Thầy Như Tạng, sau là thể hiện tình đồng hương với nhau. Thầy Như Mẫn An Thiên ở chùa này cho đến năm 1978 thì dọn ra ngoài ở và vẫn tiếp tục học lên Hậu Đại Học Lập Chánh sau này. Tuy nhiên trong 4 lễ lớn của năm, Thầy ấy vẫn về chùa Honryuji để đi cúng giúp cho Thầy trụ trì. Thầy ấy chăm học, nhưng tôi chưa gọi là một người bạn được. Vì Thầy ấy hay giấu giếm nhiều điều, ngay cả tuổi thật của mình. Thế là tôi không gân. Tuy nhiên sau này khi Thầy học gân xong có nhờ tôi bảo lãnh sang Đức để thăm khi còn nơi chùa cũ vào những năm 1987-1988, tôi đã thực hiện điều ấy và Thầy có ý muốn sang Úc để thăm và định cư, nhờ tôi giới thiệu với Hòa Thượng Bảo Lạc. Việc này tôi cũng đã thực hiện xong và sau khi Thầy từ chùa Pháp Bảo ra riêng, tôi cũng đã đến thăm chùa Minh Giác của Thầy ấy tại Sydney mấy lần. Đến khi nghe Thầy An Thiên tự thiêu tại vườn chùa Minh Giác, tôi rất ngỡ ngàng và chỉ viết một lá thư gửi FAX qua, chứ không đi dự lễ tang. Tang lễ của Thầy ấy đã được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan đứng ra lo liệu thập phần viên mãn.

Bây giờ có nói gì đi nữa thì chuyện đúng sai xin gửi lại cho đời. Đúng để làm gì và sai để làm gì khi mà nắp quan tài đã khép lại? Duy nhất chỉ có một điều là Thầy đã hiểu rõ lý do tại sao Thầy làm như thế là đủ rồi, còn người ngoài làm sao hiểu hết được tâm tư tình cảm của Thầy thuở ấy ra sao mà phán đoán. Nói như vậy thì công lý, luật pháp để làm gì? Dĩ nhiên là

rất cần, nhưng những luật đời này làm sao qua nổi nhân quả được. Do vậy tôi vẫn thường hay nói với chính mình và với học trò đệ tử của mình rằng: “Trên đời này có cái đúng và cái sai, nhưng nhân quả không bao giờ sai cả.” Câu này tôi luôn học nằm lòng để tự răn mình, để không than phiền ai và nếu có, chỉ than phiền mình thiếu tu, thiếu phước mà thôi.

Ngày xưa người ta quý bạn hơn cả người thân của mình trong gia đình, nhưng ngày nay tìm được một tình bạn như thế thật khó vô cùng. Ấu đó cũng chỉ là nhân duyên của mỗi người trong cuộc đời này mà thôi. Qua sách vở, văn chương ta thấy có những tình bạn thật tuyệt vời nhưng cũng có nhiều mối tình khó nói, khó than thở, khó trao lại cho ai thì họ tự mang theo mình và chôn chặt những loại tình ấy vào thiên thu, cho trôi vào dĩ vãng.

Mùa nghỉ xuân năm 1974 tôi xin phép Thầy trụ trì được đi thăm những bạn bè thân quen từ Nam chí Bắc nước Nhật và sẽ đi bằng xe lửa. Thầy Oikawa hỏi tôi là có chắc chắn chưa và có cần gì không? Đoạn Thầy lấy cho tôi 10 vạn Yen để lên đường. Đây có lẽ cũng là một loại tiền thưởng. Vì công việc chùa tôi làm thông suốt, không bỏ sót một việc gì và sau niên khóa thứ nhất tôi đã thi đậu tất cả các môn. Tôi cảm ơn Thầy và khăn gói khởi hành chỉ một thân ra đi trong muôn vạn dặm.

Đến Hokkaido để thăm thành phố đẹp tuyệt vời này về đêm và đi thăm bộ lạc Ainu là dân thiểu số duy nhất còn sống trên đất nước này. Họ vẫn còn vắn váy và ở nhà chòi. So ra cái văn minh của Nhật tại Tokyo và phố thị hầu như họ chẳng bị chi phối và bị ảnh hưởng gì nhiều. Họ ăn uống theo đồ ăn của họ, nói ngôn ngữ của họ và nhất là truyền thống xưa sao nay vậy, họ vẫn bảo tồn nên văn hóa cổ truyền này. Đến đây để tắm suối nước nóng và thăm phong cảnh địa phương. Vì ở đây không có người Việt Nam nào quen, nên tôi trở lại Sendai và Fukushima để thăm cô Hồ Thị Kiều đang học tại đó.

Năm 1980 sau khi ở Đức được 3 năm, trên đường sang Úc và về lại Nhật, tôi đã đón Kiều qua Đức, qua sự giới thiệu của tôi và làm vợ của Bác sĩ Văn Công Trâm trong một thời gian dài trên dưới 20 năm, rồi mối tình ấy tan rã. Bây giờ Kiều vẫn còn ở Đức, nhưng sự thành công của Kiều ở Nhật là do ông Ishikawa vốn là vị Trụ trì của chùa Long Tuyên ở Fukushima cứu mang Kiều từ thuở nhỏ.

Đến Gunma để thăm Nguyễn Tiến Quang đang học tại đó lúc bấy giờ. Ở đây tôi đã mua nhiều bộ tự điển Nhật Anh quan trọng. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn lưu giữ trong thư viện của chùa Viên Giác tại Hannover. Sau này có vài lần gặp Nguyễn Tiến Quang ở Pháp và ở Mỹ.

Đến Osaka để thăm Phan Đức Lợi. Ngày nay Lợi và Thông không còn trên cõi đời này nữa, nhưng đây là những người bạn thật tuyệt vời, mặc dầu giữa tôi và họ, Đời Đạo khác nhau, có lý tưởng phụng sự cho quê hương Tổ Quốc cũng khác nhau nữa, nhưng không vì thế mà tình người lại xao lãng, nhất là tình bạn khi còn học Tiểu Học tại trường Xuyên Mỹ từ những năm 1957 đến năm 1961.

Tôi dùng thuyền để đi sang Sikokku thăm chùa của Nakatomi, đến Hagi để thăm chùa của Matsunaga và đến Sizuoka thăm chùa của Sizumi. Tất cả đều là những kỷ niệm tuyệt vời cho chuyến đi ấy. Trong quyển “Đường Không Biên Giới” xuất bản tại Đức cách đây chừng 20 năm, tôi đã kể rõ về những chuyến đi này. Đặc biệt Thầy Hạnh Tấn đã minh họa bức hình tôi cưỡi ngựa tại Hagi vào mùa thu để làm bìa sách rất đẹp.

Sau đó dùng xe lửa tiếp tục đi Kyushu rồi Kagoshima để thăm Tôn Thất Hoàng. Đây là người bạn ở trọ cùng nhà trong khi học Nhật ngữ tại Tokyo. Hoàng thuở ấy được đậu vào trường công lập Kugoshima nên không phải đóng học phí nhiều. Mỗi năm chỉ đóng tượng trưng một ít tiền văn phòng

mà thôi. Hoàng dẫn tôi đi thăm núi lửa và đặc biệt là củ cải trắng của vùng này. Vì có núi lửa hoạt động, nên củ cải to vô cùng. Nếu những người con gái Nhật Bản nào bị ví chân họ là củ cải thì các nàng giận lắm. Vì bắp chân như thế rất lớn.

Mới đây (2012) tôi có gặp lại Iyoda tại Nhật Bản, anh ta có nhắc lại chuyến đi Nigata vào mùa Đông năm 1973, đến thăm nhà của Yamada, vốn là bạn học chung trường và chung lớp tại Đại Học với chúng tôi. Iyoda nhắc lại mối tình giữa anh ta và cô em gái của Yamada thuở ấy. Mới chỉ mấy ngày thôi, mà trông như họ đã quen nhau lắm rồi. Cuối cùng rồi ai về lo công việc nấy. Em của Yamada đã có chồng có con và nay đã có cháu. Còn Yamada vẫn ở độc thân như vậy. Iyoda cũng đã lập gia đình từ lâu, có hai con và nay là công chức sắp về hưu của thủ phủ Chofu.

Iyoda cũng nhắc lại chuyến đi đó, tôi bị quẹo chân vì trượt tuyết chưa quen. Vùng Nigata tuyết nhiều lắm và đây cũng là một kỷ niệm đẹp khó quên vô cùng trong đời sinh viên của tôi ở Nhật.

Sau hơn một tháng tôi trở về lại chùa. Mọi sinh hoạt vẫn bình thường. Thầy trụ trì vẫn như xưa, các con của ông bà vẫn đi học đều. Chỉ có bà là hơi khó chịu, vì công việc không chạy mấy khi thiếu tôi tại chùa này, nhưng hai ba ngày sau rồi mọi việc đâu cũng vào đấy cả.

Con người là một động vật rất khôn ngoan có lý trí cao nhất trong các loài động vật khác. Nhưng một điều hay là dễ quên. Nếu cái gì cũng nhớ hết, và sự nhớ ấy, cả việc tốt lẫn việc xấu, chắc cũng phải xếp hàng mấy chục nghìn cây số vẫn chưa hết. Vì trong mỗi sát na đều có sự biến hiện vô cùng này.

Trở lại Việt Nam

Kokkukai kaikan tức là Quốc Tế Hội Quán, nơi đây các sinh viên ngoại quốc, trong đó có cả sinh viên Việt Nam cư ngụ và cũng là nơi các sinh viên ở ngoài đến đây thăm viếng, cũng như hội họp và ăn cơm rẻ tiền. Hội Quán nằm gần nhà gare Okubo. Muốn đến đây phải đi ngang qua một tiệm ăn Việt Nam, người chủ là Bà Định. Bà ta có chồng người Nhật và là một Phật Tử rất thuần thành. Vào thời điểm 1973 khi Hòa Thượng Thích Minh Tâm chuẩn bị sang Pháp, bà có ý muốn giúp quý Thầy một cơ sở để làm ăn, chỉ chuyên bán nước đá và nước ngọt ở Ikebukuro. Nguồn lợi có được, giúp cho quý Thầy đang gặp khó khăn về học phí. Thế là Hòa Thượng Thích Nguyên Đạt và tôi xung phong vào ở đó (lúc này tôi chưa vào ở chùa Honryuji). Sau một thời gian kinh doanh phải nói là thất bại, vì ngôn ngữ không rành và không biết phương pháp tiếp đãi khách hàng. Thế là đóng cửa sau 3 tháng, nhưng dầu sao đi nữa chúng tôi cũng cảm ơn bà. Vì nhờ bà với tấm lòng hảo tâm như vậy, chúng tôi mới rõ được lòng người, khi ở một đất nước xa lạ vẫn có những tâm hồn độ lượng, cứu người giúp đời như thế.

Tôi cũng hay đến cư xá quốc tế này để thăm Nguyễn Chánh Khê và một vài người bạn hữu khác như Ngô Chí Dũng, Huỳnh Lương Thiện v.v... Họ là những sinh viên xuất sắc, tuy mỗi người có một hướng hoạt động khác nhau. Lê Tùng Phương bây giờ đang ở Pháp, ngày ấy cũng ở đây. Chúng tôi có những buổi mạn đàm chung mà cũng có những buổi nói chuyện riêng, vì đa phần các anh chị em sinh viên này đều là Phật Tử, không khí thật cởi mở và thân tình. Trong những câu chuyện bình thường ấy có người bảo rằng: “Hè năm nay (1974) chính phủ cho phép các sinh viên du học về thăm quê và còn ưu đãi nữa. Nghĩa là những nơi nào có Air Vietnam

bay đến, sinh viên về nước nghỉ hè họ chỉ lấy có nửa tiền thôi và di chuyển, ăn ở trong quốc nội cũng vậy“. Đó là một tin vui cho mọi người, trong đó có tôi. Thật sự ra tôi cũng chưa muốn về lại thăm quê trong thời gian này, nhưng cơ hội tốt như thế đâu có đến lần thứ hai. Và lại đây là chủ trương của ông Hoàng Đức Nhã, cố vấn cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu thuở ấy có ý tốt để chiêu dụ các sinh viên về nước, để sau này học xong, họ trở lại quê nhà phục vụ cho quê hương. Đồng thời khi xem truyền hình, tôi thấy tình hình chiến sự ở Việt Nam mỗi ngày một gia tăng thêm. Cuối cùng rồi tôi cũng xin phép Thầy trụ trì Oikawa về thăm Việt Nam trong vòng một tháng của mùa hè năm 1974 ấy.

Nghe tôi đi Việt Nam như vậy, Nakatomi và Matsunaya, hai Tăng sĩ Nhật ở chung cùng chùa cũng muốn đi Việt Nam cho biết. Cuối cùng có thêm hai vợ chồng ông Tanaka ở gần chùa cũng xin đi. Do vậy đoàn của chúng tôi gồm 5 người tất cả. Từ Haneda Nhật Bản bay về lại Việt Nam cũng phải bay qua Đài Bắc, Hồng Kông rồi mới đến Tân Sơn Nhất, tổng cộng mất hết 8 tiếng đồng hồ.

Đến Sài Gòn, được chùa Hưng Long cho người đi đón và tối hôm đó có cuộc hội ngộ nhỏ tại chùa Hưng Long với Thầy Trụ trì, Thầy Phó trụ trì cùng Tăng chúng bốn tự và một vài vị Thầy ở xa đến thăm. Chương trình về lại quê hương lần này của tôi dự định đi thăm Huế, Đà Nẵng, Hội An, Đà Lạt và Cần Thơ cũng như học lái xe hơi. Hai tuần lễ đầu tiên tôi dành thì giờ cho việc đi thăm những nơi tại Sài Gòn trước và sau đó mới đi những nơi xa, cùng đi với 4 người Nhật kia và sau khi họ về nước, tôi mới đi học lái xe.

Những ngày đầu tiên ở lại chùa Hưng Long gặp hai chuyện khó khăn. Đó là ngủ trên bộ ván ngựa đau lưng vô cùng và tại chùa khi tắm không có nước nóng. Quý Thầy trong chùa trêu tôi là mới đi xa có mấy năm mà đã quên Việt Nam rồi. Thật ra hơn 2 năm ở Nhật tôi đã hội nhập vào đó

không biết bao nhiêu điều, bây giờ trở lại Việt Nam thấy có nhiều cái xa lạ. Huống gì là bây giờ nữa, sau chừng ấy năm, gần 40 năm rồi còn gì, nếu kể từ thời điểm năm 1974, tôi chưa có lần nào về nước, thì độ cách biệt giữa trong và ngoài nước chắc xa nhau rất nhiều, nhất là về tư tưởng. Vì ở ngoại quốc, sống dưới thể chế tự do, người ta có thể nói bất cứ điều gì muốn nói, chứ không phải khi phát biểu phải ngó tới dòm lui như ở Việt Nam. Do vậy tôi chưa về Việt Nam trong hiện tại, đây là lý do chính vậy.

Tôi vừa nói tiếng Việt lẫn tiếng Nhật khi cần thông dịch cho 4 người Nhật đi cùng, nên ai cũng trầm trồ rằng: “Thầy Như Điển mới đi Nhật có mấy năm mà giỏi tiếng Nhật quá xá.” Tôi nghe cũng cảm thấy vui vui, nhưng cũng chẳng có gì lạ về việc này cả. Vì “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài” kia mà. Khi con người bị ném vào một môi trường nào đó, bắt buộc phải thích nghi, nếu không, mình sẽ bị sống bên ngoài lề xã hội. Đây là nguyên tắc của cuộc sống. Cũng có một số người thích nghi với cuộc sống mới quá nhanh, nhưng cũng có một số người lớn tuổi không quen ngôn ngữ, thức ăn và văn hóa tại xứ người, nên sau năm 1975 đã có nhiều người luôn nhớ về quê hương và luôn khắc khoải mong cho có ngày trở về, trong khi đó, giới trẻ họ luôn nhìn tới tương lai ở một chân trời cao rộng khác và họ xem Việt Nam cũng như một nước ngoại quốc nào đó nằm trên bản đồ thế giới vậy.

Hòa Thượng Thích Như Tín, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Thầy Ngô Hạnh, Thầy Quảng Hạo và một số quý Thầy đang sinh sống tại Lưu Học xá Huyền Trang thuở ấy có làm một bữa tiệc mừng để đón tiếp chúng tôi. Sau bữa tiệc linh đình kia Hòa Thượng Bảo Lạc kêu tôi nói riêng là: “Hòa Thượng cũng muốn đi du học Nhật Bản. Vì tình hình Việt Nam không có gì khả quan mấy. Vả lại mới đi Nhật có mấy năm mà sao tiếng Nhật giỏi quá vậy?” Tôi nói rằng: “Nếu Thầy muốn như vậy thì hãy chuẩn bị tất cả những hồ sơ cần thiết, sau khi đi

lại khác hẳn Á Châu chúng ta, nhưng đó là phong vị của từng dân tộc để họ có thể bảo tồn đặc sản văn hóa ẩm thực của họ.

Sau khi đưa 4 người Nhật này về lại Sài Gòn và họ trở lại Tokyo thì tôi đi ghi danh học lái xe Jeep cũng như xe gắn máy ở gần trường đua ngựa Phú Thọ. Lúc nào không có giờ học thì tôi đi thăm bạn bè hoặc phố thị. Một hôm đang đi trên đường Lê Lợi thấy ai giống Nguyễn Thông, người bạn cũ năm nào, nên đã tặng cho anh ta một cây quạt Nhật Bản. Đến mấy ngày sau đó, tôi ghé thăm Đại Học Vạn Hạnh lại gặp Nguyễn Thông nữa và bảo rằng: “Hôm trước mình đã tặng quà cho bạn rồi.” Thông trở mặt nhìn và bảo rằng: “Bạn về lúc nào mình đâu có biết và chưa gặp lần nào mà!” Thế là tôi đã lầm. Người mà tôi gặp tại đường Lê Lợi là Bác sĩ Văn Công Trâm đang du học tại Đức và về lại thăm quê hương trong dịp này cũng giống như trường hợp của tôi và bao nhiêu sinh viên khác trở lại quê hương. Trâm cũng là bạn cũ hồi Tiểu Học, nhưng nhìn Trâm lại nghĩ là Thông. Nhân cơ hội này tôi mời Thông đi Cần Thơ với tôi một chuyến cho vui. Thông nhận lời.

Miền Tây Việt Nam, tôi mới biết Mỹ Tho và Cần Thơ, ngoài ra chưa biết nơi nào cả. Đến Mỹ Tho để thăm Lê Văn Thanh cũng đi du học Nhật và về lại thăm quê, nên chúng tôi đã ở nhà của Thanh lúc đó mấy ngày và Thanh giới thiệu công thức làm nước mắm, nghề truyền thống của gia đình ra sao và cuối cùng chúng tôi đã lấy xe đò đi Cần Thơ. Đến Cần Thơ chẳng quen ai, chúng tôi đến bến Ninh Kiều để nói chuyện một hồi về tương lai của đất nước và cảm nghĩ của mỗi người. Bắt đầu từ đó tôi và Thông có cách nhìn về quê hương khác nhau theo chiều hướng của mỗi người. Tối đó chúng tôi xin tá túc tại một ngôi chùa và ngày hôm sau chúng tôi cùng dậy để đi công phu khuya. Đặc biệt chùa này sau khi tụng Lăng Nghiêm xong, Thầy trụ trì cho đi kinh hành quanh điện Phật cả 7 vòng luôn, mồ hôi nhễ nhại sau khi kết thúc một thời kinh.

Trên đường về Thông chỉ lơ đãng nhìn bèo trôi trên dòng nước khi ngồi trên phà và tôi nói Thông chọn trái cây để mua đem về biếu cho Nguyệt. Ngày ấy họ chưa cưới nhau, nhưng sau này họ đã trở thành vợ chồng, sống chung với nhau và có hai con. Cách đây 3 năm, Thông đã quy y Tam Bảo với pháp danh là Nguyên Minh, người bạn cũ của tôi ấy đã về với những lời cầu nguyện khi hơi thở cuối cùng với câu Phật hiệu Nam-mô A-di-đà.

Cho hay con người hay muôn vật cũng vậy, khi đến đường cùng họ phải bám víu vào một cái gì đó để tự tồn, khi mà niềm tin vào lý tưởng của họ đã không đạt được trong cuộc sống như họ đã suy nghĩ. Khi ở Đức tôi có phone về Việt Nam cho Thông và bảo Thông cũng như Nguyệt, vợ Thông, nên tụng kinh Thủy Sám hay Lương Hoàng Sám cho Thông nghe và chính Thông khi rảnh cũng như những lúc bệnh tình không hành hạ thì Thông cũng đã chiêm nghiệm lời kinh qua những trang sách để trước mặt. Đời người ai rồi cũng phải một lần ra đi, nhưng có kẻ ra đi yên tĩnh và cũng có lắm người chưa muốn ra đi mà phải bị ra đi, vì có bao nhiêu mối lo chưa giải quyết xong. Con gái đầu của Thông tốt nghiệp Đại Học ở Canada và đã về nước làm việc. Đứa con trai thứ hai đang học dở dang Đại Học tại Seattle Hoa Kỳ phải trở về nước đưa tang cha. Có lẽ cậu này cũng khó mà tiếp tục con đường học vấn của mình khi người cha không còn nữa. Không biết rằng tờ báo Saigon Times nơi Thông đã làm việc lâu năm có giúp gì cho hoàn cảnh của gia đình này chăng?

Người nào sống lâu trên đời này cũng sẽ có dịp để chứng kiến bao nhiêu cuộc ra đi như vậy. Nghĩ cho cùng thì ai trong chúng ta rồi cũng phải chết, nhưng tại sao trong lúc sống hờn dỗi nhau, chửi bới nhau, sát phạt nhau, thậm chí còn chém giết nhau để tranh tiền, tranh tình, tranh danh, tranh lợi. Nhưng để làm gì? Chắc tất cả mọi người đều đã biết câu trả lời hết rồi. Thế mà thế giới này cứ đấu tranh. Tại sao người

ta không hiểu cái hậu quả trước để rồi chẳng gây nhân bất thiện, để cho cuộc đời này còn đẹp đẽ hơn nhiều không?

Kể lại chuyện đi học lái xe cũng vui vui. Tôi đã học lái gần 20 tiếng đồng hồ như vậy. Thầy dạy lái xe bảo rằng: “Thầy hãy ghi tên để thi lấy bằng.” Tôi đồng ý. Thế là giờ thi đã đến, tôi lái theo sự điều khiển của ông Thầy lúc queo trái, lúc queo phải, lúc chạy thẳng, nhưng xe thì không có đèn xi-nhanh, cho nên nếu muốn queo trái thì phải bỏ một tay lái ra giờ tay bên trái, rồi queo và hình như xe cũng chẳng có kính chiếu hậu nữa. Nếu muốn queo mặt thì giờ tay lên trên mui xe làm dấu để queo mặt. Thế là xong. Sau này khi qua Đức, tôi thấy quý Thầy quý Chú phải học lý thuyết rồi thi thực hành, đi xe bánh tuyết vào mùa đông và thi đủ loại, đủ thứ... thế mà nhiều khi còn rớt lên rớt xuống, còn học lái như kiểu Việt Nam qua đây chắc phải học lại từ đầu.

Sau khi thi đậu lái xe hơi xong, tôi trở về lại chùa Hưng Long. Ngày hôm sau có người đến gõ cửa chùa và báo cho tôi biết là Thầy chưa thi xe gắn máy, mặc dầu Thầy đã có học. Tôi hỏi lại: “Bây giờ phải làm sao, vì tuần tới tôi đã trở lại Đông Kinh rồi?” Người ấy bảo rằng: “Chẳng có gì hết. Nếu Thầy thông cảm lo cho chúng tôi là được.” Thế là tuần sau tôi đã có cả 2 bằng lái xe hơi và xe gắn máy. Đặc biệt có cả bằng lái xe quốc tế nữa.

Trở lại Nhật tôi chỉ lái có 2 lần và bỏ lái từ đó cho đến nay. Đó là lần dọn nhà giùm cho Thầy Như Tạng cũng thất bại và lần thứ hai lái chạy tại Hachioji. Kể từ đó Thầy trụ trì Oikawa không cho lái nữa. Thầy ấy viện cớ rằng: “Bên Nhật đi bên tay trái, còn ở Việt Nam lái bên tay mặt. Vả lại ở Nhật đông xe, không nên lái.” Thế là bằng lái xe của tôi từ đó cho đến nay chỉ đổi thêm một lần nữa ra tiếng Đức vào năm 1978 và cho đến nay vẫn chưa xảy ra một tai nạn nào. Vì suốt gần 40 năm qua, tôi chưa bao giờ lái thêm một lần nào nữa cả.

Nếu tôi định cư ở Mỹ, Canada hay ở Úc chắc tôi cũng phải tự lái xe hơi. Vì lẽ những nước này đất đai rộng rãi, mỗi lần di chuyển từ chỗ này sang chỗ kia tốn rất nhiều thời gian và giao thông công cộng không tốt như Âu Châu, cho nên hầu như bắt buộc quý Thầy Cô ở các nơi trên phải tự lái xe. Tuy nhiên có một số Hòa Thượng lớn tuổi không lái, vì còn nhờ vào đệ tử xuất gia hay tại gia được, mỗi lần đi đâu thì đã có người đưa đón.

Riêng tôi, ở Đức hay nói chung ở Âu Châu quý Thầy, quý Cô lớn tuổi ít tự lái xe. Vì lẽ giao thông công cộng của Âu Châu rất tiện lợi. Ngoài máy bay ra còn có tàu lửa, tàu điện, xe Bus v.v... cứ mỗi giờ, mỗi nửa giờ, mỗi 15 phút chạy theo hướng mình muốn đi. Cho nên việc tự lái xe cũng không còn cần thiết nhiều như ở những châu lục khác nữa.

Năm 1974 ấy tôi cũng có dẫn 4 người Nhật đi thăm gia đình ông Phạm Nam Vân, ba mẹ của anh Sơn và Hải. Lúc ấy cả hai người đều đi lính. Ở nhà chỉ còn bà Cự, hai ông bà và những em nhỏ của Sơn, Hải đang đi học tại các trường Trung Học mà thôi. Bà Cự vẫn niệm Phật như ngày nào. Cô Năm vẫn đọc thân và lo chăm sóc cho cả gia đình. Còn bà má của anh Sơn và Hải sống với cung cách của một mệnh phụ phu nhân thời ấy. Tôi muốn giới thiệu với 4 người Nhật này một gia đình Việt Nam tiêu biểu như vậy.

Người xưa thì bảo rằng: “Ở trong cái vòng, mình ít khi biết được cái vòng này tròn hay méo. Khi đứng bên ngoài nhìn vào mới biết được nó méo hay tròn.” Điều này rất chính xác. Nếu tôi không đi ra khỏi nước Việt Nam, không có cơ hội để tiếp xúc với người nước ngoài thì tôi chẳng biết người ngoại quốc nhìn quê hương mình như thế nào cả. Trong khi đó chính mình lại tự hãnh diện về mình rất nhiều.

Ngày ấy Cộng Sản Việt Nam rất khéo tuyên truyền qua hình thức của Mặt Trận Giải Phóng, nên đa phần người

ngoại quốc nghĩ rằng: Mặt Trận này là do người Miền Nam bất mãn chế độ, nên đã đứng lên kêu gọi thế giới chống lại chính quyền Miền Nam Việt Nam. Từ đó những phong trào sinh viên thế giới ủng hộ Mặt Trận rất nhiều, nhưng quốc tế đâu biết rằng đứng sau lưng họ chính là Bộ Chính Trị ở Hà Nội điều khiển. Người ngoại quốc chỉ thấy trên truyền hình hằng ngày xảy ra những vụ Mỹ ném bom ở Khe Sanh, Mỹ ném bom ở Quảng Ngãi, Mỹ đốt nhà ở Cai Lậy v.v... Rồi quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã bắn phá dân lành, quân đội này theo sự chỉ huy của Mỹ v.v... Nhưng người ngoại quốc đâu biết rằng bên trong tám bình phong bộ đội xuôi Nam ấy đã có những toán binh của Trung Quốc thay đổi quân phục bộ đội Việt Nam để đánh giùm, khi bị bắt được những người này, họ không biết nói tiếng Việt, chỉ ầm ớ mấy chữ, rồi cuối cùng cũng nói ra tiếng Trung Hoa lục địa. Thế nhưng những hình ảnh như vậy không được đưa lên truyền hình. Cho nên thế giới đâu có phân biệt chánh tà là gì và ai đánh thuê cho ai. Đây là vấn đề tuyên truyền quá yếu của Việt Nam Cộng Hòa đối với thế giới tự do bên ngoài thuở ấy, nên dễ bị phản cảm.

Thời đó nếu tôi nhớ không lầm là ông Đỗ Vạng Lý, theo đạo Cao Đài, làm Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Tokyo. Mỗi năm có buổi tiệc tất niên hay tân niên, quy tụ rất nhiều sinh viên về Tòa Đại Sứ để hàn huyên tâm sự, nhưng hình như tình hình chiến sự của quê hương, Tòa Đại Sứ cũng ít đề cập đến mà chỉ thi hành những nhiệm vụ bên trên giao phó thôi. Tôi cũng đã đến đây nhiều lần để làm giấy tờ như gia hạn Passport và tham gia những lễ lộc, nhưng hình như ít ai để ý đến mình. Nhớ có một lần nhân cơ hội gặp gỡ này mà tôi gặp lại được ông Thầy cũ dạy Nhật ngữ tại Trung Tâm Triều Dương ở Chợ Lớn, trước khi tôi lên đường sang Nhật. Thầy trò bắt tay mừng vui. Hỏi ra mới biết Thầy được đi tu nghiệp tiếng Nhật và tôi cũng đã có mời Thầy đến chùa Honryuji để thăm một vài bữa trước khi Thầy trở lại Việt Nam. Thuở

ấy tiếng Nhật tôi đã khá, có nhiều câu người Nhật nói, tôi phải dịch lại cho Thầy. Quả thật trên đời này có nhiều chuyện trái ngang như vậy. Có lúc làm Thầy, có lúc làm trò, có lúc làm Đệ tử nữa. Cho nên tôi vẫn hay nói rằng: “Những gì người khác biết mà mình không biết thì họ là Thầy mình. Còn những gì mình biết mà họ không biết, thì mình là Thầy họ.” Hãy lưu tâm về vấn đề này! Chẳng có gì để hãnh diện cả. Vì biển học thì vô bờ, mà sự hiểu biết của chúng ta có giới hạn. Ai không thay đổi hình thức và tư tưởng đúng lúc, thì người ấy đã lỗi thời.

Từ những nhận định bên trên, mà cũng là theo quan niệm giáo dục của tôi học được là: “Giáo dục là nhân bản của con người. Mỗi thế hệ chỉ chu toàn được một số công việc, thế hệ này chỉ tiếp sức cho thế hệ kế tục, chứ không thể lo mãi cho đến thế hệ thứ ba được. Vì thế hệ thứ ba sẽ do thế hệ thứ hai truyền đạt qua.” Điều này cũng giống như bắt một nhịp cầu vậy. Nhịp cầu của quá khứ không thể bắt thẳng qua nhịp cầu của tương lai. Mà nhịp cầu quá khứ chỉ có thể bắt trực tiếp qua nhịp cầu trong hiện tại, rồi nhịp cầu hiện tại bắt tiếp tục qua tương lai. Nếu không làm được như vậy, thì sẽ lỡ một nhịp cầu.

Cách đào tạo học sinh hay Tăng sĩ ngày xưa ở Việt Nam cũng khác xa với ngày nay rất nhiều. Người Thầy thao thao bất tuyệt về sự hiểu biết của mình, không cần hỏi học trò có hiểu điều mình nói gì không. Vì lẽ người học trò chỉ cần học điều của Thầy giảng là đủ. Trong khi đó cái học tại Âu Mỹ lại khác. Nghĩa là vị Thầy phải dạy cái gì mà người học trò muốn nghe, muốn học, chứ không phải dạy cái gì mà ông Thầy muốn dạy.

Tôi có 45 đệ tử xuất gia và nhiều đệ tử y chỉ cũng như trong hiện tại có gần 20 đồ tôn cả Tăng và Ni. Dĩ nhiên qua thời gian năm tháng đã có một số quý Thầy quý Cô ra đời và một số thì quá vãng. Họ là những người trực tiếp học từ tôi, nhưng tôi cũng để cho họ tự do chọn lựa pháp môn tu, nếu

họ thấy thích hợp và đến thế hệ thứ ba thuộc ĐỒ TÔN thì tôi không có ý kiến và không có trách nhiệm nữa. Thế hệ này do Thầy của họ chịu trách nhiệm. Sau mấy mươi năm hướng dẫn tôi thấy cái tu và cái học ở ngoại quốc này họ chọn tư tưởng cá nhân làm chủ đạo. Nghĩa là cái gì người đệ tử, học trò thích thì nên khuyến khích họ lao mình vào đó để tu và để học. Dĩ nhiên là họ sẽ khước từ việc đề nghị của Sư Phụ. Vì theo họ hiểu rằng: Họ học, họ tu là cho chính họ chứ không phải cho Thầy mình. Nhiều Thầy thường hay bảo thủ cho rằng cách dạy của mình là đúng và người học trò phải theo, nhưng sự trả hiếu ngày nay nó khác xa ngày xưa nhiều rồi. Cái hiếu ngày nay nó cũng giống như “mì ăn liền”. Không có gì để hy vọng rồi thất vọng. Vì mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh sống, mỗi hoàn cảnh tu học của người xuất gia ngày nay ở ngoại quốc nó khác nhau một trời một vực với nửa thế kỷ trước rồi. Nhiều bậc Thầy lo lắng là không ai kế thế mình và làm theo những gì mình đã dạy, nhưng nghĩ lại cho cùng thì chính mình đã làm được những gì như Sư Phụ mình kỳ vọng chưa? Nếu mà ngày nay Sư Phụ vẫn còn tại thế thì Ngài sẽ phán cho một câu là: “Tại sao nó chẳng làm theo lời mình dạy?” Lúc đó mình sẽ nghĩ sao đây?

Tôi suy nghĩ như thế này: Nếu mình có chết đi, cây cỏ, núi rừng, sông biển, con người, muôn vật vẫn còn tồn tại ở thế gian này, đâu có ai chết theo mình mà mình phải lo. Họ phải ở lại với đời để tiếp tục những công việc còn lại của họ. Cũng giống như hơi thở vậy, nếu ở trên không trung cao, chúng ta phải thở bằng khí oxy. Nếu ở cõi trần này ta sẽ thở bình thường theo sự hít vào thở ra của phổi. Nếu ở dưới nước ta sẽ nín hơi thở dài hơn để ta được tồn tại trong môi trường đặc biệt như vậy. Cả 3 trường hợp trên đều vì sự tồn tại của sự sống. Nếu không như vậy thì ta sẽ chết. Nhưng chết đâu có ý nghĩa gì ngoài việc tiếp tục một sự sống khác. Vậy tại sao ta phải băn khoăn là thế giới này không có ta, sẽ thiếu đi

một nhân vật quan trọng và Đệ tử không có ta họ sẽ hư đốn, khó khăn. Xin thưa! Không đâu - họ sẽ là những người gương mẫu cho thế hệ khác trong tương lai vậy.

Quê cha, đất tổ, tiếng mẹ đẻ, dân tộc, đạo pháp, tình người v.v... vốn là những danh từ trừu tượng, nhưng nó đã nằm sâu đâu đó nơi tận đáy lòng khi nghĩ đến và nhớ về, không ai là không hồi tưởng đến nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Dù cho quê người có đẹp bao nhiêu đi chăng nữa, hầu hết mọi người đều nhận định rằng không bằng quê mình, nơi đó mình được sinh ra, được lớn lên, được nghe tiếng ru của mẹ ở tuổi đầu đời. Dầu cho làm đến ông gì đi nữa, người ta cũng không thể nào quên được nguồn gốc của mình. Vì nơi ấy có tình người, có hồn dân tộc.

Cũng có những trường hợp ngoại lệ như ông Phó Thủ Tướng nước Đức ngày nay là Dr. Philipp Rösler, ông sinh ra tại Sóc Trăng ở Việt Nam vào năm 1973, mới 9 tháng tuổi đã được ông cha nuôi người Đức đến Việt Nam đón về Đức làm con nuôi. Sau gần 40 năm, ông ta lên làm Phó Thủ Tướng và Bộ Trưởng Bộ Kinh Tế của đất nước Đức, là một trong những nước giàu có nhất nhì trên thế giới về nhiều phương diện. Đây cũng là cơ hội để báo chí phỏng vấn ông về nguồn gốc của mình. Tuy ông tự nhận mình là người Đức, nhưng chưa chắc người Đức đã hoàn toàn chấp nhận ông như thế. Vì lẽ da ông vàng, mũi ông thấp, tóc ông vẫn đen. Chỉ tiếc rằng ông không nói được một tiếng mẹ đẻ nào cả. Có lẽ vì thế mà cái tình quê hương và tình người phai nhạt đi chăng? Nhưng chắc chắn một điều khi các con ông lớn lên, chúng nó sẽ hỏi Ba sinh ra ở đâu, thì ông không thể nào nói dối với chúng là nước Đức được. Bởi vì ông không giống người Đức.

Dầu đi đâu, ở đâu hay làm bất cứ điều gì người ta vẫn tưởng nhớ về quê hương là vậy, nhưng quê hương có chấp nhận mình hay không là việc khác. Ngày xưa thời nhà Đường bên Trung Quốc có một người học sinh nghèo tên là Hạ Tri

Chương. Ông ta lưu lạc bốn phương trời và tìm không ra cha mẹ mình nữa. Ông tự tìm kế sinh nhai và tự học hành đỗ đạt thành tài ra làm quan. Khi về hưu ông nhớ lại quê nhà, nên đã làm một chuyến viễn du: Dĩ nhiên trên đường về quê ấy có nhiều điều đáng nói và ông đã để lại bài thơ cho đời như sau:

*Thiếu thiếu ly gia lão đại hồi
Hương âm vô cải, mấn mao thôi
Nhi đồng tương kiến, bất tương thức
Tiểu vấn khách tông hà xứ lai.*

Tôi tạm dịch ra tiếng Việt như sau:

*Tuổi nhỏ xa quê già trở lại
Giọng quê không đổi, tóc mai thay
Nhi đồng tuy thấy nhưng chẳng biết
Cười hỏi khách rằng, đến từ đâu?*

Một vài thế hệ trôi qua, mình trở lại thăm quê nhà, sẽ trở thành một người khách xa lạ. Vì những người thân quen, lớn tuổi đã ra đi, chỉ còn lũ trẻ chơi đùa đầu đó, thấy ông khách lạ quá nên mới cười và hỏi ông ở đâu đến vậy? Khiến khách phải chạnh lòng. Dẫu sao tiếng mẹ đẻ ông vẫn giữ nguyên thổ ngữ của chốn này, tuy tóc mai đã bạc, mắt đã mờ, da nhăn, nhưng không vì thế mà không còn tình người để khiến ông trở lại quê nghèo này.

Có lẽ lòng tôi cũng giống như ông Hạ Tri Chương một phần nào. Vì lẽ tôi mới xa quê hơn hai ba năm mà nay đã muốn về thăm nhà. Với tôi cũng may mắn một điều là lúc ấy Sư Phụ, Thân Phụ và Huynh Đệ, bạn bè vẫn còn sống. Cho nên khi trở lại Nhật Bản sau một tháng ở Việt Nam năm 1974 ấy đã làm cho tôi mãn nguyện vô cùng. Dẫu cho bây giờ tôi có về lại quê hương thăm thú đi chẳng nữa, nhưng gần 40 năm nay quê hương đã thay đổi quá nhiều, tình người không còn như xưa nữa và tâm trạng của tôi cũng như tâm trạng của bao nhiêu người đang ở ngoại quốc ngày nay cũng chỉ thế thôi.

Có một điều mà tôi vẫn luôn luôn hoài bão. Đó là việc giữ gìn ngôn ngữ Mẹ đẻ Việt Nam. Thông thường người ta nói rằng: Đứa bé ấy nói tiếng Mẹ đẻ, chứ ít ai nói nó nói tiếng cha của nó. Vì cha nó có đẻ bao giờ đâu. Do vậy nếu Mẹ là người Việt Nam thì không nên quên dạy con mình bằng ngôn ngữ của mình. Nhờ ngôn ngữ, quê hương mà người Việt Nam như dòng họ nhà Lý đã xa quê từ năm 1224 đến nay mà họ vẫn không quên nguồn cội. Họ đã trở về và ta cũng sẽ trở về khi quê hương không còn một điều kiện nào ràng buộc đối với những người đã bỏ nước ra đi, dầu bất cứ lý do gì.

Sau đây là bài thơ nhan đề “Cuộc hành trình vĩnh tục” của Tiến sĩ Lâm Như Tạng, bậc ân nhân, đã tặng tôi nhân dịp ấn hành tập hồi ký, kể lại chuyện cũ năm xưa.

Ngày hai mươi mốt

Tháng mười hai

Năm sáu chín

Đến Đông Kinh, trời đất đã vào đông

Bước viễn du từ đáy kiếp lang thang

Xa Tổ Quốc, một mảnh hồn cô độc

Góc phố mưa giăng, đời trôi vào cơn lốc

Cửa quê hương khói lửa điêu tàn

Có gì đâu ! Những xác cháy thành than

Của trẻ thơ và những người quả phụ

Của cụ già, những lính trẻ hoang mang

Nhà tranh cháy, ôi những người chưa đủ

Một miếng cơm, trống vắng cảnh cơ hàn

Nơi xứ lạ, ngày qua ngày lấm nổi...

Không thể nào nguôi trong sách vở nhà trường

(Đại Học Minh Trị và Đại Học Đông Kinh)

Nhớ hôm ấy là một ngày thiếu nắng

Hai mươi hai

Tháng hai

Năm bảy hai

Đón Thầy qua, thêm một người vào cuộc

Kiếp lưu vong này, hải giác thiên nhai

Những địa danh: Bát Vương Tử, Tokyo...

Chùa Bản Lập

Đại Học Đế Kinh và Lập Chánh

Tất cả nay đã trở thành quá khứ

Cảnh trời Tây trong giấc mơ viễn xứ

Viên Giác chùa thiêng lưu dấu mãi muôn đời

Và hôm nay

Ngày mười chín

Tháng một

Năm hai ngàn mười ba

Nơi tái ngộ là ngôi nhà tôi ở

Số Bốn Ba:

Bốn phương Như Ngọc Như Hoa

Ba ngàn cõi tịnh một tòa trầm hương

Những dấu chân xưa dù cát xóa vô thường

Vẫn lưu lại một hành trình vĩnh tục.

Sydney ngày 19.1.2013

Lâm Như Tạng

Trở lại chùa xưa

Đến nước Nhật có nhiều điều để xem. Ở nước Nhật có nhiều điều để nói. Đi khỏi nước Nhật có nhiều điều để tiếc thương và trở lại nước Nhật cũng là một đề tài lớn, mà tôi sẽ viết tất cả trong chương cuối này để xếp lại một cuộc đời sinh viên Tăng Sĩ tại xứ người, trước khi sang xứ Đức để học hành và làm việc.

Ở đâu quen đó. Đây là chuyện bình thường. Ngay như người từ Mỹ đi du lịch qua Úc, họ khen nước Úc đẹp, nhưng họ bảo: Tuy vậy nhưng tôi phải trở lại quê tôi. Nói cho cùng, tất cả chúng ta đều là những người tỵ nạn trên quả địa cầu này. Bởi vì do cái chấp thường hằng nên chúng ta cho rằng: đây là quê ta, đó là quê người, mà ta và người, người và ta cũng chỉ là những cánh chim bạt gió, những loại cây chùm gởi, qua lại trong vũ trụ này mà thôi.

Chiếc máy bay Air Vietnam đưa tôi trở lại Tokyo trong mùa hè năm 1974 ấy, không biết bây giờ nó đã ra sao rồi, sau gần 40 năm thăm thẳm của thời gian? Nhưng tôi thì vẫn còn đây. Vẫn còn sáng suốt để viết những gì mình còn nhớ. Rủi một mai đây chẳng nhớ lại được một điều gì thì quả là điều đáng tiếc biết bao nhiêu!

Trở lại chùa xưa để tiếp tục học cho hết năm thứ 2 Đại Học. Hai năm đầu này học những môn chung chung và qua năm thứ 3 sẽ chọn môn chuyên khoa của mình muốn học và năm thứ 3 cũng sẽ là năm chuẩn bị cho luận văn ra trường. Nếu có lỡ đĩnh trong chuyện học thì cũng chỉ được phép trong

hai năm đầu. Còn hai năm sau là học rớt ráo để ra trường. Ở Nhật và ở Mỹ chế độ học và thi vào Đại Học rất khó, nhưng khi đã đậu được vào rồi, sinh viên cứ thế đóng học phí, thi cử và tính năm để ra trường, không như ở Đức và một vài nước Âu Châu khác. Họ không thi vào Đại Học, chỉ ghi danh và học đến khi nào muốn thi ra trường thì thi. Cho nên có nhiều sinh viên ở Đức học ở Đại Học đến 20 semester vẫn chưa tốt nghiệp. Lý do hầu như Đại Học nào ở Đức cũng không thu học phí, nếu có, chỉ là tiền bút mực giấy tờ thôi. So ra học phí Đại Học của Nhật và của Mỹ thì khủng khiếp lắm.

Chế độ Tiểu Học của Mỹ và của Nhật 6 năm và Trung Học 6 năm nữa. Cộng chung thành 12 năm. Thế nhưng ở Đức đến 13 năm. Gần đây họ mới rút ngắn Trung Học và Tiểu Học còn lại 12 năm, nhưng trước đây 5 năm nước Đức vẫn theo chế độ giáo dục cũ. Ở Hoa Kỳ và ở Nhật sinh viên học 4 năm ở Đại Học, 2 năm ở Cao Học và 3 đến 5 năm là ra trường Tiến Sĩ. Trong khi đó Cử Nhân ở Đức 5 năm và thuở xưa họ không có chương trình Cao Học. Tốt nghiệp 5 năm Đại Học Đức cộng với 13 năm Trung & Tiểu Học. Cuối cùng vẫn 18 năm để có bằng Cao Học, giống như các nước khác. Gần đây chương trình Đại Học của Đức cũng đã mở thêm các khoa Cử Nhân 4 năm, Cao Học 2 năm và Tiến Sĩ từ 3 đến 5 năm.

Thầy Minh Tuấn giấy tờ đã xong, tôi đi ngoại giao với Thầy Yamada, Viện chủ chùa Kim Cang Viện (Kongoin). Chùa cũng nằm gần chùa Honryuji, nơi tôi ở mấy năm nay. Tiện nhất là cùng nằm trên một con đường Ueno của thành phố Hachioji này. Thuở ấy nếu tôi xin Thầy Oikawa để Thầy Minh Tuấn về đây ở chung cũng được, nhưng tôi sợ ở ba, bốn người Việt Nam chung một chùa Nhật thì bao giờ mình mới giỏi tiếng Nhật được. Thế là tôi quyết định đi tìm chùa cho Thầy ấy ở.

Thầy Yamada hay đi Việt Nam thường xuyên. Do vậy giới thiệu một Thầy Việt Nam vào ở chùa của Thầy ấy, không có

gì trở ngại, mà Thầy ấy còn vô cùng hoan hỷ nữa. Khi Thầy Minh Tuấn đến đây, Thầy ấy cũng chẳng hiểu tiếng Nhật nào, chỉ nhìn cách nói và hành động ra dấu là có thể thấu triệt được người đối diện mình muốn nói gì. Một hôm Thầy Yamada nói bằng tiếng Nhật, có ý bảo Thầy Minh Tuấn đi lau giùm chiếc xe hơi, nên đưa chìa khóa xe cho Thầy ấy. Thầy Minh Tuấn nghe không hiểu cho nên vào phòng thay áo quần thật đẹp vào garage lùi xe và đứng chờ Thầy Yamada ra. Thầy Yamada sau một hồi làm công chuyện trên chánh điện bước ra thấy Thầy Minh Tuấn đang đứng đó với bộ dáng chờ đợi trong bộ đồ đẹp, chuẩn bị đi. Lúc ấy Thầy Yamada chẳng biết nói cách gì khác hơn là lấy mấy xô nước và đồ lau xe ra để đó. Lúc này Thầy Minh Tuấn mới hiểu ý và đi thay đồ để rửa xe.

Thật ra ngôn ngữ không đơn giản. Khi học và thực hành mỗi ngôn ngữ muốn cho giỏi trong các phương diện như: đọc, nghe, viết và nói ít nhất phải tốn vài năm. Có khi còn phải lâu hơn như thế nữa. Nơi đây thử định nghĩa như thế nào là một người nói giỏi ngôn ngữ? Theo tôi, một người giỏi ngôn ngữ là người ấy khi đàm thoại với người địa phương lúc nào họ cười mình cười, lúc nào họ vui mình vui, lúc nào họ sâu nã, mình cảm thông cho họ. Thế là giỏi. Ngược lại, một người ngoại quốc nói ngoại ngữ không thông như: phát âm không đúng, văn phạm không rành, không phải chuyện cười mà mình cười, hay ngược lại. Đồng thời không nắm hết được ý chính của người đối diện nói, thì xem như hỏng cả đầu đến đuôi. Vấn đề quan trọng ở đây là ý chính của câu chuyện. Nếu nghe một câu chuyện mà không nắm rõ ý chính người ta muốn nói gì thì việc học ngoại ngữ ấy cần phải xét lại.

Năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba và cả năm thứ tư giờ Nhật ngữ của tôi cũng xem như là quốc ngữ trong phân khoa này, tôi chọn ông Thầy Okata. Mỗi lần học, ông ta biểu tôi đem tờ

báo Yomiuri ra đọc phần “Thiên Nhơn Thịnh Ngữ” cho ông nghe và ông ta bảo tôi phân tích vấn đề. Đây là tiêu đề của tờ báo. Nó cũng giống như Thư Tòa Soạn của báo chí Việt Nam mình. Thôi thì đủ chuyện của thiên hạ sự. Đôi khi có đoạn nói về chính trị đương thời, lắm khi lại chen vào đó một câu chuyện cổ tích, hay những điển tích và thành ngữ khó hiểu. Chỗ nào tôi không rành, tôi dừng lại đó và chờ cho ông ta giải thích. Được một cái hay là chỉ một mình tôi học với ông, nên ông tha hồ hỏi chuyện tôi và tôi cũng tha hồ nói chuyện với ông ta. Nhờ vậy tiếng Nhật của tôi giỏi. Khi ông cho tôi đọc như vậy ý ông cũng muốn khảo hạch tôi có rành những phát âm chữ Hán không. Nếu không rành và không thuộc mặt chữ thì không thể đọc được. Chữ Hán và tiếng Nhật có cái khác biệt với tiếng Anh, tiếng Pháp cũng như tiếng Đức là: Nếu không thuộc mặt chữ thì không đọc được. Còn các ngôn ngữ kia, mặc dầu ý nghĩa không biết nhưng cũng có thể đọc được như thường. Cuối cùng ông phê cho tôi mấy chữ là: “Thiên tài của ngôn ngữ học.” Thực ra đây cũng chỉ là việc thường thôi! Nhưng là một niềm vui. Vì có người học trò nào mà chẳng thích việc này!

Muốn học và đọc cũng như nói, nghe, viết thông thạo tiếng Nhật phải biết 4 loại chữ: loại chữ thứ nhất là chữ Roma. Đó là cách viết theo mẫu tự La Tinh a, b, c để dành cho người ngoại quốc học tiếng Nhật lúc ban đầu. Ngày xưa tiếng Nhật cũng dùng hoàn toàn bằng chữ Hán như Việt Nam chúng ta, nhưng đến thế kỷ thứ 13, Ngài Kukai (Không Hải) Đại Sư vốn là vị sáng Tổ của Chơn Ngôn Tông đã thiết lập một loại chữ Hiragana để đọc và viết những chữ Hán đơn âm. Ví dụ như “ie” là cái nhà, nhưng nếu viết chữ “gia” này đứng chung với một chữ Hán ở phía sau hay phía trước, nó trở thành danh từ và chỉ cần ghép âm là đọc được. Ví dụ như: Katei (gia đình), Kazoku (gia tộc), Kagu (gia cụ) v.v... Người Việt Nam mình lanh lẹ nên thấy âm nào na ná cứ ghép đại vào đọc cũng đúng

như thường. Ví dụ như chữ “ lịch” đọc là “reiki”, ghép vào với chữ “sử” đọc là “si”. Vậy Reikisi tức là lịch sử. Bất cứ chữ nào khởi đầu bằng chữ Hán đều có thể ứng dụng được việc này cả. Độ đúng chừng 60 đến 70 phần trăm. Dĩ nhiên là có rất nhiều chữ ngoại lệ. Mặc dầu Đạo Phật Nhật Bản ngày hôm nay đã bị thể tục hóa rất nhiều, nhưng công sức tạo ra ngôn ngữ cho người Nhật sử dụng ngày hôm nay, không phải bị lệ thuộc Trung Quốc nhiều thì phải nói đến công đức của Ngài Không Hải vậy. Đi xa hơn nữa: Trà Đạo, Thơ Đạo, Kiếm Đạo, Hoa Đạo v.v... đều có sự đóng góp tích cực của Phật Giáo từ thời buổi xa xưa kia.

Chữ Katakana sau thời kỳ Minh Trị Duy Tân (1868) mới thành hình. Vì lẽ chữ này chỉ để dùng đọc tên tuổi của các địa phương hay nhân vật ngoại quốc và rất ít thông dụng trong tiếng Nhật hàng ngày. Ngày xưa người Trung Hoa cũng phiên âm chữ Pháp Montesquie thành Mạnh Đức Tư Kiêu, đố ai đọc mà hiểu được. Ngày nay người Nhật tiến bộ hơn, họ dùng tiếng Katakana phiên âm na ná danh từ chính để đọc. Cũng tạm thôi, vì nghe quen mới hiểu, chứ mới nghe thì khó vô cùng.

Sau 3 tháng tôi trở lại Nhật đã nhận được tin vui từ Thầy Bảo Lạc báo tin là hồ sơ thị thực vào Nhật đã xong. Lúc ấy tôi vừa đi học và cũng vừa tìm hiểu thêm những chùa viện chung quanh phố Ueno thì được Thầy Oikawa cho biết là nên đến Shinso-in (Tín Tùng Viện) cách đấy chừng một cây số về hướng Bắc để hỏi thử xem. Cuối cùng rồi cũng đã có kết quả tốt là hai ông bà chủ chùa rất hoan hỷ để đón nhận người anh ruột của tôi vào ở chùa này. Chùa này theo phái Thiền Tào Động. Chắc là Hòa Thượng Bảo Lạc ở đây sẽ thích hợp hơn.

Mùa Đông năm đó 1974-1975, Thầy ấy không đo được cái lạnh của Đông Kinh như thế nào, nên Thầy đã mặc áo Nhứt Bình lam mỏng đi dưới mưa tuyết, kết quả là chảy máu cam.

Nhưng Thầy rất vui. Đây là lần đầu tiên Thầy Bảo Lạc thử sức với cái lạnh của Đông Kinh thuở ấy và những ngày tháng đầu tiên kia Thầy mỗi ngày nhận được cả hàng tá lá thư của học trò Trung Học từ Việt Nam gửi sang. Chỉ bóc thư và đọc không cũng tốn rất nhiều thì giờ, nhưng thuở ấy là một niềm vui. Nếu bây giờ có tình trạng này, chắc ai cũng chẳng mong đợi làm gì. Vì thì giờ đâu để đọc. Những ngày tiếp theo, Thầy đi học Nhật ngữ và sau đó thi đậu vào Đại Học Komazawa học về Phân khoa Xã Hội Học, còn Thầy Minh Tuấn thì vào học tại Đại Học Takaozan (Cao Dã Sơn) của Tông Chơn Ngôn.

Để chuẩn bị vào năm thứ 3 của Đại Học (1975-1976) tôi chọn môn Anh ngữ giáo dục làm chuyên ngành. Đây là một thử thách lớn. Vì lẽ ở Việt Nam tôi chọn Pháp văn làm sinh ngữ một, học 7 năm tại Trung Học, còn Anh văn sinh ngữ 2, chỉ học có 3 năm Trung Học đệ nhị cấp ở Việt Nam và hai năm Đại Học này, đâu có thấm thía gì. Thế mà cả gan thật. Khi chọn môn này có cái vui là được đi thực tập giờ dạy Anh văn tại các lớp Trung Học đệ nhị cấp của trường. Học sinh Nhật thấy tôi mặc áo Nhựt Bình của Tu sĩ, ban đầu họ chẳng biết là gì. Nhưng sau dần dần chúng cũng quen đi. Mới đầu nói tiếng Nhật, nhưng sau đó dùng toàn Anh văn để giảng bài. Chúng phục lắm, nhưng chúng đâu có biết rằng: Tất cả đều có giáo trình của trường đã soạn sẵn hết. Cứ học thuộc lòng trước đó là ngày hôm sau lên bục giảng, giảng bài được rồi. Đây là chỗ “thủ” của mấy Thầy Cô giáo mà. Ngay như làm toán cũng đã có đáp số trước rồi nữa. Có lẽ Bộ Giáo Dục sợ các Thầy Cô giáo không rành toán, sẽ đáp số sai. Nếu dạy như vậy thì học sinh khi thi sẽ không đậu. Đây là điều cấm kỵ vậy. Kể ra làm nghề gì nó cũng có những nguyên tắc và những điều khó nói của nghề ấy. Miễn rằng nghề kia không phụ bạc lương tâm và khả năng của mình là được rồi.

Nhờ có học trước, trước khi lên giảng bài thực tập Anh văn cho lớp mà tiếng Anh tôi tự tin hơn. Đúng là đâu phải

làm Thầy là giỏi, mà làm Thầy chính là học hỏi để mình trở thành ông Thầy có kinh nghiệm nhiều hơn khi đứng lớp hoặc lúc vào đời.

Đầu năm 1975 tình hình chiến sự miền Nam Việt Nam gia tăng dữ dội, mặc dầu Hiệp định Paris đã ký kết vào đầu năm 1973 là các phe đều phải ngưng chiến để tái lập hòa bình cho hai miền của quê hương đất nước. Thế nhưng mỗi ngày xem truyền hình thấy những mũi tên đỏ từ từ lấn chiếm và tràn xuống từ phương Bắc hết Quảng Trị đến Huế, rồi Đà Nẵng, Kontum, Nha Trang, Ban Mê Thuột v.v... lúc ấy tôi chẳng biết làm gì hơn là cầu nguyện. Báo chí Nhật đưa tin hằng ngày, hằng giờ, khiến cho tôi phải lo lắng, nhưng không biết phải tính như thế nào đây? Vào sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi đang học năm thứ 3 tại Đại Học Teikyo, Hachioji thì có điện thoại từ chùa Honryuji gọi vào văn phòng trường báo tin cho tôi biết là Sài Gòn đã thất thủ. Lúc ấy học trong trường này chỉ có 3 người Việt Nam đó là: tôi, Ký và Nguyễn Thị Kim Cúc. Cả 3 đều học 3 phân khoa khác nhau, nhưng hôm đó tự dưng gặp nhau trong thang máy của Thư Viện trường. Câu hỏi của cô Cúc là: Bây giờ mình phải làm gì đây? Ký bảo: Chắc phải mang Passport lên Tòa Đại Sứ Việt Nam để gia hạn. Thế là chúng tôi bỏ học cả ngày hôm đó để đi làm giấy tờ.

Khi đến Sứ quán Việt Nam Cộng Hòa ở nhà gare Yoyogi thì thấy cả hàng mấy trăm sinh viên đang đứng sắp hàng tại đó. Lúc bấy giờ tâm sự của ai cũng giống nhau và cũng chẳng biết tính như thế nào đây. Người muốn bỏ Nhật đi Mỹ đoàn tụ cùng gia đình. Người muốn đi Pháp, nhưng thuở ấy những sinh viên học chưa ra trường như tôi còn rất nhiều, nên họ quyết ở lại Nhật học cho xong Đại Học rồi cái gì đến nó sẽ đến. Có người lo xa, sợ Nhật bắt mình trả lại Việt Nam như thời kỳ phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh thì cũng khổ. Nhưng cũng có nhiều ý kiến góp vào là: Thời đó đã xa rồi, cho nên cũng tạm yên tâm.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng được Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa đóng lên Passport có giá trị cho đến ngày 29 tháng 4 năm 1980, nghĩa là 5 năm nữa. Trong 5 năm ấy có không biết bao nhiêu là vạt đổi sao dời. Trong khi đó Tổ chức Beiheito (Việt Nam Hòa Bình Thống Nhất Hội) đã bắt đầu lộ diện, mang cờ đỏ sao vàng vào tiếp thu Tòa Đại Sứ. Bức tranh vãn cảnh đã hiện nguyên hình. Cuộc đời bao giờ cũng có hai mặt tốt và xấu, được và thua. Những kẻ bỏ lỡ cơ hội, giờ đây lo khăn gói lên đường để tìm một phương trời khác ẩn nấp nuôi thân, chờ thời. Còn những người cơ hội chủ nghĩa nhảy ra múa may quay cuồng để lập nên những thành tích mới.

Một điều phải nói ngay và nói thẳng là xin cảm ơn đất nước Việt Nam, xin cảm ơn Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa thuở ấy đặt tại Tokyo. Nếu không có con dấu gia hạn Passport 5 năm kia thì chúng tôi không có cơ hội đi ra ngoại quốc tiếp tục và chúng tôi cũng không có pháp lý để ở lại Nhật nữa, nhưng nhờ là lúc đó chính quyền cộng sản Việt Nam chưa lập bang giao liên với Nhật Bản nên đa phần người Nhật thả nổi đời sống của anh em sinh viên chúng tôi. Cũng may là mỗi năm ra Sở Ngoại Kiều, họ đều tiếp tục đóng dấu gia hạn cư trú vào Passport của Việt Nam Cộng Hòa, mặc dầu chính quyền này không còn pháp lý nữa sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Trong khi đó tại Đức và Âu Châu cũng như Mỹ và Úc các chính phủ đã có chính sách tỵ nạn rõ ràng, nên các anh em sinh viên có thể tạm trú rồi sau này làm đơn xin tỵ nạn, họ cấp thẻ tỵ nạn. Cuối cùng đủ năm tháng làm đơn xin vào quốc tịch của nước đó. Mãi cho đến nay (2012) có nhiều sinh viên ở trước năm 1975 tại Nhật, nhưng vẫn chưa vào quốc tịch Nhật, chỉ giữ lại tư cách thường trú nhân và mỗi lần muốn đi ra ngoại quốc họ phải xin Visa rất khó khăn, đồng thời phải xin tái nhập quốc vào nước Nhật nữa.

Ở Đời hay Đạo gì cũng vậy, trong cái rủi lại có cái may, trong cái may đã hàm chứa cái rủi trong ấy rồi. Do vậy ông

bà ta thường hay nói rằng: “Ai giàu ba họ, ai khó ba đời” là nằm trong ý nghĩa này vậy. Phương hướng thì có Đông, Tây, Nam, Bắc. Khí hậu thì có Xuân, Hạ, Thu, Đông và con người có lúc vinh, lúc nhục, lúc giàu, lúc nghèo, lúc khổ đau, lúc hạnh phúc... ấy cũng là những việc bình thường thôi. Điều quan trọng là chúng ta có đủ can đảm và ản nhẫn để vượt qua hay không, đó mới là điều đáng nói vậy.

Những người học tại Nhật lúc ấy sau này sang Pháp như: Lê Tùng Phương, Nguyễn Chánh Lý, Huê, Lê Vinh, Sơn, Ký v.v... họ đều thành công và đa số có mặt trong Gia Đình Phật Tử Quảng Đức thuộc chùa Khánh Anh và họ hỗ trợ cho Hòa Thượng Minh Tâm từ đó đến nay cũng đã gần 40 năm rồi. Những người qua Mỹ như: Anh Phụng, Trần Phước Anh, Nguyễn Quang Dục và một số lớn cư ngụ tại California cũng thành công vượt bực. Một số qua Canada để định cư như: Phong, Hoàng v.v... cũng không kém những người đi Hoa Kỳ là mấy. Ở Đức chỉ có tôi, cô Thu Cromme, cô Hồ Thy Kiều và hình như không còn ai nữa. Riêng ở Úc thì có Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Thầy An Thiên và một số anh em sinh viên khác cũng đã chọn đất lành này mà tạo dựng cho mình và tương lai của con cái mình có một chỗ đứng thật vững vàng. Điều này rất đáng tán dương. Chỉ có một điều hơi tiếc là đi đâu cũng nghe than phiền rằng: Người Việt Nam chẳng đoàn kết. Điều ấy hẳn đúng. Tôi bây giờ phải nghĩ lại rằng: “May mà người Việt Nam không đoàn kết đó. Nếu đoàn kết lại hết thì thế giới này sẽ mệt. Vì người Việt Nam mình quá giỏi.”

Ở Đức, Bộ Giáo Dục làm thống kê cho biết là: Sau khi đậu Trung Học có 15 phần trăm người Thổ Nhĩ Kỳ ghi tên vào Đại Học. Người Đức có 60 phần trăm, còn con em Việt Nam mình tuy số ít nhưng chiếm 65 phần trăm. Như vậy người Việt Nam cũng đáng ghi vào sổ kỷ lục của thế giới rồi. Từ những người Hoa, người Pháp, người Nhật họ đến chiếm đất đai và quê hương của mình. Điều đầu tiên là họ chia ra để trị. Nếu

để chung một khối làm sao họ bề gãy được sức mạnh này. Họ phân hóa, phân tán bằng nhiều hình thức khác nhau như: Lợi dụng, mua chuộc, nói xấu, ly gián v.v... khiến cho những người vì lợi dưỡng có thể tin ngay điều kia là đúng. Cuối cùng rồi chỉ người mình bôi mặt đá nhau thôi. Tôi rất xấu hổ về điều này. Cho nên chọn giải pháp yên lặng, không phê bình, không chỉ trích, không lên mặt dạy đời ai cho tâm mình an ổn để còn làm những việc khác nữa và điều quan trọng là “để xem con tạo xoay vần đến đâu” nữa. Đại gì mình bị mắc mưu. Mưu ấy có thể vì ganh tị, đố kỵ, bè phái, chủ nghĩa v.v... Tất cả đều là chữ “giả danh” hết. Có gì đó mà phải bận tâm. Một cây củi thật lớn, không ai làm gì được, phải chờ ra từng thanh củi nhỏ mới đem chụm lửa được. Đây là cái khôn ngoan của

(附 譯英) 成 績 証 明 書

教育學部 8393

昭和 48 年 4 月 日 東京師範教育學科大學 在學・卒業見込・卒業
姓 名 LE CUONG 昭和 25 年 2 月 26 日 出生

課 業 科 目	単 位	成 績	課 業 科 目	単 位	成 績	課 業 科 目	単 位	成 績
編 理 学	4	可	教育心理学	4	可	日 本 文 学 史	4	可
理 論 理 学	4	良	社会心理学	4	可	国 译 文 学	4	可
国 文 学	4	良	社会教育概論	4	良	英 語 科 教 育 法	4	可
中 国 文 学	4	良	教育社会学	4	可	日 本 史 概 論	4	可
地 理 学	4	良	教育行政学	4	可	外 国 史 概 論	4	可
日 本 史	4	良	学校教育学	4	可	論 理 学 概 論	4	可
西 洋 史	4	良	教育心理学	2	良	論 理 学 概 論	4	可
経 済 学	4	良	教育心理学	2	良	教 育 学 概 論	4	可
法 学(憲法を含む)	4	良	教育心理学	2	良	教 育 学 概 論	4	可
社 会 学	4	良	教育心理学	2	良	経 済 学 概 論	4	可
政 治 学	4	良	卒業論文	6	良	経 済 学 概 論	4	可
教 育 学	4	良	道 徳 教 育 法	4	良	日 本 経 済 史	4	可
教 育 学	4	良	社会心理学	4	良	加 法 各 論	4	可
物 理 学	4	良	社会教育方法論	4	良	日 本 相 続 法	4	可
化 学	4	良	社会教育方法論	4	良	保 護 倫 理 学	4	可
生 物 学	4	良	社会教育方法論	4	良	法 政 学	4	可
心 理 学	4	可	社会教育行政学	4	良	行 政 法 各 論	4	可
数 学	4	可	青少年教育	4	良	勞 働 法	4	可
英 文	2	可	成人教育	4	良	地 方 自治 法	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	比 較 憲 法 論	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	社 会 科 教 育 法	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	国 語 学 概 論	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	国 語 音 声 学	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	文 言 文 概 論	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	日 本 文 学 史	2	良
英 文	2	可	教育行政学	4	良	日 本 文 学 史	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	日 本 文 学 史	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	中 国 文 学	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	古 上 代 文 学	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	中 世 文 学	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	近 世 文 学	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	現 代 文 学	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	現 代 文 学	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	国 語 科 教 育 法	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	教 育 学 科 目	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	外 国 語 科 目	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	保 健 体 育 科 目	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	守 門 教 育 科 目	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	専 門 科 目	4	可
英 文	2	可	教育行政学	4	良	合 計	4	可

単位および成績は上記の通りであることを証明する

昭和 年 月 日 東京大学長 沖 永 莊 一

Thành tích của 4 năm học tại Đại học Teikyo

con người đối với thực vật và động vật. Không lẽ giữa con người và con người, ta cũng đối xử với nhau như thế chăng? Điều ấy hẳn vô lý. Bao nhiêu năm ở Nhật và ở Đức tôi đã học được điều này và sẽ ứng dụng cho đời mình, cho đến khi nào nắp quan tài đập lại.

Mỗi người trong chúng ta chỉ sống một giai đoạn ngắn trong hành trình sinh tử này rồi cũng phải ra đi thôi. Tại sao chúng ta lại sát phạt nhau để làm gì? Nếu chúng ta biết rằng: mình giỏi còn có người khác giỏi hơn mình, hay bằng mình, thay vì đố kỵ nhau, nên tìm cách học hỏi lẫn nhau và xây dựng một trường học, một Tôn Giáo, một xã hội, một cộng đồng lớn mạnh có phải ích lợi hơn nhiều không? Nếu ai trong chúng ta cũng nghĩ được như vậy thì chúng ta là những người phạm đang học làm hạnh Thánh. Nếu không được như thế chắc các vị thánh nhân trên đời này cũng sẽ buồn lắm vậy.

Những ngày cuối năm 1975 sang đầu năm 1976 tôi rất bận rộn cho việc chuẩn bị chọn đề tài để viết luận văn ra trường. Đề tài tôi chọn lúc ấy là: Meiji ni Okeru Nihon no Eigo Kyoiku (Giáo dục Anh ngữ dưới thời kỳ Minh Trị). Khi đọc sách và nghiên cứu về đề tài này, tôi mới thấy ông vua Minh Trị là một ông vua rất tuyệt vời. Người đã thấy cái sai của dân tộc Nhật, chọn cái mới cho quê hương mình. Đầu tiên là bỏ tiền đầu tư cho con em Nhật Bản sang các nước Âu Mỹ tân tiến để du học. Sau khi tốt nghiệp thành tài về nước, họ đã phục vụ cho quê hương của họ một cách tích cực như ngày hôm nay. Ví dụ như về giáo dục họ học theo Đức, ngoại giao theo Anh, văn học theo Pháp, kỹ nghệ theo Mỹ v.v... Tất cả đều vì một mục đích chung là xây dựng quê hương Nhật Bản cho phú cường.

Luận văn của tôi thuở ấy viết bằng tiếng Nhật và kết quả là “tối ưu” trong bao nhiêu luận văn khác. Cả luận văn gần 200 trang viết tay, ông Thầy chỉ sửa lại có mấy chục

lỗi nhỏ. Bản chính viết tay này, cho đến nay tôi vẫn còn giữ để làm kỷ niệm. Còn bản chép tay sạch sẽ thì đã nộp cho Thầy chấm điểm và Thầy đã để lại Thư Viện trường Đại Học Teikyo. Năm 2008 khi có dịp về lại thăm Đại Học này, luận văn của tôi được một vài trường Đại Học trong nước Nhật như Đại Học Iwaki Tandai cho in ra phổ biến cho sinh viên trong những bài giảng của các giáo sư. Đây là một niềm vui. Vì dấu sao đi nữa, tôi cũng chỉ là một người ngoại quốc ở xứ này, mà khả năng Nhật ngữ và Anh ngữ như vậy, mình cảm thấy không thẹn với lòng khi dốc tâm vào ngành giáo dục.

Thế mà sau này khi ra làm việc Đạo chẳng ứng dụng với cái nghề dạy học là mấy. Đây là cái nghề cao cả mà tôi đã có ý chọn từ đầu, khi bước chân vào Đại Học. Tuy vậy tinh thần của học đường, tinh thần tự tin, tự trọng và trách nhiệm của người Nhật tôi vẫn lồng vào để giới thiệu trong các buổi giảng cho các Tăng Ni sinh viên hay các Phật Tử đó đây trên khắp thế giới để họ có thể chọn ra một phần nào áp dụng vào trong cuộc sống. Được vậy thì quý hóa biết là dường nào.

Đại Học ở Nhật thường khai giảng vào tháng tư, giữa đó là nghỉ hè, nghỉ thu, nghỉ Tết và kết thúc Semester mùa Đông thường là tháng một hay tháng hai dương lịch. Trên thực tế một năm học 2 Semester, nhưng mỗi Semester trừ đi tính lại còn độ 3 tháng là cùng. Cái học ở Đại Học không giống như Trung Học. Đa phần theo chủ nghĩa tự do. Thầy giảng cứ giảng, sinh viên nghe hay không là chuyện riêng của mỗi người. Có nhiều sinh viên cả năm trời chỉ thấy xuất hiện có mấy buổi, rồi nghỉ luôn. Có thể cái học đối với họ không hứng thú mấy. Cuối năm 1976 cũng là năm chuẩn bị ra trường. Thầy trò vui vẻ tổ chức hết tiệc này đến tiệc nọ. Trường Đại Học Teikyo thuở đó có tổ chức đi Hakonei thật là vui. Phong cảnh vào mùa Thu ở Nhật đẹp tuyệt vời, ít có nơi nào trên thế giới được như vậy. Rồi đây mỗi người sẽ đi mỗi

ngã. Có người sẽ đi dạy học, có người sẽ thi vào ngành công chức và có người dự định học lên cao hơn.

Riêng tôi chọn học tiếp lên Cao Học, vì lẽ học 4 năm ở Đại Học giáo dục đủ rồi. Đây cũng là thời điểm báo ân cho Thầy trụ trì. Vì lẽ ở chùa Honryuji theo phái Nhật Liên Tông mà không đi học Đại Học này ở bậc Cao Học thì xem đâu có được. Tôi chỉ đoán ý của Thầy Oikawa thôi! Dĩ nhiên là tôi không có ý muốn trở thành Tăng Sĩ thực thụ của họ. Nếu muốn, cũng có thể được, nhưng điều ấy không xảy đến với tôi. Vì tôi hiểu rằng: Tương lai của tôi ở nơi khác, chứ không phải ở chốn này. Tôi thấy rằng: Làm người xuất gia mà còn vương bận gia đình thì đâu còn gọi là xuất gia nữa, mặc dầu đời sống vật chất của họ rất đầy đủ, nhưng để làm gì? Đó là câu hỏi mà mình cần phải trả lời dứt khoát với chính mình. Lúc ấy tôi và bà vợ Thầy trụ trì Oikawa có nhiều mẫu đối thoại vui vui. Xin viết lại đây để làm kỷ niệm.

- Ô! Tôi thấy mấy Thầy Việt Nam đẹp trai, học giỏi mà không lấy vợ uống quá !

- Đi tu gì mà còn có vợ con kỳ quá vậy?

Bà tiếp:

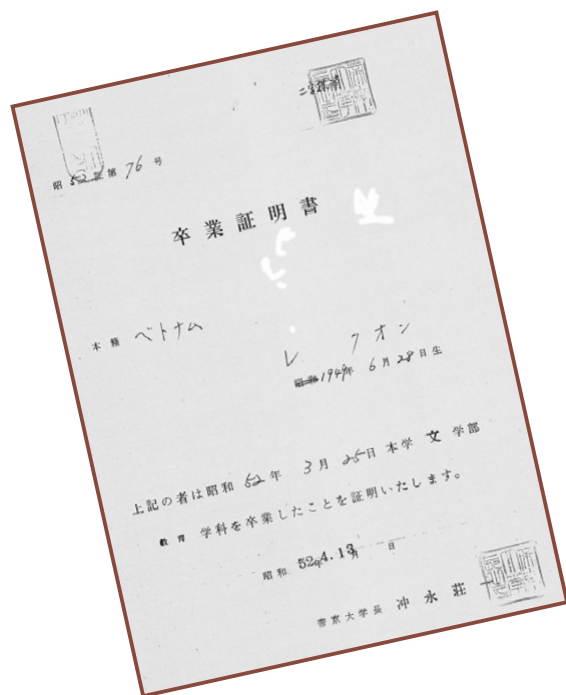
- Kể ra mấy ông mới kỳ chứ. Còn có gia đình mới là chuyện bình thường.

Những câu chuyện như thế thường xảy ra trong chùa này, nhưng tôi là khách Tăng cho nên không vượt qua khỏi giới hạn của mình, rồi dừng ngay tại đó. Dĩ nhiên là không có kết luận.

Tôi nhận được mẫu đơn ghi danh thi vào Cao Học của Đại Học Risso, phân khoa Phật Học. Tôi điền tất cả và lúc ấy tôi lấy tiếng Hán làm sinh ngữ chính và tiếng Pháp làm sinh ngữ phụ. Kể ra tôi cũng bạo gan thật. Vì lẽ chữ Hán theo kinh điển xưa cũng đâu có dễ. Nhưng bài thi vào Cao Học

năm ấy cũng hên là họ cho chấm câu về 5 thời giáo hóa của Đức Phật, theo cách phân định của Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư. Còn tiếng Pháp tôi không ngại, đã vượt qua một cách tự nhiên. Đầu năm 1977 chuẩn bị đi lãnh bằng tốt nghiệp và cũng lo thi vào Cao Học Đại Học Phật Giáo Risso nên cũng rất bận rộn. Đại Học này có các Hòa Thượng đi trước đã học và tốt nghiệp như: Hòa Thượng Thích Trí Quảng, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Thích Chơn Thành. Ngài Thánh Nghiêm người Đài Loan cũng đã tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Đại Học này vào năm 1975. Sau đó Ngài về lại Đài Loan rồi đi Mỹ và cuối cùng Ngài về Đài Loan để lập nên phái Pháp Cổ Sơn tại đó (xem thêm Thánh Nghiêm tự truyện).

Có một lần vào năm 1973, khi Thầy Trí Quảng còn ở Nhật, tôi nhớ mãi điều này. Thầy ấy và tôi vừa lên con dốc thật cao để đến nhà ông Quảng Phụng. Thầy Trí Quảng có

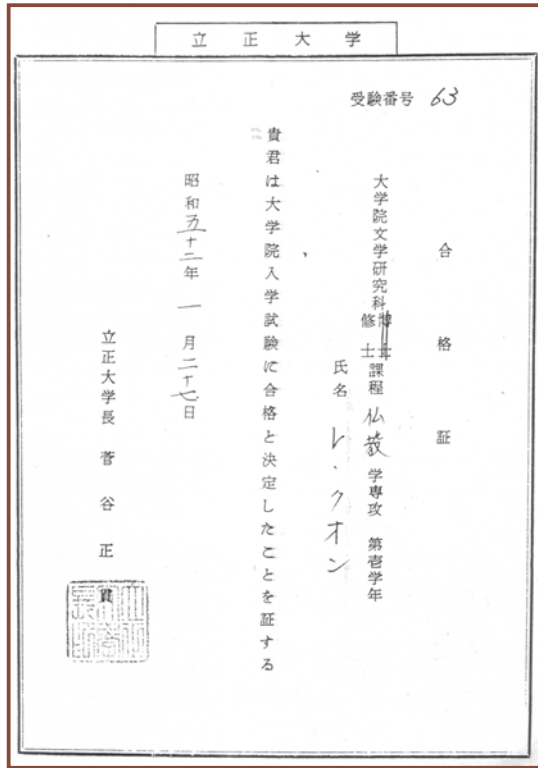


Bằng tốt nghiệp Đại Học Teikyo

đó tôi rằng: Đố Thầy Như Điển con đường dốc tiếng Nhật gọi là gì? Thuở đó tôi bí. Nếu tiếng Nhật tôi thuở ấy giỏi và đáp trúng thì đã có thưởng của Thầy rồi. Lúc về nhà mở tự điển ra tra mới biết là “sakamichi” tức là “con đường ngược, con đường dốc”. Khi Thầy còn du học tại Nhật, Thầy là người thanh thản nhất trong việc tu cũng như việc học. Thuở ấy có Sư Bà Vĩnh Bửu lo cho Thầy học phí. Còn bây giờ thì đã có nhiều người lo. Cho hay mỗi người trong chúng ta có một phước báu khác nhau như vậy. Nếu có duyên, Hòa Thượng Thích Trí Quảng đọc được những dòng chữ này thì Thầy sẽ nhớ lại “con đường ngược dốc” lúc lên nhà Đạo Hữu Quảng Phụng cách đây hơn 40 năm về trước.

Nói chung, chúng tôi chư Tăng Ni đi du học Nhật Bản từ thời xa xưa như: Hòa Thượng Thích Thiện Ân, Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, Hòa Thượng Thích Tâm Giác, Hòa Thượng Thích Mãn Giác, Hòa Thượng Thích Thiên Định, Hòa Thượng Thích Minh Lễ, Hòa Thượng Thích Trí Hiền, Ni Sư Thích Nữ Như Chánh v.v... (những vị này đã viên tịch), rồi đến Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Thích Trí Tâm, Hòa Thượng Thích Trí Quảng, Hòa Thượng Thích Trí Đức, Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Chơn Minh, Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, Hòa Thượng Thích Nguyên Đạt, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, tôi, Thầy An Thiên, Thầy Minh Tuấn v.v... chẳng có vị nào làm cho Giáo Hội phải phiền lòng cả, mà tất cả chúng tôi đã đem hết sức mình ra để phụng sự cho Đạo ở trong cũng như ngoài nước, được nhiều thành quả tốt đẹp như ngày hôm nay. Tất cả đều do công bồi dưỡng của Giáo Hội cho nhân tài Phật Giáo và nhờ nước Nhật mà chúng tôi mới được như vậy.

Chỉ có 4 vị ra đời, đó là Thầy Quảng Minh, Thầy Nguyên Hồng, Thầy Long Nguyệt và Thầy Như Tạng. Nhưng với học vị Cao Học hay Tiến Sĩ của những vị này cũng đã giúp cho chính họ hay gia đình họ và xa hơn là cho Đạo trên nhiều



Giấy chứng nhận hợp cách vào Cao Học Đại Học Risso

phương diện phát triển Đạo Phật khác nhau như: xuất bản sách báo, làm tự điển, dạy ngoại ngữ, dạy Phật học cho quần chúng v.v... Dĩ nhiên con đường của Đạo Phật nó không dừng ở đó mà vẫn được tiếp nối với thế hệ sau này như Thầy Nguyên Tâm, Thầy Giác Dũng cũng đã tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học tại quê hương xứ mặt trời mọc này và họ sẽ là những người tiếp tục cho tương lai Phật Giáo nói chung.

Lễ tốt nghiệp Đại Học của tôi chỉ có bà Akiyama đi dự. Ông bà là người bảo lãnh cho tôi. Lúc ấy ông đang làm việc tại Indonésia nên không có mặt. Tôi yêu cầu bà mặc Kimono trong ngày vui này. Tôi đã cùng với mấy ngàn sinh viên của nhiều phân khoa khác nhau của Đại Học Teikyo vào đầu năm 1977 ấy lưu giữ mãi lại kỷ niệm này nơi tâm mình.

Sau khi lãnh bằng tốt nghiệp xong vào một buổi sáng mai, tuyết bên ngoài vẫn còn rơi, thế mà người đưa thư hỏa tốc đã đến. Thầy trụ trì ký nhận thư và Thầy ấy reo lên: Thầy Như Điển đã “hợp cách” rồi! Hợp cách là tiếng Hán-Nhật. Có nghĩa là người đã thi đậu cái gì đó. Riêng tôi thì đậu vào Cao Học Phật Giáo của Đại Học Risso ở Gotanda.

Học phí năm đó Thầy Oikawa cho trọn vẹn để tôi đóng cho trường. Tôi có một tháng để đi nghỉ, thăm viếng bạn bè và để chuẩn bị cho học kỳ mới. Vì là năm đầu cho nên các nghiên cứu sinh làm quen với Thầy giáo để chọn môn học và nghe thuyết trình tổng quát cũng như chuẩn bị cho đề tài viết tiểu luận của mình. Tôi học ở đây một thời gian tự nhiên thấy không khí trong chùa thuở ấy khó chịu vô cùng, nên tôi muốn đi xa một chuyến để buông bỏ tất cả những phiền muộn của cuộc đời và của sự nghiên cứu tại Đại Học này. Dĩ nhiên là Thầy trụ trì và phu nhân không vui mấy, nhưng ý tôi đã quyết, nên ông bà đã chấp nhận cho sự ra đi của tôi.

Bác sĩ Văn Công Trâm vốn là bạn học cũ từ Tiểu Học và sau này khi đến Đức, Bác sĩ Trâm quy y với tôi, tôi cho pháp danh là Thị Minh. Nếu không có Trâm làm giấy bảo lãnh và nếu không có Passport đóng dấu 5 năm thuở ấy thì tôi khó mà nhận được Visa vào nước Đức. Đúng là phước báu tôi có nên mọi việc đều thuận chiều và ngày 22 tháng 4 năm 1977, chiếc máy bay Lufthansa đã mang tôi từ Haneda Tokyo đến Ancarachi rồi Hamburg, để từ đó đến nay (2012) hơn 35 năm rồi tôi có cơ duyên với Phật Tử Việt Nam tại Đức và phần còn lại của đời mình từ 1977 về sau này sẽ được viết nối tiếp bởi một cuốn sách khác.

Dẫu sao đi nữa với tôi, việc đầu tiên là tôi phải tạ ơn Tam Bảo, Cha Mẹ, Thầy Tổ, Huynh Đệ, bạn bè. Vì không có những ân tình sâu dày trong nhiều đời nhiều kiếp này thì tôi đã không hiện hữu được trên cõi đời này để có cơ hội báo đền những ân

sâu nghĩa trọng ấy. Đặc biệt với những người Đệ Tử xuất gia và tại gia của tôi cũng thế. Chính họ là nhân tố để tôi tiến thân và tôi cũng đã học hỏi được từ họ rất nhiều. Có nhiều bài học mà ta không thể dùng lời để thể hiện, chỉ cần nhìn vào đó, ta có thể học hỏi suốt cuộc đời cũng chưa hết nữa.

Cũng xin cảm ơn hai người đàn bà đặc biệt. Đó là Cô Bốn tại chùa Viên Giác ở Hội An và bà vợ Thầy trụ trì Oikawa chùa Honryuji ở Hachioji thuở nào. Nếu không có những sự kiện ngang trái tại chùa Viên Giác Hội An thuở nào thì tôi đã không có lý do và cơ hội để đi Sài Gòn. Nếu không đi Sài Gòn thì việc xuất dương ra ngoại quốc để học hành, chỉ là việc mơ tưởng. Nếu tôi không về lại Việt Nam năm 1974 để thăm quê hương thì đã không có một số sự kiện kéo dài tiếp theo sau đó và nếu Bà Oikawa là người Đàn Bà Nhật như tôi mong đợi thì tôi đã không có cơ hội để đi Đức và ở luôn tại đó cho đến ngày nay. Tất cả đoạn văn này đều mang chữ “nếu” đi đầu, nhưng tất cả những chữ “nếu” ấy đã cho tôi một cơ hội tiến thân vượt bậc. Vì nhờ họ và những nhân duyên thuận nghịch chồng chéo lên nhau mà tôi đã thành công và vượt lên tất cả. Điều này rất đúng với những gì mà Đức Phật đã dạy trong “Bảo Vương Tam-muội Niệm Phật Trực Chỉ”.

Giờ đây ngồi nghĩ lại việc đời và việc tu học. Ở tuổi 65 này đã trải qua gần 50 năm xuất gia học đạo, tôi mới thấy pháp duyên sanh của Đức Phật thuyết là tuyệt vời. Vì cái này có nên cái kia có. Cái này không nên cái kia không. Tất cả đều phụ thuộc lẫn nhau và tồn tại cũng như thay đổi với nhau, không một cái gì độc lập cả. Do vậy ta phải cảm ơn mọi người và mọi loài, nếu không có tất cả, ta sẽ là một khoảng trống thiếu ý nghĩa trong cuộc sống bình thường này.

Trên trời, dưới đất, bốn phía chung quanh tôi đều là ân nghĩa. Tôi không trách móc ai, ngược lại tôi phải cảm ơn họ. Vì nếu không có họ thì sự hiện hữu của mình trên cõi đời

này đâu có giá trị gì. Nhờ tất cả mà mình được trưởng thành, được sống trong sự hiểu biết, có tình thương đồng loại bên mình, có được sự hiểu biết và nhận định rõ ràng để tiến tu đạo nghiệp. Trong tâm tôi giờ đây rất thanh thản vì đã làm được những gì mình muốn làm, đã viết được những gì mình muốn viết, đã nói được những gì mình muốn nói và cũng đã nghe được những gì mình muốn nghe. Tập hồi ký này viết chung với Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Phương Trưởng chùa Pháp Bảo (Sydney, Úc Châu), đã khép lại một quãng đời thơ ấu và thanh niên của riêng tôi, trong khi tôi vẫn còn minh mẫn.

Tuổi đời sẽ chông chất, ngày tháng sẽ qua đi, chẳng biết rồi mai đây sẽ còn chi nữa, nhưng những trang giấy trắng mực xanh này là bằng chứng hiện hữu của mình tại núi đồi Đa Bảo vùng Blue Mountains Úc Châu này đã cưu mang Thầy trò chúng tôi suốt trong 10 năm qua. Xin vô vàn đa tạ.

Lời cuối

Người xưa thường nói “thư trung hữu ngọc” nghĩa là trong sách có của quý. Của quý hay ngọc ngà châu báu ấy là lời dạy của Thánh Hiền. Khi ta đọc sách, nếu cố gắng tìm tòi, sau khi xếp sách lại, ta sẽ nhận được một điều gì đó mới lạ để học hỏi, để sửa mình. Mới đây tôi có đọc quyển Kim Các Tự của tác giả Kimura. Quyển sách dày hơn 600 trang ấy, riêng tôi lấy ra được hai điều. Việc thứ nhất tác giả cho rằng: Không phải những hành động có thể làm thay đổi thế giới mà những ý tưởng của con người mới có thể khiến thế giới thay đổi được. Việc thứ hai, chuyện bình thường thôi, nhưng ông ta đã phát hiện về pháp duyên sanh trong Phật Giáo. Đó là: Khi xe di chuyển thì con người ngồi yên và khi xe dừng lại thì con người di chuyển.

Khi đọc Gandhi tự truyện hay Thánh Nghiêm tự truyện hoặc Trí Quang tự truyện v.v... tôi cũng đã nhận chân rất nhiều điều hay. Ví dụ như Thánh Gandhi nói rằng: “Thực phẩm trên thế gian này không bao giờ thiếu, chỉ có lòng tham của con người không bao giờ đủ mà thôi.” Chỉ một câu danh ngôn này chúng ta có thể học hỏi và nghiền ngẫm suốt cả một cuộc đời cũng chưa xong. Đây là những điểm hay cần phải học, cho nên tôi phải lặp lại lần thứ hai.

Khi đọc Thánh Nghiêm tự truyện, tôi cảm phục cho cái nhẫn nhục của người xưa. Ví dụ như sau khi đậu Tiến Sĩ Phật Học tại Đại Học Risso ở Nhật Bản rồi, Ngài qua New York ở chùa Đông Sơ Thiên Tự, nhưng đã bị Ban Hộ Tự xem Ngài không ra gì, Ngài bỏ chùa ra đi làm kẻ không nhà, ăn uống, ngủ, nghỉ đều dưới gầm cầu xe lửa, trải qua 6 tháng như vậy, Ngài mới trở lại chùa. Những bậc Thánh khi thực

hiện một điều gì thường khác người phạm. Trong khi người phạm muốn làm Thánh lại đi ngược với những điều trên.

Bây giờ tôi thấy nhiều người khi đọc sách ít chọn điều hay trong sách, mà cứ tìm tòi moi móc những lỗi nhỏ trong sách rồi đưa lên báo chí Internet để phê bình chỉ trích, nhằm chứng tỏ ta là người hiểu biết, rành rẽ thật nhiều, nhưng thật ra ý chính của tác giả của quyển sách thì người đọc không nắm bắt được. Thật là đáng tiếc. Người yêu sách, quý sách dĩ nhiên là có rất nhiều trên thế gian này, nhưng xin đừng quan tâm đến những người thiếu thiện chí như trường hợp trên, khiến chúng ta dễ bị thiếu thốn những sách hay mà các tác giả muốn cống hiến cho bạn đọc. Nếu như vậy thì quả là điều mất mát to lớn vô cùng cho kho tàng văn hóa của chúng ta.

Từ năm 2003 đến cuối năm 2012 bước sang năm 2013, đúng 10 năm như lời ước nguyện của tôi là sau khi trở về ngôi Phương Trượng chùa Viên Giác tại Hannover, Đức quốc, mỗi năm tôi sẽ dành ra 3 tháng vào mùa Đông để sang Á Châu và Úc Châu tịnh tu, nhập thất, hành trì, dịch kinh, viết sách v.v... Và quả thật ước nguyện này năm nay đã thành tựu viên mãn. Tôi trở lại Đức và trong thời gian tới sẽ ở tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg thuộc miền Nam nước Đức nhiều hơn là chùa Viên Giác tại Hannover. Trong những năm tới tôi chỉ về Viên Giác trong những mùa An Cư Kiết Hạ để lễ lạy cho xong bộ kinh Đại Bát Niết Bàn, rồi thì tôi cũng sẽ ở lại lâu hơn tại Viên Đức. Kinh này gồm 2 quyển, mỗi quyển khoảng 700 trang. Chúng tôi đã lạy hết quyển một và quyển hai đã lạy được 300 trang. Còn hơn 300 trang nữa là tôi sẽ hoàn nguyện của mình. Chắc cũng còn chừng 5 năm nữa mới xong. Lúc ấy gần 70 tuổi rồi. Tôi sẽ chọn pháp môn niệm Phật miên mật cho đời mình vậy. Ngoài ra những lễ lớn như: Tết Nguyên Đán, Rằm Tháng Giêng, Phật Đản, Vu Lan và những khóa tu, tôi cũng sẽ có mặt tại chùa Viên Giác. Vì đây

là chùa Tổ và Phật Tử lui tới nhiều năm rồi, nên tôi không thể bỏ họ trong những cơ hội về chùa như thế được.

Về Á Châu chủ yếu là Thái Lan và Ấn Độ. Đến Thái Lan ghé thăm Cực Lạc Cảnh Giới tự tại Chiangmai độ một tuần lễ rồi sang Ấn Độ. Đến Ấn Độ tôi thường ở tại Trung Tâm Tu Học Viên Giác Bồ Đề Đạo Tràng. Ở đó tôi hay làm những việc như bố thí cho người nghèo, thăm viếng và phát học bổng cho Tăng Ni sinh viên Việt Nam đang du học tại Ấn Độ, cúng dường Trai Tăng và tu học cho chính mình ngay dưới cội Bồ Đề, nơi Đức Phật thành đạo cách đây 2.556 năm về trước. Đồng thời tôi cũng thăm viếng quý Thầy đang trông coi Trung Tâm và những người Ấn Độ đang giúp việc tại đó. Công việc ở Ấn Độ xong rồi, tôi lại lấy máy bay đi sang Sydney.

Phải thành thật nói rằng Thầy trò chúng tôi đã có những ngày tháng an lạc trên núi đồi Đa Bảo vùng Campbelltown suốt 8 năm qua và 2 năm gần đây dời về vùng Blue Mountains, vùng núi đồi với sương mù và gió lộng này. Cảnh trí ở đây thật tuyệt vời và thiên nhiên vẫn còn trong lành. Mặc cho thế sự bên ngoài thăng trầm như thế nào đi nữa, khi vào vùng này, xem như mọi việc đã gác qua một bên rồi. Ngày xưa tôi không biết người ta vào núi tu tiên như thế nào, chứ bản thân tôi suốt hơn 2 tháng ở trên núi đồi này giống như những áng phù vân lơ lửng giữa không trung và không còn nghĩ ngợi gì nhiều với những vấn đề đang xảy ra chung quanh mình nữa.

Công việc của tôi hằng ngày là sáng thức dậy vào lúc 5 giờ 20, sau đó làm vệ sinh cá nhân. Đến 5 giờ 45 là giờ ngồi thiền và đúng 6 giờ là thời kinh Lăng Nghiêm bắt đầu. Sau thời kinh, nghỉ ngơi một chút rồi dùng điểm tâm. Đúng 8 giờ 30 tôi bắt đầu ngồi vào bàn viết. Viết mãi cho đến 9 giờ rưỡi, sau đó tiếp tục viết cho đến 11 giờ 45 phút. Dùng trưa đúng 12 giờ và sau khi dùng trưa, tôi nghỉ trưa đến 2 giờ chiều và

2 giờ rưỡi bắt đầu cho công việc buổi chiều. Tôi viết cho đến 4 giờ thì nghỉ cho đến 4 giờ rưỡi. Từ 4 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi là giờ xem và sửa lại những gì đã viết trong ngày. Tiếp đó đi tưới hoa và cây cỏ chung quanh Tu Viện. Giờ cơm tối là 6 giờ chiều. Đúng 7 giờ 30 phút tôi đến trước bàn Phật để tịnh tọa và niệm 10 tràng hạt 108, tiếp đến trì một biến kinh Kim Cang. Sau cùng là hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Đến 9 giờ 30 phút tối lên giường, nghỉ cho đến sáng hôm sau. Đó là thời gian một ngày của tôi.

Mỗi chủ nhật là ngày nghỉ và nhiều khi giữa tuần có một buổi chiều thứ tư đi thăm những phong cảnh chung quanh Tu Viện của vùng núi đồi Blue Mountains này.

Sống như thế mà an lạc, làm được rất nhiều việc và tự chiêm nghiệm lấy mình khi mà mình cần nhìn sâu vào nội tâm nhiều hơn nữa. Cuối cùng rồi chẳng có gì để phải bận tâm và vướng mắc. Vì tất cả, cuối cùng cũng chỉ là một cái không to tướng mà thôi.

Đây là quyển sách mà tôi và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, bào huynh của tôi, viết chung thành một tập hồi ký để lưu dấu lại những ngày xa xưa cũ. Nếu để lâu sau này, chưa chắc gì, chúng tôi sẽ còn viết được như thế này. Vì năm nay Hòa Thượng Thích Bảo Lạc đã 72 tuổi và tôi cũng đã 65 tuổi rồi. Cái tuổi mà người xưa thường nói: 60 tuổi trở lên chỉ tính từng năm, 70 tuổi trở lên chỉ tính từng tháng và 80 tuổi trở lên chỉ tính từng ngày. Vậy có được mỗi ngày, mỗi tháng hay mỗi năm để sống, để viết, để trao truyền lại những gì đã đi qua trong đời mình lại cho thế hệ đi sau, quả là điều nên làm biết bao nhiêu. Nếu không được như vậy quả là một sự mất mát không gì có thể sánh được.

Năm 2003 tôi đã bắt đầu dịch tác phẩm Đại Đường Tây Vực Ký từ chữ Hán sang tiếng Việt. Đây là tác phẩm thứ 39

của tôi và nay sau 10 năm như thế, tôi đã cho xuất bản đến tác phẩm thứ 61 này. Như vậy trong 10 năm ấy tôi đã cho ra đời 22 tác phẩm. Trung bình mỗi năm 2 tác phẩm. Đó là những tác phẩm được viết hay dịch của tôi trong mùa An Cư Kiết Hạ mỗi năm 3 tháng tại chùa Viên Giác Hannover từ sau rằm tháng tư đến rằm tháng bảy. Trên thực tế, ở thất Đa Bảo này tôi đã hoàn thành 10 tác phẩm bằng những ngôn ngữ như sau:

- Từ Hán văn dịch ra Việt văn: *Đại Đường Tây Vực Ký, Đại Thừa Tập Bồ Tát học luận.*
- Từ chữ Nhật dịch ra tiếng Việt gồm: *Thiên Lâm Tế Nhật Bản, Tịnh Độ tông Nhật Bản, Tào Động Tông Nhật Bản, Nhật Liên Tông Nhật Bản và Chơn Ngôn Tông Nhật Bản.*
- Từ tiếng Anh dịch ra tiếng Việt và dịch chung với Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: *Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ.*
- Từ tiếng Đức dịch ra tiếng Việt: *Những bản văn Căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản.*
- Tiếng Việt hoàn toàn là tập Hội Ký này, viết chung với Hòa Thượng Thích Bảo Lạc.

Trong 10 tác phẩm ấy có 4 loại là ngoại ngữ và một là tiếng Mẹ đẻ hoàn toàn. Hy vọng đây là những đóng góp nhỏ nhoi của chúng tôi cho văn hóa Phật Giáo nước nhà và cho những ai muốn tìm hiểu Phật Pháp.

Chư Phật đã huyền ký rằng: Trong tương lai Phật cũng không còn ở đời, chư Tăng Ni và chùa viện cũng không còn tồn tại nữa. Chỉ có Pháp là duy nhất còn lại trên cõi đời này. Vậy việc dịch thuật, chú thích kinh điển hay in ấn tống cúng dường để Pháp này được lưu hành quả là điều quý hóa biết dường bao!

Trong kinh Kim Cang Đức Phật cũng dạy rằng: Nếu có người giàu có đem bảy thứ báu như vàng, bạc, pha lê, xa cừ, trân châu, mã não, lưu ly nhiều như cát sông Hằng đem ra bố thí trong vô lượng vô biên ức kiếp, công đức của người này vẫn chưa bằng công đức của những người hiểu và trì kinh Kim Cang chỉ 4 câu kệ thôi. Đây chính là điều cốt lõi của Pháp. Do đó Pháp vô cùng quan trọng. Nếu chúng ta biết cúng dường Pháp tức là biết cúng dường Phật. Biết cúng dường Phật tức là biết cúng dường Pháp. Do vậy Phật dạy rằng: “Ai hiểu Pháp người ấy sẽ hiểu Phật, ai hiểu Phật người ấy sẽ hiểu Pháp” là vậy. Trong mọi sự cúng dường, cúng dường Pháp là tối thượng hơn hết.

Ngày 22 tháng 10 năm 2012, tôi rời khỏi Đức cùng phái đoàn 50 người đến Chiangmai và ở lại tu học cũng như khánh thành 3 Tôn Tượng Tây Phương Tam Thánh, cũng như gặp gỡ bà con trong gia đình lần thứ hai. Đến ngày 29, Phái đoàn chúng tôi sang Nhật, gặp thêm 35 người nữa từ Hoa Kỳ, Canada và Âu Châu đến. Phái đoàn bây giờ nâng tổng số lên 85 người. Chúng tôi đi hành hương trên 2 xe Bus để đến Nara, Kyoto, Fuchu, Hiroshima, Tokyo, Kamakura và đặc biệt là dự Lễ Khánh Thành Chùa Việt Nam nơi Hòa Thượng Thích Minh Tuyên trụ trì vào ngày 4 tháng 11 năm 2012 vừa rồi. Ngày 5 chúng tôi đi Ấn Độ và ở lại Ấn Độ đến ngày 12 thì sang Sydney. Tất cả phái đoàn 85 người chia tay nhau ở phi trường Narita và Bangkok, duy chỉ một mình tôi là độc lộ trường thiên, vẫn còn đi mãi cho đến ngày 15 tháng 11 thì có mặt tại Adelaide để tham dự Lễ Hiệp Kỳ Chư Lịch Đại Tổ Sư tại chùa Pháp Hoa kỳ 6, Lễ Khánh thành Bảo Tháp Tam Bảo và kỷ niệm 30 năm thành lập chùa Pháp Hoa. Đặc biệt kỳ này có tổ chức lễ Thượng thọ Bát tuần cho Hòa Thượng Thích Như Huệ.

Ngày 19 tháng 11 tôi về lại Sydney và ngày 20 tháng 11 lên núi Đa Bảo.

Ngày 21 và 22 tháng 11 năm 2012 vừa qua tôi ổn định lại chỗ ở, chỗ làm việc cũng như viết bài và Thư Tòa Soạn cho báo Viên Giác số tháng 12. Sáng ngày 23 tháng 11 tôi bắt đầu viết tập Hồi Ký này. Mỗi ngày viết trung bình 15 trang viết tay. Mỗi trang 38 dòng và cho đến hôm nay ngày 8 tháng 12 năm 2012, tôi viết lời cuối này chấm dứt ở trang số 200. Như vậy tổng cộng chỉ trong vòng 15 ngày tôi đã viết xong phần của mình.

Khi viết Hồi Ký này tôi không phân chia trước thành chương hay đề tài như viết tiểu thuyết, chỉ cố gắng viết thật là chân thật từ tuổi thơ đến lúc đi xuất gia học đạo tại Hội An, rồi Sài Gòn và Nhật Bản. Thế mà cũng đã chia thành 11 chương rõ rệt. Đó là chưa kể Lời Cuối. Nếu đánh máy và dàn trang thành A5, chắc phần tôi cũng trên 200 trang. Riêng phần Hòa Thượng Bảo Lạc có lẽ ít hơn, nhưng đây là tất cả những tấm lòng của chúng tôi muốn trao lại cho người sau. Nếu quý Phật Tử hay Đệ Tử xuất gia và tại gia đọc được những đoạn đường của chúng tôi, có thể lấy đó mà chiêm nghiệm cho đời mình, thì đó cũng là điều quý hóa rồi. Nếu chẳng may có bị đụng chạm một cá nhân nào đó thì tôi xin sám hối. Vì đó là lỗi sơ sót của mình, chứ không phải của người khác. Riêng những nhân vật trong sách này từ Tăng sĩ cho đến cư sĩ đều là những người thật, việc thật, nhưng nếu chẳng may tôi nhắc lại còn sót trong vô tình thì cũng xin quý vị niệm tình hoan hỷ. Điều ấy chứng tỏ rằng trí óc của tôi đã bắt đầu đi vào chỗ quên lãng rồi.

Sau khi hoàn thành bản thảo này, chú Sanh thư ký văn phòng chùa Viên Giác đánh máy trong nhiều ngày, sau đó tôi đọc lại một lần nữa để sửa ý và lời. Cuối cùng sẽ nhờ Đạo hữu Nguyên Trí Phù Vân, Chủ bút báo Viên Giác, xem lại lỗi chính tả lần cuối trước khi đem in. Ngoài ra anh Như Thân làm công việc layout, Thầy Hạnh Bốn lo vấn đề sắp đặt để in ấn tại Đài Loan, cố làm sao cho hoàn chỉnh, tốt đẹp cũng là

những công đức cần niệm ân đến. Khi đọc sách, nếu nội dung lôi cuốn mà bìa sách không đẹp thì cũng khó lòng mà làm cho hài lòng người đọc được. Do vậy tôi sẽ nhờ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng nhờ Phật Tử trình bày bìa sách cho kỳ này, nhằm làm tăng giá trị của quyển sách hơn lên.

Trong sách này có trích đăng 3 bài thơ của Thầy Như Thế Phan Thế Tập, Hiệu trưởng Trường Tiểu Học, Phật Tử Thị Nghĩa Trần Văn Nhơn (Trần Trung Đạo) và đặc biệt là bài thơ của Thầy Lâm Như Tạng. Tuy là thơ mới làm đây, nhưng ý thơ thuộc về 40 năm về trước. Xin niệm ân tất cả quý vị đã được nêu tên trên.

Và điều vô cùng quan trọng là xin cảm ơn những người đã đọc tác phẩm này.

Xin cầu nguyện cho thế giới hòa bình và nhân sinh an lạc.

Cùng một tác giả

1	Truyện cổ Việt Nam 1 & 2	Nhật ngữ	1974, 1975
2	Giọt mưa đầu hạ	Việt ngữ	1979
3	Ngõ ngang	Việt ngữ	1980
4	Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975	Việt & Đức ngữ	1982
5	Cuộc đời người Tăng sĩ	Việt & Đức ngữ	1983
6	Lễ nhạc Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1984
7	Tinh đời nghĩa đạo	Việt ngữ	1985
8	Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1985
9	Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc	Việt & Đức ngữ	1986
10	Đường không biên giới	Việt & Đức ngữ	1987
11	Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức	Việt & Đức ngữ	1988
12	Lòng từ Đức Phật	Việt ngữ	1989
13	Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II, III	dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ	90, 91, 92
14	Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc	Việt, Anh, Đức ngữ	1993
15	Giữa chốn cung vàng	Việt ngữ	1994
16	Chùa Viên Giác	Việt ngữ	1994
17	Chùa Viên Giác	Đức ngữ	1995
18	Vụ án một người tu	Việt ngữ	1995
19	Chùa Quan Âm (Canada)	Việt ngữ	1996
20	Phật Giáo và con người	Việt & Đức ngữ	1996

21	Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9	Việt & Đức ngữ	1997
22	Theo dấu chân xưa * (Hành hương Trung quốc I)	Việt ngữ	1998
23	Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1998
24	Tiếp kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma	Việt & Đức ngữ	1999
25	Vọng cố nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II)	Việt ngữ	1999
26	Có và Không	Việt & Đức ngữ	2000
27	Kinh Đại Bi * (dịch từ Hán văn ra Việt văn)	Việt & Đức ngữ	2001
28	Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2001
29	Bhutan có gì lạ?	Việt ngữ	2001
30	Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2002
31	Cảm tạ xứ Đức	Việt & Đức ngữ	2002
32	Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003, 2004)	Việt ngữ	2003
33	Bốn Sự kinh	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2003
34	Những đoản văn viết trong 25 năm qua	Việt & Đức ngữ	2003
35	Phát Bồ Đề Tâm kinh luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
36	Đại Đường Tây Vực Ký	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
37	Làm thế nào để trở thành một người tốt	Việt ngữ	2004
38	Dưới cội bồ đề	Việt ngữ	2005
39	Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005

40	Bồ Đề Tư Lương luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005
41	Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
42	Giai nhân và Hòa Thượng	Việt ngữ	2006
43	Thiên Lâm Tế Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2006
44	Luận về con đường giải thoát	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
45	Luận về bốn chân lý	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2007
46	Tịnh Độ tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2007
47	Tào Động tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2008
48	Phật Giáo và khoa học	Việt ngữ	2008
49	Pháp ngữ	Việt ngữ	2008
50	Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
51	Nhật Liên tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
52	Chân Ngôn tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2010
53	Chết an lạc, tái sanh hoan hỉ	Dịch chung với T.T. Nguyễn Tang từ Anh ngữ sang Việt Ngữ	2011
54	Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng	Việt Ngữ	2011
55	Tư tưởng Tịnh Độ Tông	Việt ngữ	2012
56	Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản	Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ	2012
57	Dưới bóng đa chùa Viên Giác	Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo	2012

58	Diệu Pháp Liên Hoa kinh / Văn cú	Dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt	2013
59	Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thơ)	Việt ngữ viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc	2013
60	Hiện tượng của tử sinh	Việt ngữ	2014
61	Nhật Bản trong lòng tôi	Việt ngữ	2015
62	Nước Úc trong tâm tôi	Việt ngữ	2016
63	Nước Mỹ bao lần đi và đến	Việt ngữ	2017
64	Thiên quán về Sống và Chết	Dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ với TT. Thích Nguyên Tạng	2017
65	Mối to vương của Huyền Trần Công Chúa	Việt ngữ	2018
66	Phật Giáo Việt Nam tại Âu Châu	Việt ngữ (sắp xuất bản)	2019

Giới thiệu sơ lược các tác giả

Hòa Thượng Thích Bảo Lạc

- ❖ 1942 thọ sanh năm Nhâm Ngọ
- ❖ Chánh quán Duy Xuyên, Quảng Nam VN
- ❖ Trú quán Saigon - Tokyo - Sydney
- ❖ 1957 Xuất gia tại chùa Linh Ứng - Ngũ Hành Sơn
- ❖ 1964 Thọ Tỳ Kheo tại Việt Nam Quốc Tự - Saigon
- ❖ 1974 Du học Nhật Bản - Tokyo
- ❖ 1981 Định cư tại Sydney, Úc
- ❖ 1983 Được tấn phong giáo phẩm Thượng Tọa tại đại giới đàn Thiện Hòa PHVQT, Hoa Kỳ
- ❖ 1992 Giáo thọ A Xà Lê giới đàn Đại Nguyên, Marseille - Pháp
- ❖ 1994 Giáo thọ A Xà Lê đại giới đàn Hương Tích Làng Mai - Pháp
- ❖ 1996 Giáo thọ A Xà Lê đại giới đàn Nền Ngọc Làng Mai - Pháp
- ❖ 2003 Được tấn phong giáo phẩm Hòa Thượng, chùa Pháp Quang - QLD - Úc
- ❖ 2008 Tuyên Luật Sư đại giới đàn Pháp Chuyên chùa Viên Giác, Đức Quốc
- ❖ 2012 Giáo thọ A Xà Lê đại giới đàn Khánh Anh - Pháp
- ❖ 2015 đến nay (2019) Hội Chủ GHPGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan.

Hòa Thượng Thích Như Điển

- ❖ Thế danh: Lê Cường. Pháp tự: Giải Minh. Pháp hiệu: Trí Tâm
- ❖ Sinh: 28.06.1949 tại Xuyên Mỹ, Duy Xuyên, Quảng Nam.
- ❖ Học lực: Cử nhân giáo dục và Cao học Phật giáo tại Nhật Bản.
- ❖ Xuất gia năm 1964 tại Tổ Đình Phước Lâm, Hội An.
- ❖ Năm 1971: Thọ Tỳ Kheo giới tại giới đàn Tu Viện Quảng Đức, Thủ Đức.
- ❖ Năm 1972: Du học Nhật Bản.
- ❖ Năm 1977: Đến Đức vào với Visa du lịch; nhưng sau đó xin tỵ nạn tại Đức và ở Đức từ đó cho đến nay.
- ❖ Tháng 4 năm 1978 thành lập Niệm Phật Đường Viên Giác và sau đó trở thành Chùa Viên Giác tại Hannover.
- ❖ Từ năm 1978, 1979: Sáng lập Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc, thành lập Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức.
- ❖ Năm 1988 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Thượng Tọa tại giới đàn Đại Nguyên chùa Pháp Hoa Marseille, Pháp quốc.
- ❖ Ngày 28.6.2008 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn Pháp Chuyên tại chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.
- ❖ Ngày 8 tháng 7 năm 2011 tại Colombo thủ đô nước Tích Lan, Hội Đồng Tăng Già Tích Lan đã trao giải thưởng cao quý cho HT Thích Như Điển và HT Thích Minh Tâm.
- ❖ Đề Nhị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu nhiệm kỳ 2015-2020.
- ❖ Phó Chủ Tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council - WBSC).
- ❖ Sáng tác gần 70 tác phẩm và dịch phẩm từ các tiếng Việt, Anh, Hán, Nhật và Đức ngữ.

Chùa Viên Giác

Karlsruher Strasse 6

30519 Hannover - GERMANY

Tel: 0511 - 879630 - Fax: 0511- 8790963

Homepage: <http://www.viengiac.de>

Email: info@viengiac.de

Chùa Pháp Bảo

148-154 Edensora Rd

ST JOHNS PARK, NSW 2176

Tel: 02-96105452

Homepage: www.phatgiaouchau.com

Email: phapbao@bigpond.net.au



Xa mẹ năm tôi lên mười lăm tuổi vào chùa tu (1957), cái tuổi đã trưởng thành không còn vụng dại lắm. Nhưng lần đầu tiên xa mái ấm gia đình, xa tình thương yêu nồng ấm của mẹ hiền, như len lỏi khắp trong châu thân của đứa con trai dù mang chí nguyện phát túc siêu phượng, tâm hình dị tục - bước đi ngoài muôn dặm, thân tâm khác người thể tục, tôi có lúc cũng mũi lòng thương nhớ mẹ da diết.

Mẹ tôi cũng như bao bà mẹ Việt Nam khác, tận tụy trong thiên chức người mẹ, tần tảo săn sóc chồng, con; trông nom nếp sống gia đình trong ngoài chu toàn mọi việc. Gia đình tôi tạm được gọi là

hạng trung lưu, nên không thuộc bản nông như nhiều người khác trong làng. Nhưng vì đông con, gia đình tôi gồm 8 anh chị em, thêm cha mẹ nữa là trọn một chục chẵn, nên mẹ có phần vất vả, nếu nói cho đúng nghĩa là bà lam lũ, quần quật trong công việc suốt ngày, thấy mà thương vô cùng!... ..

Hòa thượng Thích Bảo Lạc

Phương trưởng chùa Pháp Bảo, Australia

Đương kim Hội Chủ Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan

Cha tôi sắm cho tôi một bình mực và một cây bút rồng (rond), một quyển tập và dẫn tôi đến trường. Hôm ấy là một buổi sáng mai mùa thu năm 1956. Thầy giáo dáng người thấp, tóc hớt ngắn gọn, tuổi độ 18, 20. Ông tên là Trịnh Đức Hoàng. Những ngày đầu ông ta nói gì chúng tôi không rõ, mặc dầu đều là tiếng Quảng Nam. Thầy người xã An Bình vào đây dạy học. Thuở ấy tôi chẳng biết ai trả lương cho Thầy, nhưng chúng tôi thì chỉ có bẻ chăm lo học tập. Đầu tiên Thầy viết lên bảng mấy chữ cái: a, b, c, d, đ rồi bắt chúng tôi lặp lại. Sau đó tập viết và tập học thuộc lòng. Những ngày đầu lữ trẻ chúng tôi chỉ thích chơi và ít ham học, cho nên Thầy cho về sớm và ngày 2 buổi chúng tôi vẫn cắp



sách đến trường như vậy, bất kể là mưa nắng. Ngày trời mưa Mẹ tôi cho tôi một cái tờ chăm bằng lá núi để đi học. Cái tờ có 2 cánh tay xô vào và ở xa trông như một con gà con mới vừa mọc cánh; nhưng rất ấm; nếu có gió lạnh từ phương xa thổi đến. Sau này mới có áo mưa làm bằng nylon, chứ ngày ấy bọn học trò chúng tôi toàn mang những chiếc áo tờ được chăm bằng lá rừng ấy... ..

Hòa thượng Thích Như Điển

Phương trưởng Chùa Viên Giác, Hannover, Đức quốc

Đương kim Phó Chủ Tịch HĐ Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council - WBC)

Đương kim Đệ Nhị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu



NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI
UNITED BUDDHIST PUBLISHER - USA



9 781091 700161